

**GIÁO TRÌNH
KINH HOA NGHIÊM**

**GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM
HỌC VIỆN PHẬT GIÁO VIỆT NAM TẠI HÀ NỘI**



Biên soạn: TT. THÍCH TRÍ HẢI

**GIÁO TRÌNH
KINH HOA NGHIÊM**

(Tái bản lần thứ nhất)

NHÀ XUẤT BẢN TÔN GIÁO - 2018

GIÁO TRÌNH
KINH HOA NGHIÊM

THAY LỜI TỰA¹

Kinh Hoa Nghiêm tiếng Phạn là Avatamsaka Sutra, Đức Phật chỉ cho chúng sinh thấu rõ cội nguồn của xum la vạn tượng do mê thức vọng tưởng nghiệp duyên hình thành, các pháp hiện hành trong vũ trụ là huyễn hóa. Tất cả vạn pháp trong pháp giới đều từ tâm sinh. Tâm trùm khắp cả pháp giới. Tất cả vạn hữu vũ trụ có thể nằm gọn trong hạt cải. Hạt cải có thể thấu nhiếp tất cả vũ trụ vạn pháp. Thể tánh của Tâm nhiếp thấu tất cả. Tất cả là một, một là tất cả. Đó là bản tánh vô ngại của Tâm. Bản tánh chân tâm suốt thấu vạn pháp hữu tình và vô tình; lấy toàn thể pháp giới tánh làm lượng; lấy xứng tánh bất tư nghì vô ngại giải thoát làm thể. Đó là ý nghĩa căn bản, chủ yếu của Kinh Hoa Nghiêm.

Bởi thế, nếu Kinh Đại Bát Nhã tiêu biểu cho tư tưởng Phật Pháp đại thừa về lý chân không vô ngại, thì Kinh Hoa Nghiêm đại biểu cho tư tưởng Phật Pháp đại thừa về lý hữu hóa duyên sanh của vạn pháp. Ngoài ra Kinh Hoa Nghiêm còn là một thông điệp, một bài học phong phú sinh động muôn đời, trao gửi cho hành giả có tâm hướng thượng đại thừa, tu là cần phải học, phải hành qua hình ảnh Thiện Tài đồng tử tham bái cầu học đạo với năm mươi ba vị thiện tri thức, là bằng chứng cho ta thấy rằng tu học đạo bồ đề điều tiên quyết cần phải khắc phục nội tâm cống cao ngã mạn, dục vọng loạn tưởng; ngoài thân khiêm cung cầu tiến hành trì phương pháp Hoa Nghiêm tuyệt đỉnh, tìm chân sư liễu ngộ mới mong hiển lộ được Phật tánh của mình.

¹ Trích lời tựa kinh Hoa Nghiêm của Viện Phật Học Quốc Tế.

Nghiên tầm ý nghĩa của Kinh Hoa Nghiêm là khai mở quang lộ trở về bản tánh chân tâm thanh tịnh sáng suốt thường nhiên; là biết được tự thể của các pháp hiện hành trong thế giới vũ trụ; là thấu suốt cội nguồn sanh sanh hóa hóa của hữu tình và vô tình chúng sanh; là quán chiếu bí yếu mật nghĩa viên dung tương quan của tâm và cảnh, để rời từ đó có thể thống triệt lý viên dung vô ngại chủ và khách của vạn pháp, hiện hành sanh hóa, tương duyên tương nhân quả, tương sanh tương diệt. Tất cả vạn pháp toàn triệt ảnh hiện trên đài gương chân như thể tánh.

Thế nên, thọ trì Kinh Hoa Nghiêm là bước vào cửa phương tiện cầu tu học đạo, là nhân tố đặc thù hy hữu ly vọng hoàn chơn. Bởi công đức đặc thù nhiệm mầu vi diệu của Kinh Hoa Nghiêm như thế, nên người có thiện duyên thấy Kinh Hoa Nghiêm mà biết phát tâm thành kính tin sâu, thì như chính mình được thấy Phật. Người thành tâm đọc Kinh Hoa Nghiêm như trực tiếp nghe Phật khai thị. Người chí thành phụng thờ Kinh Hoa Nghiêm như chính mình trực tiếp phụng thờ Phật. Người phát tâm Bồ Đề ấn tống Kinh Hoa Nghiêm có công đức như được cúng dường Phật, như được thỉnh Phật trụ thế chuyển pháp luân, như được dự vào sự nghiệp hoằng pháp lợi sanh của chư Phật. Kinh Hoa Nghiêm cao sâu, nhiệm mầu vi diệu như thế, nên những ai thành kính thọ trì kinh này, thì phải biết rằng người đó nhiều đời gieo thiện duyên Bồ Đề, đã từng làm sứ giả của Phật và đã từng ở trong ngôi nhà chánh pháp.

LỜI NÓI ĐẦU

Đức Phật là một bậc giác ngộ, một đấng giải thoát hoàn toàn, Ngài đã tự thân chứng nhập Thể tánh tịnh minh, Chơn tâm thường trụ, bất sanh bất diệt, và tuyên dương giáo nghĩa giải thoát; Ngài đã nói tiếng nói của con người; vì Ngài là một con người đã sống trong xã hội loài người, đã khai thị chân lý vì con người, bởi vì tâm chúng sinh vẫn đục, nên không thấy, không nghe, không hay, không biết... nên không đến để thể nhập, hoá chuyển, dựng xây, chứng ngộ Pháp Giới Tánh của chính mình, để trở thành chúng sanh chánh giác.

Thế nên, người học Phật phải can đảm nhìn nhận nơi cuộc đời và chính nơi bản thân mình những tính chất si vọng đó để cương quyết diệt chúng tới tận gốc rễ. Nhưng không phải nhìn nhận cuộc đời khổ đau, si vọng để mà chán nản và buông xuôi. Phải phát ý nguyện rộng lớn, phải có ước vọng cao cả như Thiện Tài đồng tử nơi Kinh Hoa Nghiêm; Ý nguyện rộng lớn ấy, ước vọng cao cả ấy là bản chất của những cuộc đời lý tưởng chư vị Bồ Tát, các vị Thiện tri thức linh động và tích cực, đi vào đời xoa dịu bao đau thương, khổ cảnh hiện thực của kiếp người. Ở đây, khổ đau lại là nhân duyên tạo nên an lạc và giải thoát, thể nhập Pháp giới nhất chơn, vì Bồ đề thọ vương chỉ sanh trưởng nơi đất đai phiền não, hay cũng như hoa sen thơm ngát và tinh khiết cũng đã mọc lên từ bùn lầy nước đọng. Qua liễu nghĩa đại thừa Viên giáo, triết lý thực tiễn trong tiến trình tu hành viên dung Bồ Tát đạo của Kinh Hoa Nghiêm.

Nhận lời thỉnh giảng của Chư Tôn Đức Hội Đồng Điều

Hành Học Viện Phật Giáo Việt Nam tại Hà Nội, chúng tôi đảm trách Bộ môn Kinh Hoa Nghiêm. Nên mạo muội biên soạn giáo trình này, lược giải đại cương và ấn hành, chỉ mong có tài liệu giúp quý Tăng Ni sinh viên khóa VII (2014-2018) và hiện nay Khóa VIII (2018-2022) Học Viện Phật Giáo tại Hà Nội, thuận tiện trong việc nghiên tầm giáo nghĩa Hoa Nghiêm tu học Phật pháp, mà người giảng giải tự hành hóa tha, cũng thâm góp được nhiều kết quả, trên bước đường học đạo, hành đạo và hóa đạo. Kính mong chư tôn thiên đức, các bậc thức giả cao minh, chư vị đồng tu từ bi hoan hỷ.

Nam mô Công Đức Lâm Bồ tát, Ma ha tát.

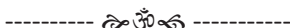
Khế thủ

Tỳ kheo THÍCH TRÍ HẢI

大方廣佛華嚴經

(ĐẠI PHƯƠNG QUẢNG PHẬT HOA NGHIÊM KINH)

KINH HOA NGHIÊM



CHƯƠNG I – KHÁI QUÁT BẢN KINH

第一章出處本經

Kinh Hoa Nghiêm là nói tắt, gọi đủ là Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm Kinh. Hoa Nghiêm tiếng Phạn là Avatamsaka, có nghĩa là đóa hoa thanh khiết tuyệt đẹp nhất trần gian, ngát hương khắp mười phương các cõi pháp giới. Tư tưởng Hoa Nghiêm trình bày vạn pháp do tâm sanh. Tâm là thực thể của vạn pháp. Tâm vọng thì vạn pháp hoạt hiện sai biệt hình hình sắc sắc, trùng trùng duyên khởi, cái này có cái kia có và ngược lại, như lưới đế châu. Tâm chơn thì pháp giới tánh với Tâm là một, vạn pháp đồng nhất thể. Tâm thanh tịnh thì thấu đạt chơn lý Phật tánh, suốt thông pháp giới vô ngại, thể nhập Bất Tư Nghì giải thoát hạnh môn.

Kinh Hoa Nghiêm gồm có 3 bộ: Bộ thứ nhất gọi là Đại Hoa Nghiêm; Bộ thứ hai là Trung Hoa Nghiêm; Bộ thứ ba là Tiểu Hoa Nghiêm. Cả ba bộ kinh này đều ở cung rồng Ta Kiệt La. Nhưng hai bộ Đại và Trung thì quá nhiều, vô số vi trần kệ, nên Ngài Long Thọ chỉ thỉnh được bộ Tiểu Hoa Nghiêm, gồm 60 quyển, đem về nhân gian hoằng dương Giáo nghĩa Hoa Nghiêm.

Ngài Long Thọ, một vị Bồ Tát có trí huệ tuyệt luân và thần thông quảng đại người Ấn Độ, sau khi đã đọc hết tất

cả sách vở thế gian, cũng như xuất thế gian. Nghe nói rằng ở Long Cung có chứa nhiều pháp bảo, Ngài mới nhập định, dùng thần lực xuống đáy biển, vào Long cung để tìm kinh. Long Thọ Bồ Tát khi xuống Long cung đã thấy bộ kinh này gồm có ba bốn Thượng, Trung và Hạ Hoa Nghiêm:

- **Bốn Thượng:** Gồm có vô lượng vi trần kệ, nhiều như số bụi trần trong khắp vũ trụ, bất khả tư nghì số lượng. Chỗ nào có một mảy may sự hiện hữu dưới dạng tâm, thức, vật chất, năng lượng, chỗ đó đều có kinh này.

- **Bốn Trung:** Có trăm ngàn vạn ức bài kệ tụng, không thể nào tính đếm được, thế giới vi trần kệ tụng, cũng không sao tính đếm được.

- **Bốn Hạ:** Gồm có mười vạn (100.000) bài kệ. Dùng sức định lực và sức tổng trì, Ngài đọc qua ghi nhớ hết, rồi khi xuất định, tuyên thuyết truyền lại bốn Hạ cho cõi thế gian; đây là Bản kinh mà hiện nay chúng ta thọ trì tu học.

Đức Phật khi xưa với cụ túc thần lực, Ngài đã tùy xứ, tùy loại thuyết pháp, hoặc ở Thiên cung, hoặc ở Long cung, hoặc ở Nhân gian hay trong Thiền định... Kinh này Bồ tát Long Thọ đã thỉnh về từ tận đáy Long cung, nếu không nương tinh thần Ma Ha Diễn, thì không thể nào ngộ nhập. Thế nên ở nơi biển giáo pháp Đại Phương Quảng, hàng Thanh văn không liễu tri đến chỗ rốt ráo vi diệu thậm thâm, còn tạp học phàm phu thì phải đành thúc thủ, chẳng sao bước được vào cửa Không; chỉ ví như cá muốn hóa rồng, phí hoài công phu mà chẳng sao được như nguyện, đành phơi mang trước cửa Long cung.

Nếu bằng lòng Tin của Đại tâm phàm phu, hiểu theo ý nghĩa tượng trưng của câu chuyện thì: Biển là tâm thức vọng tưởng của chúng ta. Tâm thức thì sâu thăm khó dò, tối om khó thấy. Chính trong tận đáy cùng của tâm thức ấy, vẫn có một nơi nguy nga tráng lệ, sáng suốt vô cùng, mà chúng ta gọi là chân tâm hay Phật tánh. Long cung hoàn toàn không bị biển làm dao động. Chư long là những vị cai quản biển cả. Cũng vậy Phật tánh không bị tâm thức làm dao động, ngược lại chính Phật tánh thì siêu việt và ngự trị được tâm thức.

Kinh ở trong Long cung: Ý nói rằng chánh pháp mà kinh Hoa Nghiêm giảng thì lưu xuất từ Phật tánh. Ba bản kinh là ám chỉ cho ba đặc tính của chân lý, tuy vô lượng bất khả tư nghì, nhưng chân lý có thể ứng theo căn cơ thượng, trung, hạ, bất đồng của nhân sinh vạn loại.

Nhưng muốn lấy được kinh thì phải có ngài Long Thọ, hay muốn thấu hiểu chân lý thì phải có định lực. Dem chân lý (kinh) ra khỏi biển vọng tưởng, ứng dụng trong thế gian đòi hỏi định lực đó thâm sâu vô ngại.

1). Bản dịch của ngài Buddhahadra (Phật Đà Bạt Đà La, 佛陀跋陀羅 359-429) vào đời Đông Tấn (317-420). Bản này gồm có 34 phẩm, 60 quyển, thường gọi là Lục Thập Hoa Nghiêm, cũng gọi Tấn Kinh hay Cựu Hoa Nghiêm. Tương truyền rằng chính văn của kinh này bằng tiếng Phạn có hơn 10 vạn bài kệ, nhưng chỉ có hơn 3 vạn 6 ngàn (36.000) bài kệ là được truyền từ Khotan vào Trung Quốc. Đời Tấn An Đế, vào tháng 3 niên hiệu Nghĩa Hy, thứ 14 (418), Ngài Buddhahadra khởi bút dịch kinh này ra tiếng Hán, thành 60

quyển. Tuy hoàn tất nhưng bản dịch vẫn còn nhiều thiếu sót và nhất là thiếu phần văn ở phẩm Nhập Pháp Giới. Mãi đến năm Vĩnh Long thứ nhất (680) đời Đường thì bản này mới được bổ túc đầy đủ.

2). Bản dịch của ngài Prajna (Bát Nhã, 般若 734- ?) vào đời Đường (618-907). Bản này chỉ gồm một phần của kinh Hoa Nghiêm, tức là tương đương với phẩm Nhập Pháp Giới, dịch ra thành 40 cuốn chữ Hán. Vào tháng 11 năm Trinh Nguyên 11 (795) vua Sư Tử nước Ô Trà ở Nam Ấn Độ phái sứ giả đem dâng bộ kinh Hoa Nghiêm do tự tay vua viết, cho vua Đường Đức Tông. Qua năm sau (796), Đức Tông mệnh ngài Prajna (Bát Nhã) dịch ra chữ Hán. Chư đại đức cao tăng đương thời đều được triệu tập để giúp san định lại bản dịch. Tới tháng hai năm Trinh Nguyên thứ 14 (798) thì phiên dịch hoàn tất, do đó được gọi là Trinh Nguyên Kinh. Hoặc còn gọi là Tứ Thập Hoa Nghiêm vì có 40 cuốn, hay Phổ Hiền Hạnh Nguyện Phẩm để ám chỉ đây là phẩm cuối cùng của kinh Hoa Nghiêm.

3). Bản dịch của ngài Shikshananda (實叉難陀 Thập Xoa Nan Đà, 652-710). Theo sự thỉnh cầu của bà Võ Tắc Thiên, ngài Shikshanada đã đem nguyên bản tới Trung Quốc phiên dịch. Từ tháng 3 năm Chứng Thánh nguyên niên (695), ngài ở chùa Biện Không khởi bút dịch đến tháng 10 năm Thánh Lịch thứ hai (699) thì dịch xong thành 39 phẩm, 80 cuốn, 4 vạn 5 ngàn (45.000) bài kệ, gồm việc thuyết pháp tại 7 chỗ (đồng Cựu dịch), 9 hội (8 hội đồng Cựu dịch, thêm 1 hội Phổ Quang Đường). Thông thường chúng ta gọi là Đường Kinh, Bát Thập Hoa Nghiêm hoặc Tân Kinh 大周新譯大方廣

佛華嚴經 để phân biệt với Cựu Kinh của ngài Buddhahadra (Phật Đà Bạt Đà La). Bản dịch này đầy đủ nhất, dài nhất và lưu loát, thông dụng nhất.

Kinh này là đỉnh cao trí huệ của văn học Phật giáo. Nó không những chỉ thẳng bản tánh Phật của mỗi người, kinh còn chỉ ra con đường viên mãn đạo Bồ Tát. Theo đó, giác ngộ không phải là giai đoạn chót của đường tu mà là một điểm nhỏ trong quá trình tu hành độ sinh, thực hành hạnh nguyện của đức Phổ Hiền. Bao nhiêu quả vị tu chứng chỉ là phương tiện mà thực chất vốn không, bao nhiêu dục vọng tự khô kiệt vì thể tánh chân như luôn hiển hiện. Kinh này tiếng Phạn gọi là Avatamsaka Sutra. Từng phần của bộ kinh được dịch ra tiếng Hoa vào khoảng thế kỷ thứ hai công nguyên, và công trình phiên dịch được xúc tiến cả mấy trăm năm. Trong thời gian ấy, chư Tổ sư tùy thuận căn cơ chủng tánh mà trích xuất, dịch giải, hoằng dương kinh này, có hơn 30 bản dịch từng phần của kinh, như những cuốn sau:

Kinh Phật Thuyết Đâu Sa, 1 cuốn, do ngài Chi Sấm đời Đông Hán dịch, tương đương với phẩm Danh Huệ.

Kinh Bồ Tát Bốn Nghiệp, 1 cuốn, do ngài Chi Sấm dịch, tương đương phẩm Tịnh Hạnh.

Bồ Tát Thập Trụ Hạnh Đạo Phẩm, một cuốn, do ngài Trúc Pháp Hộ đời Tây Tấn dịch, tương đương với phẩm Thập Trụ.

Kinh Thập Trụ, 4 cuốn, do ngài Cư Ma La Thập đời Diêu Tần dịch, tương đương với phẩm Thập Địa.

Kinh Giáo Lượng Nhất Thiết Phật Sát Công Đức, một

cuốn, do ngài Pháp Hiền đời Tống dịch, tương đương với phẩm Thọ Mạng.

Kinh La Ma Già, 3 cuốn, do ngài Thánh Kiên đời Tây Tấn dịch, tương đương với phẩm Nhập Pháp Giới.

Kinh Văn Thù Sư Lợi Phát Nguyện, một cuốn, do ngài Giác Hiền đời Đông Tấn dịch, tương đương với phẩm Nhập Pháp Giới.

Phật Thuyết Bồ Tát Bản Nghiệp Kinh, 1 quyển (phẩm Tịnh Hạnh, phẩm Thập Trụ), ngài Chi Khiêm dịch vào đời Ngô.

Chư Bồ tát Cầu Phật Bản Nghiệp Kinh, 1 quyển (phẩm Tịnh Hạnh), ngài Nhiếp Đạo Chân dịch vào đời Tây Tấn.

Bồ Tát Thập Trụ Hành Đạo Phẩm, 1 quyển (phẩm Thập Trụ), ngài Trúc Pháp Hộ dịch vào đời Tây Tấn.

Bồ Tát Thập Trụ Kinh, 1 quyển (phẩm Thập Trụ), ngài Kỳ Đa Mật dịch vào đời Đông Tấn.

Tiệm Bị Nhất Thiết Trí Đức Kinh, 5 quyển (phẩm Thập Địa), ngài Trúc Pháp Hộ dịch vào đời Tây Tấn.

Thập Trụ Kinh, 4 quyển (phẩm Thập Địa), ngài Cư Ma La Thập (344-413) dịch vào đời Hậu Tần.

Phật Thuyết Thập Địa Kinh, 9 quyển (phẩm Thập Địa), ngài Thi La Đạt Ma dịch vào đời Đường.

Đẳng Mục Bồ Tát Sở Vấn Tam Muội Kinh, 3 quyển (phẩm Thập Địa), ngài Trúc Pháp Hộ dịch vào đời Tây Tấn (265-317).

Hiển Vô Biên Phật Độ Công Đức Kinh, 1 quyển (phẩm Thọ Lượng), ngài Huyền Trang dịch vào đời Đường (618-907).

Phật Thuyết Giáo Lượng Nhất Thiết Phật Sát Công Đức Kinh (phẩm Thọ Lượng), ngài Pháp Hiền dịch vào đời Tống (960-1279).

Phật Thuyết Như Lai Hưng Hiến Kinh, 4 quyển (phẩm Như Lai Xuất Hiện), ngài Trúc Pháp Hộ dịch vào đời Tây Tấn.

Độ Thế Phẩm Kinh, 6 quyển (phẩm Ly Thế Gian), ngài Trúc Pháp Hộ dịch vào đời Tây Tấn.

Phật Thuyết La Ma Ca Kinh, 3 quyển (phẩm Nhập Pháp Giới), ngài Thánh Kiên dịch vào đời Tây Tấn.

Văn Thù Sư Lợi Phát Nguyện Kinh, 1 quyển (phẩm Nhập Pháp Giới), Ngài Phật Đà Bạt Đà La dịch vào đời Đông Tấn.

Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm Kinh Nhập Pháp Giới Phẩm, 1 quyển (phẩm Nhập Pháp Giới), ngài Địa Bà Ha La dịch vào đời Đường.

Phật Hoa Nghiêm Nhập Như Lai Trí Đức Bất Tư Nghị Kinh, 2 quyển (hội Phổ Quang Pháp Đường), ngài Xà Na Quật Đa dịch vào đời Tùy.

Đại Phương Quảng Nhập Như Lai Trí Đức Bất Tư Nghị Kinh, 1 quyển (hội Phổ Quang Pháp Đường), do ngài Thật Xoa Nan Đà dịch vào đời Đường.

Đại Phương Quảng Như Lai Bất Tư Nghị Cảnh Giới Kinh, 1 quyển (biệt bản Hoa Nghiêm), ngài Thật Xoa Nan Đà dịch vào đời Đường.

Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm Kinh Bất Tư Nghị Phật Cảnh Giới Phần, 1 quyển (biệt bản Hoa Nghiêm), ngài Đề Vân Bát Nhã dịch vào đời Đường.

Đại Phương Quảng Phổ Hiền Sở Thuyết Kinh, 1 quyển (biệt bản Hoa Nghiêm), do ngài Thật Xoa Nan Đà dịch vào đời Đường.

Ngoài xuất xứ nêu trên, chúng ta có thể nói thêm một nhân duyên khác. Vào khoảng 150 năm sau khi Đức Phật nhập Niết Bàn, Phật giáo chia thành nhiều bộ phái, kéo dài mấy trăm năm. Thời kỳ này gọi là thời kỳ Phật Pháp Bộ phái, có những Bộ phái giới xuất gia đã có khuynh hướng sống xa ly, sống một cuộc đời quá tách rời với xã hội. Những vị Thanh Văn Tăng chỉ lo chuyện giải thoát cho riêng mình, về sau gọi là giới bảo thủ; Giới bảo thủ đã có khuynh hướng biến đạo Phật thành một đạo lý phục vụ riêng cho một số người xuất gia. Người cận sự, người tại gia, người cư sĩ ngoài đời chỉ có bốn phận cúng dường và hộ trì, mà không được thừa hưởng và thực tập những lời đức Phật dạy. Vì vậy mà đạo Phật, các đạo tràng lúc bấy giờ, hay giới xuất gia đã không đến gần được với đại đa số quần chúng trong xã hội. Những cái nhìn thiển cận, những cái thấy lệch lạc về giáo điển của một số khá đông người xuất gia đã làm cho đạo Phật mất đi rất nhiều hào quang của thời nguyên thủy. Đường hướng tu học của một số đông đã trở nên có tính cách tiêu cực, và Niết Bàn của Thanh văn, Nhị thừa đã trở thành một Niết Bàn nhỏ bé dành riêng cho một thiểu số những người xuất gia.

Vì vậy trong giới Phật tử, xuất gia cũng như tại gia cư sĩ, tư tưởng quần chúng hóa đạo Phật đã phát khởi và tư tưởng Đại thừa Phật giáo, do đó mà bắt đầu nảy mầm, tạo nên một phong trào nhằm khai quật những tư tưởng uyên áo, thâm sâu của về giáo pháp Phật, phục hồi năng lượng vĩ

đại của tâm chí Bồ Đề và đưa đạo Phật nhập thế tùy duyên, hòa quang đồng trần, phụng sự cuộc đời giáo độ chúng sanh và phong trào Đại thừa hóa, giáo pháp của Phật, mà giáo nghĩa Kinh Bát Nhã, Kinh Hoa Nghiêm, Kinh Pháp Hoa, Kinh Duy Ma... xuất hiện.

Từ đó, Đại thừa giáo pháp đã thành hình, những Tôn giả cao đức khởi xướng thấy rằng, nếu những tư tưởng sâu sắc này, không được cắm rễ vào sự sống thực tế của Tăng Đoàn Pháp Thân Phật, thì tư tưởng đó chưa thực sự trở nên hữu ích cho quần chúng nhân sinh và sẽ khó được chấp nhận hay thể hiện nơi cuộc đời. Điều này có nghĩa là giáo nghĩa Đại thừa, không phải chỉ được biểu hiện dưới hình thức tư tưởng, mà còn phải được biểu hiện hội nhập với tư cách của một tập thể gồm có người xuất gia và có người tại gia.

Trong lịch sử văn học Đại thừa, kinh Bát Nhã (Phạn Prajnaparamita Sutra) xuất hiện trước hết, rồi đến các kinh Bảo Tích (Ratnakuta Sutra), Kinh Hoa Nghiêm (Avatamsaka Sutra)... Sau đó mới đến kinh Duy Ma Cát (Vimalakirtinirdesa Sutra). Đến thế kỷ thứ hai, có một Tôn giả người xứ Tỳ Đạt Bà (Vidharbha) rất thông minh, bát học đa văn nổi tiếng biện tài xuất chúng, tên là Long Thọ (Nagarjuna – Na Già Hạt Thọ Na) xuất hiện. Tôn giả đã biên tập rất nhiều kinh sách, trong đó có một tác phẩm là Đại Trí Độ Luận (Mahaprajnaparamita Sutra). Đại Trí Độ luận là một tác phẩm lớn, nhằm giảng giải Kinh Đại Bát Nhã, gồm 600 quyển, trong sách này, Bồ Tát Long Thọ (Bodhisattva Nagarjuna) trích dẫn rất nhiều kinh điển Đại thừa đã xuất hiện trước khi ngài ra đời. Tiếp theo đó ngài lại đến cung rồng Ta Kiệt La, đem Kinh Hoa Nghiêm

này vậy.

Chúng ta có thể ghi nhận một thời điểm đánh dấu ngày đức Thích Tôn nhập diệt. Năm trăm bốn mươi bốn năm, sau khi Phật nhập Niết Bàn. Sau đó khoảng hai thế kỷ thì Ngài Long Thọ ra đời, đến thế kỷ thứ năm, lại có hai vị Tôn giả rất nổi tiếng xuất hiện đó là Bồ Tát Vô Trước (Bodhisattva Asanga – Bồ Tát A Tăng Già), cùng với ngài Thế Thân (Thiên Thân) Bồ Tát (Bodhisattva Vasubandhu – Bồ Tát Bà Tu Bàn Đầu).

Phật giáo Đại thừa xem mọi người, mọi giới đều đồng đẳng, đều có khả năng tu học Phật pháp, và đều có thể thành đạo chứng quả, không phân biệt giàu hay nghèo, nam hay nữ, tất cả các ngành nghề, cho đến các loại hình chúng sinh. Người trẻ như Đồng tử Thiện Tài, qua ngũ thập tam tham cầu học làm Phật nơi kinh này, và đồng tử Quang Nghiêm trong (Phẩm Bồ Tát – Kinh Duy Ma) cũng là một vị Bồ Tát...

Trong thời các kinh Đại Thừa vừa mới xuất hiện, các đại đệ tử của đức Phật như ngài Xá Lợi Phất (Sariputra), Mục Kiền Liên (Maudgalyayana), ngài Tu Bồ Đề (Subhuti) v.v... đều bị xem là những người Tiểu Thừa. Mãi về sau cho đến thời kỳ kinh Pháp Hoa (Saddharmapundarika Sutra) xuất hiện, người ta mới thấy ngài Xá Lợi Phất phát tâm Đại Thừa, phát tâm đại Bồ Đề mà không còn nghi hối. Với tư tưởng Đại Thừa, mục đích là để diễn bày cho hàng Thanh Văn, Nhị thừa thấy con đường của họ đang hành trì là Pháp nhỏ. Con đường của Đại Thừa mới là Pháp lớn, có khả năng dẫn hành giả đi đến Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Đó cũng chính là một nguyên nhân Phật Thuyết Kinh Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm. Và cũng chính nhờ những Kinh này mà Phật giáo

Đại Thừa hồi thời đó đã thành lập, tạo dựng được niềm kính tin sâu rộng, làm cơ sở vững chắc và truyền thừa cho đến ngày nay.

Tông Thiên Thai, có các ngài như: Ngài Kinh Khê Tràm Nhiên cũng trước tác Hoa Nghiêm Kinh Nguyện Hạnh Quán Hạnh Cốt Mục, 2 quyển, ngài Tịnh Cư soạn Lân Đức Điện Giảng Hoa Nghiêm Kinh Huyền Nghĩa, 1 quyển ...

Từ đời Đường về sau, kinh này được nghiên cứu học tập và hoằng dương khá hưng thịnh, mỗi triều đại đều có những bản sơ giải quan trọng như:

- Đời Tống, có Hoa Nghiêm Sớ Sao Hội Giải Ký, 10 quyển của ngài Quán Phục, Hoa Nghiêm Luân Quán, 1 quyển của ngài Phục Am, Hoa Nghiêm Kinh Yếu Giải, 1 quyển của ngài Giới Hoàn, Hoa Nghiêm Kinh Thôn Hải Tập, 3 quyển và Hoa Nghiêm Pháp Tướng Khái Tiết, 1 quyển đều của ngài Đạo Thông.

- Đời Liêu, có Hoa Nghiêm Kinh Huyền Đàm Quyết Trạch, 6 quyển của ngài Tiên Diễn.

- Đời Nguyên, có Hoa Nghiêm Huyền Đàm Hội Huyền Ký, 40 quyển của ngài Phổ Thụy.

- Đời Minh, có Hoa Nghiêm Kinh Cương Yếu, 80 quyển và Hoa Nghiêm Kinh Đại Ý, 1 quyển của Thiện Kiên, Hoa Nghiêm Kinh Hiệp Luận Toản Yếu, 3 quyển của Phương Trạch, Hoa Nghiêm Kinh Hiệp Luận Giản Yếu, 4 quyển, của ngài Lý Chí.

- Đời Thanh, Hoa Nghiêm Kinh Cương Mục Quán Nhiếp, 1 quyển, và Hoa Nghiêm Tam Thập Cửu Phẩm Đại Ý, 1 quyển, đều của Vĩnh Quang.

Qua đó, chúng ta thấy được phần nào sự thanh hành và tầm quan trọng của kinh này trong hệ thống giáo nghĩa cũng như giáo quán của Phật giáo Đại thừa.

Chú thích từ ngữ:

Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm (S. Buddhāvataṃsaka Mahāvaiṣṭyasūtra, J. Daihō kōbutsu Kegonkyō, H. 大方廣佛華嚴經), thường gọi tắt là kinh Hoa nghiêm (S. Avataṃsakasūtra hoặc gaṇḍavyūha, C. Hua-yen-ching, J. Kegonkyō, H. 華嚴經), Tạp Hoa Kinh (雜華經) là một bộ kinh Đại thừa, lập giáo lý căn bản của Hoa Nghiêm tông (J. Kegonshū, H. 華嚴宗).

Hoa Nghiêm Tông của Trung Hoa và Nhật Bản đều y cứ vào bộ kinh này, lập ra diệu nghĩa gọi là Pháp giới Duyên Khởi (法界緣起) và Sự Sự Vô Ngại (事事無礙), v.v... để làm tông chỉ. Theo tựa đề kinh mà luận, Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm lấy pháp dụ cho nhân quả, nêu lên danh xưng gọi là Lý Trí Nhân Pháp (理智人法 lý trí người và pháp); cho nên yếu chỉ của kinh đều ở trong đây. Từ **Đại** 大 : Là chỉ thể tánh bao la vô cùng vô tận của pháp giới. Không sao có thể đo đạc trắc lượng được biên cương của pháp giới vô hình, ngay như vũ trụ cũng chỉ là một điểm trong pháp giới. **Phương** 方 : Nghĩa là phép tắc, nguyên lý, chân lý, pháp bất biến của pháp giới. Những chân lý này lúc nào cũng hiển nhiên, đúng đắn, chân chính không lệch lạc, thí dụ như lý nhân quả, lý nhân duyên nghiệp báo, lý luân hồi. Chân lý chính là tướng trạng của pháp giới. Chân lý thì vô hình nhưng nó chi phối sự vận hành của tất cả mọi sự, mọi hiện tượng. **Quảng** 廣 : Chỉ sự ứng dụng của pháp giới thì rộng lớn, trùm khắp vũ trụ, châu biến khắp nơi

đâu đâu cũng vô ngại. Không đâu ra ngoài phạm vi pháp giới. ‘Bóng dáng’ của pháp giới (chân tâm của ta) thì gần kề và hiển hiện khắp nơi nhưng ta chẳng thấy đặng. Vì sao? Vì ta bị vọng tưởng, dục vọng che khuất trí huệ nên không thấu hiểu pháp giới. Nếu ai thể nhập pháp giới thì trong một bụi trần ấy có thể dung nạp vô biên thế giới, trong một sát na đạo khắp vũ trụ. Đó là ứng dụng của pháp giới. **Phật** 佛 : Chữ này có hai nghĩa, một là trí giác ngộ, hai là người giác ngộ. Giác ngộ sự huyền diệu của pháp giới, của thể, tướng và dụng trong ba chữ đại phương quảng. Sự giác ngộ này là chìa khóa để nhập pháp giới, của đại giải thoát, tự tại vô ngại. Sự giác ngộ này biểu hiện bằng Thập trí hay Thập lực trí của đức Phật. Trong tên kinh, chữ Phật với ý giác ngộ là nghĩa chính, còn nghĩa người giác ngộ là nghĩa phụ, bởi vì đặc tính của pháp giới thì vô nhân vô ngã. Hoa 華 : là thí dụ nhân hạnh thành tựu vẹn đức tròn đầy; vì thế để khai diễn muôn hạnh nhân vị lấy thâm nghĩa của hoa để trang sức cho quả vị Phật, nên có tên là **Phật Hoa Nghiêm** (佛華嚴). Vào ngày thứ 14 sau khi thành đạo dưới cội cây Bồ Đề, kinh này được đức Như Lai thuyết cho các Bồ Tát thượng vị như Văn Thù (S. Mañjuśrī, H. 文殊 . Dịch âm tiếng Phạn gọi là Mạn Thù Sư Lợi, Mạn Thù Thất lỵ. Hán dịch là Diệu Cát Tường, Diệu Âm, Phổ Thụ, Nhu Thụ, Kính Thụ...), Phổ Hiền (S. Samantabhadra, J. fugen, H. 普賢 . Phạn dịch âm là Tam Mạn Đà Bạt Đà La, hoặc Tam Mạn Đà Bạt Đà), v.v... về pháp môn tự nội chứng. Giáo nghĩa của Kinh Hoa Nghiêm là bánh xe pháp căn bản trong các giáo pháp, vì vậy có tên là Xưng Tánh Bản Giáo (稱性本教); lại nữa, giáo pháp này thuộc về pháp môn Đốn Giáo (頓教), nên được gọi là Sơ Đốn Hoa Nghiêm (初頓華嚴). Mặc dù kinh này

xuất phát từ Ấn Độ, nhưng vẫn chưa phát huy toàn bộ huyền chỉ tối cao của Kinh; cho đến khi Trung Hoa thành lập Hoa Nghiêm Tông, áo nghĩa kinh này mới đạt đến tột đỉnh chân nghĩa.

Về Phạn bản của kinh này từ xưa đến nay vẫn có nhiều thuyết khác nhau. Theo bản Hoa Nghiêm Kinh Truyền Ký (華嚴經傳記 Taishō Vol. 51, No. 2073) quyển 1 của ngài Pháp Tạng (法藏 643-712) chùa Sùng Phước (崇福寺) ở tại Kinh Triệu (京兆) cho biết rằng Bồ Tát Long Thọ (S. Nāgārjuna, H. 龍樹 Dịch âm 那伽闍樹那) thấy kinh này ở Long Cung, có 3 bản Thượng, Trung, Hạ. Trong bản Thượng và Trung số kệ tụng rất nhiều, với sức phàm tình thì không thể nào lãnh hội thọ trì được; nên ẩn tàng không truyền ra, và bản được truyền thọ cho đến nay là bản Hạ, có đến mười vạn câu kệ (100.000) và 48 phẩm (hay 38 phẩm). Về sau Bồ Tát Thế Thân (S. Vasubandhu, H. 世親) viết ra Thập Địa Kinh Luận (十地經論 Taishō Vol. 26, No. 1522) để giải thích phẩm Thập Địa của Kinh Hoa Nghiêm. Các luận sư khác như Kim Cang Quân (金剛軍), Kiên Huệ (堅慧), v.v., cũng có các luận chú về Phẩm Thập Địa. Hoa Nghiêm Kinh Thám Huyền Ký (華嚴經探玄記 Taishō Vol. 35, No. 1733) quyển 1, lại chia kinh Hoa Nghiêm thành 6 bản là Hằng Bản (恒本), Đại Bản (大本), Thượng Bản (上本), Trung Bản (中本), Hạ Bản (下本) và Lược Bản (略本).

Ngoài ra, Hoa Nghiêm Kinh Chỉ Quy (華嚴經旨歸 Taishō Vol. 45, No. 1871), Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm Kinh Sở (大方廣佛華嚴經疏 Taishō Vol. 35, No. 1735) quyển 3 lại nêu ra 10 tên khác của kinh như dị Thuyết Kinh (異說經), Đồng Thuyết Kinh (同說經), Phổ Nhãn Kinh (普眼經), Thượng Bản Kinh (上本經), Trung Bản Kinh (中本經), Hạ Bản Kinh (下本經),

Lược Bản Kinh (略本經), Chủ Bạn Kinh (主伴經), Quyển Thuộc Kinh (眷屬經), Viên Mãn Kinh (圓滿經). Lại theo Đại Trí Độ Luận (大智度論 Taishō Vol. 25, No. 1509) quyển 100, phạn bản của Bất Khả Tư Nghì giải Thoát Kinh (不可思議解脫經 tức Tứ Thập Hoa Nghiêm Kinh 四十華嚴經), có tất cả mười vạn câu kệ. Tuy nhiên Nhiếp Đại Thừa Luận Thích (攝大乘論釋 Taishō Vol. 31, No. 1595) quyển 15 của ngài Thiên Trúc Tam Tạng Chân Đế (S. Paramārtha, H. 真諦天竺三藏 499-569) thời nhà Lương lại cho rằng Hoa Nghiêm Kinh có trăm ngàn bài kệ, nên có tên là Bách Thiên Kinh (百千經).

Bản hiện còn có 3 loại: (1) **Lục Thập Hoa Nghiêm** (六十華嚴 Taishō Vol. 9, No. 278), 60 quyển do Ngài Phật Đà Bạt Đà La (S. Buddhahadra 佛馱跋陀羅 359 – 429) dịch từ năm 418-420 hay 421 (niên hiệu Nghĩa Hy (義熙) thứ 14 đến niên hiệu Nguyên Hy (元熙) thứ 2 hoặc Nguyên Sơ (元初) thứ 2 thời Đông Tấn (東晉); còn gọi là Cựu Hoa Nghiêm (舊華嚴), Cựu Dịch Hoa Nghiêm Kinh (舊譯華嚴經), Cựu Kinh (舊經), Tấn Kinh (晉經); gồm có 7 xứ, 8 hội, 34 phẩm (七處, 八會, 三十四品). Hoa Nghiêm Tông lấy 8 hội phân thành Phần Trước và Phần Sau; 7 hội của phần trước được thuyết trong thời gian 21 ngày sau khi đức Phật thành đạo; 1 hội của phần sau được thuyết vào thời kỳ sau. Trong khi đó, Bồ Đề Lưu Chi (S. Bodhiruci, H. 菩提流支, 562-727) lại cho rằng 5 hội trước, thuyết vào 7 ngày sau khi Phật thành đạo; còn 2 hội sau được thuyết vào tuần thứ 2. Trong Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm Kinh Sớ (大方廣佛華嚴經疏), quyển 4, ngài Trừng Quán (澄觀 738-839) cho rằng trong 9 hội của Tân Hoa Nghiêm (新華嚴, tức Bát Thập Hoa Nghiêm, theo thuyết Thất xứ, Cửu hội), 5

hội đầu được thuyết vào tuần đầu tiên; hội thứ 6 và 8 tuần thứ 2; và hội thứ 9 có Phẩm Nhập Pháp Giới (入法界品) thì thuộc về sau này.

Về việc phiên dịch Kinh Hoa Nghiêm, theo Xuất Tam Tạng Ký Tập (出三藏記集 Taishō Vol. 55, No. 2145) quyển 9, Hoa Nghiêm Kinh Thám Huyền Ký (華嚴經探玄記 Taishō Vol. 35, No. 1733), quyển 1, v.v... Phạn bản Kinh Hoa Nghiêm nguyên lai có mười vạn (100.000) câu kệ, do Chi Pháp Lãnh (支法領) nhà Đông Tấn mang từ nước Vu Điền (S. Ku-stana, H. 于闐) vào ba vạn sáu ngàn (360.000) câu kệ, từ tháng 3 năm 418 (Nghĩa Hy thứ 14 đời vua An Đế (安帝 tại vị 397-419); rồi được ngài Phật Đà Bạt Đà La dịch thành 60 quyển, nên gọi Lục Thập Hoa Nghiêm. Đây là bản dịch đầu tiên, nhưng vì trong bản dịch này Phẩm Nhập Pháp Giới còn khuyết văn, cho đến năm 680 (Vĩnh Long (永隆元年) nguyên niên, đời vua Huyền Tông, 玄宗 712-756) nhà Đường mới được dịch bổ sung. Bản chú sớ này thì rất nhiều, như Hoa Nghiêm Kinh Sớ (華嚴經疏, 7 quyển) của Huệ Viễn (慧遠 334-416), Hoa Nghiêm Kinh Sưu Huyền Phân Tề Thông Trí Phương Quỹ (華嚴經搜玄分齊通智方軌, 5 quyển) của ngài Trí Nghiễm (620-668), Hoa Nghiêm Kinh Thám Huyền Ký (華嚴經探玄記, 20 quyển) của ngài Pháp Tạng (法藏 643-712), v.v... (2) **Bát Thập Hoa Nghiêm** (八十華嚴 Taishō Vol. 10, No. 279), 80 quyển, do ngài Thật Xoa Nan Đà (S. Śikṣāmandā, 實叉難陀 652-710) nhà Đường dịch; còn gọi là Tân Hoa Nghiêm (新華嚴), Đường Kinh (唐經), gồm 7 chỗ, 9 hội, 39 phẩm (七處, 九會, 三十九品), là bản Dịch của Lục Thập Hoa Nghiêm. Một vài điển dị đồng giữa hai bản Lục Thập Hoa Nghiêm và Bát Thập Hoa Nghiêm có thể nêu ra như

sau: Phạn bản của Bát Thập Hoa Nghiêm do Ngài Thật Xoa Nan Đà, mang từ nước Vu Điền vào Trung Quốc thể theo lời thỉnh cầu của Võ Tắc Thiên (武則天, tại vị 684-705); bắt đầu dịch từ năm Chứng Thánh nguyên niên (證聖元年), tại Biến Không Tự (遍空寺), đến năm Thánh Lịch thứ hai (聖曆二年) thì hoàn tất. Tương truyền trong khoảng thời gian này đích thân Võ Hậu đến Dịch Trường, tự tay đề tên phẩm kinh. Đây được xem như là bản dịch thứ hai, so với bản Cựu Dịch Lục Thập Hoa Nghiêm, bản dịch thuật này có văn từ lưu loát, nghĩa lý tròn đầy, cho nên được lưu thông và thịnh hành và quan trọng hơn được xem là kinh điển chính của Tông Hoa Nghiêm, là bản Bát Thập Hoa Nghiêm này.

Ngoài ra, bản dịch tiếng Tây Tạng có 45 phẩm, trong đó 44 phẩm đầu tương đương với 38 phẩm trước của kinh này và phẩm thứ 45 tương đương với phẩm 39 của Bát Thập Hoa Nghiêm. Về các bản chú sớ của Bát Thập Hoa Nghiêm, có Lược Sớ San Định Ký (華嚴略疏刊定記 15 quyển) của ngài Huệ Uyển (慧苑); Hoa Nghiêm Kinh Sớ (華嚴經疏 30 quyển) của ngài Thần Tú (神秀 605-706); Hoa Nghiêm Kinh Sớ (華嚴經疏 60 quyển) của ngài Trùng Quán (澄觀 738-839); Hoa Nghiêm Kinh Luân Quán (華嚴經論貫 1 quyển) của ngài Phục Am (復菴); Hoa Nghiêm Kinh Cương Yếu (華嚴經綱要 80 quyển) của ngài Hám Sơn – Đức Thanh (憨山 Hānshān 德清, 1546-1623)... (3) **Tứ Thập Hoa Nghiêm** (四十華嚴) 40 quyển, do ngài Bát Nhã (般若) thời nhà Đường dịch; gọi đủ là Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm Kinh Nhập Bất Tư Nghì Giải Thoát Cảnh Giới Phổ Hiền Hạnh Nguyên Phẩm (大方廣佛華嚴經入不思議解脫境界普賢行願品, Taishō Vol. 10, No. 293); gọi tắt là Phổ Hiền

Hạnh Nguyên Phẩm (普賢行願品) còn có tên là Trinh Nguyên Kinh (貞元經). Bản dịch này được truyền vào nước Ni Ba La (尼波羅) tức Ni Bạc Nhĩ (尼泊爾, Nepal); là một trong 9 bộ kinh Đại thừa. Nội dung bộ kinh thuật lại việc Thiện Tài Đồng Tử (S. Suddhama-Śreṣṭhi-dāraka, H. 善財童子) từng đi tham vấn 53 (五十三參) vị Thiện Tri Thức và thành tựu hạnh nguyện của Bồ Tát Phổ Hiền. Đặc biệt, trong bản Tứ Thập Hoa Nghiêm có nêu rõ 10 hạnh nguyện của ngài Phổ Hiền. Về vấn đề phiên dịch bản Tứ Thập Hoa Nghiêm, vào năm Trinh Nguyên thứ 11 (貞元十壹年 795) đời vua Đức Tông (德宗, tại vị 779-805) nhà Đường, do Sư Tử Vương (師子王) của nước Ô Đờ (S. Odra, H. 烏荼) Thiên Trúc (天竺), phái sứ giả tiến cống Phạn bản Hoa Nghiêm vốn tự tay nhà vua nước Ô Đờ viết. Được ngài Bát Nhã Tam Tạng (般若三藏) người nước Kế Tân (罽賓, tức Ca Tất Thí (S. Kāpiśa, H. 迦畢試) dịch tại Chùa Sùng Phúc (崇福寺), thành Trường An (城長安). Hai ngài Trừng Quán và Viên Chiếu (澄觀與圓照) giám định dịch Tứ Thập Hoa Nghiêm tại chùa giám Hư (鑑虛寺) năm Trinh Quán thứ 14 thì hoàn tất công việc phiên dịch. Phạn bản của kinh này hiện được bảo tồn tại thư viện của các nước như: Anh, Pháp, Ấn Độ... Bản dịch của Kinh này có La Ma Già Kinh (羅摩伽經) 3 quyển, của ngài Thánh Kiên, thời Đông Tấn; Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm Kinh Nhập Pháp Giới Phẩm (大方廣佛華嚴經入法界品) 1 quyển, của ngài Địa Bà Ha La (, 613-687) nhà Đường; Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm Kinh Nhập Pháp giới Phẩm Tứ Thập Nhị Tự Quán Môn (大方廣佛華嚴經入法界品四十二字觀門) 1 quyển của ngài Bất Không Tam Tạng (S. Amoghavajra, H. 不空三藏, 705-774) thời nhà Đường... Về bản chú sớ của Tứ Thập Hoa Nghiêm,

có các bản như: Hoa Nghiêm Kinh Hạnh Nguyên Phẩm Sơ (華嚴經行願品疏, 10 quyển) của ngài Trừng Quán; Hoa Nghiêm Kinh Biệt Hạnh Sơ (華嚴經別行疏, 2 quyển) của Trọng Hy (仲希); Hoa Nghiêm Kinh Phổ Hiền Hạnh Nguyên Tu Chứng Nghi (華嚴經普賢行願修證儀, 1 quyển) của ngài Tịnh Nguyên (淨源 1011-1088)... Ngoài ra còn có một số bản tán vịnh Thiện Tài Đồng Tử tham phương cầu học các vị thiện tri thức (善財童子參方求學五十三善知識) như Đại Phương Quảng Hoa Nghiêm Nhập Pháp giới Phẩm Tán (大方廣華嚴入法界品贊) của Dương Kiệt (楊傑); Văn Thù Chỉ Nam Đồ Tán (文殊指南圖贊) của Duy Bạch (惟白)...

Tám mươi quyển, của Kinh Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm (大方廣佛華嚴經), bản dịch của ngài Shikshananda (實叉難陀Thật Xoa Nan Đà, 652-710). Theo sự thỉnh cầu của bà Võ Tắc Thiên hoàng đế (武則天皇帝, tại vị 684-705), ngài Shikshanada đã đem nguyên bản tới Trung Quốc phiên dịch. Từ tháng 3 năm Chứng Thánh nguyên niên (證聖元年695), ngài ở chùa Biện Không khởi bút dịch đến tháng 10 năm Thánh Lịch thứ hai (聖曆二年699) thì dịch xong thành 39 phẩm, 80 cuốn, 4 vạn 5 ngàn (45.000) bài kệ, gồm việc thuyết pháp tại 7 chỗ (đồng Cựu dịch), 9 hội (8 hội đồng Cựu dịch, thêm vào 1 hội Phổ Quang Đường). Tục thường gọi là Đường Kinh, Bát Thập Hoa Nghiêm hoặc Tân Kinh 大周新譯大方廣佛華嚴經 để phân biệt với Cựu Kinh của ngài Buddhahadra (Phật Đà Bạt Đà La, 佛馱跋陀羅359 – 429). Bản dịch này đầy đủ nhất, dài nhất và lời văn lưu loát, thông dụng nhất.

Câu hỏi ôn tập:

1. Trình bày khái quát 3 bản Kinh Hoa Nghiêm?
2. Kinh này do vị Tôn giả nào thỉnh về từ đâu, với thâm nghĩa như thế nào?
3. Bát thập Hoa Nghiêm gồm có bao nhiêu Phẩm, do Tôn giả nào biên dịch từ Phạn sang Hán văn?

CHƯƠNG II - THÍCH NGHĨA ĐỀ KINH

第二章釋義題經



Đại Phương Quảng 大方廣, có nghĩa là cực kỳ cao rộng, là một trong 12 loại Khế Kinh, kinh Hoa Nghiêm này thuộc về thể loại Đại Phương Quảng. Mười hai loại này cũng gọi là 12 bộ kinh, qua bài kệ:

長行重誦並孤起，譬諭因緣與自說
本生本事未曾有，方廣論議及記別

Trường hàng Trùng tụng tịnh Cô khởi,
Thí dụ Nhân duyên dữ Tự thuyết,
Bổn sanh Bổn sự Vị tăng hữu,
Phương quảng Luận nghị cập Ký biệt.

Tu Đa La 修多羅, dịch là Kinh hay Khế Kinh 契經. Tất cả các kinh, có một cách phân loại là Liễu nghĩa (chân thật thuyết) và Bất Liễu nghĩa (phương tiện thuyết). Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm Kinh, có nghĩa kinh Hoa Nghiêm là kinh Liễu nghĩa trong các kinh, thuộc loại Đại phương quảng, và như thế thì chỉ có chữ Hoa Nghiêm mới thật là tên của kinh này, các chữ trên dưới, hay trước và sau chữ Hoa Nghiêm ấy cốt yếu hiển thị cho chúng ta thấy rằng kinh Hoa Nghiêm, là bộ kinh Đại thừa rất ráo viên mãn rất cao sâu màu nhiệm.

Mỗi mỗi chúng sanh đều có thể chân thật rộng lớn trùm khắp pháp giới, nên gọi là Đại. Thể chân thật ấy hay gìn giữ tất cả quy tắc và hay sanh khởi ra muôn pháp, nên

gọi là Phương. Thế chân thật ấy có đầy đủ diệu dụng không thể nghĩ lường, nên gọi là Quảng.

Đại Phương Quảng chỉ cho nghĩa của Hoa Nghiêm. Hoa là đức hạnh tròn đủ, Nghiêm là viên mãn trang nghiêm, Phật là giác ngộ hoàn toàn; giác ngộ một cách viên mãn. Khế Kinh Phật giảng trạch: Phàm phu thì bất giác, ngoại đạo thì tà giác, Nhị thừa thì chánh giác, Bồ Tát thì phần giác, Phật thì Viên giác. Chỉ có Phật mới giác ngộ viên mãn. Phàm phu vì bất giác nên không thấy được tánh Phật. Ngoại đạo thì tà giác, tuy biết nhưng biết lệch lạc sai lầm. Hàng Nhị thừa tuy được chánh giác nhưng giác chưa rộng lớn. Bồ Tát tuy thấy tánh Phật nhưng thấy từng phần, nên gọi là Phần giác. Hành giả dụng tâm tu hành, công phu viên mãn, tánh Phật hiển hiện tròn đầy gọi là Hoa Nghiêm. Như vậy Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm, là tánh giác tròn đầy rộng lớn không ngăn mé, trùm khắp pháp giới, vượt ngoài không gian và thời gian, là nguồn gốc sanh ra muôn pháp, diệu dụng nhiệm mầu không thể nghĩ lường.

Kinh (經 Sùtra): Nguyên là chữ Phạn, Trung Hoa dịch là Kinh. Phàm những lời Phật dạy được kết tập lại có hệ thống gọi là Kinh. Kinh có kinh liễu nghĩa và kinh bất liễu nghĩa. Trong kinh Đại Bảo Tích, đức Phật nói với ngài Xá Lợi Phất:

- Nói những việc thế gian là bất liễu nghĩa, nói về thắng nghĩa là liễu nghĩa.

- Nói mà tạo nghiệp phiền não là bất liễu nghĩa, nói để nghiệp phiền não sạch là liễu nghĩa.

- Nói mà chán lìa sanh tử tìm cầu Niết bàn là bất liễu

nghĩa, nói phiền não tức Bồ đề, sanh tử và Niết bàn không hai là liễu nghĩa.

- Nói các thứ văn cú sai biệt là bất liễu nghĩa, nói pháp sâu xa khó thấy khó giác là liễu nghĩa.

Qua bốn câu trên đức Phật giảng trách về liễu nghĩa và bất liễu nghĩa, thì kinh Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm thuộc về kinh liễu nghĩa, vì kinh Hoa Nghiêm nói cùng tột lý cứu cánh Bất khả tư nghì. Kinh (sutra) có 10 ý nghĩa chính:

1 - Dũng tuyền 泉湧 : Nghĩa là suối phun nước có mạch ngầm dưới đất. Chân lý chứa đựng trong kinh như nước suối tuôn trào, gội sạch mọi phiền não cấu bẩn, khiến ta thân tâm thanh tịnh. Suối nước chảy trên mặt đất thì có thể cạn, còn suối nước có mạch ngầm dưới đất thì tương đối bất tận. Hình ảnh suối chảy róc rách, gợi lên cho ta cảm giác tươi mát, dễ chịu. Lời kinh chính là nước suối mát, dội sạch lửa nóng nãy.

2 - Xuất sinh 出生 : Cũng như mặt trời, lúc nào cũng tỏa ra ánh sáng, lúc nào cũng phát ra năng lượng, kinh cũng vậy: Nó lúc nào cũng tỏa ánh hào quang, lúc nào cũng làm phát sinh đủ mọi công đức, đủ mọi pháp lành, bởi vì chân lý trong kinh có thể làm ta thức tỉnh, phát tâm bồ đề, rồi theo đó thực hành. Tam thế chư Phật đều từ chân lý trong kinh mà đắc giác ngộ. Nhiều người chỉ nghe một câu kinh mà cả đời thay đổi, bỏ ác làm lành. Ngài Huệ Năng nghe một câu kệ trong kinh Kim Cang, rồi không biết bao nhiêu hạt giống bồ đề của ngài đã gieo trồng trong vô số kiếp trước đột nhiên sống lại, khiến ngài giác ngộ. Đó chính là tác dụng làm xuất sinh pháp lành của kinh.

3 - Hiển thị 顯示 : Hiển là làm lộ ra, Thị là chỉ cho thấy. Giống như mặt trăng, ngôi sao sáng hay ngọn đăng thắp có thể rọi sáng bóng đêm hiển bày mọi cảnh tượng. Kinh cũng là mặt trăng hay ngọn hải đăng, làm hiển thị những định luật, chân lý của vũ trụ mà bình thường ta khó thấy rõ trong màn đêm vô minh của tâm trí. Nhờ kinh ta mới biết được những cảnh giới vô hình như những buổi thuyết pháp của Phật trên cung trời Đâu Suất. Hoặc kinh diễn bày những triết lý giải thích về chân lý. Câu chuyện sau đây nói về sức mạnh khi chân lý hiển thị: Có vị thầy sau nhiều năm nghiên cứu tham thiền vất vả, vẫn không sao chứng ngộ. Anh ta mới đắp y, trải tọa cụ trịnh trọng đánh lễ thầy mình, hỏi rằng: Thưa thầy, con tu đã lâu mà vẫn chưa biết làm sao giải thoát, xin thầy chỉ bảo! Vị thầy hỏi ngược lại: Vậy chớ ai trói buộc con, mà con đòi giải thoát? Giống như điện chớp lóe sáng giữa đêm đen, chỉ chớp nhoáng, thầy kia lập tức thấy rõ, thấu suốt đường tu và tâm mình. Thầy ấy không còn mù mờ nữa. Sức mạnh của kinh và của chân lý thì như thế: Chỉ ra bến giác, thoát vô minh, sửa vận mạng.

4 - Thẳng mặc 繩繹 : Nghĩa là dây dọi hay thước đo. Thẳng mặc ở đây mang hai ý nghĩa: Một, là phương tiện đo đạc: Không có dây dọi thì chẳng sao xây nhà cho thẳng. Không có thước đo thì chẳng sao vẽ hình cho đúng được. Hai, là đơn vị đo lường tiêu chuẩn: Như các hệ thống đo lường trong toán học, vật lý hay hoá học; các đơn vị đo đạc trừu tượng dùng trong khoa kinh tế học, tâm lý học, xã hội học, đều là thẳng mặc. Kinh là phương tiện đo đạc và chân lý trong kinh là tiêu chuẩn đo đạc để ta theo đó tu hành.

Những chân lý trong kinh là những tiêu chuẩn của thiện nghiệp, đạo đức, công hạnh tu tập, quá trình tu chứng, và quả vị. Thí dụ như kinh dạy rằng: Con đường giải thoát là giới định huệ. Nếu bạn không tu giới định huệ mà được giải thoát, thì chuyện đó thật kỳ lạ lắm vậy!

5 - Quán xuyên 觀串 : Nghĩa là khâu kết lại với nhau. Như vòng hoa khâu kết mấy cánh hoa rời rạc lại với nhau. Chân lý trong kinh khâu kết mọi sự lý, mọi hiện tượng lại với nhau trong một quan hệ nhân quả. Kinh khâu kết những chuyện mà ta cảm thấy rời rạc không liên quan gì với nhau thành ra một bức hình toàn diện của vạn pháp (Tổng tướng), trong đó mọi thành phần (Biệt tướng) thì quan hệ mật thiết, không thể phân chia, tách rời. Tất cả những biến đổi của mỗi thành phần, dù tốt hay xấu, hoặc trở nên tương đồng (Đồng tướng), hoặc trở nên khác biệt (Dị tướng), hoặc sinh ra (Thành tướng), hoặc chết mất (Hoại tướng); tất cả mọi chu kỳ và biến thiên của mọi hiện tượng trong vũ trụ và pháp giới đều bao hàm trong một đại thể. Kinh là lăng kính mà qua đó ta có thể thấy đại thể ấy. Cũng có nghĩa rằng kinh là lăng kính giúp ta đạt được cái nhìn như thị: Thấy vạn pháp bằng chân lý, không bị ảnh hưởng bởi thành kiến, ngã kiến hay phiền não.

6 - Nhiếp trì 攝持 : Nghĩa là nắm giữ, giữ gìn, không để cho biến mất hay hư hoại. Cũng giống như sức hút của trái đất, hay trọng lực, nhiếp trì tất cả mọi vật trên mặt đất, kinh nhiếp trì tất cả mọi chân lý. Kinh là một thứ hoàn toàn thanh tịnh, không phát sinh từ tham sân si, với năng lực vô song duy trì tâm thức của người tu trên con đường thanh tịnh và

trí huệ. Mỗi một ý trong kinh là một hạt giống bất diệt trong tâm thức của người tu. Hạt giống ấy một khi đã gieo xuống thì bất diệt, từ từ lớn mạnh, tạo ảnh hưởng khiến ta hướng vào đường lành, tránh ngõ ác.

7 - Thường 常 : Nghĩa là thường hằng bất diệt. Ví như hư không: Chẳng sao phá hủy được nó. Cũng vậy, chân lý trong kinh chẳng ai có thể hủy hoại được. Ta có thể hủy báng, chê bai, thiêu đốt kinh sách, cấm cản phát hành, nhưng không sao thay đổi được những đạo lý trong kinh. Thí dụ, vào thời Đường, có vua Võ Tông (814-846).

8 – Pháp 法 : Pháp ở đây có nghĩa là lý tất nhiên, lẽ đương nhiên. Kinh bao hàm những lý lẽ không sao phủ định được, mà ta gọi là chân lý, tức là Pháp (Tam thế chư Phật đồng tuân viết Pháp).

9 - Điển 典 : Có nghĩa là tập hợp những nghĩa lý tốt lành, không chút tà vạy. Điển là thứ ta có thể tin cậy để dựa vào, để nghiên cứu, để tìm hiểu, vì nó không có bóng dáng của lòng ích kỷ, thiên vị hay quan niệm lệch lạc. Khi những sách vở nói về một triết thuyết, học thuyết, hay quan điểm của một cá nhân thì nó chưa phải là điển. Khi nào những gì được trình bày trong sách vở ấy hoàn toàn vắng bật dấu vết của lòng truy cầu danh vọng, cảnh giới hẹp hòi nhỏ bé của bản ngã thì nó sẽ thành kinh điển.

10 – Kinh Lộ 經路 : Nghĩa là con đường. Trong danh từ Hán Việt, chữ này đồng âm với chữ kinh của kinh điển. Con đường thì có to nhỏ, dài ngắn khác nhau. Những đạo lý trong kinh điển dạy cũng giống như con đường, hay nói đúng hơn là bản đồ để ta theo đó tu hành giải thoát sinh tử. Ngoại

đạo là con đường dẫn ta đi ra khỏi Đạo, hướng ngoại, rời bỏ chân lý và chân tâm.

- Tên kinh 大方廣佛華嚴 **Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm**, gọi tắt là **華嚴 Hoa Nghiêm**. Nói vắn tắt, ý nghĩa tên kinh là ẩn dụ về pháp giới. Như trên đã giải thích, pháp giới tức là chân tâm. Pháp giới là cảnh giới vô sai biệt, trong đó bao hàm mọi cảnh giới của thánh và phàm, của vũ trụ và vạn tượng. Đặc tính này bao gồm lý sự, thể tướng dụng, nhân quả của pháp giới. Cũng như hoa sen (đề kinh Diệu Pháp Liên Hoa) là ẩn dụ của chân tâm, Hoa Nghiêm là ẩn dụ của pháp giới.

Nếu phân tích tên kinh từng chữ thì:

- **Đại** 大 : Là chỉ thể tánh bao la vô cùng vô tận của pháp giới. Không sao có thể đo đạc trắc lượng được biên cương của pháp giới vô hình, ngay như vũ trụ cũng chỉ là một điểm trong pháp giới.

- **Phương** 方 : Nghĩa là phép tắc, nguyên lý, chân lý, pháp bất biến của pháp giới. Những chân lý này lúc nào cũng hiển nhiên, đúng đắn, chân chính không lệch lạc, thí dụ như lý nhân quả, lý nhân duyên nghiệp báo, lý luân hồi. Chân lý chính là tướng trạng của pháp giới. Chân lý thì vô hình nhưng nó chi phối sự vận hành của tất cả mọi sự, mọi hiện tượng.

- **Quảng** 廣 : Chỉ sự ứng dụng của pháp giới thì rộng lớn, trùm khắp vũ trụ, châu biến khắp nơi đâu đâu cũng vô ngại. Không đâu ra ngoài phạm vi pháp giới. Bóng dáng của pháp giới (chân tâm của ta) thì gần kề và hiển hiện khắp nơi nhưng ta chẳng thấy đặng. Vì sao? Vì ta bị vọng tưởng, dục

vọng che khuất trí huệ nên không thấu hiểu pháp giới. Nếu ai thể nhập pháp giới thì trong một bụi trần ấy có thể dung nạp vô biên thế giới, trong một sát na đạo khắp vũ trụ. Đó là ứng dụng của pháp giới.

- **Phật** 佛 : Chữ này có hai nghĩa, một là **trí giác ngộ**, hai là người giác ngộ. Giác ngộ sự huyền diệu của pháp giới, của thể, tướng và dụng trong ba chữ đại phương quảng. Sự giác ngộ này là chìa khóa để nhập pháp giới, của đại giải thoát, tự tại vô ngại. Sự giác ngộ này biểu hiện bằng Thập trí hay Thập lực trí của đức Phật. Trong tên kinh, chữ Phật với ý giác ngộ là nghĩa chính, còn nghĩa người giác ngộ là nghĩa phụ, bởi vì đặc tính của pháp giới thì vô nhân vô ngã.

- **Hoa** 華 : Đây là hình tượng ẩn dụ sự tu hành Mười ba la mật. Sự tu trì này là nhân để nhập pháp giới, thành tựu mọi công hạnh của Bồ Tát đạo. Hình ảnh đóa hoa nở khai là hình ảnh của tâm Bồ Đề khai mở ra trong tâm thức người tu. Tâm này là nhân của mọi công đức mọi hành lành. Hoa này có mười cánh, mỗi cánh là một hạnh Ba La Mật. Mười cánh ba la mật tức là: Bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định, bát nhã, phương tiện, đại nguyện, đại lực, và đại trí. Mỗi cành hoa là một Ba La Mật, nhụy hoa là Bồ Đề tâm, hoa cần nước là Đại bi, ánh sáng là Trí tuệ.

- **Nghiêm** 嚴 : Nghĩa là trang nghiêm, như dùng hoa để trang nghiêm. Ở đây ám chỉ dùng vạn hạnh để trang nghiêm bản thể thanh tịnh, trang nghiêm pháp giới. Hoặc có nghĩa là dùng thập độ vạn hạnh công đức để thành tựu Phật quả. **Nhân** (trong chữ Hoa) là Bồ Đề tâm, **Quả** (trong chữ Nghiêm) là Phật. Mỗi đóa hoa là một công hạnh với mỗi cánh hoa là

một Ba La Mật. Đó chính là đặc tính của sự tu hành theo hạnh nguyện của ngài Phổ Hiền.

Ngài Thanh Lương Trùng Quán, viết bài văn giới thiệu Kinh Hoa Nghiêm như sau:

Đại: Dĩ khoáng kiêm vô tế
 Phương: Dĩ chính pháp tự trì
 Quảng: Tắc xứng thể nhi châu,
 Phật: Vị giác tư huyền diệu,
 Hoa: Dụ công đức vạn hạnh,
 Nghiêm: Vị sức pháp thành nhân.

Dịch rằng:

Đại thì rộng rãi, không biên tế
 Phương là chân lý tự vận hành.
 Quảng hợp bản tánh, biến khắp nơi.
 Phật tức giác ngộ lý diệu huyền.
 Hoa chỉ vạn hạnh, cùng công đức.
 Nghiêm tô điểm lý, thành tựu người.

Phật: 佛 là dịch âm tiếng Phạn, nói tắt của chữ Phật đà (Bouddha). Chữ Phật, Trung Hoa dịch là Giác giả, có nghĩa là sáng suốt hoàn toàn, tức là chỉ cho những bậc Đại giác, Đại ngộ. Những bậc này biết rõ tất cả sự lý trong vũ trụ một cách chân chính, cùng tột và không còn một chút mê lầm, điên đảo, do đó còn được gọi là Vô thượng Biến Chánh giác. Có đầy đủ ba đức tánh giác ngộ là Tự giác, Giác tha, và Giác hạnh viên mãn.

1. **Tự Giác:** 自覺 Tự trở nên giác ngộ; Bậc tự giác thì không giống như hạng phàm phu chưa được giác ngộ.

Những người tu theo Nhị thừa đều có thể tự trở nên giác ngộ; vì thế, họ đều khác hẳn kẻ phàm phu.

2. Giác Tha: 覺他 Làm cho người khác trở nên giác ngộ. Do đó, người có thể khiến cho người khác trở nên giác ngộ là bậc Bồ Tát. Bồ Tát đã có thể tự giác, lại có thể giác tha; và vừa làm lợi cho mình vừa có thể làm lợi cho người khác. Đó gọi là Giác tha.

3. Giác Hạnh Viên Mãn: 覺行圓滿 Bậc Bồ Tát tuy có thể giác ngộ người khác, nhưng vẫn chưa thể đạt được giác hạnh viên mãn. Trong khi đó, chư Phật đã có thể tự trở nên giác ngộ, lại có thể làm cho người khác được giác ngộ, và còn có thể hoàn thành viên mãn hạnh tự giác giác tha của mình nữa. Chính nhờ đã hoàn tất trọn vẹn cả ba hạnh nguyện này nên các ngài đã thành Phật.

Thuyết: 說 Nghĩa là nói. Bộ kinh này vốn do đức Phật nói ra. Chữ Thuyết còn hàm ý nghĩa Duyệt sử hoài. Tức là nói ra những điều mà trong lòng mình ưa thích, và một khi đã nói ra rồi thì càng cảm thấy hoan hỷ hơn.

Tánh tướng: Chỉ cho thể tánh và tướng trạng. Bản thân chân thật bất biến mà tuyệt đối, hoặc tự thể của sự vật, gọi là Tánh. Tướng trạng hiện tượng biến hóa sai biệt, gọi là Tướng.

Pháp giới: Dịch âm là Đạt Ma Đà Đô, có ý chỉ cho toàn bộ hiện tượng vạn hữu. Câu Xá Luận lấy Thọ uẩn, Tướng uẩn, Hành uẩn, Vô biểu sắc và Vô vi pháp gọi là Pháp giới; trong Thập nhị xứ thì gọi là Pháp xứ, nhưng trong Thập bát giới, thì 17 giới còn lại cũng gọi là Pháp, cho nên nghĩa rộng

là chỉ khắp tất cả Hữu vi pháp và Vô vi pháp là Pháp giới.

Nói về Khế Kinh, thông thường chúng ta chỉ nghiên cứu Bốn ý nghĩa như sau:

Kinh (經 S. Sùtra): Nguyên là chữ Phạn, Trung Hoa dịch là Kinh. Phàm những lời Phật dạy được kết tập lại có hệ thống gọi là Kinh. Có bốn nghĩa chính là: Quán (kết nối), Nhiếp (thâu vè), Thường, và Pháp.

1. Quán: 觀 là Quán xuyên sở thuyết nghĩa 觀 綯 所 說 義 ; nghĩa là nối kết những nghĩa lý đã được thuyết giảng lại với nhau. Các đạo lý trong Kinh được liên kết với nhau từng chữ, từng chữ một.

2. Nhiếp: 攝 là Nhiếp trì sở hóa cơ 攝 持 所 化 機 nghĩa là thâu phục, dẫn dắt tất cả chúng sanh có căn cơ và đã sẵn sàng để đón nhận sự giáo hóa.

3. Thường: 常 Thế nào gọi là Thường? Cổ kim bất biến viết Thường. Nghĩa là từ xưa đến nay không hề biến đổi thì gọi là Thường. Những đạo lý chứa đựng trong Kinh vốn bất biến - trong quá khứ đã không thay đổi, ngay hiện tại cũng không thay đổi, và trong tương lai cũng sẽ không thay đổi, cho nên gọi là thường.

4. Pháp: 法 Tam thế đồng tuân viết Pháp, nghĩa là những gì mà tam thế đều đồng tuân theo thì gọi là Pháp. Tam thế là ba đời: Quá khứ, hiện tại và vị lai. Tất cả chúng sanh trong ba đời đều tôn thờ và noi theo giáo pháp trong Kinh mà tu hành.

Lục Chứng Chứng Tín; tức sáu bằng chứng xác quyết niềm tin, cũng gọi Lục Chứng Thành Tựu:

Như thị: Tín thành tựu, Tổng tướng của kinh này.

Ngã văn: Văn thành tựu, chính A Nan đã nghe và khi Kết tập Ngài trùng tuyên lại.

Nhứt thời: Thời thành tựu, chỉ thời gian thích hợp Phật thuyết kinh Đại Phương Quảng Hoa Nghiêm.

Phật: Chủ thành tựu, chỉ đức Thích Ca Mâu Ni.

Bồ Đề Đạo Tràng (tại Ma Kiệt Đề Quốc): Xứ thành tựu, chỉ trú xứ khởi nói kinh Hoa Nghiêm.

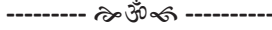
Vi trần số Bồ Tát cập chư thiên, long bát bộ: Chúng thành tựu, chỉ vô số Bồ Tát và đại chúng trong hội.

Câu hỏi ôn tập:

1. Trình bày tóm tắt ý nghĩa Đại Phương Quảng?
2. Trình bày 10 ý nghĩa của Kinh?
3. Kể tên 12 bộ kinh qua bài kệ đã học?
4. Lục thập và Bát thập Hoa Nghiêm mỗi loại gồm có bao nhiêu Phẩm?
5. Lục thập và Bát thập Hoa Nghiêm do ai dịch từ Phạn sang Hán văn, vào những thời nào?

CHƯƠNG III – TÔNG THÚ HOA NGHIÊM

第三章宗趣華嚴經



Đại ý của Kinh Hoa Nghiêm là nói về tinh thần biện chứng, triết lý và phương thức tu hạnh Bồ Tát. Diễn tả cảnh giới nội chứng cũng như trọn vẹn công hạnh của đường tu, từ phàm phu lên đến quả vị cứu cánh giác ngộ. Cũng có thể nói đại ý của kinh này dạy ta làm sao khai mở Chân tánh hay Pháp giới trong tâm mình. Hoặc làm sao triển khai Bồ Đề tâm tới chỗ viên mãn nhất. Để giải thích nội dung tu hành, kinh chia làm 4 phần chính (gồm: Thất xứ, Cửu hội, Bốn pháp giới, Thập huyền môn; qua Năm mươi ba nhân vị, được biểu thị qua hình ảnh 53 vị Thiện tri thức).

Tông chỉ, cũng gọi là Tông thú ; tức Tông chỉ và Thú hướng. Tông chỉ của một bộ kinh là nền tảng mà dựa vào đó toàn bộ triết lý của kinh được xây dựng. Tùy theo chất liệu, mức độ cứng chắc, diện tích lớn bé thế nào mà kiến trúc bên trên sẽ to hay nhỏ, vững vàng hay è ọp, rộng rãi hay chật hẹp. Nền tảng của Kinh Hoa Nghiêm là Pháp giới *tánh*.

Nhược nhân dục liễu tri,
Tam thế nhất thiết Phật,
Ưng quán pháp giới tánh,
Nhất thiết duy tâm tạo.

Dịch nghĩa:

Nếu người muốn biết rõ,

Tất cả Phật tam thể,
 Phải quán tánh pháp giới,
 Tất cả do tâm tạo.

Tất cả cảnh giới Thánh, phàm, thế gian và xuất thế gian, chỉ một bài kệ này đã bao gồm chẳng thiếu sót. Hai chữ Pháp giới, gồm có tứ Thánh lục phàm, hợp thành mười pháp giới. Mười pháp giới này vốn chẳng có tự thể, chẳng có tự tánh, chẳng có tự chủng, cũng chẳng có tự căn, đều do một tâm tạo ra.

Thú hướng là phương hướng mà kinh dẫn ta tới. Đối với hành giả thì kinh Hoa Nghiêm như một con đường dẫn tới sự viên mãn đạo Bồ Tát, viên mãn tâm Bồ Đề. Như vậy thì khởi đầu của con đường này là đâu? Là sự phát khởi tâm Bồ Đề. Do đó chủ đề của kinh là Bồ Đề tâm.

Kinh dạy chúng ta làm sao phát Bồ Đề tâm, Đại tâm phàm phu, làm sao nuôi dưỡng, thành thực, rồi tiến tới viên mãn; lại làm sao khiến tâm này phát triển ở những chúng sinh khác. Bởi vậy kinh Hoa Nghiêm, từ đầu đến cuối, có thể xem như là một chương trình dạy chúng ta thứ lớp tu hành, từ phàm phu lên đến quả vị Phật, qua gương hạnh của Thiện Tài đồng tử mà kinh đã diễn thuyết, trình bày sự tu hành một cách toàn diện rất ráo đầy đủ như Hoa Nghiêm. Nên Kinh dạy:

Nhược như dục thức Phật cảnh giới,
 Đương tịnh kỳ ý như hư không,
 Viễn ly vọng tưởng cập chư thủ,
 Linh tâm sở hướng giai vô ngại.

Nghĩa là:

Nếu người muốn biết cảnh giới Phật,
Phải định tâm ý như hư không,
Xa lìa vọng tưởng cùng chấp thủ,
Khiến tâm hướng đến chỗ dung thông.

Ngài Diệu Thọ dạy: Từ tán tâm đến đa tâm, từ đa tâm đến thiếu tâm, từ thiếu đến nhứt tâm, từ nhứt đến vô tâm, từ vô đến cứu cánh.

Tuy nhiên khi nói về Tông Thứ kinh này, xưa nay cũng có những kiến giải bất đồng; như ngài Đàm Diễn đời Tề nói kinh này lấy Vô ngại pháp giới làm Tông; ngài Linh Dụ đời Tùy nói kinh này lấy Thâm thâm pháp giới tâm cảnh làm Tông, có người nói kinh này lấy Duyên khởi làm Tông, có người nói kinh này lấy Duy Thức làm Tông. Hai ngài Pháp Mẫn, Pháp Ấn đời Đường nói kinh này lấy Nhân quả làm Tông; ngài Huệ Viễn đời Tùy nói kinh này lấy Hoa Nghiêm Tam Muội làm Tông; ngài Đạt Ma Cấp Đa đời Tùy nói kinh này lấy Quán Hạnh làm Tông; có người nói kinh này lấy Hải Ấn Tam Muội làm Tông, ngài Huệ Quang đời Bắc Ngụy nói kinh này lấy Nhân quả lý thật làm Tông; ngài Hiền Thủ (Pháp Tạng) đời Đường dựa vào thuyết của ngài Huệ Quang, tức là lấy Nhân quả duyên khởi lý thật pháp giới làm Tông thứ của kinh này (Hoa Nghiêm Kinh Sớ 3, Thanh Lương). Và ý kiến này về sau trở thành kiến giải chung của Tông Hiền Thủ đối với kinh này.

Cũng như thế khi nói về giáo nghĩa của kinh Hoa Nghiêm, được các học giả Phật giáo nhất trí tôn trọng. Từ Nam Bắc triều đến nay, ba nhà Phật học nổi tiếng ở Giang Nam đều

phán giáo kinh này thuộc Đốn giáo, và cho các kinh điển khác là Tiệm giáo hoặc Bất Định giáo. Lúc ấy, bảy nhà Phật học ở phương Bắc phán giáo kinh này tuy bất đồng, nhưng cũng đều phán kinh này là Viên giáo cao nhất trong các giáo, hoặc Đốn giáo, Chân tông, Pháp giới tông ... Về sau, ngài Cát Tạng lập ba lần chuyển pháp luân, lấy kinh này làm căn bản pháp luân; ngài Trí Khải, Tổ tông Thiên Thai, lập bốn giáo hóa nghi, liệt kinh này vào Đốn giáo, lại lập bốn giáo hóa pháp, liệt kinh này vào Biệt giáo kiêm Viên giáo; ngài Khuy Cơ, đời Đường lập ba thời giáo, lấy kinh này làm Trung đạo giáo; các sư của Tông Hiền Thủ phán kinh này thuộc Nhất thừa Viên giáo trong năm giáo, hoặc tông Viên Minh cụ đức trong mười tông. Tóm lại, kinh này từ trước đến nay đều được các nhà Phật học công nhận là kinh giáo Viên đốn hơn hết.

Bảy chữ đầu đề của kinh này: Đại **Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm Kinh**, đã bao hàm toàn bộ kinh, nào là: Giáo, lý, hạnh, quả, thể đại, tướng đại và dụng đại, nhưn địa tu chứng đều trùm cả mọi phạm trù, mà rốt cuộc chỉ ở nơi tự tâm tịch tịnh sẵn có của chúng sinh trọn đủ.

Nói một cách khác, Kinh Hoa Nghiêm là tên của một loại Đại pháp, Đại Thiên, Đại Định cao sâu cùng tột, chứa nhóm hằng sa công đức, tức Thai Tạng Mạn Đà La dẫn đến chứng đạt rốt ráo thành tựu viên mãn muôn hạnh của bậc Bồ Tát, thể nhập Thai Tạng Giới Mạn Đà La. Phổ Hiền Tam Muội là thể nhập tâm tính bản lai thanh tịnh, đầy đủ trí tuệ cao tột, trừ sạch vô minh phiền não, lấy hiện tướng của Phật, cảnh giới Tỳ Lô Giá Na làm biểu tượng nên gọi là Phật Hoa Nghiêm.

Phật Hoa Nghiêm là cái nhân sâu kín nhiệm màu của các đức Như Lai, tức Pháp thân Phật, chỉ cho sự tu chứng rốt ráo trọn vẹn, đạt đến cảnh giới Tu vô tu tu, Chứng vô chứng chứng, Đắc vô sở đắc.

Chư Bồ Tát hành giả tu tập thể nhập Nhất Chân Pháp Giới tức thành tựu muôn hạnh Bồ Tát. Nên nói Kinh Pháp Hoa là Vua của các kinh, thì Kinh Hoa Nghiêm lại là Vua của tất cả các Vua.

Đối tượng tu tập của Kinh Hoa Nghiêm là Bồ Tát hiền thánh, chúng sanh phát Đại tâm phàm phu, phát Tâm Bồ đề, thú hướng Bồ đề vô thượng.

Công đức tu tập của Hoa Nghiêm là hàng phục phiền não trần lao, thể nhập Phật tri kiến, hàng phục vọng tâm, nhập pháp giới tánh.

Mục đích tu tập là chứng nhập Pháp giới tánh, Phật tri kiến thành tựu Chân tâm thường trú, nói khác là chúng sanh thành tựu đại đạo tâm, tức chứng đắc vô thượng Bồ Đề Phật quả.

Nay trình bày về Tông bốn Đại thừa.

1 - Đại thừa là pháp rộng lớn có khả năng vận chuyển chúng sanh, Bồ Tát từ các hạnh vị thể nhập vào địa vị Phật.

2 – Bồ Tát và chư Phật đều y cứ pháp đại thừa thi hành Phật sự lợi lạc quần sanh.

3 – Với Trí - Hạnh - Nguyện - Lực đều lớn nên gọi là Đại. Như kinh Pháp Hoa đã dạy: Các đức Phật, Thế Tôn, đều nói pháp nhất thừa. Độ vô lượng chúng sanh, đều vào nơi Phật đạo.

Đại thừa về mặt bản thể.

a – Thể đại: Hiện hữu khắp pháp giới

b – Tướng đại: Rộng lớn như hư không, chứa đựng hằng sa công đức.

c – Dụng đại: Có khả năng xuất sanh nhân quả Thánh phàm.

Đại thừa về mặt tướng.

a – Tướng chân như tức là bản thể chân tâm.

b – Tướng nhân duyên sinh diệt, chỉ cho thể tướng dụng, chân vọng hòa hợp duyên khởi của chân tâm.

1 – Tín Giáo:

Pháp đại thừa tuy có nhiều vô số, nhưng cơ bản vẫn là nhất tâm chân như hoặc Phật tánh, Bồ Đề... làm thể. Vì vậy, tất cả kinh giáo của đại thừa từ Hoa Nghiêm đến Niết Bàn, dù tông giáo có khác, ẩn hiện không đồng, tánh tướng sai biệt, nhưng lý duy nhất vẫn là một, đều là diệu dụng của Phật thừa từ tự tâm lưu xuất. Như kinh Pháp Bửu Đàn nói: Tất cả tam tạng giáo điển, mười hai phần giáo đều sẵn có trong tự tâm. Nếu không tự nhận biết, lại đi tìm bên ngoài là điều không thể có được.

Tuy nhiên, đối với giáo pháp đại thừa thì vấn đề **Tín giải** là việc tối quan trọng. Như Kinh Hoa Nghiêm dạy:

Tín đạo nghiêm thân công đức mầu,
Tín vi trưởng dưỡng chư thiện căn
Tín năng hàng phục chư ma đạo,
Tín năng thành tựu đạo Bồ Đề.

Lòng tin là mẹ sanh ra các công đức lành, nhiếp phục tất cả vọng tâm về với chính mình, dẫn đến thành tựu đạo quả giác ngộ giải thoát. Vì vậy, trên cơ sở tín giải pháp đại thừa chúng ta mới khởi hạnh tu tập, xứng với lý tánh đại thừa, cuối cùng thể nhập chân lý, chứng được pháp phần của Phật.

2 - Ngộ Lý:

Phần ngộ lý bao hàm các phạm trù: Pháp giới tánh, Như Lai tàng, Bồ Đề tâm, Bồ Đề hạnh, Bồ Đề quả và Chân tâm thường trụ.

a – Bồ Đề tâm: Bồ Đề tâm là tâm giác ngộ sẵn có của chúng sanh xưa nay thanh tịnh sáng suốt, chân thật bất hư. Như cổ đức đã nói:

Bồ Đề tâm tự thưở nào,
Bản lai thanh tịnh lâu lâu gương xưa
Muốn tu chứng đạo chân thừa,
Bồ Đề tâm nguyện sớm trưa tu trì.

Bồ Đề tâm có nhiều nghĩa, kinh Hoa Nghiêm nói: Bồ Đề tâm như đại địa, Bồ Đề tâm như gió thổi, như trăng sáng, như gương trong, như dòng nước, như đại lộ, như thành quách, như ngọc như ý, như định thủy châu . . .

Về chủng loại Bồ Đề có bốn món: Tự tánh Bồ Đề, Sở y Bồ Đề, Sở duyên Bồ Đề, Sở chứng Bồ Đề. Vì vậy, Bồ Đề tâm làm chánh nhân tu tập, nhất định sẽ thành tựu đạo quả Bồ Đề. Bằng ngược lại cũng là chánh nhân nhưng lại dẫn đến luân hồi sanh tử phiền não khổ đau. Như thế kinh dạy: Quên mất tâm Bồ Đề, tu tập các thiện pháp, sẽ hành theo

ma nghiệp, mất các đạo quả lành.

Cho nên, khi đã tin hiểu và phát tâm Bồ Đề rồi cần phải phát khởi tu hạnh Bồ Đề. Thực hành Bồ Tát hạnh mới thành tựu Vô thượng Bồ đề Phật quả. Như Cổ đức nói:

Thiện Tài đồng tử, ngũ thập tam tham,
Siêu sanh tứ độ, cộng chứng phổ quang.

Cũng có nghĩa là Thiện Tài đồng tử, sau khi được Bồ Tát Văn Thù khai thị tin hiểu mình có Bồ đề tâm mới phát khởi tâm học với năm mươi ba vị Hiền Thánh để thành tựu Bồ Đề hạnh và từ đó đạt quang minh giới, đắc quang minh trí vậy.

b – Chân tâm thường trụ cũng gọi là Phật tánh, Viên giác diệu tâm, Nhất tâm chân như, Nhất chân pháp giới, để diễn tả tâm này chư bậc Cổ đức dạy:

Giác tánh viên minh hiện chân thường,
Thanh tịnh hư hàm khắp mười phương,
Nhân quả Thánh phàm dung nhiếp cả,
Thần thông diệu dụng tuyệt suy lường.

Hay luận Hiển Dương Thánh Giáo dạy: Tâm sanh chủng chủng pháp, Tùy duyên thủy thượng âu, Tánh chân như bất biến, Như thủy bốn thanh trừng. (Bất biến tùy duyên là tánh ấy. Tùy duyên bất biến chính tâm này. Minh tâm nhận rõ lao xao sóng. Kiến tánh nhìn sâu mặt nước bằng).

3 – Tu hành:

Sau khi đã thâm tín giáo pháp, ngộ lý Phật pháp đại thừa, kế đến là phát khởi hạnh nguyện tu hành. Trong quá trình tu tập như thế kinh thường nói là phải trải qua ba A

tăng kỳ kiếp:

A tăng kỳ 1 : Sơ phát tâm cho đến tam hiền.

A tăng kỳ 2 : Sơ địa cho đến thất địa.

A tăng kỳ 3 : Bát địa dẫn đến Diệu Giác Phật.

a – **Thập Tín:** Bậc Thập Tín là hàng Bồ Tát sơ phát tâm thành tựu niềm tin bất hoại đối với Phật tánh và tin mình có khả năng tu hành thành Phật. Nói cách khác là thành tựu tứ bất khả hoại tín: Tin Phật, Tin Pháp, Tin Tăng, Tin Giới. Bậc thập tín còn có mười vị: Tín tâm, Niệm tâm, Tinh tấn tâm, Giới tâm, Định tâm, Huệ tâm, Xả tâm, Hộ pháp tâm, Hồi Hướng tâm và Nguyện tâm. Pháp tu chủ yếu của thập tín là thập thiện. Do nhờ căn lành đời trước, làm cho họ tin lý nhân quả, vô thượng bồ đề và nhờ có niềm tin đối với Tam Bảo... mà thành tựu tín tâm (Đại Thừa Khởi Tín luận).

b – Thập Trụ: Bậc Thập Trụ mỗi niệm mỗi niệm an trụ Phật tánh, trung đạo, trên cầu quả vị vô thượng bồ đề, dưới nguyện hóa độ tất cả chúng sanh.

c – Thập hạnh: Bậc Thập Hạnh là bậc Bồ Tát tu tập các pháp hành rộng lớn: Tứ vô lượng tâm, bốn bình đẳng pháp và các Ba La Mật... để thành tựu thượng hạnh, vô biên hạnh... Bậc thập hạnh có mười vị: Hoan hỷ hạnh, Nhiều ích hạnh, Vô sân hận hạnh, Vô tận hạnh, Ly si loạn hạnh, Thiện hiện hạnh, Vô trước hạnh, Tôn trọng hạnh, Thiện pháp hạnh và Chân thật hạnh.

d – Thập Hồi Hướng: Với danh xưng đã nói lên ý nghĩa, có nghĩa là bậc do tu hành thành tựu các thiện pháp, có các công đức sau đó hồi hướng về ba nơi: Nhất chơn pháp giới,

Vô thượng Bồ Đề, Tất cả chúng sanh. Thập hồi hướng có mười vị: Cứu độ chúng sanh ly chúng sanh tướng, Bất hoại hồi hướng, Vô tận công đức tạng hồi hướng, Chí nhất thiết xứ, Đẳng nhất thiết chư Phật hồi hướng, Tùy thuận bình đẳng thiện căn, Tùy thuận đẳng quán nhất thiết chúng sanh hồi hướng, Chân như hồi hướng, Vô phược giải hồi hướng, Pháp giới vô lượng hồi hướng.

Bậc Thập Trụ, Thập Hạnh và Thập Hồi Hướng gọi là Tam Hiền, là bậc thiện luôn sống thuận chân lý, gần về với bậc Thánh gồm có Thập Thánh còn gọi là Thập Địa.

e – Thập Địa: Hàng Thập Địa còn gọi là pháp thân Bồ Tát. Vì đã tỏ ngộ thể tánh các pháp và tự tâm. Trên cơ sở đó phát khởi hạnh nguyện, xứng tánh tu hành, nên gọi là bậc chân thật tu. Như kinh Phạm Võng nói: Từ tánh khởi tu, toàn tu tại tánh, nên gọi là bậc chân thật tu. Thập Địa có mười vị: Hoan hỷ địa, Ly cấu địa, Phát quang địa, Diệm huệ địa, Nan thắng địa, Hiện tiền địa, Viễn hành địa, Bất động địa, Thiện huệ địa và Pháp vân địa.

Pháp tu căn bản của hàng Thập Địa là Thập độ: Bố thí, Trì giới, Nhẫn nhục, Tinh tấn, Thiền định, Bát nhã, Phương tiện, Đại nguyện, Đại lực và Đại trí. Trên quá trình tu tập thập địa, Bồ Tát sẽ đoạn trừ mười chướng và chứng mười thứ chân như, bước lên hàng Đẳng Giác Bồ Tát.

f – Đẳng Giác: Là bậc Bồ Tát giác ngộ chân lý về các pháp đồng như Phật. Chỉ còn một phần vi tế sở tri ngu.

g – Diệu Giác: Bậc đã giác ngộ hoàn toàn, tức thành Phật. Qua tiến trình tu hành pháp đại thừa của năm mươi

hai quả vị Hiền Thánh ta có thể phối hợp với ngũ nhãn:

- **Bậc phục nhãn** gồm có ba:
 - + Tập chủng tánh: Thập tín và Thập trụ
 - + Tánh chủng tánh: Tứ Thập hạnh
 - + Đạo chủng tánh: Tứ Thập hồi hướng.
- **Bậc tánh nhãn** gồm ba vị:
 - Hoan hỷ địa, Ly cấu địa và Phát quang địa.
- **Bậc thuận nhãn** có ba vị:
 - Diệm huệ địa, Nan thắng địa và Hiện tiền địa.
- **Bậc vô sanh nhãn** có ba vị:
 - Viễn hành địa, Bất động địa và Thiện huệ địa.
- **Bậc tịch diệt nhãn** gồm có ba vị:
 - Pháp vân địa, Đẳng giác và Diệu giác.

4 – Phần chứng quả:

Khi đề cập đến quả vị, tức nhiên nói đến những công đức phước trí thành tựu dựa trên cơ sở Phật quả lấy phương tiện làm cứu cánh.

Về công đức, tất cả các Đức Phật đều có đầy đủ Mười đức hiệu: Như Lai (Bản thể đức), Ứng cúng (Từ bi đức), Chánh biến tri (Tịch chiếu đức), Minh hạnh túc (Quả hạnh đức), Thiện thế (Đạo đức), Thế gian giải (Hậu đắc trí đức), Vô thượng sĩ (Quả vị đức), Điều ngự trượng phu (Đạo sư đức), Thiên nhơn sư Phật (Cứu cánh giác đức), Thế Tôn (Tôn quý đức).

Thành tựu tứ đức niết bàn: Thường lạc ngã tịnh, Ba mươi hai tướng tốt, Tám mươi vẻ đẹp, Thập thân, Thập Ba la mật, Mười tám pháp bất cộng... Như kinh Hoa Nghiêm nói:

Xưa vì chúng sanh khởi đại bi,
Tu hành Bồ thí Ba la mật,
Nên được tướng tốt thân đẹp đẽ,
Chúng sanh trông thấy đều vui mừng.

Về mặt Thân tướng, thành tựu Thập thân: **Bồ Đề thân:** Kỳ tri tam thế, tất giai bình đẳng (ý). Kỳ thân sung mãn nhất thiết thế gian (thân). Kỳ âm phổ thuận thập phương quốc độ (khẩu). **Oai Thế thân:** Thân hằng biến toạ nhất thiết đạo tràng, Bồ Tát chúng trung oai quang hiển hách, như nhật luân xuất chiếu minh thế giới. **Phước đức thân:** Tam thế sở hành, tự tại vô ngại, chúng phước đại hải, tất dĩ viên mãn. **Tùy ý sinh thân:** Nhi hằng thị sinh, chư Phật quốc độ, hộ niệm chư Phật thành tựu độ sanh. **Tướng hảo trang nghiêm thân:** Vô biên sắc tướng, viên mãn quang minh, biến châu pháp giới đẳng vô sai biệt. **Nguyện thân:** Đại nguyện độ sanh, tận vô biên tế, diễn nhất thiết pháp, như Bồ từ vân. **Hóa thân:** Thị hiện vô lượng thần thông chi lực, giáo hóa điều phục, nhất thiết chúng sanh. **Pháp thân:** Thân biến thập phương, nhi vô lai vãng. **Trí thân:** Trí nhập chư tướng, liễu pháp không tịch. **Lực trì thân:** Tam thế chư Phật sở hữu thần biến, ư quang minh trung dĩ bất hàm đồ. Nhất thiết Phật độ, bất tư nghi kiếp, sở hữu trang nghiêm, tất linh hiển hiện.

Về trí lực thành tựu Thập trí lực tri: Xứ phi xứ, Tam thế nghiệp báo, Chư thiên giải thoát tam muội, Chư căn thắng liệt, Chủng chủng giải, Chủng chủng giới, Nhất thiết tri sở

đạo, Thiên nhãn vô ngại, Túc mạng vô lậu, Vĩnh đoạn tập khí trí lực và Bốn món vô ngại giải: Pháp, Ngữ, Nghĩa và Lạc thuyết vô ngại biện tài.

Về mặt tịch chiếu phổ dụng mười phương qua: Tự tánh pháp thân, Thật tướng pháp thân, Biến hóa pháp thân, Công đức pháp thân và Hư không pháp thân. Cho đến Mười pháp thân theo kinh Hoa Nghiêm, như trước đã nói.

Về mặt ứng dụng, dựa trên cơ sở tâm đại bi, mà phát khởi diệu dụng, thi hành Phật sự giáo độ muôn loài, sử dụng phương tiện quyền xảo làm lợi lạc chúng sanh để cuối cùng đều thành Phật đạo.

Vào thời đại nhà Đường, Ngài Pháp Tạng tức Hiền Thủ Quốc Sư, Ngài đã tóm lược 49 năm thuyết giáo độ sanh của Phật thành Tam thời, Ngũ giáo, nói lên ý nghĩa huyền diệu thâm thúy và hoàn thiện giáo nghĩa Hoa Nghiêm, làm sáng lạng rực rỡ như mặt trời chói lợi giữa thiên không trong thời kỳ này.

Tam thời:

1 - Nhật xuất tiên chiếu Vô thượng căn bản pháp luân.

2 - Nhật thăng biến chiếu Y bản khởi mật pháp luân.

3 - Nhật hoàn một chiếu Nhiếp mật qui bản pháp luân.

Ngũ giáo: Tiểu giáo, Thỉ giáo, Chung giáo, Đốn giáo và Viên giáo.

Giáo nghĩa Kinh Hoa Nghiêm thuộc về Đại thừa viên giáo, nghĩa là giáo lý viên dung hoàn toàn đầy đủ, qua chủ thuyết Pháp Giới Duyên Khởi, nghĩa là vũ trụ vạn hữu trùng

trùng do nhân duyên hòa hợp mà thành; nói một cách khác, mọi sự mọi vật trong thế giới bao la, từ một vật nhỏ như hạt bụi cho đến vật lớn như trăng sao đều nương vào nhau làm nhân làm quả, lớp lớp không cùng, dung thông nhau đối đãi nhau, ảnh hưởng lẫn nhau mà có, mỗi pháp mỗi pháp trong thế gian, không thể tồn tại riêng lẻ hay biệt lập mà thành tựu được, nên gọi vô tận duyên khởi, trùng trùng duyên khởi vậy.

Theo Ngài Pháp Tạng – Hiền Thủ, chủ thuyết Tam Thời Ngũ Giáo, phân định 49 năm giáo hóa độ sanh của Đức Phật:

Thời thứ nhất là Nhật xuất tiên chiếu **Vô thượng căn bản pháp luân**, dụ như mặt trời mới mọc soi tận non cao, mà phạm phu nhị thừa không thể quán triệt, lãnh hội hay thể nhập, tức sau khi thành đạo Đức Thế Tôn tuyên thuyết đạo lý Nhất thừa biệt viên, chỉ bày Lý sự vô tận, tâm tính tịch nhiên của con người. Đó là Kinh Hoa Nghiêm (Viên Giáo).

Thời thứ hai là Nhật thăng biến chiếu **Y bản khởi mạt pháp luân**, dụ như mặt trời lên cao soi rọi khắp núi rừng tăm tối, thấu suốt sơn hà đại địa âm u, như Đức Thế Tôn thuyết kinh A Hàm (Tiểu Giáo) tiếp theo phương đẳng trình bày bốn môn: Không hữu tánh tướng (Thỉ Giáo) còn gọi là giả tướng duyên khởi và không lý vô tánh. Tuy nhiên thâm ý Đức Thế Tôn luôn đề cập vẫn là cảnh giới hiện tượng trong đương niệm sống, xa lìa ngôn luận có không (Đốn Giáo) và khi con người đã biết quán triệt tu tập, và lần chứng nghiệm nơi bản thân bản tâm thanh tịnh, tịch diệt Đức Thế Tôn liền chỉ bày Phật tri kiến, tức **Nhiếp Mạt Quy Bản Pháp Luân**, tuyên thuyết Đồng giáo đại thừa (Chung Giáo) tức kinh Pháp Hoa và Niết Bàn, để giáo độ chúng sanh thể nhập. Nói khác, Tam

thời ngũ giáo nêu cao tâm tính tịch nhiên vốn dĩ là Phật của mười loại hình, trong phạm thánh đồng cư tịnh độ.

Qua chủ thuyết duyên khởi, tôn chỉ Nhất chơn pháp giới, giáo phán Tam thời Ngũ giáo, mục đích chúng sanh đã, đang và sẽ thành Phật, đến phương diện tu tập ba lớp quán pháp giới, siêu việt lý chơn thường thành tựu Mười huyền nghĩa và Sáu tướng viên dung.

Như chúng ta tu tập Chân không quán, thành tựu Kiến tư đoạn diệt giới. Tu tập Lý sự vô ngại quán, tỏ ngộ Vô ngại pháp giới. Tu tập Châu biến hàm dung quán, chứng nhập Nhứt chơn pháp giới.

Nói về Bốn pháp giới, như chúng ta thấy hiện tượng nước nóng nước lạnh (Sự pháp giới) tuy khác nhau về sự tướng nhưng đồng thể ở tính chất ướt (Lý pháp giới) và thể tánh ấy luôn luôn hiển hiện khắp vũ trụ vạn hữu, cho nên sự tướng ấy tức là lý thể, cũng như nước tức là sóng, sự lý dung hòa lẫn nhau không có chướng ngại (Lý Sự vô ngại pháp giới) muôn vật đồng một thể pháp tánh mà hiển hiện và lý sự đã vô ngại thì sự với sự tự nó cũng đã dung hòa (Sự Sự vô ngại pháp giới). Đó là Bốn Pháp Giới, dựa trên Bốn pháp giới vô ngại của Đổ Thuận thiên sư, Ngài Trí Nghiễm thuyết minh Viên dung vô ngại pháp môn, còn được gọi là Thập huyền duyên khởi vô ngại môn:

- 1 – Đồng thời cụ túc tương ưng môn.**
- 2 – Nhất đa tương dung bất đồng môn.**
- 3 – Chư pháp tương tức tự tại môn.**
- 4 – Nhân đà la võng cảnh giới môn.**

- 5 – Vi tế tương dung an lập môn.**
- 6 – Bí mật ẩn hiển câu thành môn.**
- 7 – Chư Tàng thuần tạp cụ đức môn.**
- 8 – Thập thể cách pháp dị thành môn.**
- 9 – Duy tâm hồi chuyển thiện thành môn.**
- 10 – Thác sự hiển pháp sanh giải môn.**

(Phóng nhi tắc ca la pháp giới, thâm nhi tắc tại nhứt vi trần). Do đó sự huyền diệu tâm qua pháp giới vô ngại, hàng phàm phu nhị thừa không có thể nghĩ bàn. Nên gọi Mười môn huyền nghĩa.

Sáu tướng viên dung: Tổng tướng, Biệt tướng, Đồng tướng, Dị tướng, Thành tướng và Hoại tướng. Một pháp bao hàm nhiều đức tướng, đã nhiều đức tướng thì không phải là một, mỗi đức tướng có mỗi ý nghĩa riêng nhưng vẫn hợp thành một cái chung và cái chung đó nhờ lực dụng mà đều hòa lẫn nhau tạo thành những cá thể; những bộ phận cá thể nương nhau mà thành, đến khi mỗi cá thể tự đứng riêng biệt thì đó là Hoại tướng của một vật. Như vậy Tổng và biệt là nói về thể của các pháp, Đồng và dị là nói về tướng của các pháp và Thành và hoại là nói về dụng của các pháp.

Từ đó cho biết Sáu Tướng Viên Dung của Hoa Nghiêm: Tổng, Đồng, Thành là căn cứ tên phương diện bình đẳng mà lập danh tức viên dung môn, Biệt Dị Hoại là y cứ nơi phương diện sai biệt của các pháp mà lập danh, tức Hạnh bố môn; nhưng ngoài Tổng không có Biệt, ngoài Đồng không có Dị và ngoài Thành không có Hoại. Cho nên Hạnh bố tức Viên dung, đó là chỗ cứu cánh diệu dụng của duyên khởi vậy.

Chú thích từ ngữ:

Thích Ca Mâu Ni: S. Sākya-muni, P. Sakya-muni, H. 釋迦牟尼, với ý nghĩa bậc Thánh Nhân xuất thân từ dòng họ Thích Ca, còn gọi là Thích Ca Mâu Nãi 釋迦牟尼, Thích Ca Văn 釋迦文, gọi tắt là 釋迦; Mâu Ni 牟尼 Văn Ni 文尼 Trung Hoa dịch là Năng Nhân 能仁 Năng Nhẫn 能忍 Năng Tịch 能寂 Tịch Mặc 寂默 Năng Mãn 能滿 ĐỘ ỐC TIÊU 度沃焦 hay Thích Ca Tịch Tĩnh 釋迦寂靜 Thích Ca Mâu Ni Thế Tôn 釋迦牟尼世尊 Thích Tôn (釋尊), là đấng giáo tổ của Phật giáo.

Nguyên do xưng hiệu của Ngài có thể tìm thấy trong Quán Chư Di Đạo Phẩm 觀諸異道品 của Phật Bản Hạnh Tập Kinh 佛本行集經, quyển 20. Căn Bản Thuyết Nhất Thiết Hữu Bộ Tỳ Nại Da Tạp Sự (根本說一切有部毘奈耶雜事) quyển 20; A Tỳ Đàm Bát Kiền Độ Luận (阿毘談八犍度論) quyển 30... thuyết minh.

Đức Thích Tôn vốn là Thái Tử con vua Tịnh Phạn (S. Suddhodana, P. Suddhodana, H. 淨飯王) thành Ca Tỳ La Vệ (S. Kapilavastu, P. Kapilavatthu, H. 迦毘羅衛) thuộc miền Bắc Ấn Độ. Thành này hiện tại ở vùng phụ cận Tilorikot (提羅里克 德 拉 里 克) thuộc phía Nam Nepal (尼泊爾 Ni Bạc Nhĩ) phía Đông Bắc sông Rapti (拉布提 拉 布 提 德 拉 里 克). Diện tích tiểu quốc này khoảng 320 km². Thuộc vào Vương quốc Kiêu Tát La (S. Kausala; Kosala, P. Kosala 憍薩羅). Đương thời Bắc Ấn thực hành Cộng Hòa quý tộc, phân chia đất nước thành 10 bang nhỏ, trong đó chọn ra vị lãnh đạo có thể lực nhất, và lúc bấy giờ vua Tịnh Phạn là vị lãnh tụ tối cao. Hoàng hậu Ma Da (S. Mada, H. 摩耶) mẫu thân của đức Thích Tôn, là con gái của chủ Thành

Thiên Tý (S. Devadaha, H. 天臂) thuộc bộ tộc Cư Lợi (居利) lân quốc. Trước khi hạ sinh Thái Tử, theo tập tục đương thời Phu nhân phải quay về Thành Thiên Tý để chờ ngày lâm bồn, trên đường khi đang dừng chân nghỉ tại vườn Lâm Tỳ Ni (S, P. Lumbini 林毘尼) ngay dưới gốc cây Vô Ưu (S. Asoka, H. 無憂) Phu nhân hạ sinh Thái Tử. Theo Tu Hành Bản Khởi Kinh (修行本起經 quyển thượng, phẩm Giáng Thân 品降身) khi giáng sinh đức Thích Tôn đi bảy bước, tay chỉ lên nói rằng: Thiên thượng thiên hạ, duy ngã vi tôn, Tam giới giai khổ, ngô đương an chi (天上天下唯我爲尊三界皆苦吾當安之). Vị Tăng Hữu Pháp Kinh (未曾有法經) của Kinh Trung A Hàm (經中阿含), quyển 8. Dị Xuất Bồ Tát Bản Khởi Kinh (異出菩薩本起經) phẩm Dục Sinh Thời Tam Thập Nhị Thụy (欲生時三十二瑞) của Phổ Diệu Kinh (普曜經) quyển 2, Quá Khứ Hiện Tại Nhân Quả Kinh (過去現在因果經) quyển 1, Chúng Hứa Ma Ha Đề Kinh (衆許摩訶提經) quyển 3, phẩm Thọ Hạ Đản Sinh (品樹下誕生) quyển 8, Căn Bản Thuyết Nhất Thiết Hữu Bộ Tỳ Nại Da Tạp Sự (根本說一切有部毘奈耶雜事) quyển 20... đều có ghi những hiện tượng khác lạ khi đức Thích Tôn hạ sinh.

Sau khi trở về cung, Thái Tử được đặt tên cho là Tất Đạt Đa (悉達多) hay Tát Bà Tất Đạt (薩婆悉達) Tát Bà Ngạch Tha Tát Đà (薩婆額他悉陀) Tất Đạt La Tha (悉達羅他). Hoa dịch với ý nghĩa Nhất Thiết Nghĩa Thành (一切義成) Nhất Thiết Sự Thành (一切事成). Sau khi sinh con được bảy ngày Hoàng Hậu Ma Da qua đời, Thái Tử được người dì là Ma Ha Ba Xà Ba Đề (摩訶波闍波提) nuôi dưỡng cho đến khi khôn lớn. Trong Phẩm Tập Học Kỹ Nghệ (品習學技藝) của Phật Bản Hạnh Tập Kinh, quyển 11. Căn Bản Thuyết Nhất Thiết Hữu Bộ Tỳ Nại Da Phá

Tăng Sự (根本說一切有部毘奈耶破僧事) quyển 3... cho biết rằng: Thuở thiếu thời Thái Tử từng theo học tập văn chương với Bà la môn Tỳ Sa Mật Đa (S. H. 毘莎密多), học võ nghệ với Sần Đề Đề Bà (S. H. 羸提提婆) hết thảy đều thông hiểu.

Khi trưởng thành Thái Tử kết hôn với công chúa Da Du Đà La [3.1] (耶輸陀羅) con gái của Thiện Giác Vương (善覺王) thành chủ của Thiên Tý Thành, hạ sinh La Hầu La (羅睺羅). Trong Phẩm Du Quán (品遊觀) của Tu Hành Bản Khởi Kinh, quyển hạ, nói Thái Tử từng ra Bốn cửa thành du ngoạn, thấy các hiện tượng già, bệnh, chết và vị Sa môn tu theo Ấn Giáo... thâm cảm nỗi khổ sinh, già, bệnh, chết cũng như hiện tượng vô thường của kiếp số con người, bèn phát khởi ý chí xuất gia tu hành. Năm lên 29 tuổi (có thuyết nói 19 tuổi) nửa đêm Ngài rời khỏi vương cung, tự cởi bỏ áo mũ để trở thành Sa môn. Trước tiên hết Thái Tử cầu học đạo với tiên nhân Bạt Già Bà (拔伽婆) của nước Tỳ Xá Ly (毘舍離), kế đến thọ giáo với các hiền giả A La La Ca Lam (阿羅邏迦藍) Uất Đà Ca La Ma Tử (鬱陀迦羅摩子) ở thành Vương Xá (城王舍). Sau rốt Ngài đến Khổ Hạnh Lâm ở thôn Ưu Lâu Tần La (苦行林在村優樓瀕羅) thuộc phương Nam thành Già Da (伽耶) của vương quốc Ma Kiệt Đà (摩揭陀), bắt đầu cuộc sống tu hành khổ hạnh trong khoảng 6 năm và có 5 người do vua Tịnh Phạn phái đến cùng tu. Trong thời gian này mỗi ngày Người chỉ ăn một hạt mè và một hạt lúa mạch, đến nỗi thân hình tiều tụy khô gầy, tâm thể suy kiệt, nhưng cuối cùng vẫn không thành đạo; nên Ngài mới ngộ ra rằng: Khổ hạnh không phải là chánh nhân thành tựu đạo quả, bèn rời khỏi khu rừng khổ hạnh. Lúc ấy 5 người bạn cùng tu với Ngài đã ngộ nhận rằng Thái Tử thối thất đạo tâm nên bỏ

đi không tu tập nữa. Ngài đến tắm rửa nơi dòng sông Ni Liên Thiên (S. Nairanjana, P. Neranjarā, H. 尼連禪), thọ nhận bát sữa cúng dường của cô Mục nữ. Sức khỏe hồi phục, Ngài đến dưới cây Tất Bát La (S. Pippala, H. 畢鉢羅) tại thôn Già Da, lấy cỏ Cát Tường làm thành tòa Kim Cang, ngồi kiết già xoay mặt về hướng Đông, thân đoan chánh trang nghiêm, tâm tĩnh lặng mặc chiếu, nhiếp niệm tư duy về đạo giải thoát. Sau 49 ngày đêm, vào lúc trời hừng sáng ngày mùng 8 tháng 12 Ngài hoát nhiên đại ngộ, lúc đó Ngài 35 tuổi (có thuyết 30 tuổi). Do nhân duyên trên nên cây Tất Bát La, từ đó gọi là Bồ Đề Thụ (S. Bodhivrkṣa, H. 菩提樹), chỗ cây Tất Bát La cũng được gọi là Bồ Đề Đạo Tràng [3.2]. Sự kiện đức Thích Tôn hàng phục ma quân, cho đến thành đạo được ghi lại trong các kinh như: La Ma Kinh của Trung A Hàm quyển 56 (羅魔經的中阿含卷五十六). Lục Niên Cần Khổ Phẩm và Hàng Ma Phẩm của Tu Hành Bản Khởi Kinh, quyển hạ (六年勤苦品及降魔品の修行本起經卷下). Quá Khứ Hiện Tại Nhân Quả Kinh, quyển 3; Phật Bản Hạnh Tập Kinh, quyển 26-30; Ngũ Phần Luật, quyển 15... đều nói: Sau khi thành đạo, đức Thích Tôn đến vườn Lộc dã (S. Mrgadava, P. Migadava, H. 鹿野, 鹿宛) tại Thành Ba La Nại (S. Varanasi, P. Baranasi, H. 波羅奈), độ cho 5 người cùng tu tại Khổ Hạnh Lâm trước kia, là nhóm ông Kiều Trần Như (阿若憍陳如) A Thấp Bà Thị (阿濕婆恃) Bạt Đề (拔提) Ma Ha Nam (摩訶男) Bà Sa Ba (婆沙波即十力迦葉 tức Thập Lực Ca Diếp), đây là lần đầu tiên Đức Phật Chuyển Pháp Luân, diễn thuyết Tứ Thánh Đế (四聖諦) Bát Chánh Đạo (八正道)... Trong Chuyển Pháp Luân Kinh của Tạp A Hàm Kinh, quyển 15; Ngũ Phần Luật, quyển 15; Hữu Bộ Tỳ Nại Da Tạp Sự, quyển 39... có ghi chép đầy đủ các việc trên.

Sau khi Chuyển Pháp Luân lần đầu tiên, tại vườn Lộc Uyển, đức Phật đến nước Ma Kiệt Đà, hóa độ ba anh em ông Ưu Lâu Tần Loa Ca Diếp (S. Uruvilva-kasyapa, H. 優樓頻羅迦葉), Na Đề Ca Diếp (S. Nadi-kasyapa, H. 那提迦葉), Già Da Ca Diếp (S. Gaya-ka syapa, H. 伽耶迦葉) của phái Bái Hỏa Giáo và một ngàn đệ tử của họ. Tiếp theo, Ngài hóa độ Xá Lợi Phất (舍利弗) và Mục Kiền Liên (目犍連) thuộc Phái Ngụy Biện của Lục Sư Ngoại Đạo; về sau hai vị này là những đệ tử thượng túc của Phật. Sau đó, tại thành Vương Xá vua Tần Bà Sa La (瀕婆娑羅) quy y theo Phật; nhà vua cho xây dựng Tinh xá trong vườn Trúc do Trưởng giả Ca Lan Đà (迦蘭陀) dâng cúng, lấy tên là Ca Lan Đà Trúc Lâm Tinh xá (迦蘭陀竹林精舍). Đến đây giáo đoàn Phật giáo phát triển với thế lực mạnh. Về sau Đức Phật có trở về cố hương Thành Ca Tỳ La Vệ một lần, số người quy y theo rất đông, trong đó có người em cùng cha khác mẹ là Nan Đà (S, P. Nanda, H. 難陀), con trai La Hầu La, người em họ Đề Bà Đạt Đa (S, P. Devadatta, H. 提婆達多), người thợ hớt tóc Ưu Ba Ly (S, P. Upali, H. 優波離)... Ngài lại thuyết pháp giáo hóa Trưởng giả Tu Đạt Đa (S, P. Sudatta, H. 須達多) tại thành Xá Vệ (S. Sravasti, P. Savatthi, H. 舍衛), nhân đó Trưởng giả kiến lập ngôi Đại Tinh xá trong khu rừng do Thái Tử Kỳ Đà (S, P. Jeta, H. 祇陀) tặng, để dâng cúng đường Phật. Nơi đây gọi là Kỳ Hoàn Tinh xá (P. Jetavana- Anathapindikha ra ma, H. 祇洹精舍) hay Kỳ Viên Tinh xá (祇園精舍). Vào lúc này vua Ba Tư Nặc (S. Prasenajit, P. Pasenadi, H. 波斯匿) cũng phát tâm quy y với Đức Phật. Sau khi vua Tịnh Phạn băng hà, Đức Phật một lần nữa trở về cố hương, sau đó bà Di mẫu Ma Ha Ba Xà Ba Đề (S. Mahaprajapati, P. Mahapajapati, H. 摩訶波闍波提), công chúa Da Du Đà La (耶輸陀羅) cũng xuống tóc xuất gia, và đây được xem như là khởi đầu

cho giáo đoàn Tỳ Kheo Ni (比丘尼) trong đó Ma Ha Ba Xà Ba Đề là vị Tỳ Kheo Ni đầu tiên.

Từ đó về sau, Đức Thích Tôn đi khắp Ấn Độ thuyết pháp giáo hóa, bất luận giàu nghèo, sang hèn, nam nữ, thầy đều được lợi ích trong giáo pháp của Ngài. Giáo pháp ấy ảnh hưởng rất lớn đối với văn hóa cũng như tôn giáo Ấn Độ. Sau khi Ngài thành đạo, những nơi Ngài đã từng trải qua Kết Hạ An Cư, đều được ghi rõ trong Tăng Già La Sát Sở Tập Kinh (僧伽羅刹所集經) quyển hạ. Theo đó, Đức Phật đã từng trú qua các nơi như nước Ba La Nại, tại núi Linh Thứu (S. Grdhrakuta, P. Gijjhakuta, H. 靈鷲山), núi Ma Câu La (S. Makula, H. 摩拘羅), cõi trời ba mươi ba, cõi quỷ thần, vườn Kỳ Thọ Cấp Cô Độc (祇樹給孤獨園) Chá Lê Sơn (柘梨山)... Theo trong Phật Thuyết Bát Đại Linh Tháp Danh Hiệu Kinh (從中佛說八大靈塔名號經) Đức Phật từng tu khổ hạnh trên núi Tuyết Sơn (雪山), sau từng sống trong rừng Tỳ La (毘沙林), đỉnh núi Nhã Lý (若里山), các tụ lạc Đại Dã (S. Alavi, H. 大野), Mao Nỗ (髦努)... Y cứ tích truyện Phật giáo Miến Điện, Thái Lan, bản Pháp Cú Kinh Chú (P. Dhammapada atthakatha, H. 法句經註) Tiếng Pali... cho rằng sau khi kiến lập Tinh xá tại vườn Kỳ Thọ Cấp Cô Độc, Đức Phật đã từng trú tại Đại Lâm (P. Maha-vana, H. 大林) của thành Tỳ Xá Ly (S. VaiSali, H. 毘舍離), núi Ma Câu La, Tăng Ca Xá (P. Sankissa, H. 僧迦舍), Ba Lợi Lôi Nhã Tạt (S. Parileyyaka, H. 巴利雷若卡). Trong sách Cao Tăng Pháp Hiển Truyện (高僧法顯傳) cũng có ký lục như vậy. Tổng các tư liệu trên, chúng ta thấy phần lớn Đức Phật hoàng pháp tập trung tại hai thành lớn Xá Vệ và Vương Xá.

Về những sinh hoạt cuối đời Ngài, trong Tăng Nhất A Hàm

Kinh (增壹阿含經) quyển 26, Phật Thuyết Nghĩa Túc Kinh (佛說義足經) quyển hạ, Xuất Diệu Kinh (出曜經) quyển 16, Tỳ Ni Mẫu Kinh (毘尼母經) quyển 4, Ngũ Phần Luật quyển 3, 21, 25, Tứ Phần Luật quyển 46, Căn Bản Thuyết Nhất Thiết Hữu Bộ Tỳ Nại Da Phá Tăng Sự (根本說一切有部毘奈耶破僧事) quyển 13, 14, Thiện Kiến Luật quyển 2,... có ghi rõ ràng. Lúc bấy giờ, Đê Bà Đạt Đa muốn bức bách Đức Phật phải nhường lại giáo đoàn tăng chúng cho ông, nhưng ý định không thành công, bèn phá tăng hoại Phật. Thêm vào đó, vua Lưu Ly con của vua Ba Tư Nặc, sau khi tức vị, tấn công thành Ca Tỳ La Vệ, cố hương của Phật diệt vong dòng họ Thích Ca. Vào năm cuối cùng khi Đức Phật còn tại thế, Ngài rời nước Ma Kiệt Đà, đi về phía Bắc Sông Hằng, trải qua thành Tỳ Xá Ly, đến thành Ba Bà, Ba Ba (S. Pava, H. 波婆, 波波), thọ nhận bữa cơm cúng dường của người thợ vàng Thuần Đà (S, P. Cunda, H. 純陀), và nhân vì ăn loại nấm Tô Ca Lạp Ma Đạt Phật (S. Suka ra maddhava, H. 蘇迦拉摩達伐 tức nấm cây Chiên Đàn 栴檀) mà mắc bệnh. Trước khi thị tịch [3.3] Niết Bàn, Ngài tắm lần cuối cùng tại dòng sông Câu Tôn, Ca Khuất Ta (P. Kakuttha, H. 拘孫河), rồi đến rừng Sa La Song Thọ (娑羅雙樹) ở thành Câu Thi Na (S. Kusinagara, P. Kusinagara, H. 拘尸那) đầu xoay về hướng Bắc, mặt hướng phía Tây, nằm thể Cát Tường (吉祥). Vào nửa đêm, Ngài để lại lời Di Giáo cuối cùng cho chúng đệ tử rồi an nhiên nhập vào Đại định Niết Bàn (大定涅槃). Trong sách Bát Nhã Tâm Kinh Giải Nghĩa (般若心經解義。卅 卅 Tục Tạng Kinh Vol. 26, No. 570) Định nghĩa từ Niết Bàn: Niết Bàn thử vân viên tịch, đức vô bất bị xưng Viên; chướng vô bất tận xưng Tịch (涅槃此云圓寂, 德無不備稱圓, 障無不盡稱寂). Niết Bàn ở đây (Trung Hoa)

gọi là Viên Tịch, đức không nơi nào mà không đầy đủ gọi là Viên, chướng không chỗ nào mà không hết gọi là Tịch).

Trước tiên di cốt của Phật được an trí tại Thiên Quan Tự (S. Makutabandhana-cetiya, H. 天冠寺) của bộ tộc Mạt La (S, P. Malla, H. 末羅), sau đó hỏa táng. Khi tham lễ Trà Tỳ có Sứ đoàn của 8 nước, gồm Câu Thi Na Yết La (拘尸那揭羅), Ba Bà (波波), Giá La (遮羅), La Ma Già (羅摩伽), Tỳ Lưu Đề (毘留提), Ca Tỳ La (迦毘羅), Tỳ Xá Ly (毘舍離), Ma Kiệt Đà (摩揭陀)... do vấn đề Phân chia Xá Lợi (S. Sarira, P. Sarira, H. 舍利) mà nảy sinh tranh chấp lẫn nhau. Sau đó nhờ sự điều đình của Bà La Môn Hương Tính (S. Dona, H. 婆羅門香性) mà được yên ổn, cho nên Hương Tính có được Bình Xá Lợi. Từ đây mỗi nước xây tháp cúng dường, và đây là phát xuất của truyền thống Thập Tháp. Trong năm Đức Phật nhập Niết Bàn, tại Hang Thất Diệp (S. Sapta-parna-guha, H. 七葉窟) của thành Vương Xá, cuộc Kết Tập Kinh Điển (結集經典) lần đầu tiên được tiến hành, do Ngài Ma Ha Ca Diếp (S. Mahakasyapa, P. Mahakassapa, H. 摩訶迦葉) triệu tập chủ trì; Ngài A Nan (阿難) và Ưu Ba Ly (優波離), trùng tuyên lại Kinh và Luật của Phật thuyết, trên cơ sở từng được nghe qua, rồi được đại chúng thảo luận, hiệu đính, nhất trí tán thành, để trở thành tiêu chuẩn cho tất cả Kinh, Luật truyền bá đời sau. Về sau, trải qua biết bao cuộc biến thiên, giáo pháp của Đức Thích Tôn, được phân thành hai hệ thống chính, truyền bá khắp nơi: Nam Truyền chủ yếu là tiếng Pali và Bắc Truyền chủ yếu là Kinh điển Hán dịch.

[3.1] Da Du Đà La (耶輸陀羅 Yacōdhara): Kinh Tỳ Ni Mẫu chép: Da Du Đà La, Da Thân Đà La, dịch Liên Hoa Sắc, vợ của thái tử Sĩ Đạt Ta. Kiếp trước bà làm vị thần núi Tu Di, tên là

Thiện Nhạo Hoa (善樂花), có chí nguyện thâm trọng yêu Phật và nguyện đời đời hể Phật giáng sanh, khi còn làm thái tử thì bà làm vợ, khi xuất gia thành Phật, thì bà cũng xuất gia làm Tỳ Kheo Ni... 耶輸陀羅亦捨俗出家爲比丘尼。

[3.2] Đạo Tràng (S. dōjō, H. 道場): Nguyên nghĩa là nơi đức Thích Tôn ngồi trên tòa Kim Cang thành đạo, bên bờ sông Ni Liên Thiền (S. Nairanjana, P. Neranjarā, H. 尼連禪河, hiện tại là sông Phalgu thuộc bang Bihar) thuộc nước Ma Kiệt Đà (S, P. Magadha, H. 摩揭陀) ở miền Trung Ấn Độ. Từ đó nó có nghĩa là nơi tu tập Phật đạo, cũng là tên gọi khác của tự, viện ngày nay. Trong sách Hoa Nghiêm Đạo Tràng Khởi Chỉ Đại Lược (華嚴道場起止大略), Tục Tạng Kinh Vol. 74, No. 1474, quyển 1 có câu: Đồng du Hoa Tạng trang nghiêm hải, cộng nhập Bồ Đề đại đạo tràng 同遊花藏莊嚴海, 共入菩提大道場 Cùng dạo biển trang nghiêm Hoa Tạng, đều chứng Bồ Đề đại đạo tràng.

[3.3] Thị tịch 示寂: Dịch ý của từ Phạn Nirvāṇa; Pāli Nibbāna; Hán涅槃那. Còn gọi là Viên tịch (圓寂), quy tịch (歸寂), Nhập tịch (入寂), Tịch diệt (寂滅). Đây là từ dùng để chỉ việc Thị hiện Niết Bàn xả báo thân của chư Phật, Bồ Tát và các vị cao Tăng. Như trong Thiền Đăng Thế Phổ (禪燈世譜), quyển 9, phần Thạch Đầu Hy Thiên (石頭希遷), có đoạn viết: Đường Đức Tông Trinh Nguyên lục niên Canh Ngọ thị tịch, thụ Vô Tế, tháp viết Kiến Tướng (唐德宗貞元六年庚午示寂諱無際塔曰見相) Sư thị tịch vào năm Canh Ngọ, Trinh Nguyên thứ 6 (790) đời vua Đức Tông (tại vị 779-805) nhà Đường thụ hiệu Vô Tế, tháp danh Kiến Tướng. Hay trong Phật Pháp Thang Biên, quyển 4 phần Võ Đế có đoạn: Thập tam niên Bảo Chí tương thị tịch, nghệ nội điện biệt Đế, Đế đại kinh 十三年寶誌將示寂, 詣內

殿別帝，帝大驚 Vào năm thứ 13 niên hiệu Thiên Giám (514 đời vua Lương Võ Đế) Bảo Chí sắp thị tịch, bèn vào nội điện từ biệt nhà vua, vua vô cùng kinh ngạc.

Chuyển pháp luân: 轉法輪 Lăn bánh xe pháp. Giáo pháp của Đức Phật gọi là Pháp Luân. Luân là chỉ cho xe báu của Chuyển luân Thánh vương, gồm có hai nghĩa: đi khắp và dẹp trừ, nghĩa là xe của vua Chuyển Luân đi khắp trong bốn châu thiên hạ, dẹp trừ những bọn oán địch. Cũng thế, giáo pháp của Đức Phật đi khắp trong các cõi chúng sanh và dẹp trừ bọn giặc phiền não, nên Giáo pháp dụ cho bánh xe; còn Chuyển (lăn) là dụ cho việc nói giáo pháp.

Nói khác, **Pháp Luân có ba nghĩa:** 1). Nghiền nát ngũ trược phiền não; 2). Có khả năng chuyển chúng sanh từ bến mê sang bờ giác; 3). Biểu thị viên mãn đầy đủ các công đức.

Pháp là phương pháp, phép tắc; Luân nghĩa là bánh xe; Chuyển tức là triển chuyển nghĩa xoay vần, lăn chuyển không dứt. Bởi các Pháp do Đức Phật thuyết giảng đều từ trong tâm tánh tuôn trào ra, rồi lại luân lưu vào tâm khảm chúng sanh, khiến cho chúng sanh thức tỉnh mà lia bỏ bến mê quay về bến giác, nên gọi là Luân. Chữ Luân còn bao hàm ý nghĩa Tồi phục - Tồi tà làm bể nát, phá tà quy chánh.

Niết Bàn 涅槃 (Nirvana): Có chỗ gọi là nê hoàn, nê bạn hay Niết bàn na, các nhà dịch có nhiều nghĩa khác nhau: Diệt, Diệt độ, Diệt tịch, Bất sanh, Vô vi, An lạc, Giải thoát... Niết bàn còn một tên khác là Ba Lị Nật Phược Nẫm (Parinirvana) dịch là Viên tịch, đầy đủ phước trí, hoàn toàn vắng lặng sạch tất cả các thứ phiền não trần lao. Niết bàn có bốn thứ khác nhau:

1. Bản lai tự tánh thanh tịnh Niết Bàn: Mặc dù chúng ta bị khách trần phiền não mà tự tánh vẫn thường thanh tịnh, rỗng rang như hư không, xa lìa các tướng phân biệt, bất sự nói năng, dứt đường suy nghĩ. Cái tánh ấy xưa nay vẫn thường vắng lặng (Niết Bàn này thuộc về phàm phu).

2. Hữu dư y Niết Bàn: Hàng Nhị thừa do đoạn hết được phiền não mà hiển ra Chân như. Hữu dư y là còn nương nơi thân hữu lậu. Nghĩa là đối với các phiền não đã đoạn hết mà vẫn còn thân hữu lậu.

3. Vô dư y Niết Bàn: Hàng Nhị thừa đã đoạn được phiền não chướng và cũng đã đoạn được báo thân hữu lậu rồi. Nghĩa là chân như sau khi ra khỏi sanh tử mà được hiển bày.

4. Vô trụ xứ Niết Bàn: Chân như do đoạn sở tri chướng mà được hiển bày. Đây là Niết Bàn của chư Phật. Hàng Nhị thừa vì chưa đoạn được sở tri chướng nên chẳng hiểu được lẽ: Sanh tử chẳng khác Niết Bàn.

Ngũ Chu Nhân Quả 五周因果

- 1 - Sở tín nhân quả châu
 - Giáo khởi khai ngộ nhân duyên phần.
- 2 - Sai biệt nhân quả châu
 - Cử quả khuyến lạc sanh tín phần.
- 3 - Bình đẳng nhân quả châu
 - Tu nhân kế quả sanh giải phần.
- 4 - Thành hạnh nhân quả châu
 - Thác pháp tiến tu thành hành.
- 5 - Chứng nhập nhân quả châu
 - Y nhân chứng nhập thành đức.

Tỳ Lô Giá Na Phật (S. Vairocana-Buddha, H. 毘盧这那): Còn gọi là Tỳ Lô Xá Na (毘盧舍那), hay Lô Xá Na (盧舍那), âm dịch là Tỳ Lô Giá Na (毘樓这那), Tỳ Lô Chiết Na (毘盧折那), Phệ Lô Giá Na (吠盧这那); ý dịch là Biến Nhất Thiết Xứ (遍一切處), Biến Chiếu (遍照), Quang Minh Biến Chiếu (光明遍照), Đại Nhật Biến Chiếu (大日遍照), Tịnh Mãn (淨滿), Quảng Bác Nghiêm Tịnh (廣博嚴淨), Đại Nhật Như Lai (大日如來). Các kinh điển giải thích về đức Phật này như Hoa Nghiêm Kinh, Phạm Võng Kinh, Quán Phổ Hiền Bồ Tát Hành Pháp Kinh, Đại Nhật Kinh, v.v., đều khác nhau, và thậm chí các tông phái ở Trung Quốc giải thích về đức Phật nay cũng có sự khác biệt lẫn nhau.

Kinh Hoa Nghiêm thì cho rằng đức Tỳ Lô Giá Na Phật đã từng tu công đức trong vô lượng kiếp, chứng quả chánh giác, trú nơi thế giới Liên Hoa Tạng, phóng ra ánh sáng lớn chiếu khắp mười phương, phóng đám mây hoá thân từ nơi lỗ chân lông để diễn xuất biến vô lượng kế kinh. Theo Phạm Võng Kinh thì cho rằng đức Phật này đã tu hành tâm địa trong hàng trăm A Tăng Kỳ kiếp để thành đẳng chánh giác, trú nơi thế giới Liên Hoa Đài Tạng, chung quanh đài liên hoa ấy có ngàn cánh (ngàn thế giới); đức Tỳ Lô Giá Na Phật biến thành ngàn Hoá Thân của đức Thích Ca Mâu Ni Phật và trú trong ngàn thế giới này. Hơn nữa, trong mỗi thế giới cánh sen ấy có hàng trăm ức núi Tu Di, trăm ức mặt trăng và mặt trời, hàng trăm ức cõi thiên hạ, hàng trăm ức Bồ Tát, Thích Ca đang diễn thuyết pháp môn tâm địa của Bồ Tát.

Theo Quán Phổ Hiền Bồ Tát Hành Pháp Kinh thì cho rằng đức Thích Ca Mâu Ni Phật, có tên là Tỳ Lô Giá Na Biến Nhất Thiết Xứ và trú nơi Thường Tịch Quang Độ, cảnh giới được

hình thành từ Bốn Ba La Mật là Thường Lạc Ngã Tịnh. Trong khi đó, Hoa Nghiêm Kinh và Phạm Võng Kinh thì cho rằng Tỳ Lô Giá Na Phật là Báo Thân Phật; còn Quán Phổ Hiền Kinh thì cho là Pháp Thân Phật. Về phía Thiên Thai Tông và Pháp Tướng Tông thì lập nên Tam Tôn là Tỳ Lô Xá Na, Lô Xá Na và Thích Ca, trong đó họ xem Tỳ Lô Xá Na là Pháp Thân (Tự Tánh Thân), Lô Xá Na là Báo Thân (Thọ Dụng Thân) và Thích Ca là Ứng Thân (Biến Hoá Thân). Trong 10 danh hiệu đức Phật có câu: Thanh Tịnh Pháp Thân Tỳ Lô Xá Na Phật, Viên Mãn Báo Thân Lô Xá Na Phật, Thiên Bách Ưc Hoá Thân Thích Ca Mâu Ni Phật, cũng phát xuất từ giải thích nói trên.

Riêng chơn Ngôn Tông thì lấy thuyết của Đại Nhật Kinh mà chủ trương Tỳ Lô Giá Na Phật là Đại Nhật Pháp Thân với Lý Trí Bất Nhị. Trong bài Phật Tâm Ca của Tuệ Trung Thượng Sĩ (1230 - 1291) có câu: A thùy ư thử tín đắc cập, cao bộ Tỳ Lô đánh thượng hành, ai người theo đây tin được đến, cao bước Tỳ Lô đánh thượng đi). Về chư vị Bồ Tát quyến thuộc của Ngài, trong Tu Thiết Du Già Tập Yếu Thí Thực Đàn Nghi (Tạng Kinh Vol, 59, No. 1081) cho biết rằng: Tỳ Lô Phật tứ Bồ Tát giả, nhất Kim Cang Ba La Mật Bồ Tát, nhị kim Cang Bảo Ba La Mật Bồ Tát, tam Kim Cang Pháp Ba La Mật Bồ Tát, tứ Kim Cang Yết Ba La Mật Bồ Tát (bốn vị Bồ Tát của Tỳ Lô Phật là, một Kim Cang Ba La Mật Bồ Tát, hai Kim Cang Báo Ba La Mật Bồ Tát, ba Kim Cang Pháp Ba La Mật Bồ Tát, bốn Kim Cang Yết Ba La Mật Bồ Tát). Trong Phật Mẫu Khổng Tước Tôn Kinh Khoa Thức (tục Tạng Kinh Vol. 74, No. 1479) giải thích rõ về Ngài như sau: Phụng thỉnh trung phương Tỳ Lô Phật, kỳ thân hoàng sắc phóng quang minh, thù ấn chấp trì Thiên Bức Luân, chúng đẳng chí tâm quy mạng lễ

(cung thỉnh phương giữa Tỳ Lô Phật, thân Ngài sắc vàng phóng hào quang, tay ấn cầm giữ Thiên Bức Luân, chúng con chí tâm cung kính lễ). Trong Kim Cang Đảnh Du Già Tam Thập Thất Tôn Lễ (Taishō Vol. 18, No. 879) có đảnh lễ danh hiệu của Ngài: Nam Mộ Thanh Tịnh Pháp thân Tỳ Lô Giá Na Phật (Kính Lễ Phật Tỳ Lô Giá Na Có Pháp Thân Thanh Tịnh).

Bồ Tát (S. Bodhisattva, P. Bodhistta, H. 菩薩): Từ gọi tắt của âm dịch Bồ Đề Tát Đỏa (菩提薩埵), hay Bồ Đề Sách Đa (菩提策多); ý dịch là Đạo Chúng Sinh (覺有情), Đại Giác Hữu Tình (大覺有情), Đạo Tâm Chúng Sinh (道心眾生), Đại Sĩ (大士). 菩薩是菩提薩埵之略称。菩提薩埵，梵語 Bodhi-sattva，巴利語 Bodhi-satta。又作：菩提索多、冒地薩怛縛，或扶薩。意譯作：道眾生、覺有情、大覺有情、道心眾生。

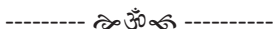
Nguyên ngữ của nó được kết hợp bởi hai từ Bodhi và Sattva. Từ Bodhi là Bồ Đề (菩提) có nghĩa là sự khai ngộ, tỉnh thức, được dịch là Giác (覺). Sattva (Tát đỏa [薩埵]) nghĩa là sinh vật, nên được dịch là chúng sanh (眾生), hữu tình (有情) Khi hai từ này được kết hợp lại với nhau, chúng có nghĩa là người tìm cầu sự giác ngộ hay người có trang bị đầy đủ sự giác ngộ. Đặc biệt, đối với trường hợp của Đại Thừa Phật Giáo, Bồ Tát không phải là người tu hành để tìm cầu sự giác ngộ cho tự thân mình, mà tồn tại trong hiện thực của cuộc đời để tìm cầu chân lý giác ngộ, tu hành thực tiễn (hạnh từ bi lợi tha) cho mọi người trên đời, nỗ lực tinh tấn Tịnh Độ hóa (làm thanh tịnh quốc độ Phật) hiện thực xã hội bằng chân lý giác ngộ. Từ đó, Đại Thừa Phật Giáo phê phán hai thừa Thanh Văn, Duyên Giác vốn thoát ly hiện thực của Phật Giáo Nguyên Thủy, và nhấn mạnh vai trò

của Bồ Tát Nhất Thừa. Trong các kinh điển Đại Thừa như Diệu Pháp Hoa Kinh (妙法蓮華), v.v., đôi khi phủ nhận người xuất gia Tiểu Thừa, thay vào đó lập nên hình tượng Bồ Tát. Từ thế giới giác ngộ, vị này thể nhập vào cuộc đời, đồng cam cộng khổ với mọi người và tận lực cứu độ chúng sanh. Do đó, nhiều loại Bồ Tát được dựng lên và được tôn thờ trong dân gian. Tỷ dụ như Bồ Tát Quan Thế Âm, Bồ Tát Địa Tạng, v.v... Chính vì vậy, việc điêu khắc hình tượng Bồ Tát cũng trở nên thịnh hành. Bên cạnh đó, những con người thực tế như Bồ Tát Hành Cơ.v.v., cũng được Bồ Tát hóa để tôn xưng vị tu hành có đạo cao đức trọng. Ở Việt Nam, trường hợp Bồ Tát Thích Quảng Đức cũng như vậy. Tại Từ Bi Đình của Lô Âm Tự, ở Nhiều Bình (), Tỉnh Quảng Đông, có hai câu đối tương truyền do Pháp Sư Định Nhân sáng tác: Từ thủy trường lưu Bồ Tát trí quang chiếu chúng khổ, bi tâm vĩnh tại Phật Đà tuệ nhật chứng Tam Không (Nước từ chảy mãi Bồ Tát trí sáng chiếu muôn khổ, tâm bi thường tại Phật Đà trời tuệ chứng Ba Không).

Câu hỏi ôn tập:

1. Nói tóm lược Thập hiệu của Đức Phật?
2. Kể tên Lục Chung chứng tín của kinh?
3. Định nghĩa Niết Bàn, có mấy loại?
4. Hãy nói ba nghĩa của Chuyển Pháp Luân?

TAM THÂN PHẬT THUYẾT



Thanh tịnh Pháp thân Tỳ Lô Giá Na Phật thuyết: Bản thượng Kinh Hoa Nghiêm. Viên mãn Báo thân Lô Xá Na Phật thuyết: Bản trung Kinh Hoa Nghiêm. Thiên Bá ức Hóa thân Thích Ca Mâu Ni Phật thuyết: Bản hạ Kinh Hoa Nghiêm.

Đức Thích Ca Mâu Ni, thuyết kinh Hoa Nghiêm trong 21 ngày (Nhập định thuyết pháp), ngay sau khi ngài giác ngộ nơi cõi Bồ Đề. Khi ngài thuyết, ngài chẳng hề mở miệng dùng lời lẽ để truyền đạt như chúng ta thường nghĩ. Đức Phật nhập định khi thuyết pháp, mà nhập định thì đâu có mở miệng nói! Do đó chúng ta phải nghĩ rằng có rất nhiều cách để truyền đạt giáo pháp hay tiếp thông. Điều quan trọng là thính giả lúc ấy không phải là những người như chúng ta. Các vị thính giả ấy hẳn phải có phương thức hay giác quan đặc biệt để tiếp nhận thông điệp của Phật từ trong định. Các ngài đó là những bậc đại Bồ Tát, đều Nhập định để nghe giảng.

Nói cách khác kinh được thuyết trong định, và được nghe bằng tâm trong định. Điều này nhắc nhở chúng ta rằng khi nghiên cứu học hỏi kinh Hoa Nghiêm, nếu mình chưa có đắc định như chư Bồ Tát, thì có lẽ một cách hữu hiệu nhất là lắng tâm, không chạy theo vọng tưởng lăng xăng, lòng thật rỗng rang thì mới tiếp thu được cảnh thiền định của kinh Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm.

Một khi đã đắc định thì lúc nào ta cũng ở trong định, dù là nói năng, hành động, giao tế... Vậy thì lý do vì sao Phật

nói kinh Hoa Nghiêm trong im lặng và nói các kinh khác bằng lời? Vì Phật muốn biểu hiện thể tánh của Pháp giới im lặng vượt ra ngoài ngôn ngữ. Cũng giống như vì muốn biểu hiện đặc tính siêu ngôn ngữ, ra ngoài tư duy của chân lý, Phật đã đưa cành hoa lên, rồi mỉm cười trong im lặng. Chỉ có độc nhất một thính giả có tâm im lặng tột bậc là ngài Ma Ha Ca Diếp mới nghe nổi lời pháp vô ngôn ấy.

Phật (Buddha) có nghĩa là người giác ngộ. Nếu chỉ dùng một hình tượng của một người thân xác như chúng ta, thì khó diễn tả được trọn vẹn nội dung của sự giác ngộ. Do đó, mỗi một vị Phật đều được hiểu trong ba khía cạnh. Khi ba khía cạnh này hợp lại thì nó mới chân chính biểu đạt được ý nghĩa của sự giác ngộ rất ráo, mà trong kinh gọi là A nậu đa la tam miệu tam bồ đề (là vô thượng chính đẳng chính giác). Ba khía cạnh của sự giác ngộ ấy được hình tượng hóa trong ba thân, gọi là Tam Thân, gồm có: Pháp thân, Báo thân và Ứng hóa thân.

Pháp thân thanh tịnh, tuyệt diệu, trong khắp tam giới, chẳng gì bằng, vượt ngoài ngôn ngữ của thế gian, vì tánh chẳng phải có hoặc không. Tuy chẳng y tựa; đâu cũng trụ. Tuy đâu cũng tới nhưng chẳng hề đi, như bức vẽ trong không, hoặc điềm mộng: Phải quán Phật thân cũng như thế.

1 - Pháp thân: Tuy gọi là thân, nhưng nó chỉ là tên gọi để diễn tả bản tánh của sự giác ngộ tức là pháp tánh, Phật tánh hay pháp giới. Thân này có tên là Tỳ Lô Giá Na Phật (Vairochana Buddha). Pháp giới thì vô hình, vô tướng, bất động, bất tạo tác, thanh tịnh: Pháp thân cũng thế: Vô hình, vô tướng, bất động, bất tạo tác, thanh tịnh.

Song le, khi kinh đề cập đến những hoạt động của thân này, như nhập định, thuyết pháp, giáo hóa chúng sinh, thì kinh muốn diễn bày tánh chất viên dung vô ngại của pháp giới: Tuy vô hình vô tướng nhưng có thể ứng hiện vô biên. Như kinh Hoa Nghiêm giảng rằng, khi đức Thích Ca nhập định dưới gốc Bồ Đề, ngài hiện thân Tỳ Lô Giá Na đến khắp cõi trời để thuyết pháp Hoa Nghiêm. Đó chính là hiển bày tánh vô ngại của pháp giới.

2 - **Báo thân**: Tuy gọi là thân, nhưng thân này cũng chẳng có thịt xương như chúng ta nghĩ. Khác với pháp thân, là phương tiện để biểu đạt tánh chất của pháp giới, báo thân biểu đạt tướng trạng của pháp giới. Tướng trạng này chính là những chân lý, định luật bất biến trong pháp giới. Những chân lý này thì rất nhiều, kể một vài thì có: Lý nhân quả, lý luân hồi, lý duyên khởi của nghiệp, lý duyên khởi của pháp giới, lý vô ngại của mọi sự vật... Báo thân biểu đạt những chân lý này như thế nào?

Nếu như chúng ta thường hay bị người khác nói xấu, chỉ trích, có lẽ sẽ có lúc chúng ta phát giác ra rằng: Té ra mình cũng thường hay chỉ trích nói xấu kẻ khác. Có lẽ hai việc này có quan hệ mật thiết với nhau. Thế rồi chúng ta quyết ý bỏ tật nói xấu, chê bai người, và tập nói tốt khen ngợi kẻ khác. Một thời gian không lâu sau, bắt đầu cảm thấy thái độ của người ta thay đổi về mình, và những lời lẽ chê bai chỉ trích mình bớt đi, rồi những lời khen ngợi, dường như nhiều thêm. Nếu chúng ta có thể liên hệ hai sự kiện trên, bạn sẽ thấy, dường như có một nguyên lý, một sức mạnh vô hình quy định những việc làm của mình. Từ từ ta thấy rằng muốn

sống sung sướng, hạnh phúc và gặt kết quả mong muốn, chúng ta phải biết vận dụng những nguyên lý vô hình ấy. Khi vận dụng chân lý ấy để phát triển nghiệp lành thì được gọi là công đức. Khi vô ý chẳng biết vận dụng chân lý, mà hành sự thì rất có khả năng làm sai lầm và tự đem lại đau khổ, đó gọi là tạo nghiệp ác hay tội nghiệp. Khi càng làm nhiều nghiệp lành, thì sẽ càng hạnh phúc; tâm sẽ càng mở rộng, càng sáng suốt, càng nhạy bén cảm nhận sự vận hành của chân lý.

Nói dài dòng như vậy là để giải thích rằng báo thân là hình tượng hóa sự giác ngộ sắc bén về chân lý bất biến. Sự giác ngộ này mà có là do kết quả công trình tích lũy vô lượng vô biên nghiệp lành và công đức vô lậu. Nhất là công đức do tu hành chánh định, triển khai tâm Bồ Đề tới cực điểm và cứu độ vô biên chúng sinh. (Các vị thánh La Hán, vì chưa độ sinh viên mãn nên chưa thành tựu thân này). Vì thế kinh thường diễn tả báo thân là một vị Phật tên Lô Xá Na Phật (Rochana Buddha), với thân hình cao lớn vô biên, trang nghiêm phàm phu.

Nói cách khác: Nó là cái ứng dụng của pháp giới. Ứng dụng này là: Biến nghiệp thức phàm tục thành trí huệ giác ngộ, biến ác nghiệp thành công đức, biến ngu si thành sáng suốt, biến vô luân thành đạo đức, biến những hành động tầm thường thành các pháp Ba la mật. Tác dụng biến hóa ấy của ứng hóa thân là niềm hy vọng của tất cả mọi chúng sanh, những kẻ trần tục ngu muội. Khía cạnh biến hóa này được biểu đạt qua cuộc đời đức Phật: Ngài xuất hiện nơi đời như một con người bình thường, có gia đình, có sự nghiệp, có vợ có con, có trách nhiệm xã hội, làm công việc của kẻ phàm,

nhưng rồi ngài bỏ nhà ra đi, tu hành chánh đạo rồi thành bậc thánh. Cái chất liệu của bậc xuất trần, mà Đức Thích Ca dùng để đưa tới sự biến hóa ấy chính là pháp giới hay Phật tánh.

Ngoài khía cạnh biến phàm thành thánh, pháp giới còn có một tác dụng đặc biệt biểu hiện nơi ứng hóa thân: Đó là tác dụng vận dụng và biến hóa vô ngại tất cả mọi phương tiện vật chất trong vũ trụ. Nhiều kinh kể lại chuyện Đức Phật thuở tiền kiếp đã đáp ứng theo nhân duyên của chúng sinh mà hiện ra làm muôn loài, từ cầm thú đến bậc trời, để tu tập và độ sinh, rồi ứng hiện làm người tu hành thành Phật (gọi là Ứng thân). Nhưng đức Phật cũng có thể đồng thời hiện thân ra khắp mọi nơi trong vũ trụ để thuyết giảng và giáo hóa chúng sinh (gọi là Hóa thân).

PHẬT PHÓNG QUANG MINH

Sau khi thành đạo rồi, Phật vẫn im lặng nhập định. Khi ấy đã có một số chư Bồ Tát, chư thiên, long, bát bộ và tất cả chư thần, tới vây quanh đức Phật ở cõi Bồ Đề. Trong lòng họ ai cũng có thắc mắc. Những thắc mắc ấy xoay quanh bốn mươi vấn đề căn bản liên quan tới sự tu chứng, về Đức Phật và về đường tu Bồ Tát hạnh. Phật biết mối nghi của họ nên thay vì trả lời, ngài **phóng hào quang từ giữa hàm răng**, chiếu khắp mọi nơi để triệu tập những kẻ hữu duyên khác trong khắp vũ trụ.

Vì Phật có 40 cái răng nên hào quang phóng ra từ răng ám chỉ rằng ngài sẽ trả lời 40 câu hỏi mà đại chúng thắc mắc.

Nội chứng của Phật thì siêu việt ngôn ngữ, thuộc lĩnh vực tuyệt đối. Không thể dùng ngôn từ để thể nhập vào. Nhưng bây giờ với hào quang phóng ra giữa răng, Phật cho biết ngài có một phương tiện để hiển bày chân lý, khiến ta theo đó mà nhập đạo.

Tuy hào quang phóng ra, chúng hội đã thấy và tề tựu, nhưng Phật vẫn không khai khẩu thuyết giảng. Đó là ngài muốn ta hiểu rằng: Pháp, chân lý thì phải thể nghiệm, không phải do bàn tán qua ngữ ngôn thuyết giảng. Bởi vậy những ai thấy đạo hào quang phát ra từ giữa hàm răng của Phật đều trực tiếp cảm nhận cảnh giới thanh tịnh chưa từng có, một cảnh giới mà phiền não, vọng tưởng vắng bật. Một cảnh giới mà hào quang bên ngoài Phật chiếu và hào quang thanh tịnh của chân tâm cùng phát ra và hòa nhập làm một.

- Hào quang tượng trưng cho **giáo pháp trung đạo**:

Cũng như hào quang nằm giữa chặng mày, nằm giữa hai mắt, pháp Phật là pháp trung đạo. Chân lý một khi được vận dụng trong đời sống thì không thể làm ta lệch lạc, cực đoan, mất thăng bằng, trật phương hướng được.

- Hào quang là trí huệ: Trong hào quang, mọi cảnh tượng đều hiện ra rõ ràng, ai cũng có thể thấy. Đó tức là trí huệ của chân tâm, một khi được khai thác thì sẽ thấu rõ hết mọi sự, cả thế tục lẫn cảnh thánh, không sót gì cả. Điều này cũng nêu lên đặc tính của trí huệ: Nếu chỉ hiểu việc đời thì đó là Thức không phải là trí, gọi là Vô trí. Nếu chỉ biết cảnh đạo, không lý giải chuyện đời thì đó là Không huệ, khuyết thức. Nếu biết mọi sự, tự tại vô ngại không khởi vọng tưởng, thành kiến, lúc nào cũng sáng suốt thanh tịnh không vướng đục thì đó là đại trí. Đó chính là ý nghĩa của hào quang này.

Như trong Diệu Pháp Liên Hoa Kinh có đoạn: Đức Phật tự trụ tam muội, mà trời rưới bốn thứ hoa, đất lay động sáu điệu. Đó là chỉ rõ sức vô tác diệu lực của đức Phật, chấn động hang sâu vô minh mê tối của chúng sanh, suốt trừ tất cả sự chướng ngại của bốn đại sáu căn vậy. Sau đó từ, Tướng lông trắng phóng hào quang chiếu thấu một vạn tám nghìn thế giới ở phương Đông đó, chính chỉ rằng: Căn, trần, thức động loạn của pháp giới chúng sanh không rời Phật Tri Kiến, Pháp giới tánh.

Phương Đông là nguồn động hóa, 18 nghìn thế giới là lệ 6 căn, 6 trần, 6 thức: 18 giới, 18 giới đây không ngoài Phổ Quang Minh Trí, cũng như 18 nghìn thế giới lộ ra trong bạch hào tướng quang của đức Phật. Trong quang minh hiện ra sự tướng của pháp giới, dưới thấu địa ngục A Tỳ, trên suốt

cõi trời Hữu Đảnh; nào Phật ra đời, thuyết pháp, Niết Bàn, nào Bồ Tát tu tập đạo hạnh; y báo chánh báo đồng hiện, cả Thánh lẫn phàm chung bày, là Phật cùng chúng sanh, tất cả đồng một tánh thể không hai không khác. Chỉ khác là đức Phật chứng ngộ nơi đó, an trụ nơi đó, tự tại giải thoát, thuyết Pháp độ sanh, còn chúng sanh mê nơi đó, dầu rằng không bao giờ rời được đó, nhưng không tự nhận mà phải lưu chuyển. Dầu lưu chuyển nhưng vẫn không một phút xa rời nên chính cảnh giới thường ngày trước mắt chúng sanh là thật tướng chơn cảnh, nếu có thể phản tỉnh xoay về, liễu ngộ tánh thể thật tướng này thời đó là chánh như thành Phật mà Phật quả không xa vậy.

Hào quang giữa mày: **Giáo pháp về y báo và chính báo** của Phật. Cứ mỗi độ phóng hào quang là Phật giảng một giáo pháp bất đồng. Trong độ phóng quang này, Phật muốn giảng về y báo và chính báo của Phật. Rằng, sau khi đại chúng đã nhóm họp rồi, từ giữa chặng mày Đức Phật phóng ra hào quang, tên là Nhất Thiết Bồ Tát Trí Quang Minh Phổ Chiếu Thập Phương Tạng. Hào quang này soi chiếu khắp mười phương, hiển hiện ra tất cả chư Phật, chúng hội đạo tràng, tất cả cõi nước, và chúng sinh. Chiếu xong, hào quang quay trở lại, nhiễu quanh bên phải Đức Phật rồi nhập vào bàn chân ngài.

Hào quang từ lòng bàn chân: Giáo pháp Thập Tín. Trong khi hào quang từ giữa chặng mày diễn đạt cảnh Phật, hào quang Phật phóng từ lòng bàn chân diễn đạt pháp tu căn bản.

Từ hai lòng bàn chân của Phật, ngài phóng ra vô lượng

vô biên đạo hào quang, chiếu khắp các cõi tam thiên đại thiên thế giới trong cùng tận vũ trụ. Cứ mỗi một cõi mà hào quang chiếu tới thì có một chúng hội đạo tràng của Phật, và có vô số Bồ Tát hiện ra tham dự. Đứng đầu mỗi chúng hội ấy là ngài Văn Thù, người thay Phật trong suốt pháp hội này dạy đại chúng về pháp môn tu hành. Pháp này chính là pháp Thập Tín: Pháp khởi phát tâm Bồ Đề, một mẫu chốt để thể nhập vào pháp giới hay chân lý tuyệt đối. Do đó hào quang phóng ra từ lòng bàn chân có ý nghĩa là:

1. Giống như thân người dựa vào chân mới đi được: Pháp Thập Tín, lòng tin nơi chân lý là pháp căn bản mà các pháp khác dựa vào để giúp hành giả tiến tới giác ngộ.

2. Trong mỗi cõi mà hào quang chiếu tới thì có Bồ Tát Văn Thù và chúng Bồ Tát hiện ra: Vì đức Văn Thù đại biểu cho trí huệ nên lòng tin mà được gọi là Thập Tín là lòng tin hiện hữu song song với trí huệ. Nói một cách khác, con đường phát triển trí huệ theo kinh Hoa Nghiêm thì bắt đầu bằng lòng tin, không phải bằng bằng thiền định. Định và huệ, chỉ và quán là hai mặt của cùng một vật, không thể tách rời. Nhưng đường tu không bắt đầu bằng thiền, mà bằng tín. Do chánh tín mà khai phát định huệ.

Hào quang ở đầu ngón chân: **Giáo pháp Thập Trụ**. Khi Đức Phật giảng pháp môn kế tiếp, ngài đã hiện thân vào tất cả các cung điện trên trời Đạo Lợi ở trong vũ trụ. Theo vũ trụ quan Phật giáo Ấn Độ thì vũ trụ có vô số hệ thống thế giới; mỗi hệ thống này có một ngọn núi vĩ đại làm trung tâm, gọi là núi Tu Di. Cõi trời Đạo Lợi thì tọa lạc trên chóp đỉnh của ngọn núi này.

Theo như quan điểm của kinh Hoa Nghiêm thì hệ thống thế giới này chính là tập hợp những chấp trước, vọng tưởng, thành kiến, phiền não, cảm xúc, tư tưởng, thói quen. Những thứ ấy vận hành trên những quỹ đạo nhất định của lý nhân quả. Núi Tu Di chẳng gì khác hơn là cái bản ngã, cái tôi.

Khi Phật ngự trên chóp đỉnh núi ấy, ngài phóng quang và thuyết pháp Thập Trụ: Điều này hàm ý rằng pháp Thập Trụ là pháp ngự trị được bản ngã, giải trừ được tất cả chấp trước vào tự ngã nhỏ bé. Lúc ấy ngọn núi Tu Di không còn là bản ngã nữa, mà là ngọn núi chân lý.

Hào quang nơi bấp chân **Giáo pháp Thập Hạnh**. Sau khi đã giảng xong phương pháp làm sao an trụ nơi chân tâm, bây giờ Đức Phật lại dạy ta làm sao sử dụng nó, làm sao trong mỗi hạnh tu ta đều có thể phát huy năng lực bất khả tư nghì của chân lý tuyệt đối, hay sức mạnh của chân lý.

Lúc ấy, Phật ngự trên cung trời Dạ Ma, với vô số chư bồ tát vây nhiễu. Ngài phóng hào quang từ mu bàn chân, và phần bấp chuỗi của chân. Hào quang ấy có đủ trăm ngàn ức màu sắc kỳ diệu chiếu khắp vũ trụ. Chỉ với hào quang ấy ngài đã nói lên được đặc tính của giáo pháp Thập Hạnh:

Vị trí của nơi xuất phát hào quang: Hào quang phát ra từ mu bàn chân, mắt cá và bấp chân. Tất cả bộ phận ấy gắn liền với bàn chân, và ở bên trên bàn chân. Do đó Thập Hạnh là công hạnh dựa vào sự tu trì và phát triển hạnh Thập Tín và Thập Trụ. Nghĩa là phải có lòng tin, phát Bồ Đề tâm, ngự trị được bản ngã, dùng thiền định an trụ nơi chân tâm, thì công hạnh khởi ra mới là hạnh chân lý.

Hào quang nơi đầu gối. Giáo pháp Thập Hồi Hướng. Sau khi dạy ta an trụ nơi pháp giới (chân tâm), thực hành mọi công hạnh phát xuất từ pháp giới bây giờ Phật dạy ta làm sao khiến cho công hạnh ấy được phát triển tới chỗ vô hạn lượng. Ngài dạy ta pháp Thập Hồi Hướng: Hồi nghĩa là quay về, Hướng nghĩa là hướng tới. Hai chữ này kết hợp lại nghĩa là đem tất cả năng lực, tinh thần, ý chí, công đức hướng về, dồn về pháp giới, chúng sinh và chân như. Bởi vì tất cả những thứ tinh thần, công đức, v.v... là thứ có giới hạn mà khiến nó nhập vào pháp giới, chân như là thứ tuyệt đối thì tinh thần, và công đức mới tiêu dung, trở thành tuyệt đối được. Nếu dồn công đức về chúng sinh, thì công đức mới trở thành vô biên vô hạn, bởi vì chúng sinh thì nhiều vô số vô biên. Do đó Phật phóng hào quang từ đầu gối để diễn tả pháp này.

Khi ấy, Phật đang ngự trên cung trời Đâu Suất, một tầng trời thanh tịnh, còn gọi là Tri Túc Thiên, bởi ở đó ai cũng biết đủ, háo tu, trọng pháp, không da đuoối trong cái vui thù thắng của cõi trời. Nơi đây trong nội viện của cung trời, đức Di Lặc đang ngự, thuyết pháp, đợi chờ nhân duyên để giảng sinh xuống cõi trần của chúng ta. Bởi thế phóng quang ở cung Đâu Suất là nói tới pháp trọng về nhập thế, độ sinh hơn là pháp xuất ly tự giải thoát.

Đầu gối là chỗ tiếp giáp bắp đùi ở trên và cẳng chân ở dưới: Pháp Hồi Hướng là pháp tiếp nối khiến Bồ Đề tâm từ chỗ hữu hạn phát triển tới chỗ vô hạn.

Nhờ có đầu gối nên chân mới bước đi được uyển chuyển, dễ dàng và thân thể được thăng bằng: Pháp Hồi

Hướng khiến việc tu trí huệ và từ bi được cân bằng, trung đạo, và dễ dàng đạt tới viên mãn. Đặc tính trung đạo của pháp này thì cũng như đầu gối (làm chân có thể co duỗi, uyển chuyển không cứng nhắc), khiến cho hành giả tu hành không trở nên cực đoan, hẹp hòi, chấp chặt vào một pháp tu, một thành kiến.

Khi hào quang phóng ra, có muôn vàn màu sắc, muôn vàn cảnh giới hiện ra trong đó: Đặc tính của pháp Hồi Hướng là cách tu phát nguyện. Đại bi càng vĩ đại vô biên thì đại trí mới càng vô hạn thâm sâu. Muốn phát triển lòng đại bi thì phải phát nguyện cứu độ chúng sinh. Do đó muôn vàn màu sắc của hào quang là ám chỉ cho muôn vàn đại nguyện ta phải phát.

Trong toàn bộ kinh Hoa Nghiêm, Phật phóng hào quang từ giữa chặng mây (phóng lần 2 này, trình bày giáo pháp Thập Địa) tất cả bốn lần. Mỗi hào quang đều có ý nghĩa riêng biệt bất đồng.

Lúc này sau khi đã giảng xong pháp Thập Hồi Hướng, Phật giảng tiếp về pháp Thập Địa. Lúc ấy ngự trên cung trời Tha Hóa Tự Tại, Phật phóng một đạo hào quang thanh tịnh từ giữa chặng mây tên là Bồ Tát Lực Diệm Minh. Khi hào quang phóng ra, có vô số ánh quang minh khác đồng thời chiếu tỏa, rọi khắp mọi cõi nước trong mười phương. Những luồng ánh sáng thần diệu ấy làm ngừng hẳn mọi đau khổ trong ba ác đạo, hiển hiện tất cả chúng hội của Như Lai, tất cả thân Phật trong mọi nơi, và thuyết giảng tất cả chân lý. Sau khi chiếu xong, hào quang kết tụ trong hư không, tạo thành những lớp mây đan kết trùng điệp như mạng lưới giăng phủ cả bầu trời.

Hình dạng của những mạng lưới này thì giống như một cái đài, cao, rộng lớn, sâu thẳm.

Hào quang giữa mày và cửa miệng. Giáo pháp Diệu Giác. Khi phóng hào quang giữa chặng mày lần đầu tiên, Phật chỉ giới thiệu sơ những tướng trạng, công đức và cảnh giới khả kiến của một vị Phật. Tới độ phóng quang giữa chặng mày lần này, ngài hiển lộ chân nghĩa của cảnh giới mà tất cả chư Phật đều chứng. Lần phóng quang này nằm trong một phẩm kinh vô cùng đặc biệt, phẩm thứ 37 của kinh, phẩm Như Lai Xuất Hiện.

Khác với các phẩm hội trước chỉ phóng quang một lần, trong phẩm này Phật phóng quang liên tiếp hai lần. Trước hết ngài phóng quang từ nơi tướng Bạch hào, tức là một sợi lông trắng nhu nhuyễn mọc giữa chặng mày. Tướng này là một trong 32 hai tướng đặc biệt chỉ Phật mới có. Hào quang phóng ra có tên là Như Lai Xuất Hiện.

Sau khi phóng ra, nó phát khởi ra vô lượng ánh quang minh khác đồng thời chiếu rọi khắp mười phương. Sau đó những ánh hào quang ấy xoay quanh khắp pháp giới mười vòng, hiển hiện ra những tính chất tự tại của một vị Phật, giác ngộ chư Bồ Tát, chấn động các cõi nước, độ vô biên chúng sinh, che khuất tất cả cung điện của ma vương, xong rồi những hào quang ấy quay lại nhiều quanh bên phải chúng hội Bồ Tát rồi nhập vào đỉnh đầu của một vị Bồ Tát tên là Như Lai Tánh Khởi Diệu Đức (tuyên bày giáo pháp Diệu Giác).

Lần phóng hào quang vừa rồi hoàn toàn hiển lộ chân nghĩa của một vị Phật. Tới đó ta có thể kết luận rằng sự trình

bày giáo pháp của Phật như thế là đã đầy đủ. Nhìn lại từ lúc đầu, từ khi Phật phóng hào quang nơi răng, nơi lòng bàn chân, đầu ngón chân, bắp chân, đầu gối, giữa chặng mày, thì tất cả những hào quang ấy quả thật hợp thành một giáo pháp hoàn chỉnh, chỉ ra một con đường tu rất có hệ thống.

Nhưng kinh vẫn không chấm dứt ở đó, tức là nơi phẩm Như Lai Xuất Hiện. Ngược lại kinh tiếp tục với hai phẩm là phẩm Ly Thế Gian và phẩm Nhập Pháp Giới. Và Phật tiếp tục phóng hào quang...

Lúc ấy Phật đang nhập định tên là Sư Tử Tần Thân Tam Muội. Từ nơi tướng bạch hào giữa chặng mày ngài phóng hào quang tên là Phổ Chiếu Tam Thế Pháp Giới Môn. Hào quang chiếu khắp mọi cõi Phật, mọi thế giới hải, khiến đại chúng đều thấy tất cả những cõi trong khắp trong vũ trụ, ngay cả những cõi trong mỗi hạt bụi nhỏ bé vô cùng. Nơi những chỗ ấy, tất cả những quang cảnh về sự tu hành của chư Bồ Tát, của Phật, tất cả những chuyện xảy ra trong thế gian, đều được hiển hiện cho đại chúng cùng thấy. Khi thấy những cảnh giới như vậy, đại chúng ai cũng đắc tam muội, tùy nhân duyên bất đồng mà mỗi vị đắc tam muội bất đồng. Những môn tam muội ấy thì vô số. Ngay sau khi chứng đắc tam muội, các ngài lập tức khởi lên tác dụng tự tại, biến hóa, độ sinh, tiếp tục tu hạnh Bồ Tát.

Trong kinh Lăng Nghiêm, Phật phóng quang từ nơi nhục kế, nơi Vô kiến đỉnh tướng. Đó là vì ngài muốn biểu thị rằng Lăng Nghiêm Đại Định là định cao nhất, rốt ráo nhất, hàng phục hết mọi thiên ma ngoại đạo, diệt trừ tận gốc mọi tập khí hữu lậu, thành tựu mọi đà la ni tuyệt đỉnh. Pháp thiên

định của Lăng Nghiêm thì độc tôn, siêu tuyệt. Do đó phải dùng hào quang từ đỉnh đầu mới hiển bày được tính chất độc nhất vô nhị của định này.

Vì giáo pháp của Hoa Nghiêm trình bày tuần tự những bước tu hành, mỗi bước đều độc tôn nhưng nếu nhìn toàn diện thì trọng tâm của pháp là ở trung đạo, là đặc tính khiến cả đường tu quân bình, vừa nhập thế vừa xuất thế, vừa hành bố vừa viên dung, vừa bi vừa trí, vừa định vừa huệ. Do vậy những giáo pháp trọng yếu nhất (Thập Địa, Diệu Giác và Viên Dung Vô Ngại) thì Phật đều dùng hào quang giữa chạng mào để biểu thị, mà không phóng hào quang nơi Vô Kiến Đảnh.

PHÁP GIỚI HOA NGHIÊM

Hiểu thông thường thì pháp giới nghĩa là Phật tánh. Đối với chư tổ trong phái Hoa Nghiêm thì chữ Pháp giới này có hàm ý rộng hơn chữ Phật tánh.

Bản tánh độc lập không dựa vào đâu của mọi sự, từ thân thể, tâm tình tới ngoại vật - bản tánh ấy gọi là Pháp. Khi cái một và cái nhiều dung nhiếp, khi cái đúng và sai, cái thật và giả hoàn toàn vắng lặng dứt mất, đó gọi là Giới.

Pháp 法 là chân lý tuyệt đối vô hình vô tướng, thường trụ bất biến, bất sinh bất diệt; nó là bản thể của mọi sự. Tuy ta không thể thấy nó, nhưng thiếu nó không được, cũng như mọi thiên thể thì dựa vào hư không, thiếu hư không thì chẳng sao thiên thể tồn tại. Như hư không chẳng dựa vào đâu. Cũng vậy, chân lý tuyệt đối thì độc lập chẳng dựa vào đâu. Do đó chữ pháp này thì đồng nghĩa với chữ Phật tánh, chân như, thể tánh, chân tâm, chân không.

Đối với chúng ta, những người phàm phu tuy còn mê muội, nhưng ai nấy đều có cùng một thể tánh như nhau, cùng một Phật tánh bất sinh bất diệt, vô hình vô tướng. Nhưng vì u mê, không sao thấy được Phật tánh. Bây giờ nếu chịu khó ngồi thiền, dụng công tu hành thì từ từ tâm trí khai mở, sẽ biết được Phật tánh. Cũng vậy, càng tiến tu thì bao nhiêu vọng tưởng chấp trước điên đảo càng rơi rụng. Lúc ấy người tu càng lúc càng phát triển một năng lực đặc biệt, không thuộc trong phạm vi của tai mắt mũi lưỡi thân ý, để tri nhận sự hiện hữu của Phật tánh. Năng lực ấy gọi là trí huệ.

Giới 界 là cảnh mà qua đó trí huệ vận hành. Nhưng bởi

vì Phật tánh là cảnh tuyệt đối, do đó trí huệ cũng tuyệt đối và giới cũng là cảnh tuyệt đối. Trong thực tế tu trì nếu khi chấp trước, phiền não được ta buông xả thì lập tức ta sẽ cảm nghiệm được tự tại, an lạc giải thoát. Sự cảm nghiệm này không những xảy ra trên phương diện cảm quan (tức là tri nhận được bằng tai mắt mũi lưỡi thân ý) mà còn xảy ra trong một tâm thức sâu sắc hơn, mà chúng ta không sao diễn tả, thật Bất khả tư nghì. Đó chính là tác dụng của giới.

Pháp là các pháp gồm có sắc pháp và tâm pháp. Giới là cảnh giới gồm có hữu tình và vô tình. Các pháp đều có tự thể, nhưng vì cảnh giới chẳng đồng cho nên phân ra từng cảnh giới riêng biệt.

Như trong Thập Pháp Giới (十法界 mười cảnh giới) gồm có: Phật, Bồ Tát, Duyên giác, Thanh văn, Thiên, Nhơn, A Tu La, Súc sanh, Ngạ quỷ, Địa ngục (十法界。佛 (佛境界), 菩薩, 緣覺, 聲聞 (四聖其餘後是六凡), 天, 人, 阿修羅, 畜生, 餓鬼, 地獄).

- Chữ pháp nhấn mạnh vào khía cạnh bất biến, của Phật tánh. Chữ giới nhấn mạnh vào khía cạnh vô ngại biến hoá của Phật tánh. Pháp chỉ vào tính chất, còn giới chỉ vào tác dụng.

- Chữ Pháp nói về chân lý tuyệt đối; còn chữ Giới nói về cảnh giới của sự vận hành của trí huệ để ngộ nhập vào chân lý ấy. Thay cho chữ pháp là chữ lý, thế cho chữ giới là chữ sự.

- Kinh Hoa Nghiêm, nói một cách giản dị, chính là bộ kinh nghiên cứu về chân lý tuyệt đối và cách phát khởi trí huệ để tu hành thể nhập vào chân lý ấy.

- Để làm gạch nối giữa Triết học Hoa Nghiêm và các phái Đại thừa Giáo Nghĩa khác, ở đây dùng những thuật ngữ thông dụng, khi cần thiết, để thế cho chữ pháp giới, như chữ Chân Như, Chân lý tuyệt đối, Chân tâm, Phật tánh, Pháp tánh, Chân không, Tánh không, Bản thể, Tánh tuyệt đối, Như Lai Tạng tánh... Đương nhiên những chữ ấy không sao diễn tả được quan hệ biện chứng và nhân quả của hai chữ pháp giới.

Như hư không thì có thể dung nạp được vật chất, dù nó không có đặc tính gì của vật chất. Cũng vậy, cõi sắc và vô sắc (tâm thức vô hình) có thể dung nạp cõi dục (vật chất hữu hình), nhưng không có đặc tính của cõi dục, và không bị biến chất bởi cõi dục. Tâm thức của cõi trên thì thấu hiểu được tâm thức của cõi dưới, chứ cõi dưới không biết được cõi trên. Tâm thức của ba cõi, (dục giới, sắc giới và vô sắc giới) thì gọi là hữu lậu. Còn tâm thức của chư thánh hiền an trụ trong thiền định, tam muội, thì gọi là tâm vô lậu hoặc trí vô lậu, không còn thuộc phạm vi thông thường của chữ thức trong ba cõi dưới.

Pháp giới: (S. Dharma-dhātu. P. Dhamma-dhātu, H. 法界) chỉ cho sự vật vốn có của đối tượng duyên vào ý thức, là một trong 18 giới. Bản tánh độc lập không dựa vào đâu của mọi sự, từ thân thể, tâm tình tới ngoại vật - bản tánh ấy gọi là pháp. Khi cái một và cái nhiều dung nhiếp, khi cái đúng và sai, cái thật và giả hoàn toàn vắng lặng dứt mất, đó gọi là giới.

Trong Hoa Nghiêm Kinh Thám Huyền Ký (華嚴經探玄記, Taishō Vol. 35, No. 1733) quyển 18 có nêu ra 3 nghĩa của Pháp giới: (1) Là nhân sinh ra Thánh pháp, (2) Là thể tánh chân thật của các pháp, (3) Các pháp đều giữ sự phân

chia đồng nhau, có thể phân biệt tướng trạng. Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm Kinh (大方廣佛華嚴經, Taishō Vol. 10, No. 279) 如來現相品第二, trong phẩm Như Lai Hiện Tướng, thứ 2 có đoạn: Phật thân sung mãn ư pháp giới, phổ hiện nhất thiết chúng sinh tiền, tùy duyên phó cảm mị bất châu, nhi hằng xứ thử Bồ Đề tọa. 佛身充滿於法界, 普現一切衆生前, 隨緣赴感靡不周, 而恆處此菩提座。 Thân Phật tròn đầy nơi pháp giới, hiện khắp trước mặt các chúng sinh, tùy duyên cảm ứng cùng nơi chốn, vẫn luôn an trụ Bồ Đề tòa.

Câu hỏi ôn tập:

1. Trình bày Mười đức qua Mười hiệu của Phật?
2. Cho biết 10 thân của Phật Hoa Nghiêm?
3. Thế nào là Pháp giới của Hoa Nghiêm?
4. Tam Thân Phật Thuyết, Thượng trung hạ kinh Hoa Nghiêm là những thân nào của Phật?
5. Trình bày Ngũ Chu Nhân Quả và Năm Phần theo Ngũ Chu của Kinh Hoa Nghiêm?

CHƯƠNG IV – BỐ CỤC CỦA KINH

第四章布局華嚴經



Về bố cục của Kinh Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm, cũng như các bộ Kinh khác thuộc hệ thống Đại thừa giáo nghĩa, được phân định thành ba phần: Phần Tựa, Phần Chánh Tông và Phần Lưu Thông. Tuy nhiên, có nơi chia bốn phần (Tín, giải, hành, chứng). Được phân định qua 39 phẩm như sau:

Phần Tựa: Phẩm Thế Chủ – phẩm thứ nhất. Nếu nói Tổng tướng hiển cảnh pháp giới, thì bao gồm cả Tín Phần; từ phẩm Thế Chủ Diệu Nghiêm đến Tỳ Lô giá Na, gồm 6 phẩm.

Phần Chánh Tông: Từ phẩm Như Lai Danh Hiệu – đến phẩm 38 phẩm Ly Thế Gian, cộng 32 phẩm.

Phần Lưu Thông: Phẩm Nhập Pháp Giới Phổ Hiền Hạnh Nguyện, có 1 phẩm.

Thường lệ mở đầu của các bộ kinh đều nói: Như thị ngã văn, nhất thời Phật tại..., dữ chư đại chúng câu hội. Như vậy tôi nghe, Pháp này tôi nghe, một thuở nọ..., là Lục chủng chứng tín, hay Sáu món thành tựu.

Trong phần Tông thú đã dẫn, đại ý của Kinh Hoa Nghiêm là nói về tinh thần biện chứng, triết lý và phương thức tu hạnh Bồ Tát. Diễn tả cảnh giới nội chứng cũng như trọn vẹn công hạnh của đường tu, từ phàm phu lên đến quả vị cứu cánh giác ngộ. Cũng có thể nói đại ý của kinh này dạy ta làm

sao khai mở Chân tánh hay Pháp giới trong tâm mình. Hoặc làm sao triển khai Bồ Đề tâm tới chỗ viên mãn nhất. Để giải thích nội dung tu hành, kinh chia làm 4 phần chính gồm: Thất xứ, Cửu hội, Bốn pháp giới, Thập huyền môn; qua Năm mươi ba nhân vị, được biểu thị qua hình ảnh 53 vị Thiện tri thức.

1). TỨ PHẦN HOA NGHIÊM

a). Tín phần 信分: Phần này có 6 phẩm, thuyết minh cảnh giới nội chứng của chư Phật để giúp ta thoát khỏi sự hạn chế nhỏ hẹp do trí óc đặt định ra. Khi mình buông bỏ những thành kiến và định đề đặt trên nền móng của bản ngã, thì tự nhiên chân lý sẽ hiển hiện. Sự chấp nhận chân lý ấy, gọi là đức tin. Chân lý, hay pháp giới hay chân tâm vốn sẵn có trong mỗi chúng sinh. Chỉ chờ ta khai mở.

b). Giải phần 解分: Phần này có 31 phẩm, giải thích cặn kẽ các hạnh tu của đạo Bồ Tát, từ hạnh vị Thập Trụ, Thập Hạnh, Thập Hồi Hướng, Thập Địa, tới hạnh vị Đẳng Giác. Mỗi giai đoạn là một quá trình phát triển và trưởng thành tâm giác ngộ và hạnh giác ngộ. Chữ giải ở phần này có nghĩa là thấu triệt, không bằng suy nghĩ, hay so sánh, mà bằng thể nghiệm sự vắng lặng trong sáng của nội tâm. Sự vắng lặng này mà có là do bụi bặm phiền não được quét sạch, và tâm bồ đề được phát triển. Do đó phải thực hành: Chăm chỉ quét sạch bụi phiền não trong lòng để thấy chân lý.

c). Hạnh phần 行分: Phần này chỉ có một phẩm: Phẩm Ly Thế Gian. Phần này thuyết minh về các công hạnh, tóm tắt tất cả cách tu trì Bồ Tát đạo từ lúc mới phát tâm cho tới hạnh vị Đẳng Giác. Chính công phu tu hành ở giai đoạn này là then

chốt cho sự cứu cánh thành tựu đạo Bồ tát. Trong khi giải là thể nghiệm chân lý, hạnh ở đây có nghĩa là chia sẻ chân lý, giáo hóa chúng sinh. Giải và hạnh đi đôi với nhau không tách rời, không thể phân biệt trước sau. Biểu hiện của hạnh là: An trụ trong cảnh giải thoát (ly thế gian) nhưng vẫn ở trong trần thế để giáo hóa, phục vụ; làm chuyện giáo dục, công ích xã hội để độ sinh.

Bồ Tát hạnh là hạnh phục vụ chúng sinh: Trong thì hiếu thảo, cung kính, luôn tỉnh giác; Ngoài thì phục vụ, giáo dục, nhiều ích hữu tình.

d). Chứng phần 證分 : Phần này có 1 phẩm : Phẩm Nhập Pháp giới. Hiện thị cảnh giới rất ráo của đạo Bồ Tát. Tuy phần này chỉ có một phẩm, nhưng rất dài, tên là Nhập Pháp Giới. Trong phẩm ấy, người hành giả tiêu biểu là một vị đồng tử tên Thiện Tài, đại biểu cho chúng sinh, cho ta thấy sự tu hành từ đầu cho tới khi giác ngộ, thâm nhập pháp giới, ta cần trưởng thành những tâm thức nào. Với quan niệm thông thường, ta nghĩ rằng: Chứng quả thành Phật là giai đoạn cuối cùng; nhưng theo tinh thần Hoa Nghiêm thì cái cuối cùng và cái bắt đầu đều bình đẳng. Khi ngài Thiện Tài nhập pháp giới thì quan niệm tu hành rằng có sự bắt đầu (từ phàm phu), có sự kết thúc (chứng đắc, thành Phật) đều tiêu vong, không thể áp dụng. Bất khả tư nghì! Tuy nhiên chúng ta có thể yên tâm mà kết luận rằng: Chứng có nghĩa là sự giải thoát rất ráo nhất, là đại Niết Bàn, là cảnh giới tự tại vô ngại cứu cánh nhất, trong đó mọi chấp trước vào quan niệm và vào bản ngã hoàn toàn vắng bật.

2). NGŨ CHU NHÂN QUẢ

1. Giáo khởi nhân duyên phần (phẩm Thế Gian Tịnh Nhãn), đây là phần tựa của kinh.

2. Cử quả khuyến lạc sanh tín phần (phẩm Lô Xá Na Phật) hiển bày quả đức và nhân hạnh quá khứ của Phật Lô Xá Na khuyến sanh niềm tin.

3. Tu nhân kế quả sanh giải phần (13 phẩm từ phẩm Như Lai Danh Hiệu, đến phẩm Bảo Vương Như Lai Tánh Khởi) hiển thị nhân hạnh của Thập Tín, Thập Trụ, Thập Hạnh, Thập Hồi Hướng, Thập Địa và Phật quả sở kế, để khiến sanh giải.

4. Thác pháp tiến tu thành hạnh phần (phẩm Ly Thế Gian) hiển thị nương theo hành pháp của các Bồ-tát, từ sự tiến tu thành hạnh Bồ Tát.

5. Y nhân nhập chứng thành đức phần (phẩm Nhập Pháp Giới), hiển thị sự dẫn dắt của thiện tri thức, ngài Thiện Tài đồng tử, chứng nhập pháp giới, thành tựu quả đức.

Phân nội dung kinh Hoa Nghiêm, thành Ngũ chu nhân quả:

1. Sở tín nhân quả (phẩm Lô Xá Na Phật).

2. Sai biệt nhân quả (25 phẩm từ phẩm Như Lai Danh Hiệu đến phẩm Bồ Tát Trụ Xứ là nhân sai biệt; 3 phẩm từ phẩm Phật Bất Tư Nghì Pháp đến phẩm Phật Tiểu Tướng Quang Minh Công Đức là quả sai biệt).

3. Bình đẳng nhân quả (phẩm Phổ Hiền Hạnh, là bình đẳng nhân; phẩm Bảo Vương Như Lai Tánh Khởi, là bình đẳng quả).

4. Thành hạnh nhân quả (phẩm Ly Thế Gian, theo nơi bản Cựu dịch).

5. Chứng nhập nhân quả (phẩm Nhập Pháp Giới, bản Cựu dịch).

Đại sư Trí Giả, tông Thiên Thai đem 49 năm thuyết giáo độ sanh của Đức Như Lai chia ra làm Ngũ thời Bát giáo. Năm thời gồm:

Thứ nhất: Thời Hoa Nghiêm.

Thứ hai: Thời A Hàm.

Thứ ba: Thời Phương Đẳng.

Thứ tư: Thời Bát Nhã.

Thứ năm: Thời Pháp Hoa - Niết Bàn.

Dem năm thời này phán định thứ tự thời gian thuyết pháp của Đức Như Lai. Lấy tám giáo để phân biệt nghi thức thuyết pháp của Ngài. Tám giáo: Tạng Giáo, Biệt Giáo, Thông Giáo, Viên Giáo, Đốn giáo, Tiệm giáo, Bí Mật giáo, Bất Định giáo. Có một bài kệ tụng rằng:

Hoa Nghiêm tối sơ tam thất nhật.

A Hàm thập nhị Phương Đẳng bát.

Nhị thập nhị niên Bát Nhã đàm.

Pháp Hoa Niết Bàn cộng bát niên.

Tạm dịch:

Phật thuyết Hoa Nghiêm hai mốt ngày.

A Hàm mười hai Phương Đẳng tám.

Riêng thời Bát Nhã đến hai hai năm.

Pháp Hoa Niết Bàn trọn tám năm.

Thời Hoa Nghiêm: Thời đầu tiên là nói Kinh Hoa Nghiêm. Bộ kinh này chỉ nói trong vòng hai mươi mốt ngày, nhưng pháp được nói ra trong hai mươi mốt ngày làm sao có thể dài như vậy? Còn kinh Pháp Hoa được nói trong tám năm, trong khi đó kinh Niết Bàn chỉ nói trong một ngày một đêm, văn kinh cũng không dài như Kinh Hoa Nghiêm. Bởi vì kinh này do báo thân Phật – do Phật Lô Xá Na thuyết, cho nên nói rất nhanh và rất nhiều.

Thời Hoa Nghiêm, trong hóa pháp chính là thuộc về Viên Giáo đồng thời kiêm luôn cả Biệt giáo; trong hóa nghi lại thuộc Đốn giáo. Cho nên thời Hoa Nghiêm thuộc về Đốn giáo lại kiêm cả Tiệm giáo.

Thời A Hàm: Thời thứ hai thuyết A Hàm. Giáo pháp của Kinh, Luật, Luận mà Phật đã nói trong thời gian này thuộc Tam tạng giáo, cho nên thời A Hàm gọi là Tạng giáo. Những giáo pháp Phật thuyết vào thời này gọi là Tiểu Thừa có pháp Tứ Đế và Mười Hai Nhân Duyên.

Thập Nhị Nhân Duyên: Chính là Vô minh duyên hành, hành duyên thức, thức duyên danh sắc, danh sắc duyên lục nhập, lục nhập duyên xúc, xúc duyên thọ, thọ duyên ái, ái duyên thủ, thủ duyên hữu, hữu duyên sanh, sanh duyên lão tử.

Thời Phương Đẳng: Thời kỳ thứ ba nói về Phương Đẳng, đây chính là thời hàng Nhị thừa mới hướng về môn đầu tiên của Đại thừa, cho nên thời Phương Đẳng thuộc về Thông Giáo. Sao gọi là Thông Giáo? Vì nó thông trước và thông cả sau, thông đến thời A Hàm phía trước và thông cả

thời Bát Nhã phía sau. Cho nên thời Phương Đẳng thuộc về Thông giáo.

Thời Bát Nhã: Thời kỳ thứ tư nói về Bát Nhã. Thời Bát Nhã này thuộc về giáo nào? Bát nhã thuộc về Biệt giáo, vì nó riêng với trước khác với sau, nó có một sự phân biệt với thời A Hàm và Phương Đẳng ở trước, và có sự riêng biệt với thời Pháp Hoa Niết Bàn phía sau; cũng chính là khác biệt với Tạng giáo và Thông giáo ở trước và khác với thời Viên giáo ở sau, cho nên gọi là Biệt.

Thời Pháp Hoa - Niết Bàn: Thời kỳ thứ năm nói về Pháp Hoa và Niết Bàn, thời kỳ này gọi là Thuần viên độc diệu, là thuần túy Viên giáo không hề xen lẫn Tạng giáo, Thông giáo. Biệt giáo, thời này chuyên độ hàng Đại thừa, vì căn tánh Đại thừa mà nói pháp. Trên đây đã thuyết minh sơ lược về năm thời.

Trong tám giáo mà tông Thiên Thai đã chia ra, Tạng, Thông, Biệt, Viên là Tứ giáo Hóa Pháp; còn Đốn, Tiệm, Bí Mật, Bất Định là tứ giáo Hóa Nghi, hợp lại thành tám.

Tạng: Thời A Hàm thuộc về Tạng giáo, chính là Tam tạng giáo, nói về giáo lý của hàng Tiểu thừa.

Thông: Thời Phương Đẳng về Thông giáo (Thông giáo tam thừa, thông giáo ngũ thừa).

Biệt: Thời Bát Nhã thuộc về Biệt giáo.

Viên: Thời Hoa Nghiêm thuộc về Viên giáo đại thừa, nhưng kiêm cả Biệt giáo; mà thời Pháp Hoa thì thuần Viên giáo.

Đốn: Chính là đạt được rất nhanh, trong nháy mắt liền được khai ngộ, đây gọi là Đốn giáo.

Tiệm: Nghĩa là dần dần được khai ngộ, từng bước từng bước tu hành, khai ngộ từng tí từng tí.

Bí Mật: Những giáo pháp bí mật mà Phật nói ra chính là những thần chú, tất cả chú này đều thuộc Bí Mật. Bí Mật nghĩa là Nói cho người kia thì người này không biết, nói cho người này thì người kia không biết, hai bên không biết lẫn nhau, đây gọi là Bí Mật giáo.

Bất Định: Chính là nói: Pháp không có pháp cố định, nên có câu rằng Pháp còn phải xả, huống gì phi pháp? Vì không có cố định nên gọi là Bất Định Pháp.

3). THẤT XỨ THUYẾT HOA NGHIÊM

Lúc Phật nhập định giảng kinh Hoa Nghiêm, ngài hiện thân ra bảy nơi, thuyết cả thảy 9 hội. Mỗi hội là một loại pháp môn riêng biệt. Từ đầu đến cuối, ngài vẫn hình như ngồi bất động dưới cội Bồ Đề. Sở dĩ Phật có thể vừa bất động, vừa hiện thân ở bảy nơi là vì ngài vận dụng đặc tính của pháp giới: Pháp giới bao trùm vũ trụ, đâu đâu cũng có nó; khi ta vận dụng được đặc tính của pháp giới, toàn thể vũ trụ, đâu đâu cũng ngay trong tâm ta. Trong kinh thường dùng danh từ châu biến để nói về đặc tính này. Xin nêu thí dụ để hình dung tính chất châu biến của pháp giới:

Thí dụ bảy chỗ (thất xứ) là bảy tấm gương. Đức Phật khi chưa khai ngộ, chưa thuyết pháp thì như một cây đèn cầy, nhưng chưa thắp sáng. Đặt bảy tấm gương xung quanh cây

đèn cầy trong căn phòng tối om thì ta chẳng thấy gì cả. Khi Đức Phật đã khai ngộ, thì như đèn cầy thắp sáng. Ánh sáng của cây đèn cầy thì ví dụ như là Pháp giới hoặc Phật tánh. Vừa thắp sáng thì trong bảy tấm gương, hình ảnh của đèn cầy và ánh sáng lập tức chiếu hiện, nhưng đèn cầy không di động tới mỗi chỗ trong gương. Chỉ là bóng ảnh. Phật không hề di động khỏi cõi Bồ Đề nhưng bóng ảnh Ba chiều, của thân ngài ảnh hiện tức khắc trong bảy nơi. Đó là tác dụng của pháp giới. Bây giờ nói Bảy chỗ thuyết pháp, đó là:

1. Bồ Đề Đạo Tràng: Tức là nơi cội cây Bồ Đề, nơi Phật thành đạo.

2. Phổ Quang Minh Điện: Theo truyền thuyết ở tại phía đông nam của Bồ Đề đạo tràng khoảng 2, 3 dặm. Điện này ở trong dòng sông Ni Liên Thiên, do các vị Long vương xây lên cho Phật. Đức Thế Tôn ở trong đó phóng hào quang xoay vần chiếu khắp mười phương, nên được đặt tên là Phổ Quang Minh.

3. Dao Lợi Thiên Cung: Cung này tên là Diệu Thắng Điện, là điện chính của trời Dao Lợi, tọa lạc phía trên chóp đỉnh núi Tu Di.

4. Dạ Ma Thiên Cung: Cung này tên là Bảo Trang Nghiêm Điện, là điện chính của trời Dạ Ma. Trời này ở lơ lửng trong không gian, phía bên trên núi Tu Di.

5. Đâu Suất Thiên Cung: Cung này tên là Nhất Thiết Bảo Trang Nghiêm Điện, là điện chính của trời Đâu Suất.

6. Tha Hóa Thiên Cung: Cung này tên Ma Ni Bảo Tạng Điện, là điện chính của trời Tha Hóa.

7. Thệ Đa Lâm: Phật lúc đó ngự nơi Đại Trang Nghiêm Trùng Các, nơi vườn ông Cấp Cô Độc, thuộc rừng Thệ Đa, trong thành Xá Vệ.

Bảy chỗ trên thì ở trong cõi Ta Bà này, nhưng trong vũ trụ cũng có vô số hệ thống thế giới như cõi Ta Bà vậy. Mỗi hệ thống đều có các cung trời hệt như của cõi này. Do vậy khi giảng kinh Hoa Nghiêm, tất cả mọi nơi ấy đều đồng thời có Đức Phật hiện ra thuyết pháp. Cho nên, nếu tính cho thật đúng thì có vô lượng vô biên những nơi đạo tràng mà Phật cùng lúc thuyết pháp.

4). CỨU HỘI HOA NGHIÊM

Chúng ta vừa cùng nhau nghiên cứu về Tứ phần, Thất xứ, bây giờ lại tới Cứu hội. Trong Phật pháp những thứ này gọi là Pháp số. Chúng ta thuộc được thì quá tốt, nếu không thể thuộc hết, chỉ cần nắm biết nội dung và lý do cấu tạo của pháp ấy là đủ để tu rồi. Bây giờ nói nghĩa lý về sự tu hành của chín hội. Chín hội đó là:

Hội thứ nhất: Gọi là hội giảng về Y báo và Chánh báo của Như Lai. Hội được giảng ở dưới gốc Bồ Đề, nơi Phật thành đạo.

Hội thứ hai: Gọi là hội Thập Tín, giảng ở điện Phổ Quang Minh.

Hội thứ ba: Hội thuyết Thập Trụ, giảng ở cung trời Đạo Lợi.

Hội thứ tư: Hội thuyết Thập Hạnh, giảng ở cung trời Dạ Ma.

Hội thứ năm: Gọi là hội thuyết Thập Hồi Hướng, giảng ở cung trời Đâu Suất.

Hội thứ sáu: Hội Thập Địa, giảng ở cung Tha Hóa.

Hội thứ bảy: Là hội Đẳng Giác và Diệu Giác, giảng ở điện Phổ Quang Minh.

Hội thứ tám: Gọi là hội Viên Dung Hạnh, giảng ở điện Phổ Quang Minh.

Hội thứ chín: Gọi là hội Nhập Pháp Giới, giảng ở rừng Thệ Đa.

Những đặc thù của Bảy chỗ - Chín hội.

- Mỗi một thời kinh Phật giảng gọi là một hội. Nếu chỉ tính số hội mà Phật dùng lời giảng giải thì số hội có hạn lượng. Nếu kể luôn những thời pháp mà Phật giảng trong định thì số hội là vô lượng vô biên. Đối với người tu thì cảnh giới nội tâm bao giờ cũng phong phú hơn cảnh giới của giác quan. Do đó sự thuyết pháp và phẩm hội khi Phật nhập định giảng thì không thể đếm biết cho hết được.

- Chín hội được Phật giảng khi ngài nhập định. Trong bảy chỗ giảng, thì hết bốn chỗ là cung trời: Cung Dao Lợi, Cung Dạ Ma, Cung Đâu Suất, Cung Tha Hóa. Chỉ có ba chỗ, dưới gốc Bồ Đề, điện Phổ Quang Minh nơi rừng Thệ Đa, là ở trong thế gian.

- Trong chín hội thì hội sau giảng pháp cao hơn pháp giảng trong hội trước: Mà cõi trời trong hội sau thì ở vị trí cao hơn hội trước. Thí dụ như hội thứ ba giảng pháp Thập Trụ thì giảng ở cung Dao Lợi, đến khi lên tới hội thứ tư, giảng

pháp Thập Hạnh, thì lại giảng ở cung trời cao hơn là cung Dạ Ma. Bởi thế bảy chỗ và chín hội mang ý nghĩa tượng trưng về thứ lớp tu hành. (Nhưng không phải là pháp cao thấp, hơn kém).

- Phật đồng thời giảng chín hội cùng một lúc, không phải giảng xong hội này rồi tới hội khác. Đó là bởi, chín hội tượng trưng cho chín tầng lớp tâm thức khác nhau, chín loại căn khí khác nhau; nhưng trong một lúc Phật (chân tâm) có thể chuyển hóa chín tầng lớp tâm thức ấy không hề chướng ngại. Chân tâm thì có năng lực đồng thời tác dụng lên mọi tâm thức hoàn toàn vô ngại với thời gian và không gian.

- Nhưng nếu ta không có tâm thức trưởng thành, không đủ trình độ để tiếp nhận pháp Thập Trụ thì dù ta có lên tới cung Đạo Lợi, ta vẫn không thấy nghe được pháp Thập Trụ. Nói cách khác: Tuy chân tâm ảnh hiện biến nhập mọi tâm thức, nhưng chỉ có tâm thức chín mùi thì mới thể nghiệm nổi sự hiện hữu của chân tâm. Sách có chép lại chuyện một vị sư vì trí óc u tối, muốn cầu giác ngộ nên làm cuộc hành hương, thắp nhang xách gói, triều bái Ngũ Đài Sơn cầu gặp ngài Văn Thù (chân tâm). Tới được Ngũ Đài, hết lòng đánh lễ năm đỉnh rồi chờ mãi mà cũng chẳng thể tìm thấy đức Văn Thù (tâm chưa chín mùi). Thất vọng cùng cực, bỏ ý truy cầu, về chùa cũ, đóng cửa ba năm, im lặng tham cứu. Ngày nọ, Văn Thù bỗng hiện trong cơn thiền quán: Ta ngay đây tìm đâu xa xôi! (tâm đã chín mùi, chân tâm bừng hiện).

- Trong bảy chỗ, Điện Phổ Quang Minh được Phật dùng để giảng Kinh này để ba lần. Điện Phổ Quang Minh mà Phật giảng pháp Thập Tín thì tượng trưng cho tâm Bồ Đề mới

phát khởi, dù phiền não nhiều tới đâu, ai cũng đều sẵn có đầy đủ. Điện Phổ Quang Minh mà Phật giảng pháp Đẳng Giác và Diệu Giác thì tượng trưng cho Nhất Chân Pháp Giới, hay là Chân Tâm thường hằng bất biến, cũng là thứ bản hữu của mỗi chúng sinh. Điện Phổ Quang Minh mà Phật dùng để giảng pháp Viên Dung Hạnh, thì tượng trưng cho tâm Bồ Đề đã trưởng dưỡng đến chỗ thuần thực trong mỗi vị hành giả tu Bồ Tát đạo.

- Theo triết lý Hoa Nghiêm thì bảy chỗ và chín hội không phải chỉ xảy ra trong cõi Ta Bà này, mà nó đồng thời xảy ra trong mọi sát độ, mọi cõi tam thiên đại thiên thế giới khác khắp vũ trụ. Nhưng Phật vẫn không rời cõi này. Tức là 2500 năm trước tại gốc Bồ Đề, Phật ngồi yên nhập định, không hề động thân. Thế nhưng ngài biến hiện khắp các cung trời, thuyết pháp! Nói như thế là có hàm ý rằng, trong mỗi ý niệm, mỗi một vọng tưởng (tượng trưng bằng mỗi một sát độ), thì chân tâm (tượng trưng bằng mỗi một pháp hội Hoa Nghiêm) của ta vẫn nghiêm nhiên tồn tại ở đó. Không có cách gì ta có thể trốn thoát khỏi cơ hội giác ngộ!

- Theo kinh Hoa Nghiêm, trong mỗi hạt bụi đều chứa đựng rất nhiều thế giới. Trong những thế giới nhỏ xíu ấy vẫn có đầy đủ mọi sự sinh hoạt sống động. Chính ở những nơi ấy, Phật ngồi trong đó chuyển pháp luân giảng kinh Hoa Nghiêm! Bụi trong vũ trụ thì vô biên, do đó thế giới trong hạt bụi ấy càng vô tận. Điều đó hàm ý rằng, trong mỗi ý niệm, mỗi vọng tưởng (tượng trưng bằng thế giới) thì chứa đựng trùng trùng vô tận những tập khí, thói quen tạo nghiệp (tượng trưng bằng hạt bụi), chúng tương sinh tương trợ bất

tận. Nhưng đồng thời tiềm năng giác ngộ (tượng trưng cho sự xuất hiện của pháp hội Hoa Nghiêm trong mỗi hạt bụi) cũng bất tận.

Nhìn từ một góc độ khác thì tu hành là tu trong phiền não, chính nhờ có phiền não nên ta mới có giác ngộ thanh tịnh. Kinh Kim Cang nói: hàng phục kỳ tâm, tức là dạy ta phải giáo dục vọng tâm của mình, khiến nó đừng tác quái. Điểm khó khăn là nếu mình không tìm được phương pháp thích hợp với căn tánh thì khó trừ được vọng tưởng tập khí. Có thầy tốt, có bạn lành, có pháp thích hợp, có phương tiện thiện xảo, có hoàn cảnh thuận tu, đó đều là những duyên thù thắng.

Chú thích từ ngữ:

Ngũ Trùng Huyền Nghĩa: (五重玄義) Cũng gọi Ngũ trùng huyền đàm, Ngũ trùng huyền, Ngũ huyền, Ngũ chương. Năm cách giải thích ý nghĩa sâu xa của các kinh do ngài Trí Khải thuộc tông Thiên thai đặt ra. Đó là: 1. Thích danh: Giải thích tên bộ kinh. 2. Biện thể: Nói rõ về thể tánh mà bộ kinh ấy tuyên thuyết, như Pháp Hoa đây lấy Thật Tướng Trung Đạo làm Diệu Thể chỗ sở thuyên của toàn bộ kinh. 3. Minh tông: Bàn rõ về tông chỉ của bộ kinh. 4. Luận dụng: Luận về công dụng của bộ kinh. 5. Phán giáo, cũng gọi Phán giáo tướng. Phân lập giáo tướng để định giá trị của bộ kinh. Cách giải thích trên đây được ứng dụng trong các tác phẩm của ngài Trí Khải như: Pháp Hoa Huyền Nghĩa; Duy Ma Kinh Huyền Sở; Kim Quang Minh Kinh Huyền Nghĩa; Nhân Vương kinh sở; Kim Cang Bát Nhã Kinh Sở, Quan Âm Huyền Nghĩa... (xt. Pháp Hoa Ngũ

Trùng Huyền Nghĩa).

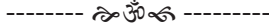
天台智顓為解釋各經內容之深義，所立之五種義解法。又作五重玄談、五重玄、五玄、五章。即：(一)釋名，解釋一經之題目。(二)辨體，辨別一經所詮之體性，如法華經即以「中道實相」為全經所詮之妙體。(三)明宗，闡明一經之宗趣。(四)論用，論說一經之功用。(五)判教，又作判教相，判立一經之教相，以定一經之評價。

Câu hỏi ôn tập:

1. Trình bày ý nghĩa bài kệ nói về Ngũ thời phán giáo?
2. Cho biết trong Cửu hội Hoa Nghiêm, hội thứ 5, 6, 7 là những Hội thuyết gì, và Phật thuyết tại đâu?
3. Trình bày tính chất đặc thù nơi Thất xứ, Cửu hội của Kinh Hoa Nghiêm?
4. Cho biết tên gọi của Tám giáo và tại sao gọi là Thông giáo ngũ thừa?

CHƯƠNG V - TÍN GIẢI HOA NGHIÊM

第五章信解華嚴



Trong bốn phần (Tín, Giải, Hạnh, Chứng Phần) **phác họa bước đường tu**: Thoát khỏi hạn hẹp của trí thức, và phát khởi lòng tin (Tín Phần), thực nghiệm thấu hiểu chân lý (Giải Phần), chia sẻ tu tập hành trì chân lý (Hạnh Phần), và chứng nhập viên dung (Chứng Phần); thì chín hội **vẽ ra chi tiết sự tiến hóa của tâm thức**. Nói đúng hơn là sự phát triển của Bồ đề tâm, từ lúc ta còn trong vòng phiền não vô minh, tới lúc bồ đề tâm lớn mạnh và cuối cùng thể nhập Nhất Chân Pháp Giới.

Chính báo là tất cả đặc tính trên người Phật như: Trí huệ, đức tướng, định lực, thần thông của ngài.

Y báo là tất cả những gì thuộc về do phước đức của Phật tạo ra như: Thế giới, quốc độ, trụ xứ, vật thực, quyến thuộc.

Còn những thứ pháp số như: Ngũ châu, Phóng quang, Hội chủ, Nhập định, Thuyết pháp, Phẩm tiết... Ngũ châu: **Sở tín nhân quả châu, Sai biệt nhân quả châu, Bình đẳng nhân quả châu, Tu hành nhân quả châu, Chứng nhập nhân quả châu**.

Hội hay pháp hội là chỉ sự nhóm họp của đại chúng xung quanh Phật để nghe ngài thuyết pháp. Cứ một thời kinh Phật thuyết giảng thì gọi là một hội. Thông thường, khi giảng xong hội này Phật sẽ giảng tiếp hội khác. Nhưng với

kinh Hoa Nghiêm, chín hội được Phật đồng thời giảng. Điều này có hai ý nghĩa chính:

Một, Phật tự tại với thời gian và không gian, nói cách khác, pháp trong kinh Hoa Nghiêm tự tại với thời không. Có nghĩa đây là pháp bất biến, thường hằng.

Hai, pháp hội của Phật giảng thì xảy ra trên mặt tâm linh, không thể dùng phạm trù vật chất để phân định phê phán. Chín hội hoàn toàn hiện hữu trong tâm thánh chúng. Không thể tìm chín hội này ở bên ngoài tâm.

Bởi vậy nên có câu chuyện nổi tiếng chấn động thiên giới khi xưa, rằng ngài Thiên Thai Trí Giả lần nọ nhập định chứng kiến pháp hội Linh Sơn do đức Thích Ca giảng vẫn chưa chấm dứt! Lúc đó ngoại trừ ngài Nam Nhạc Huệ Tư, chẳng một ai khác có đủ chiều sâu tâm linh để thấu biết. Chín pháp hội là chín tầng lớp, chín mức độ sâu cạn của một tâm linh giác ngộ. Đối với chúng ta, khi học về chín hội, tức là bước chín bước trong cuộc lữ hành nhập vào cõi tâm linh.

Đến đây, phải nói rằng tâm linh tiến hóa là dấu hiệu quan trọng nhất của một sự tu hành chân thật. Bởi vì đôi lúc ta trì chú, niệm Phật, tham thiền, lễ bái, nhưng tâm linh ta vẫn không hề cải biến: Tật xấu vẫn đầy dẫy, thói quen suy nghĩ vẫn như xưa, trí huệ chẳng khai phát, không thấy có gì tự tại và giải thoát cả. Đó chẳng qua tâm linh chẳng có cải biến sâu đậm, chẳng được thăng hoa, chẳng được tiến hóa, thay vì mình tiến lên làm bậc hiền, bậc thánh, thì lại tụt xuống cõi phàm, cõi trược. Bây giờ nếu nói sơ lược về sự phát triển của tâm linh theo chín hội:

Hội thứ nhất: Phật dạy ta rũ thoát gông xiềng tù túng của trí thức hạn hẹp do tự mình thiết lập. Ngài chỉ cho ta thấy những cảnh giới vượt ra ngoài sự hiểu biết và kinh nghiệm hạn chế của ta. Mình chớ nên quá tin vào những tiền đề mình được dạy. Như ngàn năm trước, ai cũng được dạy rằng vật nhỏ nhất là hạt bụi. Bởi thế Đức Phật dạy ta làm sao thoát ra bức tường vọng tưởng vây quanh. Hễ thoát ra được thì ta sẽ có năng lực hiểu biết chính xác hơn thực tại. Bởi vậy ngài chỉ cho ta phương tiện giải vây: Lòng tin chân lý. Trong giai đoạn này ta chỉ tu đức tin, tin vào chân lý thường hằng bất biến của pháp giới (chân tâm). Bước này trùng hợp với Tín Phần đã nói ở trên. Chư tổ đặt tên cho hội này là hội nói về y báo và chính báo của Phật.

Hội thứ hai: Sáu bước kế tiếp đều thuộc về Giải Phần. Trong bước này kinh dạy ta làm sao phát khởi tâm Bồ Đề. Đây hoàn toàn là một tâm thái siêu việt tâm trạng phiền não, vô minh, tranh tham oán hận mà ta quen thuộc. Chỉ khi nào phát khởi tâm này thì ta mới thật gọi là chính tu. Chư tổ đặt tên của hội này là Thập Tín.

Hội thứ ba: Trong phần này kinh dạy ta làm sao an trụ tâm Bồ Đề, làm sao khiến tâm này được kiên cố. Tâm thức của ta bây giờ hoàn toàn là tâm Bồ Đề, không vết tích vị kỷ của bản ngã. Phiền não và vọng tưởng bây giờ không còn cơ hội hoành hành nữa. Đối với người tu, sự thay đổi và chuyển biến từ sử dụng Vọng tâm sang sử dụng Bồ đề tâm là một bước tiến quan trọng nhất. Trong kinh hình dung nó bằng một bước nhảy, nhảy từ dưới chân núi Tu Di, vọt thẳng lên tới đỉnh. Không thể đi bộ, leo từ từ lên được. Trung tâm của

sự suy nghĩ, cái tôi, bây giờ thay bằng chân lý. Cột trụ của sự chuyển hóa này là tâm định. Khác với hai bước trước, (khởi lòng tin và phát Bồ Đề tâm) không cần phải định, ở bước này, thiếu chánh định thì chẳng thể làm bước nhảy vô song ấy. Chư tổ đặt tên cho hội này là Thập Trụ, nghĩa là an trụ nơi tâm bồ đề.

Hội thứ tư: Nhưng tu thì chẳng phải chỉ ngồi thiền im lặng mà thành Phật. Tu là phát triển tâm Bồ đề, là đòi hỏi ta phải sống trong cảnh giới của chúng sinh, ở với chúng sinh, làm việc với chúng sinh, giác ngộ với chúng sinh. Tâm thức mà giác ngộ thì phải có năng lực làm người khác giác ngộ theo. Bởi vậy sau khi đã khai phát Bồ Đề tâm, mình phải hiện thực nó trong mọi hoàn cảnh, chia sẻ nó với mọi chúng sinh, vận dụng nó trong mọi nhân duyên, phát triển nó trong mọi điều kiện. Nói cách khác lúc này là lúc bồ đề tâm hoàn toàn tự tại vận hành. Tâm lượng của người tu ở giai đoạn này thì rộng lớn, đầy đại từ đại bi, sâu dày đạo đức, thề nguyện vĩ đại, đủ năng lực để vận độ chúng sinh từ bờ mê đến bờ giác. Trong khi ở những giai đoạn trước tâm chỉ tùy cảnh tu, ở giai đoạn này, tâm có thể chuyển cảnh, tạo cảnh, biến cảnh một cách vô ngại. Tuy làm mọi công hạnh nhưng hành giả không chấp trước vào đâu cả, do vậy hội này được giảng nơi một cung Dạ ma, là một cung trời hoàn toàn lơ lửng giữa không trung, chẳng dựa vào đâu cả. Chư tổ đặt tên hội này là hội Thập Hạnh, là những hạnh nguyện phát triển tâm bồ đề.

Hội thứ năm: Đây là giai đoạn tột đỉnh của sự phát triển tâm Bồ Đề. Nếu ôn lại từ đầu, thì mình phải rũ bỏ phiền não vọng tưởng, cố chấp, thành kiến (hội một), phát khởi

tâm Bồ Đề thanh tịnh (hội hai); sau đó dùng chánh định dứt vọng tâm, trụ bồ đề tâm (hội ba); kế đó toi luyện, phát huy và chia sẻ Bồ Đề tâm với chúng sinh trong vạn cảnh sai thù (hội bốn). Tới đây người tu phải phát triển trọn vẹn Bồ Đề tâm cho tới mức vô lượng vô biên. Từ bi hỉ xả phải quảng bá vô cùng. Tâm không có một chướng ngại, một biên giới nào nữa thì mới thành. Tất cả những sự tiến triển đều thực hiện trong vòng chánh định, không phải là sự miệt mài cho bèn nhọn vọng tưởng của hàng ngoại đạo trong Vô Tướng Thiên, Không Vô Biên Xứ thiên, Thức Vô Biên Xứ Thiên hay Vô Sở Hữu Xứ thiên... Công đức và trí huệ của người tu bấy giờ không thể nghĩ bàn. Sống trên đời, lúc ấy người tu là kẻ có ảnh hưởng tốt và sâu đậm nhất trong văn minh của nhân loại. Chư tổ đặt tên hội này là hội Thập hồi hướng.

Hội thứ sáu: Bước tới giai đoạn này là một đoạn đường vĩ đại của người tu. Tới cuối cùng của bước thứ năm thì vọng niệm đã ngừng, Bồ Đề tâm đã lớn mạnh vô hạn vô biên. Nhưng tới giai đoạn này thì sự vô biên ấy mới thể nhập với Chân Tâm hay Pháp Giới Tánh. Đây chân chính là giai đoạn bản ngã, cái tôi, đã chết hẳn. Bạn có thể đối diện sánh vai với bậc La Hán. Nhưng hơn thế, đây cũng là giai đoạn Chân Tâm, tuyệt đối tánh, khai triển trên sự vô biên vô lượng của Bồ Đề tâm (tức là đại bi, đại nguyện, đại trí). Từ giai đoạn trước bước tới giai đoạn này lại là một bước nhảy bất khả tư nghì. Trong bước một, ta còn vọng tưởng phiền não. Đến bước hai, phiền não vọng tưởng tuy còn như ta không dùng nó, chỉ dùng lòng từ bi hỉ xả của tâm Bồ Đề. Đến bước ba tới bước năm, mình an trụ hoàn toàn trong Bồ Đề tâm, vọng

tướng dứt bật, phiền não chấp trước chẳng còn; tâm Bồ Đề lần lần triển khai cả chiều sâu và chiều rộng, cho tới vô cùng vô tận. Chân Tâm lúc đó vận hành gián tiếp qua phương tiện là Bồ Đề tâm. Đến bước sáu, Chân Tâm mới hoàn toàn hiển lộ và tự tại vận hành. Khi đó mọi công hạnh đều trở dậy từ chân tâm. Mọi chấp trước vào cảnh giới đều giải trừ. Đây là giai đoạn bất khả tư nghì nhất trên đường tu. Kinh Hoa Nghiêm lấy giai đoạn này làm căn bản cho sự tu hành tiến lên thành Phật. Thiếu giai đoạn này thì không sao thành Phật được. Chư tổ đặt tên cho hội này là hội Thập Địa nghĩa là hội nền tảng, như mặt đất là nền cho vạn sự sống vậy.

Hội thứ bảy: Bước này là hệ quả của bước trước. Tâm chân như bây giờ vận hành tự tại và vô ngại nhất. Tất cả những chướng ngại cực kỳ vi tế nhỏ nhặt làm cản trở sự vận hành của tâm tuyệt đối trong cảnh tương đối bây giờ hoàn toàn được tận trừ. Tất cả những nhân duyên độ sinh đều hoàn thành viên mãn. Tất cả những hạnh nguyện, pháp môn đều đạt tới chỗ vô biên. Lòng đại từ đại bi đại hỉ đại xả đã được vận dụng tới mức cùng tột. Không có một nhân địa tu hành nào không thành thực viên mãn. Khi đó bạn được gọi là Phật. Chư tổ gọi hội này là hội thuyết về pháp đẳng giác và diệu giác.

Hội thứ tám: Hội thuyết Pháp Viên Dung. Nếu ta cứ bước từng bước, từng bước một, từ từ tới bước tám, thì chưa vận dụng được tinh hoa của kinh Hoa Nghiêm. Bước tám này dạy ta sử dụng đặc tính của pháp giới trong việc tu hành. Rằng ta có thể khiến trong bước một bao hàm tất cả bước hai, ba, bốn, ...

Một bước gói trọn mọi bước. Tu một bước là tu mọi bước. Tiến tới một bước là tiến tới trong mọi bước. Rằng ta phải vận dụng Chân Tâm ngay trong khi mình còn đang chìm ngập trong biển phiền não vọng tưởng, bởi vì Chân Tâm thì vốn luôn tự do tự tại, nào bị hạn chế bởi phiền não đâu? Đến đây, chữ bước, hay giai đoạn không còn thích hợp để diễn tả đường tu nữa. Đây là công hạnh bất khả tư nghì vậy. Chư tổ đặt tên cho hội này là hội Viên Dung Hạnh hay hội hai ngàn hạnh môn, vì nó đề cập tới hai ngàn pháp môn để ta viên dung vạn hạnh. Hội này cũng trùng hợp với Hạnh Phần trong bốn phần đã nói ở trên.

Hội thứ chín: Hội thuyết Pháp Viên Mãn Quả Vị. Trong khi tám hội trước chú trọng vào dạy pháp tu, trong hội này chú trọng thể nghiệm pháp tu đã học để ấn chứng cho sự giác ngộ. Thay vì nói từng pháp riêng rẽ, hội nói sự phát triển liên tục của nội tâm từ khi mới tu tới khi thành đạo, qua hình ảnh một người cầu đạo, tên Đồng tử Thiện Tài. Thay vì triển khai quá trình tu hành theo kiểu hành bố dài dằng dặc vô biên kiếp số như trong các hội trước, hội này khai mở khả năng tu hành thành tựu trong sát na, siêu việt thời không của phương pháp viên dung. Thay vì cường điệu công hạnh hàng phục phiền não vọng tưởng, hội trình bày công năng vô song của Bồ đề tâm, có thể xuyên thủng màn lưới vô minh. Chỉ cần tu theo hội này là ta có thể viên dung tất cả các hội khác. Điểm đặc thù nhất của đường tu, theo hội này, không phải là chứng một cảnh giới (và do đó kẹt vào sở chứng), mà là khả năng để chân lý và công hạnh vận hành bất tận. Nếu chúng sinh, nghiệp lực, vọng tưởng, và phiền

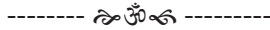
não vẫn là thực tại cho những kẻ chưa ngộ thì chân lý và hạnh nguyện sẽ vẫn phải được tiếp tục vận hành vô tận. Chứng ngộ, do vậy, không phải là cảnh giới Niết Bàn, mà là sự vận hành vô tận của Bồ Tát đạo.

Điều này được minh chứng rõ ràng trong Thế Chủ Diệu Nghiêm phẩm. Qua phẩm này, 36 chủng loại từ chư thần tới thiên, long, cho tới bồ tát, ai ai cũng thuật lại kinh nghiệm về sự tu hành không ngừng của họ. Chẳng ai nhấn mạnh rằng họ tu để thành Phật; mà ngược lại, họ cường điệu công hạnh độ sinh, tu bồ tát hạnh trong vô biên kiếp.

Phẩm thứ hai, phẩm Như Lai Hiện Tướng, xác định rằng ý nghĩa của một vị Phật là trí huệ, quang minh và chân lý, chứ Phật không phải là một nhân cách, đối tượng của sự sùng bái. Phẩm thứ sáu, phẩm Tỳ Lô Giá Na, kể lại nhân duyên tu hành hết sức bình dị, lúc Phật còn là phàm phu. Nó xác định tính chất bình đẳng của Phật và mở ra con đường vô hạn của bồ tát hạnh.

Trong phẩm thứ tư Thế Giới Thành Tựu và phẩm thứ năm Hoa Tạng Thế Giới, Đức Phật mô tả một vũ trụ vĩ đại, trong đó các thiên thể đủ hình dạng, vận hành không ngừng trong hư không. Thời đó chẳng ai có phương tiện để chứng minh. Thậm chí văn minh Tây Phương thời cổ lúc ấy còn cho rằng trái đất hình vuông và là trung tâm của vũ trụ! Người ta chỉ mới nhìn thấy rõ đủ thứ hình dạng của các giải ngân hà và các hệ thống tinh tú trong những thập niên gần đây, trong khi Đức Phật đã đề cập tới hơn hai ngàn năm trăm năm trước, trong phẩm Thế Giới Thành Tựu.

TỨ PHẦN – CỬU HỘI



Sau đây là bản phối hợp Tứ phần, Cửu hội và 39 phẩm trong kinh Hoa Nghiêm:

Tín phần: Gồm có 1 hội, 6 phẩm.

Hội thứ nhất:

Phẩm 1: Thế Chủ Diệu Nghiêm

Phẩm 2: Như Lai Hiện Tướng

Phẩm 3: Phổ Hiền Tam Muội

Phẩm 4: Thế Giới Thành Tựu

Phẩm 5: Hoa Tạng Thế Giới

Phẩm 6: Tỳ Lô Giá Na

- Hội thuyết về Y báo, Chánh báo của Phật
- Hội này được giảng tại Bồ đề tràng
- Hội chủ là đức Phổ Hiền Bồ tát

Giải phần: Gồm có 6 hội, 31 phẩm

Hội thứ hai:

Phẩm 7: Như Lai Danh Hiệu

Phẩm 8: Tứ Thánh Đế

Phẩm 9: Quang Minh Giác

Phẩm 10: Bồ Tát Vấn Minh

Phẩm 11: Tịnh Hạnh

Phẩm 12: Hiền Thủ

- Hội thuyết pháp Thập Tín
- Hội này tại điện Phổ Quang Minh

- Hội chủ là đức Văn Thù Bồ tát

Hội thứ ba:

Phẩm 13: Thăng Tu Di Đỉnh

Phẩm 14: Tu Di Kệ Tán

Phẩm 15: Thập Trụ

Phẩm 16: Phạm Hạnh

Phẩm 17: Sơ Phát Tâm Công Đức

Phẩm 18: Minh Pháp

- Hội thuyết pháp Thập Trụ

- Hội này giảng trên cung trời Đao Lợi

- Hội chủ là Bồ tát Pháp Huệ

Hội thứ tư:

Phẩm 19: Thăng Dạ Ma Thiên

Phẩm 20: Dạ Ma Kệ Tán

Phẩm 21: Thập Hạnh

Phẩm 22: Thập Vô Tận Tạng

- Hội thuyết pháp Thập Hạnh

- Hội này giảng trên cung trời Dạ Ma

- Hội chủ là Bồ tát Công Đức Lâm

Hội thứ năm:

Phẩm 23: Thăng Đâu Suất Thiên

Phẩm 24: Đâu Suất Kệ Tán

Phẩm 25: Thập Hồi Hương

- Hội thuyết Thập Hồi Hương

- Hội xứ Đâu Suất Thiên cung

- Hội chủ là đức Kim Cang Tràng

Hội thứ sáu:

Phẩm 26: Thập Địa

- Hội thuyết pháp Thập Địa
- Hội xứ Tha Hóa Thiên cung
- Hội chủ là Ngài Kim Cang Tạng

Hội thứ bảy:

Phẩm 27: Thập Định

Phẩm 28: Thập Thông

Phẩm 29: Thập Nhẫn

Phẩm 30: A Tăng Kỳ

Phẩm 31: Thọ Lượng

Phẩm 32: Bồ Tát Trụ Xứ

Phẩm 33: Phật Bất Tư Nghì Pháp

Phẩm 34: Thập Thân Tướng Hải

Phẩm 35: Tùy Hảo Quang Minh

Phẩm 36: Phổ Hiền Hạnh

Phẩm 37: Như Lai Xuất Hiện

- Hội thuyết Đẳng Giác và Diệu Giác
- Hội này giảng ở điện Phổ Quang Minh
- Hội chủ là Đức Phật

Hạnh phần: Gồm có một hội, một phẩm

Hội thứ tám:

Phẩm 38: Ly Thế Gian

- Hội thuyết về hai ngàn pháp viên dung
- Hội này giảng ở điện Phổ Quang Minh
- Hội chủ là đức Phổ Hiền

Chứng phần: gồm một hội, một phẩm

Hội thứ chín:

Phẩm 39: Nhập Pháp Giới

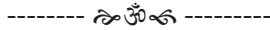
- Hội thuyết Pháp giới viên mãn quả vị
- Giảng ở rừng Thệ Đa
- Hội chủ là đức Phật và các Thiện tri thức.

Câu hỏi ôn tập:

1. Trình bày tóm tắt ý nghĩa Tứ Phần của Kinh Hoa Nghiêm?
2. Cho biết tên gọi các Phẩm thuộc Tín Phần?
3. Giải Phần của Kinh Hoa Nghiêm, gồm có mấy Hội và bao nhiêu Phẩm?
4. Chín Hội của Hoa Nghiêm (Hội Thuyết), Đức Phật thuyết những gì?
5. Chứng Phần của Hoa Nghiêm gồm có mấy Hội, bao nhiêu Phẩm, và Hội Thuyết Pháp gì?

THẬP PHÁP GIỚI
không ngoài một niệm của tâm

十法界具足於一念心



Nhược nhân dục liễu tri,
Tam thế nhất thiết Phật.
Ưng quán Pháp giới tánh,
Nhất thiết duy tâm tạo.

(Nếu ai muốn thấu rõ, Ba đời tất cả Phật, Hãy quán tánh Pháp giới, Tất cả chỉ tâm tạo). Nếu có ai muốn hiểu biết rõ ràng Ba đời tất cả Phật, thì phải hiểu chư Phật trong mười phương ba đời quá khứ, hiện tại, và vị lai đều do người mà thành.

Hãy quan sát tánh chất của Pháp giới. Chúng sinh trong Pháp giới, ai ai cũng có bản tính minh diệu. Tánh của chúng sinh ở trong Pháp giới. Tất cả chỉ tâm tạo, Kinh Hoa Nghiêm dạy rằng: Vạn Pháp đều do tâm tạo ra. Ngay cả Phật cũng do tâm tạo ra. Nếu tâm Ta tu pháp Phật thì thành Phật đạo. Nếu thích Bồ Tát hạnh thì tu Bồ tát đạo, thành một vị Bồ Tát. Nếu lòng muốn đọa địa ngục thì cứ nhắm hướng địa ngục mà tu thì tương lai sẽ đọa địa ngục. Cho nên Cổ đại đức nói: Mười Pháp giới không rời một niệm tâm.

1). Pháp giới của Phật

Bất đại bất tiểu, phi khứ phi lai
Vi trần thế giới, giao ánh liên đài.

Nghĩa là: Không lớn không bé, chẳng đến chẳng đi. Thế giới như bụi, đài sen chiếu nhau.

Bất đại bất tiểu: Nghĩa là Phật không có lớn nhỏ, không có cái Ngã.

Phi khứ phi lai: Pháp thân của Phật thì bao trùm tận hư không khắp Pháp giới; không ở mà cũng chẳng đi. Pháp thân thì vốn châu biến, chẳng phải chỉ ở tại thế giới của ta mà khắp mọi thế giới nhiều như hạt bụi. Vô lượng vô biên thế giới đều có pháp thân Phật, nên nói rằng thân Ngài ở khắp vi trần thế giới.

Giao ánh liên đài: Giao ánh diễn tả hào quang của Phật ở Pháp giới này chiếu sáng chư Phật ở Pháp giới kia. Hào quang của Phật ở Pháp giới kia lại chiếu sáng Pháp giới này. Chư Phật ngự trên đài sen, hổ tương phóng quang động địa, chẳng những các Ngài dùng sáu căn phóng quang động địa mà mỗi lỗ chân lông đều phóng quang động địa.

Cũng trong một chân lông xuất hiện vô lượng vô biên chư Phật, rồi mỗi một vị Phật ấy lại phóng ra vô lượng vô biên hào quang. Quang và quang không chút xung đột, mà ngược lại, hòa hợp. Vì vậy Phật dạy phải hòa hợp như ánh quang minh vậy. Giữa người với người, chớ sinh ra sự xung đột. Sự giao ánh có nghĩa là ánh sáng của mỗi người mỗi người, quang quang tương chiếu, lớp này chiếu lên lớp nọ, trùng trùng vô tận. Đó là Pháp giới thứ nhất, Pháp giới của Phật.

2). Pháp giới của Bồ Tát

Hữu tình giác ngộ, Khiêu xuất trần ai.

Lục độ vạn hạnh, Thời khắc bồi tài.

Nghĩa là: Khi hữu tình giác ngộ, Hãy thoát khỏi bụi trần. Lục độ vạn hạnh, Lúc nào cũng vun bồi.

Hữu tình giác ngộ: Bồ Tát là dịch âm tiếng Phạn, ý dịch là Giác hữu tình, giác ngộ tất cả hữu tình. Lại còn được hiểu rằng Bồ Tát là một vị Hữu tình đã giác ngộ. Với hai cách giải thích này chúng ta đều có phần. Bởi vì mình là một hữu tình chúng sinh, do đó mình có thể giác ngộ trong chúng sinh. Mình lại có thể dùng đạo lý giác ngộ để thức tỉnh tất cả chúng sinh.

Khiêu xuất trần ai: Không thông hiểu thì không sao nhảy thoát ra khỏi bụi trần, bởi vì bụi trần quá dày đặc nên nhảy không ra nổi. Nếu giác ngộ rồi, thì bụi trần sẽ mỏng lắm, nhảy là thoát ngay.

Thời khắc tài bồi: Chẳng phải ngày nay tu, ngày mai nghỉ tu; đời này tu, đời sau bỏ; phút này tu, phút sau ngủ. Mà phải là, trong mọi lúc, mọi thời, mọi đời, mọi kiếp, mình phải tu lục độ vạn hạnh. Nếu được như vậy là Bồ Tát.

Bồ Tát cần làm những việc khổ hạnh ai cũng cho là khó làm, nhẫn nhịn những việc khó nhẫn. Chẳng phải thấy khó rồi bỏ không làm, bởi vì Hạnh tinh tấn tức là Bồ Tát. Chẳng có gì xảo diệu hơn. Nếu có thể làm là Bồ Tát.

3). Pháp giới của Duyên Giác

Duyên Giác Thánh Hiền, Cô phong độc miên.
Xuân hoa thu tạ, Thập nhị liên hoàn.

Nghĩa là: Thánh Hiền đấng Duyên Giác, Chót đỉnh một mình ngủ. Hoa xuân, thu héo tàn, tròn, mười hai khoen.

Duyên Giác là bậc Thánh Hiền, lúc các Ngài ở thời Phật tại thế thì gọi là Duyên Giác; sau khi Phật nhập diệt, các Ngài được gọi là Độc Giác, bởi vì các Ngài tự mình giác ngộ. Các Ngài thích Cô phong độc miên, ngủ một mình trên đỉnh chót vót.

Xuân hoa thu tạ: Khi các Ngài ngắm nhìn cảnh xuân đến, trăm hoa nở; thu về, lá vàng rơi. Ngài giác ngộ rằng mọi sự, mọi việc trên đời đều tự nhiên có sinh có diệt.

Mười hai nhân duyên hỗ tương tiếp nối sinh diệt giống như mười hai móc khoen của dây xích. Mười hai nhân duyên đó như sau:

1. Vô Minh: Quán sát xem vô minh từ đâu ra? Vì sao có vô minh?

2. Hành: Khi có vô minh thì có hành động, tức là có sự biểu hiện. Khi có chỗ hiển bày thì có thức.

3. Thức: Thức nghĩa là sự phân biệt. Hành tức là pháp hữu vi. Khi có pháp hữu vi, tâm phân biệt liền sinh khởi.

4. Danh sắc: Cái rắc rối ấy chính là danh sắc. Danh (hay tên) thì có rắc rối của danh. Sắc (hình hài) thì có rắc rối của sắc. Không nói thì chẳng sao, càng nói về nó thì càng rắc rối. Có ý muốn hiểu biết nên sinh ra lục nhập (sáu căn).

5. Lục Nhập: Sáu căn sinh ra là vì muốn hiểu biết. Do đó nên gọi là tai, mắt, mũi, lưỡi, thân và ý tưởng. Vì muốn hiểu biết. Có ai ngờ rằng càng hiểu biết thì ta càng mê muội, càng mê muội thì càng không hiểu biết. Đó là sáu căn.

6. Xúc: Xúc nghĩa là xúc chạm, tiếp xúc. Khi không hiểu biết thì ta cứ chạy xúc chạm đủ phía nào đông, tây, nam,

bắc, trên, dưới...

7. Thọ: Sau khi tiếp xúc, thì ta có cảm giác, đó là thọ. Khi không đụng phải việc khó khăn, cảm giác rất thoải mái. Một khi đụng việc khó, mới thấy khó chịu. Khi không ai chê mình xấu, mình thấy sung sướng lắm. Tới lúc bị chê, mới thấy không vui. Đó tức là thọ, hay cảm giác.

8. Ái: Khi có cảm giác thì yêu thích, chấp trước sinh ra. Bởi vì có ái. Có ái, có yêu thích thì có ghét bỏ, không thích. Đối với thuận cảnh thì sinh lòng yêu thích; với nghịch cảnh thì ghét bỏ.

9. Thủ: Đối với cái gì mình yêu thích, thì sinh tâm muốn nắm giữ nó, tức là thủ. Là chấp trước, muốn chiếm hữu, nắm giữ. Bởi vì có ái nên mới có lòng muốn chiếm đoạt.

10. Hữu: Khi đã chiếm hữu rồi, dục vọng liền thỏa mãn. Vì muốn có nó, mà có Hữu tức là Có.

11. Sinh: Vì có cái Hữu, nghĩa là Có, hiện hữu, nên cứ muốn nó thuộc về mình. Khi đã thuộc về mình, thì liền có Sinh.

12. Lão tử: Hễ có sinh ra thì có già, chết.

Đó là mười hai nhân duyên, là Pháp bậc Duyên Giác tu hành.

Chúng sanh mà gọi là chúng sanh, sự thật họ không phải là chúng sanh, Như Lai tạm gọi chúng sanh vậy thôi. Khi mê thì gọi chúng sanh, hết mê thì mọi người đều là Phật. Mê thì vô minh hiển, Phật chất ẩn.

Đồng một thể tánh chơn tâm, vì vô minh vọng động,

chấp đây thật là Phật, kia thật là chúng sanh. Đó là Điên đảo. Như người đương thức (dụ chơn tâm) bỗng chốc buồn ngủ (dụ vô minh). Khi ngủ chiêm bao thấy có hư không, thế giới, chúng sanh và mình (dụ vô minh sanh ra thế giới và chúng sanh), rồi chấp cái thân và tâm trong chiêm bao kia là mình, mà bỏ cả cảnh thức tỉnh rộng lớn này đi v.v...(dụ như vì mê muội nên nhận cái vọng thân, vọng tâm này làm mình, cảnh này là thật, mà bỏ cái toàn thể chơn tâm sáng suốt rộng lớn kia). Tâm đã sanh ra các pháp, thì pháp nào cũng là tâm cả: Cũng như vàng đã làm ra các đồ trang sức thì món nào cũng là vàng.

Nếu ngộ tất cả pháp vô sanh thì Sắc như dụi mắt thấy hoa đốm trên không; Thọ như xoa bàn tay sanh những xúc giác trơn, rít, lạnh, nóng; Tưởng như nghe nói trái mơ tiết ra nước miếng; Hành như dòng nước chảy, chẳng có năng sanh sở sanh; Thức như cái bình đựng đầy hư không, bình dụ cho nghiệp thân, hư không dụ cho vọng thức. Bản Giác tánh không, cùng khắp pháp giới, hễ mê thành vọng thức thì thành hư không ở trong bình, nhét bít miệng bình dụ cho vọng phân đồng dị, có trong có ngoài, kỳ thật trong bình ngoài bình chỉ cùng một hư không (dụ cho tánh và thức vốn là một thể), hư không chẳng khứ lai dụ cho tánh chẳng sanh diệt. Bình dụ vọng nghiệp, hư không dụ vọng thức, nghiệp kéo thức chạy theo, như đem bình đựng hư không đi các nước khác, dụ cho đi khắp lục đạo, cam chịu luân hồi.

Nói cách khác, Nhứt chơn Pháp Giới là bản thể của 5 ấm, 6 thức, 12 xứ, 18 giới và 7 đại. Đề cập đến bản thể hiện

tượng là một vấn đề lớn, một vấn đề mang tính triết học của Phật giáo, nếu ta nhìn Phật giáo qua lăng kính triết học. Nhưng đối với Phật giáo người ta có cho nó là triết học hay không là triết học đều đó chẳng có giá trị thêm bớt gì. Sự thuyết pháp của Phật nhằm nói lên chân lý khách quan, nói lên cái nguyên ủy của sự hình thành và sự tồn tại khách quan của vũ trụ vạn hữu. Sự thật như thế nào, Phật nói như thế ấy thôi. Rằng hiện tượng vạn hữu do ngũ uẩn tổ hợp mà thành. Từ ngũ uẩn lập ra 12 thứ sắc pháp. Từ ngũ uẩn lập ra 8 pháp tâm vương. Từ ngũ uẩn triển khai 51 thứ tâm sở. Từ ngũ uẩn diễn biến ra 24 thứ pháp bất tương ứng. Từ ngũ uẩn thành lập 95 pháp hữu vi và cũng từ ngũ uẩn mà lập 6 thứ vô vi pháp. Tất cả ngàn ấy thứ đều là hiện tượng của Như Lai Tàng, từ chủng tử trong Như Lai Tàng duyên khởi biểu hiện mà ra. Như điện, vào đèn thì đèn cháy, vào quạt quạt lại quay v.v... điện không có phương hướng xứ sở gì, chỉ tùy duyên phát hiện. Còn tâm cũng thế, tâm vẫn là một, nếu đến mắt thì thấy, còn đến tai thì nghe v.v... tùy duyên phát hiện.

Nói pháp giới tánh, nói Như Lai Tàng, là nói đến chỗ cao siêu tuyệt diệu, thì không còn suy nghĩ, luận bàn được (bất khả tư nghị); nếu còn suy nghĩ luận bàn được thì không phải là cao siêu tuyệt diệu.

Bởi thế nên Đức Thích Ca đóng cửa ba thất tại nước Ma Kiệt Đề, ông Duy Ma Cật ngâm miệng tại thành Tỳ Da Ly, tổ Đạt Ma ngồi tại chùa Thiếu Lâm, quay mặt vô vách chín năm, không nói một lời, đều vì cái lý cao siêu, không thể luận bàn này vậy.

4). Pháp giới của Thanh Văn

Thanh Văn chúng tăng, Bất luận nam nữ
Tứ đế quán hành, Ẩn thật, thị quyền.

Thanh Văn chúng tăng: Pháp giới của Thanh Văn gồm có các bậc sơ quả, nhị quả, tam quả, tứ quả Thanh Văn. Trong đó lại chia thành: Sơ quả hướng, nhị quả hướng, nhị quả, tam quả hướng, tam quả, tứ quả hướng, tứ quả. Hướng có nghĩa là hồi tiểu hướng đại (bỏ cái nhỏ hướng về cái lớn).

Hàng Thanh Văn còn được gọi là A La Hán hay La Hán. Các Ngài có thần thông có thể phi hành biến hóa. Các vị chứng quả, không bao giờ tùy tiện thổ lộ rằng: Ta đã chứng quả, ta là bậc A La Hán.

Bậc sơ quả A La Hán thì phải cắt đứt những mê muội của cái thấy (kiến hoặc). Bậc nhị quả thì cần đoạn những mê hoặc của tâm tư (tư hoặc). Bậc tam quả thì phải đoạn những mê muội vi tế như cát bụi (trần sa hoặc). Bậc tứ quả cũng phải đoạn trần sa hoặc và vô minh.

Bậc tứ quả Thanh Văn tu Tứ Diệu Đế: Khổ, Tập, Diệt, Đạo.

Lúc ban sơ, Đức Phật Thích Ca tới vườn Lộc Uyển để độ năm vị Tỳ kheo. Năm vị này đều là bà con của Ngài. Họ theo Ngài tu đạo, song không chịu đựng nổi khổ nhọc. Lúc Đức Phật Thích Ca ở núi Tuyết Sơn, mỗi ngày Ngài ăn một hột mè, một hạt mạch, ốm gầy như cây sậy. Ba vị đồng tu với Ngài, vì chịu không nổi khổ nên bỏ đi, chỉ còn lại hai vị. Về sau, vào ngày tám tháng chạp, có vị thiên nữ đem sữa lại dâng Đức Phật Thích Ca; Ngài liền tiếp nhận, uống sữa ấy khiến hai vị kia cũng bỏ Ngài đi. Họ nói rằng: Tu hành cần phải tu khổ

hạnh. Bây giờ Ngài uống sữa, chẳng còn khả năng tu hành nữa. Ngài chẳng chịu đựng khổ sở được nữa rồi. Do đó họ bỏ đi. Thế là cả năm vị đều bỏ đi, tới vườn Lộc Uyển.

Đức Phật Thích Ca sau khi giác ngộ thành Phật, Ngài thuyết Kinh Hoa Nghiêm này trước hết, song chẳng người nào nghe đặng. Vì thế Ngài phải ẩn thật thị quyền, mới thuyết Kinh A Hàm. Phật quan sát: Năm vị đồng tu với ta, Ta phải độ họ trước tiên.

Đó là vì trong quá khứ xa xưa Phật có phát nguyện: Nếu ta thành Phật, trước hết ta sẽ độ cho tất cả kẻ hủy báng ta, sát hại ta, đối với ta không tốt. Ai là người cư xử không tốt với Ngài xưa kia? Thì chính là vua Ca Lợi mà Kinh Kim Cang đã đề cập.

Khi đến vườn Lộc Uyển, Ngài ba lần giảng Pháp Tứ Đế (gọi là tam chuyển Tứ Đế Pháp Luân) cho năm vị tỳ kheo: Lần đầu chuyển Pháp Tứ Đế là:

Đây là Khổ. Tánh của khổ là bức bách.

Đây là Tập (nguyên nhân của khổ). Tánh của tập là chiêu cảm.

Đây là Diệt (chấm dứt đau khổ). Sự dứt khổ có thể chứng đắc.

Đây là Đạo (con đường dứt khổ). Con đường dứt khổ có thể tu tập đặng.

Lần thứ hai chuyển Pháp Tứ Đế là:

Đây là khổ, con phải biết.

Đây là nguyên nhân của khổ, con phải đoạn trừ.

Đây là sự hết khổ, con phải chứng đắc.

Đây là con đường hết khổ, con phải tu tập.

Lần thứ ba chuyển Pháp Tứ Đế là:

Đây là khổ, ta đã biết, không cần biết thêm nữa.

Đây là nguyên nhân của khổ, ta đã đoạn hết, không cần đoạn thêm nữa.

Đây là sự hết khổ, ta đã dứt sạch, không cần dứt thêm gì nữa.

Đây là con đường hết khổ, ta đã tu thành, không cần tu thêm nữa.

Khi Phật ba lần quay bánh xe Pháp Tứ Đế rồi, Ngài dạy rằng: Này Kiều Trần Như, hiện giờ ông đang bị khách trần quấy nhiễu, khiến ông chẳng đặng giải thoát. Khi Kiều Trần Như nghe tới hai chữ khách trần thì Ngài liền khai ngộ. Sao gọi là khách? Tức không phải ông chủ. Sao gọi là trần? Trần hay bụi bặm là thứ không sạch sẽ. Tự tánh của ta vốn là ông chủ, tự tánh của ta vốn thanh tịnh. Do đó Ngài khai ngộ nó, được Phật đặt tên là Giải Bồn Tể, nghĩa là thông đạt lý giải chân lý sẵn có xưa nay.

Thanh Văn tặng chúng, Bất luận nam nữ; Người nữ cũng có thể chứng quả, người nam cũng chứng được quả. Hễ chứng quả tức thành Thanh Văn, A La Hán. Ví như mẹ của ngài Cưu Ma La Thập đã chứng đặng tam quả A La Hán.

Tứ Đế Quán Hành: Quán Hành nghĩa là quán sát tu hành. Quán sát tu hành Tứ Đế: Khổ tập diệt đạo. Phải biết khổ, đoạn trừ tập nhân, hướng về diệt, tu hành đạo Pháp.

Đó là tu Pháp môn Tứ Đế.

Ẩn thật thị quyền: Các bậc Thanh Văn, có Ngài vốn là bậc đại Bồ Tát quyền biến hiện ra thành Thanh Văn. Do đó mới gọi là Ẩn thật, nghĩa là dấu đi công đức thật có của các Ngài. Thị quyền; thị nghĩa là chỉ bày, cho thấy; quyền nghĩa là quyền xảo, phương tiện. Ngài hiện thành kẻ tiểu thừa để tiếp dẫn kẻ căn cơ tiểu thừa, khiến họ bỏ tâm nhỏ hẹp, phát tâm rộng lớn. Do đó gọi là Ẩn thật thị quyền.

5). Pháp giới của Chư Thiên

Lục dục Phạm thiên, Ngũ giới thập thiện
Chủng hữu lậu nhân, Luân hồi nan đoạn.

Nghĩa là: Trời lục dục và Phạm thiên, Do tu Ngũ giới, thập thiện. Đều là trồng nhân hữu lậu, Nên khó cắt đoạn luân hồi.

Lục Dục Phạm Thiên: Lục Dục Thiên còn gọi là Dục Giới Thiên. Dục Giới Thiên, Sắc Giới Thiên và Vô Sắc Giới Thiên hợp lại gọi là Tam Giới. Chúng ta hiện tại đang ở trong phạm vi của Tứ Thiên Vương Thiên, là một trong sáu cõi trời ở Dục giới. Bầu trời mà mình nhìn thấy đây chính là trời Tứ vương, do bốn vị thiên vương cai quản. Trời này nằm ở lưng chừng núi Tu Di.

Tầng trời thứ hai là Đế Thích Thiên. Trời này ở giữa, phía đông có tám trời, phía tây có tám trời, bắc có tám trời, nam có tám trời. Tổng cộng là ba mươi hai trời. Đó là tầng trời thứ hai ở cõi Dục giới.

Tầng trời thứ ba là Dạ Ma Thiên. Trong tầng trời này,

chư thiên vô cùng sung sướng. Ngày đêm sáu thời họ đều vui sướng, do đó Dạ Ma dịch là thời phần, vì rằng mỗi thời khắc họ đều vô cùng sung sướng.

Tầng trời thứ tư là Đâu Suất Thiên. Đâu Suất dịch là Hỷ Túc, vì lúc nào họ cũng hoan hỉ, lúc nào cũng đầy đủ mãn túc. Bởi vì họ biết tri túc nên lúc nào cũng an lạc. Từ sáng đến tối họ không bao giờ ưu lự, sầu muộn, hay có phiền não bức dọc gì cả. Trời ấy còn gọi là “Tri Túc Thiên” bởi vì họ biết tri túc và thường vui vẻ, không phiền não ưu tư.

Tầng trời thứ năm là Hóa Lạc Thiên. Các vị trời này đặc khoái lạc nhờ có năng lực biến hóa. Nghĩ tới áo quần thì áo quần hiện ra; nghĩ tới ăn uống thì thực phẩm tới liền. Vì họ biến hóa rất tự tại nên vô cùng sung sướng an lạc.

Tầng thứ sáu là Tha Hóa Tự Tại Thiên. Tha Hóa có nghĩa là các vị trời trên ấy vốn không có sự sung sướng an lạc, song các Ngài có năng lực tước lấy sự an lạc của các trời khác đem làm an lạc của chính mình. Vì sao họ lại chiếm sự an lạc của kẻ khác để làm của mình? Bởi vì họ không theo đạo lý; hệ như bọn giặc cướp, đoạt tiền của và tài sản của kẻ khác để tự mình dùng, bất kể sự sống chết của kẻ khác. Ở tầng trời này có rất nhiều thiên ma và quyến thuộc của chúng.

Lục Dục Phạm Thiên, phía trên đã nói về Lục Dục Thiên. Phạm Thiên tức là trời Đại Phạm Thiên, Phạm Chúng Thiên và Phạm Phụ Thiên. Các vị trời ấy do tu Ngũ Giới Thập Thiện, nên đắc phước báu ở tầng trời này. Song đây là những thiện căn hữu lậu (hữu lậu nghĩa là có phiền não) nên nói rằng: Chủng hữu lậu nhân, luân hồi nan đoạn. Vì trồng nhân hữu

lậu thì khó đoạn luân hồi. Phải tu hành cái nhân xuất thế thì mới thoát khỏi luân hồi.

6). Pháp giới của A Tu La

Tu La tánh bạo, Hữu phước vô quyền,
Háo dững đấu lang, Phù trầm nghiệp khiên.

Nghĩa là: Tu La tánh hung bạo. Có phước, song không quyền. Rất thích đánh đấu nhau. Chìm nổi theo nghiệp dấy.

A Tu La là tiếng Phạn dịch là vô đoan chính. Vô đoan chính nghĩa là xấu xí. Nam A Tu La tướng mạo vô cùng xấu xí, ưa thích đấu tranh với kẻ khác. Nữ A Tu La tướng mạo hết sức xinh đẹp, yêu thích đấu tranh bằng tình cảm, tức là dùng tánh đố kỵ ghen tuông, chướng ngại, vô minh, phiền não.

Tuy chúng sinh này làm thành một Pháp giới, song bất luận ở đâu trong lục đạo, hễ có chúng sinh nào thích đấu tranh, nóng nảy dữ tợn vô cùng, chỉ thích chỉ huy kẻ khác chứ không chịu bị kẻ khác chỉ huy; chỉ thích cai quản kẻ khác mà không thích bị ai cai quản, thì đó đều là biểu hiện của A Tu La. A Tu La ở trong loài người thì phân ra loại ác loại thiện. Thiện A Tu La chính là quân đội, binh tướng. Ác A Tu La tức là thứ giặc cướp, trộm cắp, kẻ thích đánh, thích giết người khác.

A Tu La ở trên cõi trời thì ưa thích đánh nhau với thiên binh, thiên tướng. Suốt ngày chúng chỉ nghĩ cách đánh trời Đế Thích để cướp bảo tòa, đoạt ngôi để lên làm Đế Thích. Song le, tuy đánh nhau hoài nhưng bọn chúng luôn thua trận. Vì sao? Bởi vì tuy bọn họ ở trên trời hưởng phước song không có quyền hành gì. Do đó tuy đánh với thiên binh,

thiên tướng mà rốt cuộc vẫn cứ thất bại.

Trong hàng súc sinh cũng có A Tu La. Chúng thích chén ép kẻ đồng loại hay những súc sinh khác, thí dụ như sài lang, cọp, sư tử... là những thứ thích ăn thịt súc sinh khác vì chúng có tánh tình A Tu La. Rắn hay chim ưng cũng là thứ A Tu La.

A Tu La trong loài quỷ thì thích ăn hiệp loại quỷ khác. Quỷ cũng có loại thiện loại ác. Bọn ác quỷ thì không đếm xỉa tới phải trái gì cả. Xưa nay quỷ không bao giờ biết phải trái, nhưng bọn ác quỷ càng không biết đến phải trái hơn cả.

Tu La tánh bạo: Tánh tình của A Tu La rất tàn bạo. Hữu phước vô quyền: Chúng có phước của chư thiên, song không có quyền hành như chư thiên. Do đó chúng muốn tranh đoạt quyền lợi, song không thể tranh thắng đặng.

Phù trầm nghiệp khiên: Tùy theo nghiệp lực dẫn dắt đi theo nẻo nào thì chúng đi theo nẻo đó.

Tóm lại, A Tu La không hề nói tới chuyện phải trái. Bất luận với ai, chúng cũng thường nổi nóng. Nói cho rõ, thì trong chín Pháp giới của chúng sinh, thì A Tu La có mặt trong năm Pháp giới rồi.

7). Pháp giới của loài Người

Nhân đạo hòa hợp, Công tội tương gian.

Đức thẳng nghiệt giáng, Khả hữu tha yên.

Nghĩa là: Hòa hợp là đạo người, Công và tội xen lẫn, Đức thì thẳng, nghiệt đọa, Nào do ai khác làm!

Cõi người có kẻ thiện kẻ ác. Bản tánh của con người thì vốn ôn hòa, có thể hòa hợp với kẻ khác, do đó tôi nói là nhân

đạo hòa hợp. Công tội tương gian: nghĩa là con người không phải hoàn toàn thiện hay hoàn toàn ác. Do đó, con người cứ làm một chút công, lại phạm một chút tội. Đôi khi công nhiều, tội ít; hoặc là tội nhiều, công ít. Khi công nhiều tội ít thì mình sinh ra tại gia đình phú quý giàu sang. Nếu công ít, tội nhiều thì mình sinh vào gia đình bần cùng khổ. Giữa hai thái cực này (công và tội) có ngàn vạn sự sai thù, tùy thuộc vào mức độ nhiều ít của ác nghiệp do mình tạo ra. Con người không âm cũng không dương. Vì thuần âm thì con người sẽ biến thành quỷ, mà thuần dương thì con người sẽ thăng thiên hết, không còn gì là loài người nữa!

Đức thẳng nghiêm giáng: Nếu làm chuyện thiện, hay công đức thì bạn sẽ thăng lên. Nếu tạo tội nghiêm thì bạn đọa lạc. Khái hữu tha yên: không ai có thể bắt đọa địa ngục, hay làm nạ quỷ, hay biến thành súc sinh được. Tất cả đều do bạn tự mình tạo. Tự mình làm ra thì tự mình phải lãnh hậu quả. Đó là cõi người.

8). Pháp giới loài Súc Sinh

Súc sinh háo tham, Đa nhi vô yểm,
Tương hắc tác bạch, Thị phi mặc biện.

Nghĩa là: Súc sinh tham lam, Nhiều mà chẳng ngán. Lấy đen làm trắng, Không rõ đúng sai.

Bảy Pháp giới nói trên đều là Pháp giới tốt, bạn có thể thử nó, tới đó mà đóng kịch. Chỉ có ba Pháp giới còn lại thì bạn không thể thử cho biết đặng. Bởi vì hễ bạn đọa vào ba đường này thì e khó thoát ra được. Cho nên: Nhất thất nhân thân, vạn kiếp nan phục. (Thân người mất đi, vạn kiếp khó

khôi phục).

Trong cõi súc sinh hiện giờ, không phải chỉ có một loại mà thôi. Súc sinh có trăm ngàn vạn ức thứ khác nhau. Chỉ nói tới loài biết bay, cũng đã có tới trăm ngàn vạn chủng loại. Loài biết chạy cũng không ít, nào là thứ nhỏ như chuột, lớn như voi, hay các động vật lớn như hươu, gấu, ngựa, dê... những thứ ở trên mặt đất có đến trăm ngàn loài. Những loài dưới nước, nào là hải cẩu, hải mã, v.v... Dù là vật lý gia, hóa học gia, sinh vật học gia, động vật học gia, hay là chuyên gia cũng không thể nào biết hết được những thứ chủng loại ấy.

Đa nhi vô yếm, có nhiều mà không biết nhàm chán. Cho nên cái đen, chúng không nhận biết rằng nó đen. Chúng cho là: Cái này màu trắng! Do đó, tương hắc tác bạch. Nhận cái đen là cái trắng; cái xấu thì cho rằng tốt. Đó chính là biểu thị chúng chẳng có lý trí gì cả. Thị phi mạc biện, nghĩa là chúng không biết cái gì phải, cái gì trái; không biện biệt đúng sai, không rõ ràng mọi sự vì không có lý trí nữa. Khi có lòng tham thì chúng trở nên mê muội. Thế là bị vô minh trùm phủ, không biết gì cả.

9). Pháp giới của Ngạ Quỷ

Quỷ loại hỷ sân, Muội quả mê nhân,
Vô minh điên đảo, Nhật tịch nguyệt thâm.

Nghĩa là: Loài quỷ thích giận, Mê muội nhân quả, Vô minh điên đảo, Ngày tháng chông chất.

Đa số ai cũng biết quỷ. Có người tin có quỷ, song có kẻ nói quỷ chẳng có. Thậm chí nhiều Phật tử không tin có quỷ. Quỷ là một thứ âm khí, có bóng mà không có hình hài, hoặc

có hình thể mà không có bóng. Nhiều khi bạn thấy một bóng đen, nhưng khi nhìn kỹ thì bóng biến mất. Hoặc nhiều khi thấy cái bóng giống như người, nhưng chỉ trong chớp mắt nó biến mất. Thật khó mà xác định rõ ràng sự thật về chuyện này.

Khi tu được Ngũ Nhãn, Lục Thông, sẽ rõ biết hết thảy có bao nhiêu loài quỷ. Có người nói: Chẳng có quỷ đâu. Nếu không có quỷ thì cũng chẳng có Phật, chẳng có người, chẳng có súc sinh. Vì mười Pháp giới không rời một niệm trong tâm. Chính một niệm này tạo ra mười Pháp giới.

Người làm việc quý thì đọa lạc vào đường quý. Làm việc người thì tới cõi người, làm việc A Tu La thì tới chỗ A Tu La. Làm việc của bậc A La Hán thì thành A La Hán. Làm chuyện đấng Duyên Giác thì sẽ tới đấng bậc Duyên Giác. Làm việc của Bồ Tát thì sẽ thành quyến thuộc của chư Bồ Tát. Làm việc Phật thì thành Phật. Làm chuyện của địa ngục thì đọa địa ngục. Do đó một tâm niệm trong hiện tại tạo thành tất cả mọi chuyện.

Muội quả mê nhân: Chúng không hiểu biết gì; mà cái nhân, chúng cũng không rõ. Do đó chúng không biết tốt xấu. Xưa nay hễ trồng nhân tốt thì gặt quả tốt; trồng nhân lành thì gặt quả lành, trồng nhân ác thì gặt quả ác. Trồng dưa, gặt dưa; trồng đậu, được đậu. Song bọn quỷ không hiểu được đạo lý nhân quả này. Do đó chúng trồng cà mà mong được ớt, trồng ớt mà mong gặt được dưa leo; hoàn toàn mê muội lầm lẫn, nên nói là muội quả mê nhân. Vô minh điên đảo, nhật tích nguyệt thâm: mỗi ngày tích tập càng nhiều sự vô minh. Càng tạo nghiệp thì tội càng nặng; tội càng nặng thì lại càng tạo nghiệp. Do đó đọa lạc vào đường quý.

10). Pháp giới của Địa Ngục

Địa ngục ưu khổ, Vô môn tự xuyên,
Khởi hoặc tạo nghiệp, Thọ báo tuần hoàn.

Nghĩa là: Địa ngục đầy ưu khổ, Không cửa nhưng cứ vào, Khởi hoặc rồi tạo nghiệp, Chịu quả báo tuần hoàn.

Âu sầu phiền muộn là nhân của địa ngục. Nếu ta cười vui vẻ, đó là nhân cõi trời. Rằng: Tự cổ thần tiên vô biệt pháp, chỉ sinh hoan hỉ bất sinh ưu. Nghĩa là: Xưa nay thần tiên chẳng phép lạ, chỉ sinh vui vẻ, chẳng ưu lo.

Nếu thường thường cười vui, thì dù lớn tuổi, bạn cũng trẻ trung. Khóc lóc là một việc rắc rối lắm. Địa ngục ưu khổ: Nghĩa là địa ngục chẳng có gì vui vẻ an lạc, chỉ ưu sầu khổ sở. Vô môn tự xuyên; nghĩa là địa ngục xưa nay không có cửa. Cửa vào địa ngục chính là do mình đặt và mở ra. Mình cứ đâm đầu dẫn thân vào, (như cái dùi cứ khoan vào) vào không được cũng cứ cố chui vào.

Khởi hoặc tạo nghiệp. Là vì ta vô minh mê hoặc, không hiểu biết, do đó tạo ra ác nghiệp. Tu nghiệp gì, thì thọ quả báo ấy, không sai một mảy may. Đây là sự tuần hoàn không ngừng nghỉ. Nên nói rằng: Thọ báo tuần hoàn. Thập giới nhất tâm, Bất ly đương niệm, năng giác thử niệm, Lập đăng bỉ ngạn. Nghĩa là: Mười Pháp giới, một tâm, Không ngoài niệm hiện tại, Giác ngộ tâm niệm này, Tức khắc lên bờ kia. Bốn Pháp giới bậc Thánh là Phật, Bồ Tát, Thanh Văn, Duyên Giác và sáu Pháp giới phàm là thiên, nhân, A Tu La, ngạ quỷ, súc sinh, địa ngục, tổng cộng là mười Pháp giới.

Mười Pháp giới từ đâu ra? Từ một ý niệm trong tâm

hiện tại của mình. Do đó nên nói: Thập giới nhất tâm, bất ly đương niệm. Năng giác thử niệm: Nếu hiểu rõ về ý niệm hiện tại thì sẽ đặng bỉ ngạn, tức khắc tới bờ kia, tức là Ma Ha Bát Nhã Ba La Mật. Là sự giác ngộ, không còn mê hoặc; phá sạch vô minh, pháp thân sẽ xuất Hiện.

Nói khác, tất cả sự vật trên cuộc đời, ngàn ấy thứ đều là hiện tượng của Như Lai Tàng, từ chủng tử trong Như Lai Tàng duyên khởi biểu hiện ra: Tàng có nghĩa là kho tàng. Như có nghĩa là bất biến. Lai có nghĩa là tùy duyên; cũng gọi là Nhất chân pháp giới.

Như Lai Tàng ví như cái kho hàm chứa tất cả chủng tử của hiện tượng vạn hữu. Những chủng tử được chứa trong kho tàng này, tùy duyên sanh ra rồi cũng tùy duyên hoại diệt. Diệt mà không mất hẳn, diệt để lại sanh. Sanh mà không trường sanh, sanh để rồi lại diệt. Sanh diệt, diệt sanh; sanh sanh, diệt diệt, vô thủ vô chung, vô cùng vô cực. Sự kiện sanh diệt, diệt sanh đó, thuật ngữ Phật học gọi là: Tùy Duyên Bất Biến; Bất Biến Tùy Duyên. Sanh diệt, nhưng sanh diệt trong cái vĩnh cửu, nhưng vĩnh cửu trong quá trình sanh diệt.

Trông ra hiện tượng vạn hữu ta thấy nghìn sai muôn khác, lớn, nhỏ, thấp, cao... khó mà dùng ngôn từ diễn đạt cho rành rọt. Nhưng tìm hiểu nguyên nhân gần của chúng, ta thấy tất cả đều hiện theo cái thế liên hoàn của ba chân vạc, tác động qua lại giữa Căn - Trần và Thức, mà hình thành và tồn tại. Cả cái vũ trụ vạn hữu vô thủ vô chung vô cùng vô cực này, nếu tách rời căn trần thức giữa con người và vạn vật ra, thì chẳng còn có gì để luận bàn: Tâm, vật, thực giả, có, không.

Căn thì có 6 nên gọi lục căn. Đó là mắt, tai, mũi, lưỡi, thân và ý. Sáu căn kết hợp bởi tứ đại tinh hoa. Trong mỗi căn có hai bộ phận: Một là căn phủ trần. Hai là căn tịnh sắc. Căn tịnh sắc cũng còn gọi là Thắng nghĩa căn. Căn này được kết hợp bằng những yếu tố tứ đại tinh hoa nhất đối với thân thể con người. Do vậy, nó là cơ quan có công năng phát sanh nhận thức, làm chỗ nương gá cho thức.

Trần có 6 thứ, gọi là lục trần. Đó là sắc, thanh, hương, vị, xúc và pháp. Trần mà không có căn thì trần không là trần nữa; ngược lại căn mà không có trần thì căn không còn là căn được.

Thức có 6 nên gọi là lục thức. Đó là Nhãn thức, nhĩ thức, tỷ thức, thiệt thức, thân thức và ý thức. Thức nương căn trần mà phát sanh. Thức mà không có căn trần thì thức không có lý do hiện hữu. Căn trần mà không có thức thì căn trần không biểu hiện được thể dụng. Cho nên, Căn Trần Thức là một hiện tượng gắn bó mật thiết tác động hữu cơ. Hiện tượng vạn pháp hình thành và tồn tại trong cái thể duyên sanh không thể tách rời giữa căn, trần, thức ấy.

Một vọng niệm vừa nổi lên, thì có trăm ngàn vọng niệm khác tiếp tục theo sanh ra, cho đến vô cùng tận. Như đó mà có hư không, thế giới và chúng sanh đồng thời hiện ra. Cũng như người đương thức (dụ chơn tâm) bỗng chốc buồn ngủ nổi lên, (dụ vô minh vọng động) chiêm bao thấy có núi sông, nhà cửa các cảnh vật hiện ra (dụ hư không, thế giới và chúng sanh)

Trái với giác tánh (pháp giới nhất chân) hợp với trần lao là tâm trạng chung của tất cả mọi người thế gian chưa

đủ điều kiện quay về đường giải thoát giác ngộ, nhập cảnh giới Bất Tư Nghì. Người ta thường nhận thức, đánh giá và đặt tên cho sự vật theo tri kiến chủ quan của mình. Do vậy chủ thể và đối tượng hiển nhiên. Năng và sở đối lập, nhơn, ngã, bỉ, thử bời bời rối rắm. Đó là hậu quả của sự Bội giác hợp trần.

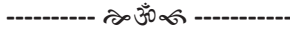
Phật vẫn là một con người, nhưng khác với mọi người ở chỗ là không nhận thức đánh giá sai lầm sự vật hiện tượng. Nhận thức hiện tượng vạn hữu qua Pháp giới tánh, Tri kiến Phật, thì một là tất cả, tất cả là một, ngồi trong vi trần bé xíu mà chuyển xe pháp vĩ đại bao la. Ngôn ngữ đoạn kinh này, nếu y văn mà hiểu nghĩa thì rõ là oan cho ba đời chư Phật. Thâm nghĩa của đoạn kinh này, nhằm dạy cho đệ tử Phật về vấn đề bản thể chung cùng của hiện tượng vạn hữu, với Pháp giới, nên gọi Như Lai là bậc Bội trần hợp giác.

Câu hỏi ôn tập:

1. Trình bày ý nghĩa Như Thị của Hoa Nghiêm?
2. Cho biết tên gọi của Mười pháp giới?
3. Cho biết tên gọi của Thập Nhị Liên Hoàn trong pháp giới Duyên Giác?
4. Trình bày Thập Nhị Hành Chuyển Pháp Luân?
5. Sao gọi là Như Lai Tàng?

CHƯƠNG VI – HÀNH CHỨNG HOA NGHIÊM

第六章行證華嚴



Trên bước đường đi về Phật quốc chúng ta phải trải qua một chặng đường dài Bồ Tát hạnh và ít nhất là một lần như thế, chúng ta mới có thể siêu bến mê về bờ giác. Từ bờ bên này khổ đau, vượt qua bờ bên kia giải thoát. Sự vượt thoát này không phải là bỏ lại sau lưng khổ đau quần quại của cuộc đời, mà là lao thẳng vào nó, bằng tinh thần vô ngã; vô ngã không phải là không có cái ta, mà là sự cống hiến quên mình, là sự hy sinh phục vụ chúng sanh bằng tinh thần Bồ Tát hạnh, tinh thần Ba La Mật, rốt ráo đến nơi bờ an vui giải thoát. Chặng đường dài đó là:

1 - Bồ Tát Thập Tín

Nói về, Kim Cương Tâm hướng quả có 10: 1. Tín tâm, 2. Niệm tâm, 3. Hồi hướng tâm, 4. Đạt tâm, 5. Trục tâm, 6. Bất thối tâm, 7. Đại thừa tâm, 8. Vô tướng tâm, 9. Huệ tâm, 10. Bất hoại tâm.

Với tín tâm phát xuất từ chơn tánh, gặp Phật ở chơn tánh và được Phật gia bị, họ thường nghĩ đến Phật, trí tự sáng ra, tạo thành thế giới quan, theo đó sống giữa cõi hồng trần mà không bị mọi người tác động quấy rầy. Thật vậy, thâm nhập và an trú trong thế giới thanh tịnh tuyệt vời, buông bỏ tất cả một cách nhẹ nhàng, người có nói gì, làm gì họ cũng không để tâm đến. Được an vui hạnh phúc trong

pháp màu, thì bước ra cuộc đời, gió bụi còn làm gì được họ, đó là thế giới của Hoa Nghiêm. Còn sống bình thường ngày ba bữa, nghe chỗ có tranh chấp thì vội chạy đến góp ý là thế giới của chúng sanh quay cuồng trong sanh tử.

Tu đến đây, niềm tin không lay chuyển, dù là cư sĩ hay tu sĩ, làm mọi việc đều vì đạo. Hành Bồ Tát đạo theo tinh thần Hoa Nghiêm, lấy niềm tin làm chuẩn. Đức Phật dạy niềm tin là mẹ sanh ra tất cả công đức lành.

Bước đường tu của chúng ta trong giai đoạn Thập Tín nhằm xây dựng niềm tin của mình cho vững chắc ở Tam bảo. Phát tâm Bồ Đề và trụ Thập Tín, làm sao gắn liền niềm tin tuyệt đối với Phật, sống chết với đạo và truyền niềm tin vững mạnh ấy cho người. Thiết nghĩ nếu chúng ta chưa tin trọn vẹn vào giáo pháp Phật, làm sao chúng ta có thể dạy người tin Phật.

Chặng đường thứ nhất của Bồ Tát đạo là phát tâm hay tín tâm. Được thể hiện rõ nét trong cuộc sống của người tu vì phát Bồ Đề tâm, khác với người bất hạnh đi tu, hay tu vì miếng ăn, vì quyền lợi. Vì Bồ Đề tâm đi tu, tức đã có trồng căn lành với Phật, họ sanh tín tâm một cách vững chắc, xả bỏ dễ dàng tài sản, thân mạng.

2 - Bồ Tát Thập Trụ

Theo Đại thừa, hành Bồ Tát đạo, mỗi người làm một việc khác nhau, công việc ở mỗi nơi cũng khác nhau, có bao nhiêu công tác thì có bấy nhiêu Bồ Tát xuất hiện hộ trì, giúp cho Phật pháp tồn tại. Việc tu hành của chúng ta là làm thế nào đúng thời, đúng chỗ, đúng người, đúng việc thì mới

thành công.

Vào Diệu Pháp đường, nghe pháp âm do Phật huệ thuyết, thấy được rõ ràng sự tương quan, tương duyên tồn tại của con người và muôn loài. Ý thức như vậy, chúng ta giúp nhau thăng hoa, tạo thành thế hỗ tương sinh tồn, khác với cạnh tranh sinh tồn giết hại nhau để sống. Tất cả nương nhau cùng phát triển, cho đến cỏ cây hoa lá cũng trang nghiêm làm đẹp cuộc đời. Tu theo Hoa Nghiêm, nhìn thấy cái đẹp của muôn loài, cái đáng kính trọng của mọi người, chúng ta dễ sanh tâm hoan hỷ.

Lên tận đỉnh núi Tu Di, thâm nhập vào Diệu Pháp đường, Phật mới dạy pháp thập trụ. Chắc chắn Phật không ngồi dạy như chúng ta, nhưng có thể hiểu và sống trong Diệu pháp đường rồi, niềm tin chúng ta vững chắc, khác với sự tin tưởng của người bình thường. Vì vậy, dù hoàn cảnh khó khăn thế nào, tâm ta vẫn an trụ Phật pháp.

Trên bước đường tu, nhiều người tốt, nhưng vì tâm chưa an trụ pháp Đại thừa, hành Bồ Tát đạo gặp chống phá, tâm họ cũng thay đổi theo, buồn vui, sân hận và đọa. Thật vậy, kết quả tu hành theo kinh ghi thì quá lớn, nhưng vì chúng ta không trụ pháp Đại thừa, nên Phật không hộ niệm, Bồ Tát không gia bị và chư Thiên không bảo vệ, dẫn đến thực tế không được lợi lạc gì, khiến cho niềm tin sụp đổ, rút xuống cuộc sống tầm thường vô nghĩa, cuối cùng chán nản rời xa rời cuộc sống tu hành.

1 – Phát Tâm Trụ; 2 – Trị Địa Trụ; 3 – Tu Hành Trụ; 4- Sanh Quý Trụ; 5- Phương Tiện Cụ Túc Trụ; 6- Chánh Tâm Trụ;

7- *Bất Thối Trụ*; 8- *Đồng Chơn Trụ*; 9- *Pháp Vương Tử Trụ*;
10- *Quán Đảnh Trụ*.

3 - Bồ Tát Thập Hạnh.

Trên bước đường hành Bồ Tát đạo, ở giai đoạn Thập Trụ thì đặt nặng vấn đề Thiền định, tức giữ tâm đứng yên, an trụ vững chắc ở Phật pháp. Việc đến thì tâm tùy cảnh ngộ, việc đi thì tâm lại rỗng rang. Tiếp xúc với đời, nghe thấy đủ thứ việc, nhưng tâm không được dao động, không bị cuộc đời lôi kéo. Giữ tâm tốt, mai kia còn hành Bồ Tát đạo được; nhưng cố làm cho được việc mà mất tâm là đọa. Trong khi cố gắng giữ đủ thứ, chẳng những không giữ được mà còn mất mạng và tệ hơn nữa, mất luôn giới thân huệ mạng là vốn quý báu nhất của người tu, thì quả thật chua xót.

Khi Bồ tát thành tựu, hoàn tất pháp Thập Tín và Thập Trụ ở cung Trời Đao Lợi, tiến sang giai đoạn ba của Bồ Tát đạo là Thập Hạnh. Đức Phật nói pháp này ở cung Trời Dạ Ma. Chúng ta phải hiểu đó là pháp dành cho những người có phước đức, trí tuệ. Đối với Bồ tát, mô hình kiểu mẫu phải đạt được là Kỳ hữu kiến ngã tướng, nãi chí văn ngã danh, giai phát Bồ Đề tâm, vĩnh xuất luân hồi khổ....

1 – *Bố thí*; 2 - *Trì giới*; 3 - *Nhẫn nhục*; 4- *Tinh tấn*; 5 - *Thiền định*; 6 – *Bát nhã*; 7 - *Phương tiện*; 8 – *Đại nguyện*; 9 – *Đại trí*; 10 – *Đại lực*.

4 - Bồ Tát Thập Hồi hướng

Hành Bồ Tát đạo, tất cả tư lương của chúng ta đem hồi hướng cho Pháp giới chúng sanh, hay chia sẻ công đức

để về sau người cùng hợp tác với ta gánh vác Phật sự. Nhiều Thầy giỏi, nhưng không có ai cộng tác, cũng đành gác cái giỏi một bên. Có thể nói ta được việc hay không là tùy thuộc ở số người giúp việc. Họ giỏi, ta làm được việc lớn, họ tầm thường, ta làm được việc thường.

Nhờ có Vô thượng Bồ Đề, không làm mất lòng đại chúng và hiểu được tâm tư đại chúng, làm được những việc mà người quý mến ta. Hoặc biết đại chúng chưa chấp nhận, ta cũng tùy thuận họ. Như ngài Di Lặc chưa làm Phật vì chúng chưa thuần thực, tức quyến thuộc chưa giỏi, họ chưa phải là Bồ Tát. Ngài Di Lặc còn phải tiếp tục giáo hóa cho Pháp giới chúng sanh.

Khi hoàn tất hai đoạn đường Thập Tín và Thập Trụ, việc làm của chúng ta là pháp hành trong tâm, không phải làm bên ngoài. Thực chứng Thập Hạnh của Hoa Nghiêm, Tức là, khi đã tạo được mối quan hệ với chúng sanh mười phương bằng vô tác diệu lực, chúng ta tiếp tục tiến tu pháp Hồi hướng. Những thành quả tu tạo được trên đường hành Bồ tát đạo, chúng ta đừng đánh mất. Chúng ta không nghĩ tới, nhưng không phải làm rồi bỏ, tức phải có gắn bó mật thiết. Phải giữ lại và biết chỗ gửi là tu Thập Hồi hướng. Tu Hồi hướng theo Hoa Nghiêm là nỗ lực đầu tư vào ba vấn đề chính là đầu tư về trí tuệ, đầu tư cho Pháp giới chúng sanh, chân như thật tướng. Nói ba, mà cũng có thể nói là mười: **1 - Hồi hướng Vô thượng Bồ đề, 2 - Hồi hướng Pháp giới chúng sanh, 3 - Hồi hướng Chân như thật tướng.**

1 – Cứu độ chúng sanh ly chúng sanh tướng, 2 – Bất hoại, 3 – Đẳng nhất thiết Phật, 4 – Chí nhất thiết xứ, 5 – Vô

tận công đức tạng, 6 – Tùy thuận bình đẳng thiện căn, 7 – Tùy thuận đẳng quán nhất thiết chúng sinh, 8 – Chân như thật tướng, 9 – Vô phược giải thoát, 10 – Pháp giới vô lượng hồi hướng.

5 - Bồ Tát Thập Địa

Theo Đại thừa thì khác hẳn, hàng Tam Hiền gồm có những vị đang ở giai đoạn tu Thập Trụ, Thập Hạnh, Thập Hồi hướng. Hàng Thánh vị là chư Bồ Tát đang thể nghiệm pháp Thập Địa ở mười cấp bậc khác nhau.

Kinh Hoa Nghiêm quy định Tam Hiền vị mới chỉ là quyến thuộc của Bồ Tát, hay Bồ tát tập sự làm công việc của Bồ Tát, chưa đủ tư cách Bồ Tát thực thụ. Họ chưa chính thức nhận trách nhiệm, phải nương theo sự chỉ đạo của hàng Thập Thánh để phát triển đạo hạnh của bản thân.

Muốn hành Bồ Tát đạo, trở thành Bồ Tát chính thức hay Hậu tâm Bồ Tát, hàng Tam Hiền phải viên mãn quá trình tu Thập Trụ, Thập Hạnh, Thập Hồi hướng.

Ở giai đoạn từ Thập Tín đến Thập Hồi hướng, nhờ nương Phật hay các đại Bồ Tát, chúng ta thành tựu công đức một cách dễ dàng, đôi khi làm được những việc lớn, khó, vượt hơn cả khả năng của Thanh văn, Bích Chi Phật, thậm chí hơn cả Bồ Tát. Nói cho dễ hiểu, kể từ khởi điểm cho đến giai đoạn tu Thập Hồi Hướng, chúng ta chỉ là người cộng tác, chưa phải lãnh đạo. Lúc ấy, việc quan trọng là chuẩn bị cho đầy đủ để khi bước lên địa vị lãnh đạo, không gặp khó khăn và chắc chắn thành công.

Theo Hoa Nghiêm, Bồ tát đệ Thất địa đạt được Phương

tiện Ba la mật, giải quyết trọn vẹn yêu cầu của chúng sanh. Bồ Tát này thường làm Đại Tự Tại Thiên vương, đến đâu, gặp ai cũng giáo hóa được. Chúng ta chưa đến vị trí này, nay người nghe ta, nhưng mai họ lại không nghe, vì điều ta nói đã thành lỗi thời.

Tuy nhiên, ở địa vị Tha Hóa Tự Tại Thiên vương vẫn còn trong tứ sanh lục đạo. Nếu đến đây mà thiếu niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng và tự mãn là vẫn rớt xuống, tức còn thoái chuyển. Trên bước đường tu, chúng ta gặp những việc tầm thường, xấu xa, nếu được Phật lực gia bị, chúng ta nghĩ phải còn cái gì cao thượng hơn. Có cảm nhận như vậy, chúng ta mới tu được, bằng không, khó ở lâu trong đạo. Riêng bản thân tôi, không bằng lòng chúng hội, nhưng thường nghĩ còn cái gì đó cao hơn chưa thấy và mình sư chưa gặp, nên vẫn nuôi ý chí cầu tiến.

Có thể nói, đạt đến đệ Thất địa có phương tiện Ba la mật, nhưng nếu không được Phật lực gia bị, không thể lên tiếp. Tiếp nhận được Phật lực, Bồ Tát tiến tu đệ Bát địa, được Phật ví như giữa hành tinh này và hành tinh khác, ở khoảng giữa có chơn không. Thiết nghĩ ở thời kỳ còn lạc hậu, mà Đức Phật đã nghĩ ra điều này quả thật là quá siêu đẳng. Ngày nay, chúng ta dễ hình dung ý Phật dạy. Chúng ta đều biết giữa trái đất và mặt trăng có khoảng trống là chơn không. Vượt được khoảng không này mới qua được mặt trăng.

Người tu đến đệ Thất địa tưởng đến đây là chấm dứt, nhưng Phật dạy, bên kia Chân không còn có cái thật màu nhiệm của Phật, Bồ Tát. Chưa qua được khoảng chân không này, dù đứng trên thiên hạ, có đủ phương tiện, Bồ Tát đệ

Thất địa vẫn còn bị sự chi phối của người, vẫn rút lại dễ dàng.

Muốn qua chân không này, phải dùng phi thuyền thứ hai bắn đi, nghĩa là ý chí phải thật mạnh, vươn lên đẩy qua thế giới kia. Ý này được Tổ Huệ Năng diễn tả rằng bản lai vô nhất vật, nghĩa là tu chứng đến đây, không có gì để làm. Nhưng nếu được Phật hộ niệm thì thế giới Phật hiện ra và mười phương Phật phóng quang tiếp độ thì chúng ta mới thấy «Hữu hoa, hữu nguyệt, hữu lâu đài».

Ai tu hành cũng phải trải qua biết bao thử thách gian nan, cám dỗ, đe dọa không ít. Tuy nhiên, vượt được chặng đường gai góc, thấy được thế giới huy hoàng bên kia, mới đi tới được. Còn thấp chí, bạc tài, tất nhiên phải ở lại thế giới này để hưởng thụ áo cơm.

Bồ Tát rút vô Chân không, nhưng phải được Diệu hữu, tức «Vô nhất vật trung vô tận tạng». Hay điều đó nhằm diễn tả đức Phật không sở hữu vật gì trong tay, nhưng Ngài có kho vô tận chứa nhóm toàn công đức đã tu tạo được từ quá trình hành Bồ Tát đạo trải qua vô lượng kiếp, không có chúng sanh nào mà không thọ ơn giáo dưỡng của Ngài. Đức Phật xả bỏ tất cả, để được tất cả, không phải bỏ để không có gì.

Tu đệ Lục địa, xả tất cả, không được gì; nhưng nay được tất cả vì nhờ Tha Hóa Tự Tại, tức giáo hóa chúng sanh tự tại, tạo thành kho công đức vô tận thì thế giới Phật mới hiện lên. Thấy được thế giới Cực Lạc ở phương Tây, thấy sự giáo hóa của Phật Hương Tích bằng mùi hương, vì được Phật lực gia bị tạo cho Bồ Tát có sự tương giao đó và có ý chí phấn đấu đi lên.

Bồ Tát Hiện Tiền địa có trí tuệ thấy biết đúng như thật. Tuy nhiên, hành đạo giáo hóa chúng sanh, làm cho họ hiểu và ứng dụng được pháp trong cuộc sống không phải là điều đơn giản. Bồ Tát phải khai ra vô số phương tiện để dẫn dắt người tiến gần đến chân thật pháp, đó là pháp hành của Bồ Tát ở địa thứ bảy, Viễn Hành địa.

Tuy nhiên, khi đăng địa Bồ Tát, là bước sang giai đoạn phải tự phát huy bằng sức lực, khả năng của chính mình, không nương nhờ với Đạo sư nữa. Bồ Tát Thập Địa đã có đầy đủ trí tuệ, có quần chúng ủng hộ và không còn vướng mắc các pháp, có điều kiện tự làm lấy.

1 - Hoan Hỷ địa; 2 - Ly Cấu địa; 3 - Phát Quang địa; 4 - Diệm Huệ địa; 5 - Nan Thắng địa; 6 - Hiện Tiền địa; 7 - Viễn Hành địa; 8 - Bất Động địa; 9 - Thiện Huệ địa; 10 - Bồ Tát đệ thập địa: Pháp Vân địa.

6 - Bồ Tát Thập Định

Sau khi hoàn tất việc hành Bồ Tát đạo của Thập Địa, kinh Hoa Nghiêm quy định Bồ Tát cần tiếp tục thể nghiệm ba mươi chặng đường sau cùng của các vị Bồ Tát lớn là Thập Định, thập Thông và Thập Nhẫn.

Thập Định, Thập Thông, Thập Nhẫn là pháp hành của đại Bồ tát, vượt ngoài sự hiểu biết và lạm bàn của chúng ta. Vì vậy, chúng tôi trình bày một ít kiến giải thô thiển để chia sẻ cùng pháp lữ đồng hành như là phương tiện tiến tu trên bước đường giải thoát.

Theo Hoa Nghiêm, thế giới vật chất là một, nhưng thế giới tâm thức thì muôn ngàn sai biệt; vì nghiệp thức khác

nhau, nên thấy có mười loại hình thế giới. Tuy nhiên, không phải là mười thế giới riêng biệt, nó xen lẫn với nhau, tạo thành một loại thế giới của tâm thức thay đổi tùy theo nghiệp, gọi là thế giới quan. Thí dụ xã hội Việt Nam là một, nhưng mỗi người có phước đức, nghiệp quả và tội chướng khác nhau, nên hoàn cảnh sống của mỗi người cũng khác nhau.

Đi vào Pháp giới là đi vào thể tánh của sự vật, tạo thành thế giới an lành của chư Phật ở ngay trong cái không an lành. Quá trình tu Thanh văn, Duyên giác, Bồ Tát là bắt đầu xây dựng thế giới an lành ngay trong thế giới chúng ta đang sống. Đi đúng con đường Phật dạy, tâm hồn chúng ta trong sáng hơn, điều kiện sinh hoạt của chúng ta đi lên, tức đã cải tạo cuộc sống từ tâm thức trước.

Người đau khổ vì tham sân si, tạo thành thế giới khổ. Muốn cải tạo thế giới này, phải dứt bỏ tham sân si, thế giới an lành của hàng Nhị thừa hiện ra ngay lập tức. Và từ đó, chúng ta khởi tâm đại bi, xây dựng trên bốn tâm của Bồ tát là từ bi, hỷ xả. Bấy giờ vào đời thấy người đối xử với chúng ta khác hẳn. Thật vậy, vì không tham, sân, si, nên chúng ta đứng vững với mọi lợi danh, cám dỗ và vì người, nên chúng ta mang tâm niệm giúp đỡ người, chắc chắn được tiếp đón vui vẻ.

Không nhận được ý này, tu suốt đời trên căn bản tham, sân, si, cuối cùng vào địa ngục. Vì vậy, tu lâu, nhưng dễ giận, dễ buồn là biết họ tu ác nghiệp. Mặc áo tu mà còn buồn giận phải xấu hổ, lo sửa đổi.

Thế giới chúng ta tạo được tùy theo quá trình tu. Xây dựng thế giới tâm linh, bắt đầu đi vào Pháp giới, nghĩa là tạo

thế giới quan có Phật, Bồ Tát, Thánh Hiền để an trú tâm hồn. Không có thế giới riêng để sống, không hành đạo được. Dù thế giới vật chất không có, hay không cần có, nhưng chúng ta cần có thế giới tinh thần để sống gọi là nhập Pháp giới. Kinh Pháp Hoa gọi là nhập tri kiến Như Lai, dùng tri kiến Như Lai làm tri kiến mình, không dùng tri kiến chúng sinh tham, sân, si.

Đức Phật dạy vào Pháp giới nên theo gương của Phổ Hiền Bồ Tát; vì vậy trong phẩm Bồ Tát Thập Định, Thập Thông, Thập Nhẫn, Đức Phật không thuyết, nhưng bảo Phổ Hiền thuyết. Hoặc có thể hiểu Phật thuyết dưới dạng Phổ Hiền hạnh, không nói bằng lời, nhưng nói bằng hành động.

Theo tinh thần Hoa Nghiêm, từ trí tuệ Văn Thù thấy được chân thật nghĩa và đi vào Pháp giới bằng mười hạnh Phổ Hiền, tức có quá trình hành đạo mới hiểu được, nói đơn giản là có làm mới biết. Phổ Hiền dạy muốn vào Pháp giới phải đắc mười Định.

- 1 - Phổ Quang Trí Định,**
- 2 - Diệu Quang Định,**
- 3 - Thứ Đệ Vãng Hành Chư Phật Quốc Độ,**
- 4 - Thanh Tịnh Tâm Tâm Hành,**
- 5 - Tri Quá Khứ Trang Nghiêm Tạng**
- 6 - Trí Quang Minh Tạng Định**
- 7 - Liễu Tri Thế Giới Phật**
- 8 - Liễu Tri Chúng Sinh Sai Biệt Thân.**
- 9 - Pháp Giới Tự Tại Định.**
- 10 - Phá Vô Ngại Luân Định**

Có thể nói, Thập Định là pháp tu Định của Bồ tát Đẳng giác, không phải sở đắc của chúng ta, nằm ngoài sự lạm bàn của ngôn ngữ phàm phu; cho nên sự lý giải này chỉ là sự cảm nhận được phần nào pháp Bồ tát trên bước đường tu mà thôi.

Thiết nghĩ đối với chúng ta, tập tu Định, nghĩa là giữ cho tâm không dao động trước bất cứ tình huống nào. Trụ tâm được thì vào đời mới không vấp ngã. Trong nhà Thiền, Thiền sư thường thử Thiền sinh bằng cách tạo điều kiện cám dỗ, xem tâm của học trò mình có bị tham nhiễm hay không.

Quán sát tất cả mọi việc trên cuộc đời đều là ảo hóa, không thực, tâm ta vẫn an nhiên là Định. Như vậy, Định theo Đại thừa đi kèm với Huệ, không phải nhắm mắt, không biết gì.

7 - Bồ Tát Thập Thông

Từ Thập Định bước qua Thập Thông, Bồ Tát lý giải tất cả vấn đề dễ dàng, vì đã từng trải qua sanh tử nhiều đời. Phổ Hiền dạy ý này là thấy đúng sự thật của tam thế gian. Sự vật thế nào thấy như vậy, kinh Pháp Hoa gọi là Thập Như thị. Nhìn mọi diễn biến của cuộc đời tất yếu phải như vậy, không thắc mắc buồn phiền, sự vật không thể chi phối Bồ Tát. Bồ Tát vượt qua mọi chướng duyên, biết rõ tất cả các loài nghĩ gì, làm gì, theo đó đáp ứng, độ thoát chúng sanh. Nếu không thông thì vào đời, đụng vô đâu là mắc kẹt đó.

Bồ Tát nhập minh khác với Nhị thừa nhập ám, tái sanh bị ngũ ấm ngăn che. Bồ Tát Thập Thông vào đời, không bị ngũ ấm ngăn che, không bị thân ngũ ấm hành hạ, lý giải được mọi việc, không bị bất cứ thứ gì ràng buộc, gây khó khăn cho việc hành đạo.

8 - Bồ Tát Thập Nhẫn

Thập Nhẫn chắc chắn không phải là nhẫn nhục của phàm phu, cũng không phải nhẫn của hàng Nhị thừa. Nhẫn của phàm phu cần phải chịu đựng đau khổ hoặc ráng chịu việc gì để đạt được việc khác cao hơn. Hàng Nhị thừa đạt nhẫn lực thoát ly sanh thân, trụ ngoài sự nhận thức phân biệt, ai làm gì mặc họ, thậm chí bị giết chết cũng không hay. Nhẫn của phàm phu dễ biết và nhẫn của Nhị thừa cũng bình thường vì người gây sự nhưng ta không quan tâm cũng không khó.

Tiến lên pháp Nhẫn của Bồ Tát thuần thực, người gây khó khăn là thắng nhân để Bồ Tát độ họ. Không phải Bồ Tát không để tâm, nhưng để tâm kỹ hơn, xem ai gây khó và tùy theo hoàn cảnh mà giải quyết tốt đẹp. Có người chống đối, Bồ Tát vui, vì có cơ hội để thể nghiệm pháp.

Bồ tát nhẫn được vì biết rõ mọi việc, hoàn toàn thanh thản. Người đời thấy Bồ Tát chịu đựng, bị đổ lên những việc xấu ác; nhưng Bồ Tát thấy đó là huy hoàng, vì trên bước đường tu, không khó thì không khôn và cũng không được ai thương. Nhẫn lực của Đức Phật thể nghiệm để chứng minh tinh thần của kinh Hoa Nghiêm mà Ngài tuyên thuyết, đó là nhẫn mà không nhẫn; vì thực sự mang đến cơ hội tốt cho Bồ tát hành đạo, thành tựu công đức.

Sau đó, Bồ Tát đi vào Pháp giới cứu độ chúng sanh mà kinh Hoa Nghiêm gọi là nhập Pháp giới. Nếu chúng ta may mắn gặp những vị Bồ Tát này, thân cận tu hành, nghiệp trần lao của chúng ta tiêu dần, từng bước được an vui giải thoát. Phải biết đó là Bồ Tát thị hiện đi vào Pháp giới mới giúp cuộc sống của chúng ta thay đổi tốt đẹp như vậy, khác với gần gũi

người trần gian làm chúng ta đau khổ.

Đệ tử Phật do mười tám tâm này tu tập pháp quán Trung Đạo, hàng phục vô minh, tánh như Kim Cương, không bị bất cứ cái gì làm hư hoại, nên gọi là Kim cương. Thập Kim Cương; cũng gọi là Thập Hồi Hướng. Vì ở trong mười tám tâm này mà tu hành, có thể thực hành Ba thứ đại hồi hướng: Hồi sự hướng lý. Hồi nhân hướng quả. Hồi tự hướng tha.

Sự thành công của các A La Hán là khéo vận dụng các tri kiến: Như thị tri, như thị kiến, như thị tín giải, bất sanh pháp tướng để làm cơ sở giác ngộ giải thoát cho mình.

Có câu rằng: Trần chẳng tương quan, biển cả nương dâu mặc thay đổi. Tâm không sở đắc, thông xanh mây trắng tự vui nhàn.

*Điều mà ai cũng biết: Vật chất biểu hiện vô vàn hình thái hiện tượng khác nhau, nhưng không có cái thứ vật chất nào làm cho con người nên tội. Cũng như thế, trần là hiện tượng thu gọn, tổng kết vật chất qua sáu dạng: sắc, thanh, hương, vị, xúc và pháp trong cái từ **lục trần**, thì đã có thứ nào làm nên tội lỗi cho ai? Cho nên ta kết luận rõ ràng rằng **căn** cũng như **trần** đều không phải là nguyên nhân gây nên tội lỗi. Chẳng những thế mà còn ngược lại: **Căn trần** đều là những dữ kiện để đạt đạo thành tựu **viên thông**. Thế nhập sâu sắc tự đáy nguồn chơn lý đó.*

Do con người nhận thức sai lầm vạn hữu, đánh giá thấp hoặc quá cao. Sự sai lầm đó, phủ lên hiện tượng vạn hữu lớp sương mù “biến kế chấp” làm cho con người không nhận được thực chất Y tha duyên của hiện tượng vạn hữu.

Do đó càng không thể biết được nguồn gốc thanh tịnh bản nhiên của Viên thành thật trong bản thể Như Lai Tàng. Do đó vọng sanh quan niệm: **Sanh, diệt, hữu, vô, đoạn, thường, khứ, lai . . .** loạn khởi.

Các Bồ Tát ngược dòng quán chiếu, thấy rõ sự thật Y tha dùng đước trí tuệ rọi tan sương mù Biến kế, nhận chân cái thật tánh Viên thành của thất đại. Thì ra: địa, thủy, hỏa, phong, không, kiến, thức vốn là chân không thanh tịnh bản nhiên, châu biến pháp giới. Không có một pháp nào mang theo, đem đến cho ta một mảy may vương víu một tí tị phiền não khổ đau nào!

Con số 108 là con số tiêu biểu, phiền não nghiệp của chúng sanh mà vốn có. Lục trần: sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp khả dĩ tạo thành ba bậc nhiễm ô. Bậc một, nó làm cho con người đam mê đến độ không còn lý trí. Bậc hai, nó đáp ứng cho con người sự đắc ý vui lòng. Bậc ba, những thứ làm cho con người sanh thương, ghét, chê cần khử trừ triệt hạ.

Vì vậy, khi sáu căn tác động vào sáu trần có khả năng sanh ra 36 món nhiễm ô. 36 món nhiễm ô này xuất hiện trong ba thời: đã, đang và sẽ. Đó là hệ quả của con số 108 được đặt ra. Ngày đêm sáu thời, mỗi thời trì tụng 108 biến, nhằm nhắc nhở với mọi người: Lòng hãy dạn lòng rằng: Trì chú cốt yếu để hóa giải những phiền não chướng có thể xảy đến, thông qua 6 căn, 6 trần và 6 thức của chính ta.

THẬP TÍN

I. Tập khí lòng tham dục mới cạn, chưa nổi được dòng

pháp của Như Lai, tức dùng tâm này chảy vào trung đạo, tánh viên diệu được mở mang, từ chỗ chơn diệu viên lại phát ra chơn diệu, diệu tín thường trụ, tất cả vọng tưởng đều dứt sạch, trung đạo thuần chơn, gọi là Phát Tâm Tín.

2. Chơn tánh sáng tỏ, tất cả viên thông, ba thứ: ấm (5 ấm), xứ (12 xứ), giới (18 giới), chẳng thể ngăn ngại, như thế cho đến trong vô số kiếp quá khứ, vị lai, tất cả tập khí xả thân, thọ thân, thấy đều hiện ra trước mắt và ghi nhớ chẳng quên, gọi là Niệm Tâm Tín.

3. Thuần chơn diệu viên, tinh vi phát dụng, những tập khí từ vô thủy đều hóa thành một tâm tinh minh (tinh vi sáng tỏ), từ tinh minh tiến lên chơn tịnh, gọi là Tinh Tấn Tâm.

4. Tâm tinh tấn hiện tiền, thuần dùng trí huệ, gọi là Huệ Tâm Trụ.

5. Trí huệ sáng tỏ, tịch lặng cùng khắp, tịch diệu thường định, gọi là Định Tâm Trụ.

6. Từ định tâm phát ra ánh sáng, tánh sáng sâu vào, tiến tới chẳng lui gọi là Bất Thối Tâm.

7. Tâm an nhiên tiến tới, duy trì chẳng mất, giao tiếp với tinh thần của mười phương Như Lai gọi là Hộ Pháp Tâm.

8. Tánh sáng của Bốn giác được duy trì, hay dùng diệu lực xoay Từ Quang của Phật về tự tánh, cũng như ánh sáng của hai gương đối nhau, trong đó, các bóng nhiệm màu trùng trùng vô tận, gọi là Hồi Hướng Tâm.

9. Với từ Quang của Bản Tâm miên mật, an trụ nơi vô vi, vô thượng trong sạch, thường trụ của Phật, chẳng thể lạc

mất, gọi là Giới Tâm.

10. Trụ giới tự tại, hay đạo khắp mười phương, ở đi tùy nguyện, gọi là Nguyện Tâm.

THẬP TRỤ

1. Do chân phương tiện phát ra mười bậc tín tâm kể trên, tâm tinh vi phát ra ánh sáng, mười thứ dụng xen lẫn nhau, viên dung thành một tâm, gọi là Phát Tâm Trụ.

2. Trong tâm sáng suốt như lưu ly trong sạch, trong hiện vàng ròng tinh túy, dùng diệu tâm trước kia sửa sang thành đất địa để đi đứng (thực hành) gọi là Trị Địa Trụ.

3. Tâm địa biết khắp, tất cả rõ ràng, đi khắp mười phương, được chẳng ngăn ngại, gọi là Tu Hành Trụ.

4. Hạnh đồng với Phật, thọ tinh thần Phật, như cái thân trung ấm tự tìm cha mẹ, trung ấm dung thông với lòng tin, thâm nhập vào giống Như Lai, gọi là Sanh Quý Trụ.

5. Đã vào đạo thai, nối dòng của Phật, như thai đã thành hình, tướng người đầy đủ, gọi là Phương Tiện Cụ Túc Trụ.

6. Dung mạo và tâm tướng đều đồng như Phật, gọi là Chánh Tâm Trụ.

7. Thân tâm dung hợp, ngày càng tăng trưởng gọi là Bất Thối Trụ.

8. Linh tướng của thập thân nhất thời đầy đủ gọi là Đồng Chơn Trụ.

9. Hình đã ra khỏi thai, làm con của Phật, gọi là Pháp Vương Tử Trụ.

10. Pháp Vương Tử đã trưởng thành, ví như Thái Tử

vua Sát Lợi đến tuổi trưởng thành, sẽ được phụ vương ủy nhiệm việc nước, nên làm lễ quán đảnh (lễ trưởng thành), gọi là Quán Đảnh Trụ.

LƯỢC GIẢNG

Dựa trên công dụng chuyển mê khai ngộ của con người. Như Lai phương tiện triển khai các thánh vị. Càn tuệ địa nói dễ hiểu là những hạng người tu hành bắt đầu không gian tình cảm của thế gian. Họ chinh phục và chiến thắng được những dục nhiễm luyến ái của thường tình, họ bắt đầu sống nghiêng nặng về mặt lý trí trong sáng, cứng rắn. Con người tâm hồn ướt át, tình cảm rạt rào mà mong học tu đạo giải thoát, thì thật gian truân khó khổ vô vàn.

Như Lai thì ngược dòng Hiện nghiệp trở lại. Từ địa vị giác ngộ chân lý hoàn toàn, vì thương chúng sanh mà sống và sinh hoạt như chúng sanh để có cơ hội hướng dẫn cải tạo những mê mờ đau khổ của chúng sanh, còn Bồ Tát thì thuận dòng, từ bể khổ sanh tử vươn lên, phát huy trí tuệ, Càn tuệ địa là điểm khởi hành. Trải qua 51 địa vị, đó là thời gian khai thác nhất thiết trí, đạo chủng trí, nhất thiết chủng trí, vô sư trí và tự nhiên trí của mình. Cuối cùng giao điểm giữa Phật và Bồ Tát gặp nhau ở quả vị được gọi là Đẳng giác.

Ở vào địa vị Đẳng giác, Bồ Tát có được thứ trí Kim cang. Dùng trí Kim cang chiếu phá sạch những bóng đen sanh tướng vô minh vi tế tối hậu. Sanh tướng vô minh dứt sạch. Bồ Đề, Niết Bàn tự tánh hiện ra, Bồ Tát nhìn lại quá trình tu tập trải qua giống như người vừa tỉnh giấc chiêm bao. Những chuyện khổ, vui, tội, phước, tiêu trưởng vinh hư là

chuyện của một cơn trường mộng! Đời là diệu dụng biểu hiện từ bản thể chân như. Bồ Tát nhìn hiện tượng vạn hữu có mà không phải có thật, không mà chẳng phải thật không: Tất cả đều như vật sắc trong chiêm bao, như hình ảnh khóc cười trên màn bạc, như trăng đáy nước, như hoa đốm trong không, như càn thát bà thành, như bóng trong gương, như mù sương buổi sáng, như điện nhoáng lưng trời như bong bóng dưới cơn mưa... Nhờ vậy Bồ Tát tự tại nhẹ nhàng tiến bước trên con đường Bồ Đề Niết Bàn Vô thượng

THẬP HẠNH

1. Đã thành con Phật, đầy đủ vô lượng diệu của đức Như Lai, tùy thuận mười phương chúng sinh, phương tiện tiếp dẫn, gọi là Hoan Hỷ Hạnh.

2. Hay thiện xảo phương tiện lợi ích cho tất cả chúng sanh, gọi là Nhiêu Ích Hạnh.

3. Tự giác giác tha, được chẳng chống trái, gọi là Vô Sân Hận Hạnh.

4. Tam thế bình đẳng, mười phương thông đạt, vì được Ý sanh thân, nên tùy mỗi loài chúng sinh mà hiện thân hóa độ cho đến cùng tột vị lai, gọi là Vô Tận Hạnh.

5. Nơi mỗi mỗi pháp môn, tất cả hòa đồng, được chẳng sai lầm, gọi là Ly Si Loạn Hạnh.

6. Nơi tướng đồng hiện ra nhiều tướng dị; nơi những tướng dị, mỗi mỗi thấy đồng, gọi là Thiện Hiện Hạnh.

7. Như thế cho đến vi trần đầy khắp mười phương hư không, trong mỗi mỗi trần hiện mười phương cõi; hiện trần

hiện cõi, chẳng ngăn ngại nhau, gọi là Vô Trước Hạnh.

8. Các thứ hiện tiền đều là Đệ Nhất Ba La Mật Đa, gọi là Tôn Trọng Hạnh.

9. Viên dung hay thành tựu sự lợi sinh của mười phương chư Phật, gọi là Thiện Pháp Hạnh.

10. Mỗi mỗi đều trong sạch vô lậu, nhất chân vô vi, bản tánh vốn như thế, gọi là Chân Thật Hạnh.

THẬP HỒI HƯỚNG

1. Thần thông đầy đủ, Phật sự đã thành; tự tánh tinh túy thuần chơn, xa lìa các lỗi lầm, ngay khi hóa độ chúng sinh mà diệt tướng năng độ, sở độ, hồi tâm vô vi hướng đạo Niết Bàn, gọi là Cứu Hộ Nhất Thiết Chúng Sinh, Ly Chúng Sinh Tướng Hồi Hướng.

2. Hoại cái có thể hoại, tức xa lìa chúng sinh tướng, tướng xa lìa cũng phải lìa, vậy tướng hoại thì sở không, lìa cái lìa thì năng không; năng sở đều không, bản giác bất hoại, gọi là Bất Hoại Hồi Hướng.

3. Bản giác trạm nhiên, tâm giác đồng như Phật giác, gọi là Đẳng Nhất Thiết Phật Hồi Hướng.

4. Tinh túy sáng tỏ, tâm địa đồng như Phật địa, gọi là Chí Nhất Thiết Xứ Hồi Hướng.

5. Thế giới và Như Lai xen lộn lẫn nhau, được chẳng ngăn ngại, thành tựu các thứ vô tận, gọi là Vô Tận Công Đức Tạng Hồi Hướng.

6. Nơi đồng Phật địa, mỗi mỗi sanh ra cái nhân trong sạch, nương nhân ấy mà phát huy, vào đạo Niết Bàn, gọi là

Tùy Thuận Bình Đẳng Thiệu Căn Hồi Hướng.

7. Chân thiệu căn đã thành, thì mười phương chúng sinh đều là bản tánh của ta, thành tựu tánh tròn đầy, chẳng bỏ chúng sanh, gọi là Tùy Thuận Đẳng Quán Nhất Thiết Chúng Sinh Hồi Hướng.

8. Tức nơi nhất thiết pháp, mà lia nhất thiết tướng cái “tức” cái “lia”, cả hai đều chẳng dính mắc, gọi là Chân Như Tướng Hồi Hướng.

9. Thật đặc Chân Như, mười phương tam thế vô ngại, gọi là Vô Phược Giải Thoát Hồi Hướng (Phược là trói).

10. Đức tánh cụ túc viên mãn thành tựu, số lượng của pháp giới tiêu diệt, gọi là Pháp Giới Vô Lượng Hồi Hướng.

TỨ GIA HẠNH

Đã tu xong 41 bậc tâm trong sạch, kể đó thành tựu bốn thứ gia hạnh diệu viên:

1. Đem Phật giác, dụng làm tự tâm, cũng như dùi cây lấy lửa, cây chưa đốt cháy, lửa sắp ra mà chưa ra, gọi là Noãn Địa.

2. Dùng tâm mình thành chỗ hành của Phật cũng như người đứng trên chót núi, toàn thân đã vào hư không, nhưng dưới chân đôi khi còn hơi dính đất, như có chỗ nương mà chẳng phải nương, gọi là Đảnh Địa.

3. Tâm với Phật đồng, khéo đặc trung đạo, như người hay nhẫn nại, niệm chẳng phân biệt, phi hoài (chẳng nhớ), phi xuất (chẳng quên), chẳng thể nói ra, gọi là Nhẫn Địa.

4. Số lượng tiêu diệt, mê, giác và trung đạo đều chẳng

thể gán tên, gọi là Thế đệ Nhất địa.

THẬP ĐỊA

1. Khéo được thông đạt nơi Đại Bồ Đề, chỗ giác ngộ thông với Như Lai, cùng tốt cảnh giới của Phật, gọi là Hoan Hỷ Địa.

2. Tánh dị nhập đồng, tánh đồng cũng diệt, gọi là Ly Cấu Địa.

3. Phát ra ánh sáng, gọi là Phát Quang Địa.

4. Giác tánh viên mãn, gọi là Diệm Huệ Địa.

5. Đồng dị đều chẳng ngại, là Nan Thắng Địa.

6. Tánh trong sạch hiển lộ, là Hiện Tiền Địa.

7. Cùng tốt Chơn Như, gọi Viễn Hành Địa.

8. Nhất tâm chơn như, gọi Bất Động Địa.

9. Chơn như phát dụng, gọi Thiện Huệ Địa.

10. Bồ Tát công đức viên mãn, cũng gọi địa này là Tu Tập Vị, tức dùng đám mây nhiệm màu, đầy đủ từ bi trí huệ, che chở chúng sanh, khắp biển Niết Bàn, gọi là Pháp Vân Địa.

ĐẰNG GIÁC

Như Lai ngược dòng từ quả vị trở lại nhân địa, cứu độ chúng sanh; Bồ Tát thuận hành từ chúng sanh tu đến quả Phật, thuận ngược đều giao tiếp nơi Bản Giác, gọi là Đẳng Giác.

THẬP TRỤ - THIÊN TRI THỨC

- 1). Đức Vân Tỳ Kheo
- 2). Hải Vân Tỳ Kheo
- 3). Thiện Trụ Tỳ Kheo
- 4). Di Già Trưởng Giả
- 5). Giải Thoát Trưởng Giả
- 6). Hải Tràng Tỳ Kheo
- 7). Hưu Xá Ưu Bà Di
- 8). Tỳ Mục Cù Sa Tiên Nhân
- 9). Thắng Nhiệt Bà La Môn
- 10). Từ Hạnh Đồng Nữ

THẬP HẠNH – THIÊN TRI THỨC

- 1). Thiện Kiến Tỳ Kheo
- 2). Đồng Tử Tự Tại Chủ
- 3). Cự Túc Ưu Bà Di
- 4). Minh Trí Trưởng Giả
- 5). Pháp Bảo Trưởng Giả
- 6). Phổ Nhãn Trưởng Giả
- 7). Vô Yểm Túc Vương
- 8). Đại Quang Vương
- 9). Bất Động Ưu Bà Di
- 10). Biến Hành Ngoại Đạo

THẬP HỒI HƯƠNG – THIÊN TRI THỨC

- 1). Chúc Hương Trưởng Giả
- 2). Bà Thi La Thuyền Trưởng
- 3). Vô Thượng Thắng Trưởng Giả
- 4). Sư Tử Tần Thân Tỳ Kheo Ni

- 5). Nữ Nhơn Bà Tu Mật
- 6). Cư Sĩ Tỳ Sắc Chi La
- 7). Quan Thế Âm Bồ Tát
- 8). Chánh Thú Bồ Tát
- 9). Đại Thiên Thần
- 10). An Trụ Địa Thần

THẬP ĐỊA – THIỆN TRI THỨC

- 1). Chủ Đương Xuân Sanh (Dạ thần)
- 2). Phổ Đức Tịnh Quang Thần
- 3). Hỷ Mục Quán Sát Thần
- 4). Phổ Cứu Diệu Đức Thần
- 5). Tịch Tịnh Âm Hải Thần
- 6). Thủ Hộ Tăng Trưởng Thần
- 7). Khai Phu Thọ Hoa Thần
- 8). Đại Nguyện Tinh Tấn Thần
- 9). Diệu Đức Viên Mãn Thần
- 10). Thích Nữ Cù Ba

ĐẰNG GIÁC – THIỆN TRI THỨC

- 1). Ma Da Phật Mẫu
- 2). Thiên Chủ Quang
- 3). Biến Hữu Đồng Tử
- 4). Chúng Nghệ Đồng Tử
- 5). Hiền Thắng Ưu Bà Di
- 6). Kiên Cố Giải Thoát
- 7). Diệu Nguyệt Trưởng Giả
- 8). Vô Thắng Quân Trưởng Giả
- 9). Tối Tịch Tịnh Bà La Môn
- 10). Đức Sanh Đồng Tử

DIỆU GIÁC – THIỆN TRI THỨC

- 1). Văn Thù Bồ Tát (Trí thể phổ quang)**
- 2). Di Lạc Bồ Tát (Trí quả căn bản)**
- 3). Phổ Hiền Bồ Tát (Trí dụng sai biệt)**

DIỆU GIÁC

Chuyển từ Càn Huệ Tâm đến bậc Đẳng Giác, rồi giác ấy mới được viên mãn nơi Tâm Kim Cang. Bắt đầu từ Càn Huệ Địa từng lớp tiến lên, mới đến Diệu Giác, thành Vô Thượng Đạo.

Khi tham dục mới cạn, chưa nối được dòng pháp của Như Lai, tức dùng tâm này chảy vào trung đạo, chẳng nghiêng bên Không, chẳng nghiêng bên Giả, cũng chẳng trụ nơi Trung đạo, từ đây khởi quán: Không, Giả, Trung, tam đế viên dung, gọi là Viên Diệu; ở đây tâm thức có thể đến. Nếu trung đạo nương theo chơn, thì sự diệu, chưa phải chơn, từ chơn phát diệu, diệu ấy mới là Chơn Diệu. Vào tòa Kim Cang Bảo Giác, Diệu Liên Hoa; hay Phổ Hiền Tam Muội. Theo tinh thần Bồ tát tạng chúng ta còn thấy có 10 chỗ Phật thuyết pháp, mà trong Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm Kinh đây là 7 chỗ cũng cùng trong Thập xứ thuyết giáo này.

THẬP XỨ PHẬT THUYẾT PHÁP

1). Tại tòa Kim Cang Diệu quang. Ở đây Phật nói về 10 thế giới Hải, tức 10 thế giới biển cả, cũng gọi Vi trần thế giới, Vô tận Hoa tạng thế giới, Phạm võng thế giới. 10 thế giới hải gồm có: 1. Thế giới hải; 2. Chúng sinh hải; 3. Thế giới an lập hải; 4. Phật hải; 5. Ba la mật hải; 6. Phật giải thoát hải; 7. Phật biến hóa hải; 8. Phật diễn thuyết hải; 9. Phật danh hiệu hải; 10. Phật thọ lượng hải.

2). Tại cung Trời Đế Thích thuyết 10 trụ: Là 10 địa vị an trụ của Bồ Tát: 1. Phát thú trụ (Nhập thánh thai); 2. Trị địa trụ; 3. Tu hành trụ; 4. Sanh quý trụ; 5. Phương tiện cụ túc trụ (Trường dưỡng thánh thai); 6. Chánh tâm trụ, 7. Bất thối trụ; 8. Đồng chơn trụ; 9. Pháp vương tử trụ (Xuất thánh thai); 10. Quán đánh trụ.

3). Tại Diêm Ma thiên nói 10 hạnh:

1. Hoan hỷ hạnh; 2. Nhiều ích hạnh; 3. Vô sân hận hạnh; 4. Vô tận hạnh; 5. Ly si hoạn hạnh; 6. Thiện hiện hạnh; 7. Vô phược hạnh; 8. Tôn trọng hạnh; 9. Thiện pháp hạnh; 10. Chân thật hạnh

4). Đâu Suất thiên (đệ tứ thiên của Dục giới), nói 10 hồi hướng:

1. Cứu hộ nhất thiết chúng sinh ly chúng sinh tướng hồi hướng, 2. Bất hoại hồi hướng, 3. Đẳng nhất thiết chư Phật hồi hướng, 4. Chí nhất thiết xứ hồi hướng, 5. Vô tận công đức tạng hồi hướng, 6. Tùy thuận bình đẳng thiện căn hồi hướng, 7. Tùy thuận đẳng quán nhất thiết chúng sinh hồi

hướng, 8. Chân như tướng hồi hướng, 9. Vô phược giải thoát hồi hướng, 10. Pháp giới vô lượng hồi hướng.

5). Tại Hóa Lạc thiên nói 10 thiên định: Cũng gọi thập đại tam muội, cảnh giới của Bồ tát: 1. Phổ quang tam muội, 2. Diệu quang tam muội, 3. Thứ đệ biến mãn chư Phật quốc độ tam muội, 4. Thanh tịnh thân tâm hành tam muội, 5. Trí quá khứ trang nghiêm tạng tam muội, 6. Trí quang minh tạng tam muội, 7. Liễu tri nhất thiết thế giới pháp trang nghiêm tam muội, 8. Chúng sinh sai biệt thân tam muội, 9. Pháp giới tự tại tam muội, 10. Vô ngại luân tam muội

6). Tại Tha Hóa thiên, nói 10 địa. 10 địa vị tu chứng của Bồ tát: 1. Thể tánh Bình đẳng địa; 2. Thể tánh Thiện huệ; 3. Thể tánh Quang minh; 4. Thể tánh Nhĩ diệm; 5. Thể tánh Huệ chiếu; 6. Thể tánh Hoa quang; 7. Thể tánh Mãn túc; 8. Thể tánh Phật như; 9. Thể tánh Hoa nghiêm; 10. Thể tánh Nhập pháp giới.

Theo kinh Anh lạc, tức là 10 Kim Cang tâm: 1. Hoan hỷ; 2. Ly cấu; 3. Phát quang; 4. Diệm huệ; 5. Nan thắng; 6. Hiện tiền; 7. Viễn hành; 8. Bất động; 9. Thiện huệ; 10. Pháp vân

7). Tại cõi Sơ thiên, nói 10 kim cương: 10 tấm lòng cứng rắn như kim cương của Bồ tát: 1. Giác liễu chư pháp tâm; 2. Hóa độ chúng sinh tâm; 3. Trang nghiêm thế giới tâm; 4. Thiện căn hồi hướng tâm; 5. Phụng Hành đại sự tâm; 6. Thật chứng chư pháp tâm; 7. Quảng hành nhẫn nhục tâm; 8. Trường thời tu hành tâm; 9. Tu hành mãn túc tâm; 10. Linh tha nguyện mãn tâm.

8). Tại cõi Nhị thiên, nói 10 nhẫn của Bồ tát: 1. Âm

thanh nhãn; 2. Thuận nhãn; 3. Vô sanh pháp nhãn; 4. Như huyễn nhãn; 5. Như diệm nhãn; 6. Như mộng nhãn; 7. Như hưởng nhãn; 8. Như ảnh nhãn; 9. Như hóa nhãn; 10. Như không nhãn.

9). Tại cõi Tam thiên, nói 10 nguyện, tức 10 đại nguyện của Bồ tát Phổ Hiền: Đây là nhiếp thiện pháp giới: nếu không thì: không tác: không tác thì không gọi là bậc có đại nguyện, không có đại nguyện thì không có đại bi tâm.

1. Lễ kính chư Phật
2. Xưng tán Như Lai
3. Quảng tu cúng dường

Nhiếp luật nghi giới, những chướng ngại do nghiệp không thanh tịnh 3 nghiệp, trở ngại đoạn ác, tu thiện, độ sanh thành Phật.

4. Sám hối nghiệp chướng
5. Tùy hủy công đức
6. Tỉnh chuyển pháp luân

Nhiều ích hữu tình giới, làm việc lợi lạc chúng sanh, luôn nhu nhuyễn tùy thuận để hóa độ.

7. Tỉnh Phật trụ thế
8. Thường tùy Phật học
9. Hằng thuận chúng sanh
10. Phổ giai hồi hướng

10). Tại cõi Tứ thiên, cung Ma Hê Thủ La Thiên vương, nói Pháp môn tâm địa, tức Bồ Tát Tâm Giới; cũng gọi Đại Thừa Tâm Giới.

Sự tu tập dụ như; người đờn hay khảy ra tiếng hay, người đờn vừa khảy ra tiếng vừa, người đờn dở khảy tiếng dở, song đều có tiếng cả. Dụ như chân tâm của chúng ta tùy duyên biến hiện các pháp; nếu khéo dùng thì hiện ra Phật, còn vừa vừa thì thành Bồ tát, Thinh văn; vụng lắm thì thành tam đồ lục đạo, đều có biến hiện cả.

NGŨ TINH CƯ THIÊN

Năm bậc Bất Hoàn Thiên, đã dứt sạch chín phẩm tập khí của cõi dưới, khổ vui đều hết, chẳng định cư ở cõi dưới, nên an lập chỗ ở nơi tâm xả của đồng phận chúng sinh.

Khổ vui đã diệt, ưa ghét chẳng sanh, gọi là Vô Phiền Thiên.

Tự tại phóng xả, chẳng có năng sở, tâm chẳng đối đãi, gọi là Vô Nhiệt Thiên.

Mười phương thế giới, diện kiến trong lặng, chẳng còn cấu nhiễm của cảnh trần, gọi là Thiệu Kiến Thiên.

Sự thấy biết thanh tịnh hiển hiện, tri kiến vô ngại, hạng này gọi là Thiệu Hiện Thiên.

Quán sát cùng tận thấu tột các pháp, tri kiến sâu thẳm chẳng có bờ bến, gọi là Sắc Cứu Cánh Thiên.

MƯỜI TÁM PHÁP BẤT CÔNG

Là những pháp hay đặc tính mà chỉ có Phật mới thành tựu viên mãn, ngay như La hán và bồ tát cũng không thể có được. Mười tám đặc tính ấy như sau:

1. Phật không bao giờ hành động sai lầm: Vì từ vô

lượng kiếp đến nay, ngài trì giới ba la mật tới chỗ trong sạch không còn lỗi lầm, nên công đức mãn túc, tập khí thanh tịnh, phiền não dứt sạch, do vậy nên làm gì cũng không sai trái lầm lỗi. Ngài không bao giờ có thái độ hung hăng, ác đức, tàn bạo, thô lỗ.

2. Phật không bao giờ nói năng sai lầm: Lời nói phát ra bằng miệng lưỡi, bắt nguồn từ cõi lòng tâm can. Khống chế và làm chủ được lời nói là do làm chủ được tâm. Làm chủ được tâm là do trí huệ. Trí càng sâu thì lời càng sáng, hợp với chân lý. Vì từ vô lượng kiếp đến nay, Phật luôn luôn tu trí huệ ba la mật, chỉ dùng lời nói để hiển bày chân lý, hóa độ chúng sinh, do đó lời ngài khéo hợp với đạo, không thị phi đối trá, không bao giờ lầm lẫn. Những lời thô tục, mắng nhiếc, giận dữ, bực bội, hoàn toàn chẳng còn.

3. Phật không có tư duy suy nghĩ sai lầm: Vì từ vô lượng kiếp đến nay, ngài tu thiền định ba la mật, tâm không tán loạn, không chấp trước chuyện gì, do đó tâm ngài lúc nào cũng như tấm gương soi chiếu vạn sự, không cần phải suy nghĩ tính toán. Thiền định của ngài dẫn đến hai hệ quả tiếp theo sau đây:

4. Phật không có ý tưởng phân bì cao thấp hơn kém (vô dị tướng): Nghĩa là ngài không có thành kiến cho rằng chúng sinh này xấu ác, nghèo hèn quá, ta không độ; chúng sinh kia hiền lành, giàu có, ta hãy cứu giúp họ. Với cặp mắt từ bi, ngài xem tất cả chúng sinh đều bình đẳng.

5. Phật không bao giờ tán loạn, rời định (vô bất định tâm): Nghĩa là lúc nào Phật cũng ở trong cảnh giới thiền định, dù đi đứng nằm ngồi, làm việc, nói chuyện, thuyết pháp. Vì

là cảnh giới định nên tâm ngài không tán loạn, suy nghĩ hết chuyện này đến chuyện khác, như kẻ phàm phu

6. Tâm Phật lúc nào cũng tịch tĩnh, ngài biết mình buông xả: Những cảm xúc sinh ra khi đối diện với vạn sự sai thù của ngoại cảnh, Phật đều có thể buông xả chúng và giữ tâm yên lặng tịch tĩnh. Tri giác và năng lực buông xả này là một sức mạnh của trí huệ rất ráo.

7. Ý muốn cứu độ chúng sinh không hề giảm sút (dục vô giảm): Đây là một đặc tính quan trọng của Phật. Bởi vì chư thánh A La Hán khi đạt được cảnh giới niết bàn, họ không còn ý định muốn cứu độ chúng sinh và hành đạo bồ tát. Nhưng Phật tu phương tiện ba la mật và đại nguyện ba la mật tới chỗ viên mãn, nên ngài không sợ sinh tử, không ngại thời gian độ sinh dài tới vô biên, không buồn chúng sinh đa số cứng đầu ương ngạnh. Do vậy ý muốn độ sinh không hề giảm sút.

8. Lòng tinh tấn của Phật không hề giảm sút (tinh tấn vô giảm): Do Phật tu tinh tấn ba la mật trong vô lượng kiếp, ngài thành tựu sức mạnh siêu năng cần mẫn không hề sợ khó sợ nhọc sợ khổ. Ngài tu hành không ngừng và chẳng bao giờ thối tâm.

9. Phật ghi nhớ giáo pháp của ba đời chư Phật không hề thiếu sót hoặc quên mất (niệm vô giảm): Nghĩa là Phật có trí huệ sâu rộng như biển, ghi nhớ hết tất cả thân lý và giáo pháp của mười phương ba đời chư Phật. Trí nhớ này không bao giờ phai lạt hay giảm bớt.

10. Trí huệ của Phật không bao giờ giảm sút (huệ vô giảm): Nghĩa là trí huệ của Phật thì chẳng bao giờ bị bất kỳ

điều kiện hay hoàn cảnh nào làm giảm bớt hiệu năng sắc bén.

11. Sự giải thoát của Phật không hề bị giảm sút (giải thoát vô giảm): Do ngài viển ly phiền não, chấp trước và vọng tưởng; dứt trừ tập khí sinh tử nên sự giải thoát của ngài là cứu cánh, không hề bị ảnh hưởng, biến đổi hay giảm thiểu.

12. Phật có trí huệ thấu suốt tướng trạng của mọi sự giải thoát, trí huệ này không hề bị giảm sút (giải thoát tri kiến vô giảm): Trong mỗi giai vị từ chư la hán tới bồ tát tới Phật, mỗi giai vị đều có cảnh giới giải thoát của từng giai vị. Những cảnh giới giải thoát ấy Phật đều thấu suốt.

13. Tất cả những nghiệp do thân làm đều được hướng dẫn bởi trí huệ: Phật dùng trí huệ khéo hợp với chân lý để dắt dẫn hành động. Ngài hoàn toàn làm chủ chính mình, không để tham sân si khống chế hành động.

14. Tất cả những lời nói đều được hướng dẫn bởi trí huệ: Cái lưỡi tuy ngắn mấy tất nhưng là vật mình khó điều khiển nhất. Phật tu nhẫn nhục ba la mật tới chỗ viên mãn nên ngài có thể làm chủ thân khẩu ý, do đó lời ngài nói ra đều khéo hợp với chân lý, hoặc nói cách khác, ngài đạt tới chỗ: trí huệ điều khiển lời nói.

15. Tất cả những nghiệp của tâm đều theo sự hướng dẫn của trí huệ: Phật lúc nào cũng ở trong chánh định do đó tâm ngài lúc nào cũng khéo hợp với chân lý. Tâm ngài như tấm gương sáng soi chiếu, phản ảnh mọi sự, vì thế ngài không cần phải nghĩ suy tính toán, tư duy trắc lượng, mà cũng thấu rõ mọi việc.

16. Phật biết rõ những chuyện xảy ra trong quá khứ không hề chướng ngại: Chuyện gì xảy ra ở đâu, lúc nào, chi tiết ra sao, ai nói gì, nghĩ gì, làm gì, tạo nghiệp nhân duyên gì, Phật đều nhìn rõ, thấu suốt không hề bị thời gian và không gian làm trở ngại.

17. Phật biết rõ những việc tương lai không hề chướng ngại: Trí huệ của Phật không bị thời gian hạn chế, khác với trí thức và tri kiến của kẻ phàm phu.

18. Phật biết rõ những việc xảy ra trong hiện tại không hề chướng ngại: Phật cũng không bị không gian làm giới hạn tầm nhìn, sự hiểu biết của mình.

BỐN ĐỨC VÔ ÚY

Vô úy nghĩa là không có hãi sợ. Sợ hãi là một cảm xúc căn bản nhất của cái tôi hay bản ngã. Khi có cảm giác tim đập mạnh, toát mồ hôi, miệng khát môi khô hoặc thần kinh căng thẳng, đầu óc nóng bừng, khi bị truy đuổi, vượt biển băng rừng... Đó đều là biểu hiện của sự sợ hãi. Nhưng hễ khi còn cái bản ngã thì sự sợ hãi vẫn tồn tại. Bởi thế đức Phật tu trì giải thoát ảo tưởng của cái tôi, nên ngài không còn phiền não sợ hãi nữa. Đức vô úy được biểu hiện qua bốn thứ:

1. Chánh đẳng giác vô úy: Nghĩa là trí huệ của ngài đã tới chỗ rốt ráo, lúc nào tâm và thân của ngài cũng an trụ trong chân lý. Khi thấy rõ nhân duyên của vạn sự, ngài hết nghi ngờ hay mù mờ về chuyện quá khứ vị lai. Thật vậy nếu bạn thấu triệt nhân quả mọi sự, tâm bạn sẽ hoàn toàn an định. Khi tâm mù mờ, nghi vấn thì sợ hãi sẽ hiển hiện. Do đó người giác ngộ thì tự nhiên vô úy.

Nhiều người có khả năng huấn luyện rắn độc, bắt thú dữ, săn cá sấu, hoặc làm những nghề căng thẳng, khó làm. Họ là những người vô cùng dũng cảm, đáng nể. Sự dũng cảm của họ một phần do bản tính, một phần lớn do huấn luyện mà thành thói quen. Nhưng khi đối diện với những tình huống căng thẳng họ chưa từng gặp qua, chưa từng được huấn luyện tương tự, họ vẫn có sự hãi sợ. Điểm đặc biệt là họ có thể nhanh chóng khắc phục sự sợ hãi ấy mau chóng và dễ dàng hơn những người bình thường khác. Sự giáo dục đời nay có nội dung chủ yếu là tăng kiến thức, tích lũy kinh nghiệm. Nhưng những thứ ấy bất lực trước mảnh khóc lừa đảo của bản ngã. Chỉ có sự im lặng tuyệt đối của vọng tưởng, sự bừng hiện của ánh sáng trí huệ từ thể tánh thanh tịnh thì mới giải trừ mọi sợ hãi, âu lo.

2. Lậu vĩnh tận vô úy: Lậu có nghĩa là phiền não, thói quen, tập khí xấu và sự chấp trước. Khi tâm hoàn toàn trong sạch, chẳng có chút đen tối, khúc khuỷu, quanh co, chẳng có phiền muộn lo âu thì tự nhiên mình sẽ tự tại đối diện với mọi cảnh. Người xưa nói: *khi chưa có thì muốn cho có. Khi có rồi thì lại sợ mất. Khi tâm tới chỗ chẳng còn mong cầu, thì người sẽ hết lo âu sợ hãi.* Bởi thế đức Phật luôn luôn tự tại trong mọi tình huống. *Sự tự tại này do đoạn trừ phiền não chấp trước mà có.*

Cái gì xây dựng trên bản ngã thì cũng có hai mặt đối lập đồng thời xuất hiện: *niềm vui và buồn đồng thời thành lập, lo lắng và khuây khỏa, dũng cảm và khiếp nhược... đồng thời tồn tại. Hễ vui hiển lộ thì buồn tiềm tàng, và ngược lại. Chỉ có đức vô úy thì không nhược điểm vì nó không là sản*

phẩm của bản ngã do đó không có mặt đối lập. Nhưng làm sao để ta đi tới chỗ hết phiền não? Trước hết ta phải bỏ thói chấp trước. Thích hay ghét, yêu hay giận, đều là chấp trước. Buông xả chấp trước thì mới tự tại, hết phiền não.

3. Thuyết chượng pháp vô úy: Chượng pháp là những pháp, những sự việc, những nhân duyên chượng ngại sự tu hành. Đa số những chuyện này thì luôn chạm đến tự ái của ta, nên ta chẳng muốn ai nói tới. Nhưng không liều thuốc nào mạnh bằng sự thật. Bởi thế, khi đức Phật an trụ trong chân lý, những điều ngài nói ra đều là sự thật. Nhưng nếu nói sự thật sẽ chạm tự ái kẻ khác, thì sao Phật lại nói? Bởi vì có tri nhận sự xấu xa, lỗi lầm do thân khẩu ý tạo ra, ta mới biết mà sửa đổi. Do vậy những gì Phật nói, hay kinh giảng đều nhằm giải thoát ta ra khỏi sự chấp trước vào bản ngã, những thứ xiềng xích như tham sân đố kỵ... mà mình quá quen thuộc, gắn bó, khó bỏ. Phật vì tâm từ bi vô hạn mới nói lỗi lầm cho ta nghe. Bởi vậy thuyết chượng pháp vô úy là *sự tự tại phát xuất từ lòng đại bi.*

4. Thuyết xuất đạo vô úy: Xuất đạo nghĩa là con đường thoát khổ, chấm dứt sinh tử, đạt tới Niết Bàn. Bởi vì Phật đã đi qua con đường ấy nên ngài có sự tự tin, tự tại để giảng thuyết cho ta về kinh nghiệm và con đường xuất ly biển khổ. Thuyết pháp mà không có mong cầu danh vọng, quyền lợi, cung kính, hay cúng dường, là cảnh giới của thánh nhân. Phật thuyết pháp là vì lòng đại từ thương xót cho chúng sinh trầm luân sinh tử. Bởi vậy pháp giải thoát của ngài thì hoàn toàn rõ ràng, thanh tịnh, không nhuộm chút tư tâm ích kỷ, không có bóng dáng của bản ngã. Sự tự tại vô úy này xuất

phát từ lòng đại từ thương xót chúng sinh.

* Thời Hoa Nghiêm, khi Đức Phật thành đạo trải qua 21 ngày nơi cõi Bồ Đề vì chúng đại Bồ Tát, thuyết minh pháp môn tự chứng của Chư Phật và trình bày thể tánh thường tịch của tất cả chúng sanh.

Thời A Hàm, trải qua mười hai năm đi khắp mười sáu đại quốc, Đức Thế Tôn thuyết kinh A Hàm (gồm Tăng Nhất A Hàm nói rõ tánh tướng nhân quả của nhơn thiên, Trường A Hàm đánh đổ bài bác các kiến chấp, kiến giải mê lầm của phàm phu ngoại đạo, Trung A Hàm trình bày các đạo lý diệu mầu, Tạp A Hàm nói rõ các pháp thiên định, Tiểu A Hàm nói về các pháp thí dụ, đồng thời nêu bản sanh bản sự của Chư Phật).

Thời Phương Đẳng, Đức Thế Tôn trải qua tám năm, tùy thuận căn cơ chủng tánh của chúng hội nói đủ các kinh đại thừa và tiểu thừa, nhưng nhận thấy đại chúng ưa thích các pháp nhỏ, nên ngài quở trách hạ giá tiểu thừa, khiến họ mở mang tâm tánh ưa chuộng tu tập đại thừa như: kinh Duy Ma Cật Sở Thuyết, Tư Ích Phạm Thiên Sở Vấn, Lăng Già... Phương Đẳng là tiếng thông xưng của tất cả các kinh kệ đại thừa, từ thời A Hàm về sau.

Thời Bát nhã, Đức Phật giảng dạy suốt hai mươi hai năm, về chân lý các pháp là không một lý thuyết cộng thông cả ba thừa, phá mê lầm chấp trước thiên kiến của đại thừa và tiểu thừa.

Thời Pháp Hoa Niết Bàn, khi đại chúng căn cơ thuần thực, Đức Thế Tôn dung hội ý nghĩa ba thừa về một tức Phật thừa, chỉ bày Phật tri kiến của tất cả chúng sinh mà cũng là

hoài bảo của Đức Thế Tôn xuất hiện nơi cõi ta bà.

Như vậy năm thời thuyết giáo của Phật mỗi thời có một chủ ý riêng:

Thời Hoa Nghiêm là hiển thị

Thời A Hàm là dẫn dụ

Thời Phương Đẳng là bài báng

Thời Bát Nhã là đào thải

Thời Pháp Hoa là đi tới chỗ chân thực.

Tám giáo gồm bốn Hóa Nghi và bốn Hóa Pháp, xưa nay dẫn dụ hóa nghi như phương thuốc còn hóa pháp là vị thuốc, vì Đức Phật giáo hóa chúng sanh tùy căn cơ chủng tánh mỗi mỗi sai khác, theo bệnh mà cho thuốc. Như thời kỳ A Hàm, Đức Phật dạy pháp môn Sinh diệt Tứ đế, thời kỳ Phương Đẳng Ngài dạy Duyên sinh Tứ đế, thời kỳ Bát Nhã Ngài dạy Vô lượng Tứ đế và sau cùng là Vô tác Tứ đế.

Nhưng tám giáo đều là những giáo lý từ thời Pháp Hoa trở về trước, khi đại chúng căn cơ thuần thực Đức Phật dung hội ba thừa về một Phật thừa cho nên không còn sự sai biệt giữa hóa nghi và hóa pháp, vì lẽ ấy người xưa bảo kinh Pháp Hoa là Thuần Viên độc diệu; viên mãn nhất và vi diệu nhất.

Như trước đã nói Ngài Huệ Văn tu Pháp Hoa, Ngài lại dùng Đại Trí Độ luận và Hoa Nghiêm – Bát Nhã phụ trợ mở mang giáo nghĩa huyền diệu của kinh pháp hoa, đồng thời chủ trương trong tâm chúng ta có đủ thập giới tam thiên, nếu tâm thanh tịnh thì có thể nhận rõ “Phiền não là Bồ Đề, sinh tử là Niết Bàn” từ đó phân lập hai môn “giáo tướng và quán tâm” giáo tướng lấy năm thời, tám giáo phát triển trí

thức, quán tâm là từ tri thức trở về tìm hiểu tâm tính nên Thiên Thai Tứ Giáo Nghi dạy: có trí thức mà không quán tâm cũng như có mắt mà không chân, trái lại có quán tâm mà không có trí thức cũng như có chân mà không mắt, và chân cùng mắt từ nhân duyên sở sanh – tức do Tâm.

Từ tâm, do Tâm nhận rõ thập pháp giới, thập như thị, tu ba pháp quán, hoán chuyển ba thứ mê hoặc, thành tựu ba món trí và ba thứ công đức thể nhập pháp hoa tam muội chứng vô thượng bồ đề.

Thập giới xuất phát từ kinh Hoa Nghiêm Ngài Thiên Thai – Trí Giả dùng để nói rõ thập giới hổ cù (có đủ lẫn nhau). Thập giới tức mười cảnh giới; Địa ngục, Ngạ quỷ, Súc sanh, Tu la, Nhân loại, Thiên đạo, Thinh văn, Duyên giác, Bồ Tát và Phật Đà. Sáu cảnh giới từ địa ngục đến thiên đạo, tuy có quả báo khổ vui bất đồng nhưng đều ở trong cảnh giới mê vọng nên gọi Lục phàm, Bốn cảnh giới từ Thinh văn đến Phật Đà, tuy có cao thấp sai biệt nhưng đồng ở trong cảnh giới giác ngộ nên gọi Tứ Thánh. Qua ý nghĩa hổ cù, cho nên chúng ta có thể hôm trước là địa ngục, hôm nay là nhân loại, ngày mai là Phật đà. Cho nên trong thập giới đó nếu chúng ta quán xuôi thì đi lên quá trình của giải thoát; nếu chúng ta quán ngược thì đi xuống quá trình của đọa lạc, hay có chỗ nói: Trong một cảnh giới có đủ chín cảnh giới khác.

Chúng ta thử xét như móng lên một ý niệm nếu do tham sân si phát sanh, thì đó là tâm của ba ác thú; nếu do thiện căn thù thắng phát khởi thì nó là tâm của thiên đạo, nếu do từ bi và chánh trí phát sanh thì nó là tâm của Bồ Tát... như vậy trong mỗi niệm tâm sinh khởi, chúng đã có đủ

tướng trạng của lục phàm và tứ thánh. Tâm thức có đủ như thế, nên mê thì chúng ta thành lục phàm, còn ngộ thì thành tứ thánh; từ cơ sở đó nên biết chúng sanh đọa đày trong địa ngục, nếu phật tính từ tâm sẵn có được hiện bày, thì tự nhiên họ có thể thoát khỏi xác thân địa ngục tiến tới Phật đà viên mãn diệu giác. Trái lại Phật đà trên quả vị cứu cánh, cũng có thể dùng những tâm niệm của chín cảnh giới kia sẵn có nơi mình, nương theo đại nguyện mà đi vào mê giới thị hiện những thánh nghiệp, làm việc hóa tha, và trong thập giới hổ cụ có đủ Thập như.

Trong phẩm Phương Tiện Kinh Pháp Hoa, Đức Phật dạy: “Chư Phật thành tựu được những pháp ít có và khó hiểu thứ nhất, chỉ có Phật với Phật mới có thể xét tới thật tướng của các pháp. Đó là: Như thị tướng, như thị tánh, như thị thể, như thị lực, như thị tác, như thị nhân, như thị duyên, như thị quả, như thị báo, như thị bổn mạng cứu cánh của các pháp”. Như là không khác, thị là không trái, như thị có ý là hiện thực hay nơi bản thân bản thể của các pháp đều đầy đủ mười ý nghĩa tánh tướng... và hữu tình, vô tình, sắc pháp hay tâm pháp, tất cả các pháp đều có đủ Thập như thị ấy.

Mỗi pháp giới có đủ mười Như thị, trăm pháp giới (vì thập giới hổ cụ) có đủ ngàn như thị, mỗi như thị có ba thứ thế gian (Chúng sanh thế gian, quốc độ thế gian và ngũ ấm thế gian) từ đó hình thành “Nhứt niệm cụ tam thiên” một niệm đủ ba ngàn và giáo pháp này đối với hiện tượng vạn hữu thuyết minh tam đế: không đế, giả đế và trung đế. Trong sách Thủy Chung Tâm Yếu bảo rằng: “Tam đế là đức tánh hiển nhiên nếu mê chân lý ấy thì gọi là tam hoặc là ba

thứ mê muội: Kiến Tư hoặc, Trần Sa hoặc và Vô Minh hoặc”. Những sự thấy nghe hay biết sinh ra tư tưởng mê lầm gọi đó là kiến tư hoặc; kiến hoặc và tư hoặc nơi mình, nơi mọi người nhiều như cát bụi trong cõi trần nên gọi là trần sa hoặc; đối với tất cả các pháp chúng ta không nhận thức rõ ràng sự thật gọi đó là Vô minh hoặc.

Ba thứ mê hoặc trên đều là trạng thái mê mờ chân lý không, giả và trung đế, muốn dẹp tan những mê hoặc ấy hành giả tu tập pháp hoa, phải thực hành phương pháp Nhất tâm tam quán. Nhứt tâm tam quán là lấy nhất tâm làm đối tượng để tu Không quán, Giả quán và Trung quán, chuyển ba thứ mê hoặc thành ba món trí. Như chúng ta hiểu được lý không của bản thể, gọi là Nhất thể trí, hiểu được lý giả của hiện tượng gọi là Đạo chủng trí, hiểu được sự lý hiện tượng là thực thể trung đạo gọi là Nhất thể chủng trí.

Dựa trên cơ sở tu ba pháp quán, hiểu rõ tam đế hoá chuyển ba thứ mê hoặc, thành tựu ba thứ trí, và chứng nhập Tam đức Niết bàn, vĩnh viễn thoát khỏi sinh tử luân hồi, thường còn không mất gọi đó là Pháp thân đức (Diệu thân pháp tánh) luân ra khỏi mê mờ mở mang giác ngộ lợi tha muôn loài, đó là Bát nhã đức (Diệu trí phật tánh) ngoài vòng trói buộc của thế gian tam nghiệp, lợi hành tự tại, gọi là Giải thoát đức (Diệu đức phật thân). Ba đức giải thoát ấy ai ai cũng sẵn có nơi mình, vì ba thứ mê hoặc ngăn che, như mặt trăng sáng bụi khuất sau đám mây mù, mà ánh sáng không thể biểu hiện đó thôi.

LƯỢC GIẢNG

Cảnh giới trang nghiêm thanh tịnh của chư Phật trong mười phương phải do phước đức và trí tuệ mới được thấy. Trái lại, cảnh khổ đau địa ngục do tích lũy cực tham, cực sân, cực si và bất thiện nghiệp mà hiện ra. Không có phước đức trí tuệ sẽ không thấy được cõi Phật thanh tịnh. Không có những cực ác nghiệp sẽ không tìm đâu có cảnh địa ngục khổ đau. Nhiều người cùng tạo nhân phước trí tuệ giống nhau nên cùng thấy cõi Phật thanh tịnh giống nhau; Vì vậy cõi Phật in tuồng như có sẵn. Nhiều chúng sanh tạo những bất thiện nghiệp giống nhau, nên cùng bị hình phạt đau khổ ở địa ngục giống nhau. Phật gọi đó là mười nhân ác, nó đã thành thói quen trong cuộc sống của người không có ý thức phản tỉnh hồi quang, trau dồi đạo đức.

Nhân xấu ác thì không thể có quả an vui. Những ác nhân ấy không phải trời xui đất khiến mà do chính con người; do thân, miệng và ý của con người; khi con người đánh mất lý trí sáng suốt; con người không còn làm chủ được thân, miệng, ý của mình. Những quả khổ đau cùng cực trong các địa ngục dù khác nhau, nhưng tất cả đều chỉ là những hình ảnh phản chiếu trung thực của nhất tâm của tam nghiệp của căn, trần, thức của con người.

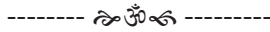
Ngày, giờ, năm, tháng ở địa ngục không thể tính số theo khái niệm nhận thức ở nhân gian. Ai có năm mộng và có tư duy về: Hoàng lương mộng, có thể hiểu thời gian ở địa ngục tương đối dễ dàng hơn. Giấc mộng khoảng một tiếng đồng hồ hơn kém, vậy mà đối với Lư sinh là cả 80 năm thăng

trầm vinh nhục, 80 năm ân oán giang hồ, bưng tỉnh dậy thì ra mình vẫn là một thư sinh thi trượt, đang mơ màng bên quán trọ với tâm trạng âu sầu, thất vọng trên đường trở lại cố hương. Cái khổ lâu dài ở địa ngục của những linh hồn đã tạo nhiều ác nghiệp, một giờ hấp hối trong phút sắp lâm chung biết đâu đó chẳng là 80 năm đau khổ nghiệp cảm tội hành do hậu quả trong một đời tích lũy!

Câu hỏi ôn tập:

1. Trình bày danh vị Thập Tín?
2. Cho biết tên gọi của Thập Hạnh?
3. Trình bày tên gọi của Ngũ Tịnh Cư Thiên?
4. Trình bày Thập Xứ thuyết giáo?
5. Bồ tát hạnh vị gồm có bao nhiêu Nhân địa thứ lớp tu hành, để thành tựu Diệu Giác?

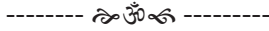
THẬP ĐỘ HOA NGHIÊM



Phương pháp tu hành của Bồ Tát từ Sơ phát tâm, cho đến hàng Bồ Tát Thập Trụ, Thập hạnh, Thập hồi hướng, Thập địa, Đẳng giác và Diệu giác, đều không ngoài Mười món Ba la mật:

- 1 - Bố Thí Độ: Tài thí, Pháp thí, Vô úy thí; Vô bất giai xả.
- 2 - Trì Giới Độ : Phòng phi chỉ ác, nội ngoại vô hà.
- 3 - Nhẫn Nhục Độ: Thuận nghịch bất can, để sát nhẫn khả.
- 4 - Tinh Tấn Độ: Ly thân tâm tướng, nội ngoại tăng tu.
- 5 - Thiền Định Độ: Niệm lự giai vong, an tâm lý cảnh.
- 6 - Bát Nhã Độ: Tâm vô phân biệt, thiện đạt tánh không.
- 7 - Phương Tiện Độ: Thiệp thế thường không, thí vi vô ngại.
- 8 - Đại Nguyện Độ: Thượng cầu hạ hóa, cùng tận vị lai.
- 9 - Đại Lực Độ: Tư tu công thành, vạn cảnh bất động.
- 10 - Đại Trí Độ: Quyết đoạn vô hoặc, chúng pháp di thần.

TU DUY THỨC QUÁN



Nhãn thức: Thị giác, tức là năng lực tri nhận vật tượng, hình ảnh.

Nhĩ thức: Thính giác, tức là năng lực tri nhận âm thanh.

Tỷ thức: Khứu giác, tức là năng lực tri nhận hương vị khi mũi ngửi.

Thiệt thức: Thưởng giác, tức là năng lực tri nhận mùi vị khi lưỡi nếm.

Thân thức: Xúc giác, năng lực tri nhận cảm xúc khi thân thể, chạm xúc.

Ý thức: Tri giác, có ba công năng đáng kể: tri nhận, tư duy, suy nghĩ.

Mạt Na thức: là trung tâm cấu thành cái quan niệm về bản ngã.

A Lai Da thức: Là Tạng thức, là kho chứa đựng tất cả dữ kiện.

Bạch Tịnh thức: Chỉ cho đặc tính của chủng tử vô lậu, thể nhập Pháp Giới Thể Tánh Trí.

Chuyển A lại Gia thành: Đại Viên Cảnh Trí.

Thức thứ bảy thành: Bình Đẳng Tánh Trí.

Thức thứ sáu thành: Diệu Quán Sát Trí.

Năm thức trước chuyển: Thành Sở Tác Trí.

Tất cả sinh mạng chúng sanh là sự hòa hợp của hai thể: tinh thần lẫn vật chất. Chúng sanh do sắc tâm hòa hợp và sẵn có Phật tánh tiềm ẩn trong đó. Chúng ta nên biết rằng Phật tánh chính là ở trong tâm thức. Ngoài tâm thức này ra,

không có Phật tánh nào tồn tại riêng được. Nên trong kinh Lăng Già, Đức Phật thường dạy: Ngã thuyết A Lại Da thức tức thị Như Lai Tạng (Ta nói A Lại Da thức chính là Như Lai Tạng).

Nói một cách khác, Thức là luồng tâm niệm hiện có nơi mỗi chúng sanh. Các tâm niệm sinh rồi diệt, diệt rồi sinh tương tục mãi mãi như một dòng nước không gián đoạn. Nay xét nơi tâm niệm hiện tiền của chúng ta thì nhận thấy thực tế có nhiều bộ phận hay biết khác nhau, hình thành Tám thức tâm vương. Như khi chúng ta thấy những sự vật có hình tướng, hoặc không hình tướng, thì cái thấy là Năng kiến và sự vật bị thấy kia là Sở kiến, như chúng ta lễ lạy là Năng lễ; Đức Phật chư vị Bồ Tát trên bàn là Sở lễ; nhưng Năng kiến và Sở kiến không thể tách rời nhau, ngoài Năng kiến không còn gì là cái Sở kiến, hay ngoài Sở kiến cũng không biết lấy gì là Năng kiến; do Năng kiến và sở kiến đối đãi nhau mà phát hiện, không thể chia tách, không có giới hạn, nên sự thật Năng kiến và Sở kiến không phải là sự vật khác nhau và đều đồng một thể tánh, như kệ kinh dạy Năng lễ, Sở lễ tánh không tịch; cũng vậy cái thấy và chỗ thấy như vậy gọi là Kiến thể, có nghĩa là cái thật thể của sự thấy. Duy Thức Học nói Kiến thể đó được gọi là Nhãn Thức, cái Năng kiến gọi là Kiến Phần, còn Sở kiến gọi là Tướng Phần của Nhãn Thức vậy.

Người nơi thế gian chỉ biết Kiến Phần là thuộc về tâm thức của mình, còn Tướng Phần thì cho là ngoại cảnh, mà không quán triệt được Kiến phần và Tướng phần cùng đồng một thể tánh; đến khi Giác nghĩa Duy Thức chỉ bày mới nhận rõ, quán sát đúng đắn, thật nhận được Kiến phần và Tướng phần đối đãi nhau mà sinh khởi, mà phát hiện và đều là

duyên khởi như huyễn, đi đến dung hòa Kiến phần và Tướng phần vào một thể tánh của cái thấy, thì thể tánh chung đã chứng nhập được Tự Chứng Phần của Nhãn Thức, còn cái trí chứng nhập được thể tánh ấy gọi là Chứng Tự Chứng Phần của Nhãn Thức, do cái trí ấy cũng không ra ngoài thức mà có. Cái thấy như vậy, cái nghe, cái ngửi, cái nếm, cái hay, cái biết, cái cảm xúc... lại cũng đều như vậy và thể tánh của Năm sự nhận biết đó, gọi là **Năm Thức Trước** (Tiền Ngũ Thức) là Nhãn thức, Nhĩ thức, Tỷ thức, Thiệt thức, và Thân thức, mỗi thức đều nương với cái Căn của mình mà phát ra hiện hành sinh khởi. Song Tiền Ngũ Thức chỉ thu nhận theo từng bộ phận cảm giác nơi hoàn cảnh; như Nhãn thức chỉ thấy, Nhĩ thức chỉ nghe... nói khác là chỉ nhận cảnh chung nơi hiện tại, chưa phân tách ra từng hình tướng, sự việc, hay phân biệt vật này, vật khác.

Cái Thức tóm thu được tất cả các cảm giác và phân biệt được sự dị và đồng của các vật, đó là **Thức Thứ Sáu** (Ý Thức). Kinh Di Giáo dạy: Thử ngũ căn giả, Tâm vi kỳ chủ. Thế nên khi ý thức chăm chú vào một việc khác, tuy lúc ấy có nghe, có thấy, nhưng lại không biết rõ là đã thấy cái gì và đã nghe cái gì là vậy. Ý thức là sự phân biệt rõ vật này với vật khác, chỉ phát khởi hiện hành trong khi thức, lúc ngủ thì không phát khởi, ngoại trừ khi chiêm bao (mộng trung ý thức). Vì vậy người trong lúc ngủ say hoàn toàn, thì không hay biết chung quanh mình đã xảy ra những việc gì; nhưng trong lúc ngủ, người ta vẫn ngấm ngầm biết có mình nên khi có người gọi thì liền tỉnh dậy, cũng biết được là mình tỉnh dậy chứ không phải người khác. Cái Thức luôn luôn có mình,

tương tục và mãi mãi cả trong khi ngủ, đó là **Thức Thứ Bảy** (Mạt Na Thức).

Trong khi ngủ mê, hay bất tỉnh không biết gì, người đời vẫn cảm thấy có Cái Ngã Thể riêng biệt, tương tục không gián đoạn, từ trẻ đến già, mặc dù trong một đời, thân thể và tri thức có nhiều sự thay đổi. Mà ta vẫn thấy có một cái gì đó không thay đổi, song Thức Thứ Bảy lại không thể, nhận Năm Thức Trước hay Ý Thức làm cái ngã thể liên tục, không gián đoạn được, vì các thức ấy đều phát khởi một cách gián đoạn. Vậy cái mà Mạt Na Thức nhận làm ngã thể liên tục, phải là một cái thức tương tục không gián đoạn, thức đó là **Thức Thứ Tám** (A Lại Da Thức) cái thức làm cho nó sống, đi đến có cảm giác, có phân biệt, hiểu rõ ràng chính xác.

Thức Thứ Tám nắm giữ tất cả chủng tử mọi sự, mọi vật, nên có tên là (A Đà Na Thức) Nhứt Thiết Chủng Thức. Nơi chúng sanh Thức Thứ Tám nhận có cái ta riêng biệt lại liên tục cất giữ tập khí chủng tử, của tất cả các pháp, nên cũng gọi là Tàng Thức, lại bị Mạt Na Thức (Thức Thứ Bảy) thường xuyên chấp nhận cái ngã thể liên tục, nên lại có tên A Lại Da Thức hay Ngã Ái Chấp Tàng Thức.

Chúng sanh khởi tâm, dù là thiện, ác hay vô ký đều lấy tâm chấp ngã của Mạt Na làm cơ sở, lấy tự ngã làm trọng tâm. Khi làm thiện cũng khó đạt được vô phân biệt; người học Phật cũng cầu Phật gia hộ mình, mình cầu giải thoát thành Phật... bất cứ động thái nào cũng có cái ngã tiềm ẩn vi tế bên trong. Chính cái ngã này làm cho chúng sanh mê lầm tạo nghiệp, trầm luân sanh tử, không giải thoát được.

Đoạn dứt nhiễm ô phiền não là chẳng phải tiêu diệt thức Mạt Na, mà chỉ đoạn trừ phần nhiễm ô của thức Mạt Na luôn chấp A lại da thức là ngã thường hằng. Khi hàng Bồ tát kiến đạo trở lên, trí quán pháp không có mặt thì công năng hằng thẩm tư lương của Mạt na chuyển hóa làm **Bình Đẳng Tánh Trí**, là trí huệ trực giác vô ý thức thấy các pháp bình đẳng, không có mình, người, cao, thấp... Khi tu thành Phật, tính hằng thẩm tư lương của Mạt na cũng không có đoạn diệt, mà đem sự suy xét đo lường có ngã chuyển hóa thành sự tư duy suy xét về vô ngã mà thôi.

Nhiễm ô Mạt Na là mạng căn của chúng sinh, kiên cố vững chắc khó phá trừ. Nếu không đoạn diệt Mạt Na nhiễm ô thì sanh tử không dứt. Muốn chuyển hóa Mạt Na nhiễm ô thì phải bắt đầu từ Ý thức, nhờ sức tư duy đặc biệt thù thắng của Ý thức. Nhiễm ô Mạt Na tuy vi tế khó thấy, khó đoạn trừ, nhưng vì sự tư lương của nó yếu kém, nó thường cùng với Ý thức kết hợp đồng thời sinh khởi. Vì vậy dựa vào Ý thức tu quán vô ngã thì đồng lúc đoạn trừ nhiễm ô Mạt Na. Kinh nói: Mạt Na như gươm bén, không thể tự hại mình. (Ý như đao kiếm phong, bất năng tự hại thân). Nghĩa là Mạt Na không thể nương tựa vào Mạt Na để tự đoạn trừ sự nhiễm ô, cần phải nương tựa vào tư duy thiền quán của Ý thức mới chuyển hóa được.

A Lại Da, cũng dịch là A Lê Da, A La Da... nguyên ý của tiếng Phạn là kho chứa, tích chứa. Ngài Chân Đế dịch là Vô Một Thức; Ngài Huyền Trang dịch là Tạng Thức, hay Tàng Thức. **A Lại Da Thức có nhiều tên gọi khác nhau.**

- Đệ Bát Thức: Tính theo thứ tự các thức.

- Căn Bản Thức: Là cội gốc của các thức, giống như đại địa là nền tảng cho muôn vật phát sinh.

- Trạch Thức: Nhà ở của chúng sinh, nhà tinh thần.

- Nhất Thiết Chủng Tử Thức: Là tâm thức tích chứa hạt giống của tất cả pháp.

- Dị Thục Thức: Cũng gọi là Quả báo thức, nghĩa là tạo tác và thọ nhận quả báo chín mùi ở đời vị lai.

- Sơ Sát Na Thức: Là tâm thức ở trong sát na đầu tiên hình thành sinh mạng chúng sinh.

- Thức Chủ: Là chủ thể của các thức.

- Trượng Phu Thức: Năng lực của thức này rất mạnh.

- Vô Một Thức: Là thức này quán xuyên quá khứ, hiện tại, vị lai, không có lúc nào ngừng nghỉ.

Công năng chủ yếu của A Lại Da thức, theo Luận Nhiếp Đại Thừa, là nhiếp tàng. Nhiếp nghĩa là thống nhiếp, bao quát. Vì thức này không chỉ thống nhiếp tàng trữ tất cả chủng tử mà còn thống nhiếp luôn bảy thức trước, thống nhiếp toàn thể tâm thức. Tất cả hoạt động của các thức đều nương vào thức A Lại Da mà sinh khởi hiện hạnh.

Thức A Lại Da lại thống nhiếp thân thể (căn thân) của chúng sinh và thế giới chúng sinh nương ở (khí thể giới). Vì tác dụng chấp thọ của thức này làm cho tất cả sắc căn tồn tại không hư mất, khi thọ mạng hết chuyển qua đời sau, sau khi chết thức này dẫn dắt đi đầu thai.

Tàng: Nghĩa là tích chứa. Thức A Lại Da được gọi là Tàng thức, nghĩa là công năng chính yếu của thức này là chứa giữ tất cả chủng tử. Thức này giống như một nhà kho rộng lớn có chứa hết tất cả mọi thứ.

- Tất cả hoạt động tâm lý, hành vi ngôn ngữ... hình thành chủng tử, tạo thành kết quả đều cất chứa trong thức A Lại Da. Thức này là nhân tái sinh khởi hoạt động tâm lý và nghiệp báo. Nhiều kiếp tích chứa làm cho A Lại Da thức của chúng sinh tích chứa tập khí cao như núi. (Tập khí = chủng tử) Tàng, Thành Duy Thức Luận giải thích gồm có ba nghĩa: Năng tàng, Sở tàng, Ngã ái chấp tàng.

Hành tướng của thức A Lại Da: Hành tướng là chỉ cho trạng thái hoạt động, đặc tính, tính chất. Đặc điểm của A Lại Da thức gồm có những điểm sau:

a) Ẩn mật vi tế: Thức này ẩn sâu trong nội tâm, vi tế khó thấy biết. Kinh Giải Thâm Mật giải thích là thức này giữ gìn xử lý chủng tử của tất cả thức, thường hằng hoạt động không gián đoạn ở tận trong tâm thức, khí thế rất mạnh giống sóng biển, ngày đêm vận hành không ngừng nghỉ. Thấy biết sự vi tế của Tàng thức thì chỉ có Phật và hàng bồ tát kiến đạo trở lên, ngoài ra hàng phàm phu, thanh văn, duyên giác không biết được.

b) Chẳng có chẳng không, chẳng thường chẳng một: Thức này như hư không, chẳng có chẳng không. Chẳng có nghĩa là không phải vật chất có thể thấy nghe hiểu biết. Chẳng không là tác dụng của thức này hiển nhiên là có. Thức này đối với cảnh sở duyên niệm niệm sinh diệt, lưu chuyển từng sát na, chẳng phải thường chẳng phải một, mà là một dòng tâm thức sinh diệt liên tục.

c) Thông suốt cả ba đời, chỉ có tính thường hằng chuyển biến. Chức năng phân biệt của A Lại Da thức từ khi con người mới sinh cho đến lúc lâm chung, luôn liên tục chuyển biến

không một sát na ngừng nghỉ. Nội dung cốt chứa có khác nhưng chức năng thống nhiếp cất giữ từ lúc ra đời cho đến lúc chết không có sai khác, công việc tiếp thu, xử lý chủng tử không gián đoạn.

Sự vận hành của thức A Lại Da không chỉ quán triệt một đời người, mà còn quán triệt cả ba đời quá khứ, hiện tại và vị lai, quán triệt hoàn toàn quá trình luân hồi, không một giây lát dừng nghỉ. Ở những trạng thái ngủ say, hôn mê, nhập vào định vô tướng và diệt tận định... sự vận hành của 7 thức không còn, nhưng thức A lại da vẫn có mặt và khởi lên tác dụng giữ gìn sự sinh hoạt của thân sinh lý. Thức này khi nào rời khỏi thân thì mới cho là chết.

d) Tính thuộc Vô Phú Vô Ký: Vô phú: là không ngăn che Phật đạo, tính thuộc vô vi. Vô ký: nghĩa chẳng phải thiện chẳng phải ác, thuộc trung tính.

Vì thế, ở truyện Tây Du nhân vật Sa Ngộ Tĩnh (Tĩnh có nghĩa là sự định tĩnh của tâm thức; tức tinh thần trở về nguồn tâm; nếu nói một ý khác, thì Sa Ngộ Tĩnh luôn chịu trách nhiệm giữ tất cả hành lý, cho đến Ca Sa, Bình bát, nên cũng gọi là Tàng Thức; thức chứa nhóm tất cả Chủng tử và hiện hành các pháp). Ngộ Tĩnh là biểu tượng của công phu tu tập Thánh định uẩn. Vì thế, nhân vật Ngộ Tĩnh trầm lặng, chuyên chú, cần mẫn và ổn định suốt cuộc hành trình Tây du. Khi đi theo Đường Tăng là khi Ngộ Tĩnh thiết lập lại chánh niệm tỉnh giác, hành trì định uẩn. Nói một cách khác, Tam Tạng biểu hiện Ngũ Uẩn thân, hành trì Kinh Luật Luận, tức giới định huệ, hoán chuyển tham sân si thành tựu Vô tham, Vô sân và Vô si; xây dựng nên Ngũ phần Pháp Thân Phật, từ

nơi Ngũ Uẩn sanh diệt thân của Đường Tăng Tam Tạng.

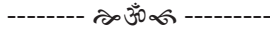
Trong mỗi người tu hành luôn luôn xuất hiện hai con người trong từng bước đi giải thoát: một con người của thanh tịnh, vô trước vượt thẳng đến giải thoát; một con người của tập khí sinh tử làm trí tuệ giải thoát. Với Trư Ngộ Năng, khi thì chân chất dễ cảm, khi thì càn dở khó coi. Với Sa Ngộ Tịnh, khi thì cảnh giác, khi thì nghi ngờ, bất định. Với Đường Tăng, khi thì minh mẫn đầy đức cảm, khi thì u tối, cố chấp. Với Tôn Ngộ Không, khi thì xử sự tế nhị, khéo cơ, khi thì hành động vội vàng, nóng nảy. Tại đây Ngộ Thừa Ân đã khéo léo dựng lên hai phái đoàn Tây du (một thật, một giả). Nếu người tu không phát hiện và tiêu trừ phái đoàn Tây du giả thì việc thỉnh kinh sẽ không thành tựu. Nếu vọng tâm chưa trừ sạch, thì chân tâm khó hiện. Có thể nói rằng hành trình là hành trình phá đổ hết thảy vọng tâm để chứng đạt chân tâm. Vì thế, chính tay Tôn Ngộ Không thật đánh chết Tôn Ngộ Không giả (Lục Nhĩ hầu) sau khi được Như Lai chỉ rõ gốc gác của Lục Nhĩ Hầu. Lục Nhĩ Hầu chết là nhân của sinh tử, phiền não diệt.

Câu hỏi ôn tập:

1. Trình bày ý nghĩa Thập Độ của Hoa Nghiêm?
2. Cho biết tên gọi của Tám Thức Tâm Vương?
3. Thức thứ tám có những tên gọi là gì?
4. Cho biết tên gọi của Tứ Trí từ Tám thức chuyển thành, đề đốc Bạch Tịnh Thức nhập Pháp Giới?
5. Sao gọi là Vô phú vô ký tánh?

CHƯƠNG VII – CÔNG ĐỨC KẾT KHUYẾN

第七章功德結勸



Kinh Hoa Nghiêm chủ thuyết bình đẳng, tất cả loài hoa từ nhỏ đến lớn, đủ màu sắc, đều có nét đẹp riêng, hương thơm khác nhau. Các loài chúng sanh cũng vậy, loài nào cũng hữu ích cho sự sống trên trái đất này, người nào cũng cần thiết trong một giai đoạn nào đó. Vì vậy, Hoa Nghiêm đa dạng, đa hình, nếu thấy thuần nhất thì rơi vào Nhị thừa. Nhị thừa phải ăn mặc, sinh hoạt giống nhau, nhưng theo Hoa Nghiêm thì tất cả đều khác nhau. Đó là tinh ba của pháp này mà Tăng Ni phải suy nghĩ để quán sát cuộc sống. Và từ góc độ này, chúng ta đi vào Pháp giới sẽ có cái nhìn khác, vượt ngoài lịch sử và xã hội để nhận chân được cái đẹp toàn diện.

Pháp giới là thế giới không thấy bằng mắt, chỉ có độ cảm bằng tâm mới thâm nhập được và tùy theo tâm được tinh lọc ở mức độ nào mà hiểu về Phật khác nhau. Ngoài ra, mỗi loài chúng sanh còn có cái thấy khác nhau tùy theo nghiệp tương ứng của chúng. Ngay cả thế giới của loài người chúng ta, thấy bằng mắt, nghe bằng tai, mà còn không giống nhau. Không giống vì phát xuất từ tâm, từ nghiệp không giống. Thậm chí những người cùng chung một ngôn ngữ dĩ nhiên chuyện trò với nhau được, nhưng vẫn không hiểu rõ nhau là không hiểu cái nghiệp. Tuy nhiên, nếu trình độ tâm linh của chúng ta được nâng cao thì có thể thấy được nghiệp của các loài, từng bước cũng nghe được âm thanh của chúng. Dù sao, cùng là loài người thì dễ cảm tâm, hiểu nhau hơn.

Trong pháp hội này, Phật ở rừng Thệ Đa, hay nói rõ là Kỳ Hoàn tịnh xá. Phật cũng thuyết kinh Di Đà ở đây, nhưng kinh diễn tả dưới dạng khác. Tịnh xá Kỳ Hoàn ở Ta bà, nhưng Phật giới thiệu Cực Lạc của Đức Phật Di Đà cách Ta bà mười muôn ức thế giới. Nghĩa là kinh Di Đà muốn tách chúng ta từ thực tế cuộc sống vật chất, hướng lên đời sống tinh thần. Kỳ Hoàn là tịnh xá bình thường và Phật cũng thuyết bình thường, chủ yếu Ngài gọi Xá Lợi Phất để giới thiệu Cực Lạc của Đức Di Đà là một thế giới xa xăm. Vì nếu Phật nói sự thật là Tịch Quang chơn cảnh ở đây, Tịnh độ ở ngay đây thì đại chúng không thể nào thấy được.

Kinh chủ yếu nói về tâm, tam giới duy tâm, vạn pháp duy thức. Các thế giới do vọng thức biến ra, tạo thành sơn hà đại địa, khổ vui trên cuộc đời này. Kinh Hoa Nghiêm muốn diễn tả Kỳ Hoàn tịnh xá là Tịch Quang chơn cảnh của Phật cũng ở ngay vườn của Cấp Cô Độc mà thôi. Học Đại thừa phải nhận thức điều này. Tuy thế giới Phật ở tại đây, nhưng có người thấy, người không thấy, người hiểu, người không hiểu. Phật ví như ánh sáng luôn có, mà người mù không thấy được ánh sáng. Thanh văn cũng như vậy, không thể thấy sinh hoạt của Bồ tát nương theo lực Phật mà giáo hóa chúng sinh. Kinh Hoa Nghiêm diễn tả Bồ tát nghe pháp bằng căn lành của họ đối với Phật, bằng nhân duyên của họ đối với Phật pháp. Phật hành đạo đã giáo hóa các Bồ tát thuần thực, nên thấy Phật là họ kính tín và phát tâm ngay. Ý này muốn đưa chúng ta vào thế giới Hoa Nghiêm ở dạng khác, là ở ngay Ta bà này, nhưng có Phật, Bồ tát, Thiên long Bát bộ hiện hữu để chúng ta so sánh với hai kinh Di Đà và Duy Ma.

Phẩm này phát xuất từ rừng Thệ Đa là rừng của Kỳ Đà, vườn của Cấp Cô Độc, nơi đây có tịnh xá và chư Tăng tu hành, Phật tử đến cúng dường. Đó là thực tế lịch sử của cảnh quan. Nhưng kinh Hoa Nghiêm không chấp nhận cách nhìn đơn giản này, vì cuộc sống bình thường thì không thể nào có được những hiện tượng kỳ vĩ. Thật vậy, nếu nhìn sâu sắc, sẽ thấy thực tế có những bậc cao Tăng mà người kính trọng đến độ dâng cúng cả tài sản hay thân mạng. Như Cấp Cô Độc dùng tất cả vàng để quyết tâm mua cho được khu đất đẹp nhất của thái tử Kỳ Đà để xây tịnh xá cúng Phật. Hoặc kinh Bát Nhã nói đến tiền thân Phật Thích Ca chín mươi kiếp trước làm quốc vương. Ngài thỉnh Phật Nhiên Đăng thuyết pháp và phải mở đường đi về hoàng cung. Nhưng khi đi ngang chỗ có vũng nước, Ngài vội vàng nằm xuống cho Phật Nhiên Đăng bước qua. Ngài được Phật Nhiên Đăng thọ ký chín mươi kiếp sau thành Phật Thích Ca. Người thường thấy Phật là Sa môn bình thường, còn ông vua này lại kính trọng Phật đến mức nằm xuống vũng bùn cho Phật bước đi. Đó là những điều chưa từng có mà người thường không làm nổi. Hoặc ông Cấp Cô Độc có phước báu kỳ diệu là kho vàng của ông lấy đi bao nhiêu cũng đầy trở lại. Chúng ta phải hiểu ý nghĩa của Phật sự này. Theo Hoa Nghiêm, Bồ tát đệ Bát địa trở lên mới có được phước báu như vậy, nhằm chỉ cho chúng ta hiểu rằng y báo tùy thuộc chánh báo. Người tu không lo phát huy chánh báo, chỉ lo chăm chút y báo, chẳng hạn như lo kiếm tiền xây chùa, toan tính đủ cách. Nhưng khi chánh báo mất, là đánh mất tâm giải thoát, chỉ còn lo lắng buồn phiền dẫn đến thân bệnh và kết thúc đời mình một cách vô ích.

Đức Phật cho biết Trúc Lâm và Kỳ Hoàn tịnh xá là nơi mà ba đời các Đức Phật đều ngự. Quá khứ Phật đã thành đạo, thuyết pháp ở nơi đó, Đức Thích Ca và Phật ở đời sau cũng thành đạo, thuyết pháp nơi đó. Hai khu vườn này rất đẹp, là thánh địa để Phật thuyết pháp, ai làm gì khác không được. Thật vậy, Trúc Lâm tịnh xá ở trong khu vườn mà vua Tần Bà Sa La đã dùng làm vườn thượng uyển vui chơi, nhưng không được. Vì đó là thánh địa nơi Đức Phật thành đạo, thuyết pháp ngày xưa, nên các cung nữ và vua đến đây không còn hứng thú vui chơi trần tục nữa. Trên bước đường tu, chúng ta có độ cảm về Phật, đó chính là nhân duyên giúp chúng ta tu được. Nhập Pháp giới hướng chúng ta có độ cảm như vậy.

Từ niềm tin vào đạo, tiến đến dùng tâm vào đạo, an trụ Định để thâm nhập Pháp giới. Vào Pháp giới rồi thì nhìn xã hội ở bề trái, thấy Kỳ Hoàn tịnh xá khác hẳn. Chưa nhập Định thấy đó là khu vườn rất đẹp có tịnh xá để chư Tăng và Phật ngự. Nhưng vào Định, kinh Hoa Nghiêm nói rằng thấy khác là thấy Báo thân viên mãn của Phật, thấy Pháp thân Tỳ Lô Giá Na. Nói cách khác, thấy được thân vô hình của Phật kết tinh bằng phước đức và trí tuệ trọn vẹn. Báo thân và Pháp thân Phật mới nhiếp được toàn bộ Pháp giới và tất cả chúng sanh. Còn sanh thân thì không có khả năng làm như vậy.

Thật vậy, chúng Báo thân viên mãn hay thân đầy đủ phước đức, trí tuệ, Phật mới chi phối trải rộng cho sáu ngàn Tỳ kheo tu ở đây. Thực tế cho thấy nếu chúng ta thân cận vị Thầy có phước đức, trí tuệ sẽ thấy họ tác động tâm đại chúng thanh tịnh hơn, đời sống của chúng tốt hơn. Trái lại, chỉ có nghiệp thân thì làm cho chúng bất an.

Chúng ta thấy Phật không làm gì, nhưng sức chi phối của Ngài vô cùng và trải rộng cả Pháp giới. Nếu trụ Thiền định thì thấy tất cả Bồ tát mười phương đến đây nghe pháp và thấy chư Phật ở quốc độ mình. Các Ngài phóng quang đến Phật Thích Ca và Phật Thích Ca cũng phóng quang đến các Ngài. Đó là sự giao tiếp bằng tâm mà ở trong Thiền định mới nhận ra mối tương quan, tương tác giữa Phật và Bồ tát, giữa Phật và Hộ pháp Long thiên cùng Hộ quốc nhân vương. Lực tương quan siêu hình ấy đã làm cho rừng Thệ Đa sáng lên; nói cách khác, phước đức và trí tuệ của Phật tỏa ra cho các Tỳ kheo ở đây và chi phối cả Pháp giới.

Công đức của Phật Thích Ca tỏa sáng mười phương, nên chư Phật mười phương cũng quan tâm đến Ngài và Bồ tát mười phương cũng đến cầu học với Phật Thích Ca. Tại sao Bồ tát phải đến Ta bà học. Vì tu hành cần có môi trường để thực hiện pháp. Trí luôn đối cảnh mới sinh ra. Trí là sự nhận thức; có người hung dữ thì chúng ta mới nhận biết được thế nào là hung dữ. Thế giới Cực Lạc toàn là thượng thiện nhân thì làm sao biết được người xấu ác như thế nào. Các loại hình thế giới Phật mười phương là thanh tịnh nhất như, nên không có những hiện tượng sai biệt như ở Ta bà. Chúng ta ở đây nếm đủ mùi quái ác, nên ngán sợ. Các ngài chưa được thực tập với những thứ này bao giờ, nên đến đây học hỏi, thử nghiệm là điều tất yếu. Chư Phật bảo các vị Bồ tát muốn biết vô số tam muội phải đến Ta bà học với Phật Thích Ca. Cứ đến đây là biết người tham ra sao, ở thế giới Phật muốn gì được nấy thì không thể biết tham là gì.

Kinh Hoa Nghiêm diễn tả rừng Thệ Đa đối khác, tỏa

ánh sáng rực rỡ, vì có chư Phật và Bồ tát mười phương cùng Bát bộ Thiên long, Hộ quốc nhân vương hiện diện đông đủ. Trong thế giới hùng vĩ vô cùng như vậy, các vị Thanh văn cũng có mặt ở đó mà không biết các vị Bồ tát đang kính lễ và sinh hoạt với Phật, không nghe được pháp âm Phật truyền trao cho Bồ tát. Phật thuyết pháp cho Bồ tát không bằng ngôn ngữ, nên vô âm, nhưng Ngài dùng pháp ngữ gọi là pháp âm. Từ tâm thanh tịnh của Phật truyền thẳng đến tâm Bồ tát, nên giữa các Ngài thông nhau, hiểu nhau, không nói. Trong khi pháp Thanh văn phải dùng ngôn ngữ để diễn tả mới nghe được. Còn pháp Bồ tát dùng tâm để cảm. Bồ tát cảm tâm Phật, nên nhận được sự an lành và tự phát triển phước đức, trí tuệ của chính mình.

Cũng là rừng Thệ Đa, nhờ có Phật, Bồ Tát gia bị, mới tạo thành sức sống vô hình kỳ diệu. Con người vật chất chúng ta tuy không thấy thế giới vô hình, nhưng có độ cảm với Phật để từ đó bước vào thế giới Tịch Quang chân cảnh của Ngài, hay là rừng Thệ Đa theo Hoa Nghiêm. Phật nhập định, dùng tâm liên hệ được với tất cả. Thiết nghĩ ở thời xa xưa mà đức Phật đã chỉ dạy mối tương quan siêu vật chất như vậy quả thật là vĩ đại vô cùng. Đối với lực tác động của Phật, Bồ Tát, chúng ta khó với tới. Tuy nhiên, bằng niềm tin, chúng ta có thể cảm nhận được sự thay đổi của cảnh vật. Thời kinh tụng để tụng, không có hồn, người nghe không cảm được. Thiền định có ý nghĩa là tâm thanh tịnh được sẽ tạo cho chúng ta có độ cảm với Phật, Bồ tát. Và tùy theo mức độ cảm tâm cao thấp mà chúng ta vào được dòng Thánh, thấy họ bình thường, nhưng thành tựu những việc phi thường. Học Đại

thừa phải tiếp nhận được tinh thần này.

Chúng Thanh vẫn cũng đang ở trong pháp hội mà không thấy, không biết sự kỳ diệu đang diễn ra. Kinh nói rằng Bồ tát Văn Thù mới khai ngộ cho sáu ngàn Tỳ kheo tham dự pháp hội này qua trung gian Xá Lợi Phất. Xá Lợi Phất là bậc trí tuệ nhất thế gian. Văn Thù Sư Lợi là bậc trí tuệ nhất trong hàng Bồ tát. Nghĩa là trí của Thanh văn và trí của Đại thừa cảm nhau được. Vì thế, Xá Lợi Phất thấy Văn Thù, mà các Thanh văn khác không thấy; vì Văn Thù siêu hình.

Dùng trí Thanh văn cảm trí tuệ Đại thừa là từ trí thuần lý do học mà biết, tiến qua trí của Bồ tát do thể nghiệm trong cuộc sống mà có được. Hai trí này khác nhau, nhưng ít nhất cũng phải hiểu biết trên sách vở mới nhận ra được trí thể nghiệm. Có thể nói trí hiểu biết của Xá Lợi Phất là cánh cửa để mở ra cho ngài bước vào Pháp giới.

Văn Thù Bồ Tát từ trong lâu các Đại Trang Nghiêm đánh lễ Phật xong, từ lâu các đi ra và du hóa về phương Nam, thì Xá Lợi Phất thấy Văn Thù. Điều này gợi ý chúng ta rằng Xá Lợi Phất thấy Văn Thù bằng trí tuệ, vì ngài có trí tuệ bậc nhất trong Thanh văn và dùng trí ấy để soi rọi giáo lý Phật, mới phát hiện ra Bồ Tát Văn Thù. Người đọc thấm thía ý Phật dạy, thì đời sống họ sẽ thăng hoa là hiểu được pháp và gặp được ngài Văn Thù khai ngộ.

Học Đại thừa phải hiểu ngài Văn Thù Sư Lợi là đại trí. Ngài là thầy của ba đời các đức Phật, không phải là con người thật, nhưng là trí tuệ hay nhân cách hóa trí tuệ thành Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát. Trí tuệ này chúng ta tìm ở văn, tư, tu, tức có nghe, suy nghĩ và thực hành thì trí tuệ mới phát sanh.

Xá Lợi Phất thấy Văn Thù từ Đại Trang Nghiêm lâu các đi ra và đi về phương Nam. Ở đây, bao hàm ý nghĩa triết học. Lâu các chỉ cho kho pháp bảo, kho tàng trí tuệ. Đức Phật và đạo Phật có giá trị vĩnh hằng, vì hàm chứa trí tuệ tuyệt vời. Văn Thù từ kho trí tuệ đi ra, nghĩa là nương theo kinh điển của Phật giúp chúng ta phát hiện ra cuộc sống bất tử được xây dựng bằng phước đức trọn lành, bằng sự hiểu biết siêu tuyệt, đó là thấy Văn Thù xuất hiện.

Xá Lợi Phất thấy được Văn Thù và ngài cũng được đại chúng kính trọng, mới bảo các Tỳ kheo nên quán sát Văn Thù Bồ Tát, cũng có nghĩa là bảo đại chúng học giáo lý rồi thì phải thể nghiệm lời Phật dạy trong cuộc sống của chính mình; còn chỉ biết suông thì chưa đủ.

Xá Lợi Phất đã thể nghiệm tinh ba của Phật dạy nên ngài mới nhận ra Văn Thù trước nhất. Ngài bảo đại chúng quán sát Văn Thù là quán sát hành trạng của Văn Thù, hay con đường đi của Văn Thù, viên quang của Văn Thù và quyến thuộc của Văn Thù.

Học Phật, chúng ta so sánh con đường của Văn Thù Bồ tát hay của Phật đi với con đường mà chúng ta đi. Con đường của Phật và của Văn Thù thật là huy hoàng, con đường chúng ta đi sao mà gian lao, thảm hại. Các trưởng lão Hòa thượng tu hành được mọi người kính trọng, được mọi thứ phước báu; còn mình tu thì khổ sở quá. Từ đó, nhận ra đời sống của Thanh Văn nhị thừa không bằng Bồ Tát đại thừa, chúng ta mới phát Bồ đề tâm học hành đạo Bồ Tát.

Con đường của Văn Thù Bồ Tát đi là con đường mà Đức Phật đã dạy, là con đường đạo có thể nghiệm mới thấy

được. Đường Văn Thù đi huy hoàng sáng lạng, đến đâu cũng làm cho người phát tâm, kính trọng, cúng dường. Ngài Văn Thù có trí tuệ và sử dụng ngay trí tuệ để chuyển xấu thành tốt. Trái lại, người vô trí hành xử thì tốt cũng thành xấu. Thực tế người có hoàn cảnh tốt, nhưng tu thế nào mà thành tàn tạ; trong khi người hẩm hiu mà cuộc sống vươn lên được. Cần có trí để thay đổi cách suy nghĩ, cách sống. Người xử sự nông nổi thường buồn phiền, bất mãn. Tuy có chùa cao Phật lớn, nhưng vì vô trí, nổi sân, buồn khổ, bực tức, tham lam, nên đã dẫn họ vào con đường cụt, tự mình hành hạ mình, tự làm khổ mình. Chúng ta tu hành nên đi con đường giải thoát của Phật, đừng đi lạc con đường tham, sân, si. Đi đường giải thoát để tâm chúng ta an lạc, giáo hóa chúng sanh và đến đâu cũng làm cho người phát tâm Bồ Đề và quý mến ta. Đó cũng là con đường của Văn Thù. Hoặc đi con đường trí tuệ của Phật, chúng ta nhớ đến Tam minh của Ngài. Nhìn xã hội hay quán sát một người, chúng ta cũng phải thấy theo tinh thần Tam minh mà giải quyết.

Thật vậy, không ai có sức cảm hóa siêu tuyệt như Đức Phật, từ người tốt đến người ác xấu, hại Phật đều quỳ dưới chân Phật để sám hối và xin làm đệ tử. Thế giới của Phật như vậy không đẹp tuyệt vời là gì nữa. Con đường của Phật đi chuyển khổ đau thành an lạc, phước đức. Đường chúng ta đi gian lao quá, phải gõ cửa xin từng người mà cũng không có đủ, nói khô cổ mà cũng không ai cho. Con đường của chúng ta sai lầm nên mới thảm não như vậy, phải thấy để sửa đổi.

Quán sát Văn Thù thấy rõ ngài rất khỏe, còn chúng ta thì ốm yếu, bệnh rề rề. Văn Thù luôn luôn vui tươi; chúng ta

thì luôn buồn chán. Văn Thù hiện thân làm đồng tử, nghĩa là thể hiện anh nhi hạnh, sống thanh thản, vui vẻ, làm việc nào cũng tốt; chúng ta thì ngược lại. Thấy trí lực và cuộc sống của Văn Thù để chúng ta phát tâm tu cho đúng Bồ tát pháp. Nếu tu đúng thì viên quang phải sáng; nghĩa là học đạo, trí bừng sáng mới thấy được chân thật tướng của các pháp từ hữu tình vô tình đến hữu vi, vô vi. Các Tỳ kheo được Xá Lợi Phất chỉ cho thấy Văn Thù Bồ Tát, liền đánh lễ và cầu ngài chỉ dạy. Văn Thù chỉ nói với các Tỳ kheo những pháp mà Đức Phật đã dạy là Tứ Thánh đế, Thập nhị Nhân duyên, Lục Ba la mật. Nói xong, ngài khuyên mọi người cố gắng tu hành và từ giả đại chúng, vì còn bận đi đến Phước Thành để dạy Bồ Tát đạo cho Thiện Tài đồng tử. Điều này nhằm gợi ý rằng hành Bồ Tát đạo phải có phước mới làm được. Thật vậy, muốn làm việc lớn, phải lặn lội gánh chịu những gian khổ mà không tổn hại bản thân mới được. Không có thể lực tốt, không chịu nổi. Phải rèn luyện cho mình thể lực thật tốt. Ngoài ra, phải có tấm lòng khoan dung, người mới thân cận, hợp tác với ta; khó khăn và chấp quá thì ai dám gần.

Văn Thù Bồ tát nhắc các Tỳ kheo phải lo tu Ba mươi bảy Trợ đạo phẩm, sáu pháp Ba la mật, mười hai Nhân duyên để tạo phước; không lo thể nghiệm những pháp này, mà lo hỏi chuyện hành Bồ Tát đạo lớn lao làm gì. Các Thầy phải làm cho được việc thoát ly sanh tử trước mắt mà Phật đã dạy. Văn Thù chỉ dạy các Tỳ kheo, hay còn có nghĩa là ngài nhắc khéo chúng ta.

Văn Thù Bồ Tát dạy chúng ta từ tâm Thanh văn chuyển sang Đại thừa Bồ Tát. Nhưng vì chúng ta nghiệp nặng, không

hành Bồ Tát ngay được, nên phải chuyển đổi bản thân của chúng ta trước. Bệnh hoạn, xấu xí, buồn khổ là do nghiệp của chính mình, cần phải sám hối cho tiêu nghiệp. Có thể khẳng định rằng ngoài trau dồi thân, khẩu, ý, qua tam học giới, định, huệ, chúng ta không có con đường nào thoát được tham, sân, si, tham dục ái, phiền não, sanh tử tốt bằng con đường Thanh văn; còn việc Bồ Tát phải để ngày khác, đời khác có phước báu mới làm được.

Tóm lại, chúng ta từng bước rèn luyện, sửa đổi thân tâm, tu tạo phước đức, trí tuệ để làm hành trang cho việc tiến tu Bồ Tát đạo. Riêng đối với Thiện Tài đã có đầy đủ của báu và trí khôn thì việc học đạo, thể hiện Bồ tát hạnh, nhập Pháp giới chắc chắn dễ dàng. Giới thiệu mẫu người Thiện Tài tốt đẹp như vậy cũng nhằm chỉ cho chúng ta Đức Phật siêu tuyệt. Không siêu tuyệt sao được khi Ngài chỉ cần học sáu năm là thành đạt quả vị Vô thượng Bồ Đề, thành Phật. Chúng ta học suốt đời mà cái được là bao, chưa nói đến quả vị Hiền Thánh. Thiện Tài tiêu biểu cho Phật đầy đủ tất cả những gì thánh thiện nhất, phước báu nhất, đức hạnh nhất, sáng suốt nhất, v.v... và với hành trang siêu đẳng này mà dẫn thân vào đời hành Bồ tát đạo là thành Vô thượng Chánh đẳng giác ngay. Chúng ta tu hành tự biết mình giống như ngựa yếu, ngựa què, thì lết cũng tới, nhưng phải nỗ lực trải qua thời gian khá dài lâu là điều tất yếu. Chỉ cần tinh tấn, phát tâm Bồ Đề, nỗ lực tu hành thì có ngày đến được Bảo sở.

Mở đầu hiện tượng nhập Pháp giới, Xá Lợi Phất hướng dẫn sáu ngàn Tỳ kheo đến Bồ Đề đạo tràng nghe Phật thuyết pháp, nhưng không thấy Phật, nên đến rừng Thệ Đa, ở Ta La

song thọ để tìm.

Từ Bồ Đề đạo tràng đến Ta La song thọ gọi cho chúng ta nghĩ về một đời giáo hóa của Đức Phật, nếu nhìn dưới dạng tâm linh sẽ khác với cách nhìn theo lịch sử. Theo lịch sử, sinh hoạt của Phật giáo đạt đến đỉnh cao vào thời điểm mà trưởng giả Cấp Cô Độc đổi vàng lấy đất để xây tịnh xá cúng dường Phật. Hoặc lúc vua Ba Tư Nặc hết lòng hộ đạo, kính trọng Tăng đoàn.

Ngài Hiền Thủ gọi thời kỳ cực thịnh mà mọi người đều quy ngưỡng Đức Phật là Nhứt thăng phổ chiếu. Nghĩa là mặt trời lên đến đỉnh đầu sẽ chiếu tận hang cùng ngõ hẻm, ai cũng được hưởng phước lạc của Phật pháp. Nhưng khi có nhiều người đến với Phật đạo vì danh lợi thì đương nhiên nổi lên những thành phần không tốt. Mầm mống suy đồi đã xuất hiện trong thời kỳ vàng son. Điển hình là nhóm lục quần Tỳ kheo chuyên gây rối ở thành Xá Vệ.

Tuy nhiên, theo nhãn quan của Bồ Tát thì thấy khác, không thấy tốt xấu như trên. Bồ Tát thấy ở dạng siêu hình. Sở dĩ vua chúa phát tâm, hàng trí thức quy ngưỡng và Tỳ kheo theo Phật đông là nhờ lực tác động vô hình của Phật, Bồ tát, chư Thiên, thiện thần ủng hộ. Chính sức mạnh siêu nhiên này mới tạo thành cảnh giới bình yên thực sự cho đại chúng tu học, hình thành Pháp giới của Phật.

Trong hàng Thanh văn chỉ có Xá Lợi Phất là bậc trí tuệ bậc nhất mới thấy được thể lực siêu hình của Phật thực sự vô cùng tận, có khả năng che chở cho người phát tâm Bồ Đề và nuôi dưỡng mạng mạch Phật pháp. Thật vậy, Xá Lợi Phất biết rõ năng lực của bản thân không làm gì nổi. Việc lớn thì

phải nhờ tâm hồn lớn và khả năng lớn mới thực hiện được. Xá Lợi Phất thấy điều ấy bằng tuệ giác và năm trăm La Hán cùng đi với ngài, thì thấy bằng niềm tin. Đó là hai cách thấy đạo và thâm nhập đạo.

Trên bước đường tu, khi thấy được đức độ của Phật, ta tin Phật dễ dàng. Nếu không, cũng có thể dùng niềm tin để đến với Phật. Xá Lợi Phất bảo năm trăm vị La Hán nên biết Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát cũng như phần lớn các Bồ Tát đóng vai cư sĩ, nhưng thực sự các ngài đóng vai trò quan trọng trong việc hộ đạo. Đừng nghĩ rằng cư sĩ không bằng hàng Nhị thừa. Phải thấy từ chư Thiên, chư Thần, nhân vương, người trí thức, người giàu có, thậm chí cả công nhân, thợ thuyền, v.v... Họ đều có thể là Bồ tát hiện thân lại trên cuộc đời để hộ đạo, tạo điều kiện cho các Tỳ kheo tu hành. Như vậy, hàng Nhị thừa đã thọ ơn của Bồ Tát.

Ở đây mượn nhân vật Xá Lợi Phất dùng trí tuệ bậc nhất, đưa chúng nhân từ Bồ Đề đạo tràng đến Ta La song thọ, không phải nhằm diễn tả việc dẫn đi bằng đường bộ theo động tâm; nhưng hàm ý rằng Xá Lợi Phất dạy các Tỳ kheo nên quan sát, theo dõi bước chân Phật từ thành đạo đến nhập Niết Bàn, Đức Phật đã làm gì. Phải nhìn suốt cuộc đời du hóa của Phật để học và làm theo.

Phẩm Nhập Pháp giới phát xuất từ rừng Thệ Đa. Kinh diễn tả do thần lực của Phật mà rừng Thệ Đa rộng lớn bằng vô số quốc độ của Phật. Nơi đó lại có vô lượng hoa báu, đài báu, lưới báu, diệu hương, kỹ nhạc để ca ngợi công đức của Phật.

Tiến hơn một nấc, cái nhìn của bậc cứu thế Văn Thù Sư Lợi và Phổ Hiền Bồ Tát tiêu biểu cho Trí và Hạnh đi vào cuộc

đời. Trong thế giới yên tĩnh, tâm sáng, tức trí Văn Thù chỉ đạo, mở ra cho chúng ta thấy nơi có đạo đáng quý hơn bất cứ nơi nào. Và nhìn xa hơn, thấy mọi việc trên cuộc đời tốt đẹp hay không đều do phước đức, trí tuệ quyết định. Thấy như vậy là thấy thế giới Báo thân của Phật hiện ra. Trí Văn Thù hướng dẫn kết hợp với hành động dẫn thân vào đời làm lợi ích chúng sanh của hạnh Phổ Hiền, tạo thành kinh Hoa Nghiêm với phần quan trọng là Nhập Pháp giới.

Từ Trí thân Phật đầu tư cho hữu tình và vô tình chúng sanh, chuyển đổi tất cả thành một phần tương ưng với Phật, gọi là Pháp thân. Trí thân và Pháp thân ấy hợp lại thành Tỳ Lô Giá Na Phật chi phối và điều động được muôn người, muôn vật trong vũ trụ.

Đức Phật thì hoàn toàn hành động theo trí tuệ và lòng từ bi vô hạn nên càng cứu độ chúng sanh, thì tình thương Ngài càng mở rộng. Người đã thương Ngài thì thương nhiều hơn, người không thương phải thương, người ghét thì thành người thương.

Trí tuệ của Văn Thù siêu tuyệt, thấy sự việc chính xác, làm việc hoàn hảo. Những thành quả tốt đẹp hoàn toàn do tâm trí chỉ đạo như vậy, ảnh hưởng đến thân tướng, tạo thành thân Bồ Tát có tướng hảo trang nghiêm thanh tịnh, không tội lỗi, bợn nhơ, buồn phiền, nhưng đáng quý, đáng nhìn.

Xá Lợi Phất nhắc nhở đề chúng, hay đó là tinh thần Phật giáo Đại thừa muốn chấn chỉnh việc tu hành của giới xuất gia, không khéo rơi vô tình trạng chỉ tiêu thụ hơn là đóng góp. Hãy quan sát Văn Thù Sư Lợi xây dựng quyền thuộc lo

cho đạo, không lo hưởng thụ, mới thành tựu được những Phật sự lớn lao, mới giữ vững được mạng mạch đạo pháp.

Nói về trí tuệ, trong hàng Thanh văn ngài Xá Lợi Phất là người bậc nhất và trong chúng Bồ Tát, ngài Văn Thù là nhất. Nói cách khác, nhìn con người ở hai mặt là thế gian và xuất thế gian. Xá Lợi Phất, người bậc nhất của thế gian đi tìm Văn Thù là người bậc nhất của xuất thế.

Kinh Hoa Nghiêm, Đức Phật chỉ cho chúng sinh thấu rõ cội nguồn của xum la vạn tượng do mê thức vọng tưởng nghiệp duyên hình thành, các pháp hiện hành trong vũ trụ là huyền hóa, như hoa trong gương, như trăng trong nước. Tất cả vạn pháp trong pháp giới đều từ tâm sanh, thấy có tam giới và luân hồi trong lục thú chỉ vì một chữ vọng mà ra. Tự tánh Bồ Đề của con người vốn không có vọng. Tâm trùm khắp cả pháp giới. Tất cả vạn hữu vũ trụ có thể nằm gọn trong hạt cải. Hạt cải có thể thâm nhiếp tất cả vũ trụ vạn pháp. Thế tánh của Tâm nhiếp thâm tất cả. Tất cả là một, một là tất cả. Đó là bản tánh vô ngại của Tâm. Bản tánh chơn tâm suốt thâm vạn pháp hữu tình và vô tình; lấy toàn thể pháp giới tánh làm lượng; lấy xứng tánh bất tư nghì vô ngại giải thoát làm thể. Đó là ý nghĩa căn cốt của Kinh Hoa Nghiêm. Bởi thế, nếu Kinh Đại Bát Nhã tiêu biểu cho tư tưởng Phật Pháp đại thừa về lý chơn không vô ngại, thì Kinh Hoa Nghiêm đại biểu cho tư tưởng Phật Pháp đại thừa về lý hữu hóa duyên sanh của vạn pháp. Ngoài ra Kinh Hoa Nghiêm còn là một thông điệp, một bài học phong phú sinh động muôn đời, trao gửi cho hành giả có tâm hướng thượng đại thừa, tu là cần phải học phải hành qua hình ảnh Thiện Tài đồng tử tham bái cầu

học đạo với năm mươi ba vị thiện tri thức, là bằng chứng cho ta thấy rằng tu học đạo Bồ Đề điều tiên quyết cần phải khắc phục nội tâm cống cao ngã mạn, dục vọng loạn tưởng; ngoài thân khiêm cung cầu tiến hành trì phương pháp Hoa Nghiêm tuyệt đỉnh, tìm chân sư liễu ngộ mới mong hiển lộ được Phật tánh chơn tâm của mình.

*Người đệ tử Phật có tư duy trong yên tĩnh có thực hành **chỉ quán** sẽ **nghe** được tiếng lương tâm màu nhiệm của mình, không cần có **thanh trần** đối tượng. Chừng nào hành giả **nghe** được âm vang đó thường xuyên liên tục ở lòng mình thì 32 ứng thân, 14 đức vô úy, 4 diệu đức nhiệm màu chỉ là sự biểu hiện vô tác, không cần gắng sức dụng công mà tự có, như ánh sáng sẵn có của mặt trời rạng rỡ buổi ban mai.*

Nhiều đầu tất nhiên nhiều óc. Có được nhiều bộ óc, con người sẽ có khả năng tư duy nhận thức nhiều. Người không có tư duy không thể là người thông minh được. Nhận thức chơn lý, đòi hỏi phải nhiều tư duy hơn cả người thông minh của thế trí.

Mắt để mà thấy. Thấy để mà nhiệm biết. Muốn thấy nhiều phải có mắt nhiều. Là đệ tử Phật, phàm phu cũng như thánh vị, phát chí tu nhân, ai cũng mong giác ngộ chơn lý giải thoát vợ mình, cho nên cần thấy nhiều để nhận thức, biết nhiều để quán sát tư duy. Sự hóa hiện nhiều mắt của Bồ Tát Quán Thế Âm nhằm dạy bảo mọi người đệ tử Phật về sự cần thiết: thấy xa và hiểu rộng, để nhiều ích hữu tình.

Tay để mà làm việc. Mọi thành tựu cụ thể trong cuộc

sống con người là do tay. Nói cách khác, tay là công cụ hữu hiệu nhất để thực hiện, cụ thể hóa nguồn trí tuệ thông qua bộ óc điều khiển của con người. Trí tuệ, tài năng hay sự khéo léo... không thể không biểu lộ qua sự thực hiện của tay.

*Bồ Tát là người đang đi trên đường tìm chơn lý, vì cần tư duy nhiều nên nói Bồ Tát đầu nhiều; vì cần thấy biết nhiều nên nói mắt nhiều; vì cần thực hành nhiều nên nói tay nhiều; vì cần **tri hành hợp nhất** cho nên Bồ Tát đầu, nhiều mắt và nhiều tay.*

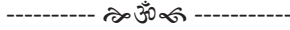
Nên nghiên tầm ý nghĩa của Kinh Hoa Nghiêm là khai mở quang lộ trở về bản tánh chân tâm thanh tịnh sáng suốt thường nhiên; là biết được tự thể của các pháp hiện hành trong thế giới vũ trụ; là thấu suốt cội nguồn sanh sanh hóa hóa của hữu tình và vô tình chúng sinh; là quán chiếu bí yếu mật nghĩa viên dung tương quan của tâm và cảnh, để rời từ đó có thể thống triệt lý viên dung vô ngại chủ và khách của vạn pháp, hiện hành sanh hóa, tương duyên tương nhơn quả, tương sanh tương diệt. Tất cả vạn pháp toàn triệt ảnh hiện trên đài gương chơn như thể tánh. Thế nên, thọ trì Kinh Hoa Nghiêm là bước vào cửa phương tiện cầu tu học đạo, là nhân tố đặc thù hy hữu ly vọng hoàn chơn. Bởi công đức đặc thù nhiệm mầu vi diệu của Kinh Hoa Nghiêm như thế, nên người có thiện duyên thấy Kinh Hoa Nghiêm mà biết phát tâm thành kính tin sâu, thì như chính mình được thấy Phật. Người thành tâm đọc Kinh Hoa Nghiêm như trực tiếp nghe Phật khai thị nhất âm. Người chí thành phụng thờ Kinh Hoa Nghiêm như chính mình trực tiếp phụng thờ Phật. Người phát tâm bồ đề ấn tống Kinh Hoa Nghiêm có công đức như

được cúng dường Phật, như được thỉnh Phật trụ thế chuyển pháp luân, như được dự vào sự nghiệp hồng pháp lợi sanh của chư Phật. Kinh Hoa Nghiêm cao sâu, nhiệm màu vi diệu như thế, nên những ai thành kính phát tâm ấn tống thọ trì kinh này, thì phải biết rằng người đó nhiều đời gieo thiện duyên Bồ Đề, đã từng làm sứ giả của Phật và đã từng ở trong ngôi nhà chánh pháp.

Câu hỏi ôn tập:

1. Trình bày triết lý Tịnh Độ của Hoa Nghiêm?
2. Cho biết tổng quan về công đức và kết khuyến của Kinh Hoa Nghiêm?
3. Ngài Xá Lợi Phất dùng trí tuệ bậc nhất, đưa chúng nhân từ Bồ Đề đạo tràng đến Ta La song thọ, theo tinh thần Kinh Hoa Nghiêm hàm ý thế nào?
4. Nói về trí tuệ, trong hàng Thanh văn ngài Xá Lợi Phất là người bậc nhất và trong chúng Bồ Tát, ngài Văn Thù là nhất. Hai vị này gặp nhau nói lên ý nghĩa gì?

THẬP VIÊN MÃN KINH HOA NGHIÊM



大方廣佛華嚴經

于闐國三藏實叉難陀奉 制譯

ĐẠI PHƯƠNG QUẢNG PHẬT HOA NGHIÊM KINH

Vu Điền quốc Tam tạng Thập Xoa Nan Đà phụng chế dịch

世主妙嚴品第一

如是我聞。一時佛在摩竭提國。阿蘭若法菩提場中。始成正覺。其地堅固。金剛所成。上妙寶輪。及眾寶華。清淨摩尼。以為嚴飾。諸色相海。無邊顯現。摩尼為幢。常放光明。恒出妙音。眾寶羅網。妙香華纓。周匝垂布。摩尼寶王。變現自在。雨無盡寶及眾妙華。分散於地。寶樹行列。枝葉光茂。佛神力故。令此道場一切莊嚴於中影現。其菩提樹高顯殊特。金剛為身。瑠璃為幹。眾雜妙寶以為枝條。寶葉扶踈垂蔭如雲。。。

有十佛世界微塵數菩薩摩訶薩。所共圍遶。其名曰普賢菩薩摩訶薩。普德最勝燈光

照菩薩摩訶薩。普光師子幢菩薩摩訶薩。普寶焰妙光菩薩摩訶薩。普音功德海幢菩薩摩訶薩。普智光照如來境菩薩摩訶薩。。。

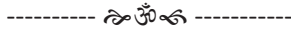
復有佛世界微塵數執金剛神。所謂妙色那羅延執金剛神。日輪速疾幢執金剛神。須彌華光執金剛神。清淨雲音執金剛神。諸根美妙執金剛神。可愛樂光明執金剛神。。復有佛世界微塵數身眾神。。復有佛世界微塵數足行神。。復有佛世界微塵數道場神。。復有佛世界微塵數主城神。復有佛世界微塵數主地神。復有無量主山神。復有不可思議數主林神。

復有無量主藥神。

復有無量主稼神。

復有無量主河神。。。

THẬP VIÊN MÃN KINH HOA NGHIÊM



Như vậy tôi nghe, một lúc Phật ở nước Ma Kiệt Đề, trong đạo tràng Bồ Đề, ban đầu thành Vô thượng Chánh giác. Nơi đó đất cứng chắc, bằng Kim Cương. Có các luân báu, hoa báu, châu ma ni thanh tịnh, dùng trang nghiêm. Các châu ma ni sắc tướng hải làm tràng, thường phóng quang minh, luôn vang ra tiếng vi diệu. Các màn lưới báu, chuỗi hoa hương thơm, bùa giảng rủ bốn phía. Châu ma ni bảo vương biến hiện tự tại, mưa vô tận châu bảo và những hoa đẹp rải khắp mặt đất. Cây báu giảng hàng, nhánh lá sum sê sáng rỡ. Do thần lực của Phật làm cho đạo tràng này ảnh hiện tất cả sự trang nghiêm.

Cây Bồ Đề cao lớn lạ thường, thân bằng Kim Cang và Lưu Ly, cành cây bằng nhiều chất bảo tốt đẹp, lá báu giảng che như mây, hoa báu nhiều màu đơm sáng các nhánh, trái bồ đề bằng châu ma ni chiếu sáng, như lửa ngọn xen lẫn trong hoa. Quanh cây bồ đề đều phóng quang minh, trong quang minh rưới ma ni bảo, trong ma ni bảo có các Bồ Tát xuất hiện, đông nhiều như mây.

Lại do thần lực của Như Lai, cây Bồ Đề này thường vang ra tiếng vi diệu, nói các thứ pháp môn vô cùng vô tận. Cung điện lâu đài của Đức Như Lai ở, rộng rãi trang nghiêm, tốt đẹp khắp đến mười Phương. Lâu đài này do châu ma ni nhiều màu hiệp thành, các thứ hoa báu đơm đẹp, những đồ trang nghiêm trong lâu đài tuôn ánh sáng như mây. Từ trong lâu đài chói sáng kết thành bảo tràng, vô biên Bồ Tát và đạo

tràng chúng hội đều hợp nơi đó, vì có thể xuất hiện quang minh của chư Phật. Ma Ni bửu vương bất tư nghì âm kết lại thành lưới. Thần thông tự tại của Như Lai làm cho tất cả cảnh giới đều hiện trong lưới báu. Tất cả chúng sanh, cùng nơi chỗ nhà cửa của họ, đều hiện bóng trong đó. Lại do sức thần lực của chư Phật, trong khoảng một niệm, cả thủy pháp giới đều bao gồm trong lưới.

Tòa sư tử cao rộng tốt đẹp: đài bằng châu ma ni, lưới bằng hoa sen, vòng quanh bằng bảo châu vi diệu thanh tịnh, hoa đẹp nhiều màu kết thành chuỗi. Cung điện, lầu đài, cửa nẻo, thềm bậc, tất cả đều hoàn toàn trang nghiêm. Cây báu, nhánh lá, bông trái xen nhau rực rỡ. Châu ma ni chiếu sáng như mây. Chư Phật mười phương hóa hiện nơi châu vương. Bảo châu vi diệu trong búi tóc của tất cả Bồ Tát đều phóng quang minh chói sáng lầu đài. Lại do oai thần của chư Phật, chư Bồ Tát diễn nói cảnh giới rộng lớn của Như Lai, tiếng đó vi diệu, vang xa khắp đến tất cả chỗ.

Lúc đó Đức Thế Tôn ngự trên tòa sư tử, thành vô thượng chánh giác: Trí Phật chứng nhập thời gian ba đời đều bình đẳng, thân Phật khắp đầy tất cả thế gian, tiếng Phật thuận khắp cõi nước mười phương. Ví như hư không bao gồm các sắc tướng, đối với các cảnh giới không chỗ phân biệt. Lại như hư không khắp cùng tất cả, bình đẳng vào trong tất cả quốc độ. Thân Phật thường khắp ngồi trong tất cả đạo tràng của chúng Bồ Tát, oai quang của Phật chói rỡ như mặt trời mọc lên soi sáng thế giới. Phước đức của Phật rộng lớn như biển cả, đều đã thanh tịnh, mà luôn thị hiện sanh vào quốc độ chư Phật. Vô biên sắc tướng, đầy đủ ánh sáng, cùng

khấp pháp giới, bình đẳng không sai khác. Diễn thuyết tất cả pháp như giảng bủa mây lớn. Mỗi đầu sợi lông đều có thể dung thọ tất cả thế giới mà vẫn không chướng ngại. Đều hiện vô lượng thần thông giáo hóa điều phục tất cả chúng sanh. Thân Phật khắp mười phương mà không có tướng qua lại. Trí Phật vào tất cả tướng mà rõ thấu các pháp đều không tịch. Tất cả thần biến của chư Phật ba đời đều thấy cả trong quang minh. Tất cả sự trang nghiêm của tất cả Phật độ trong kiếp số bất tư nghì đều làm cho hiển hiện.

Có mười thế giới vi trần số đại Bồ Tát theo hầu quanh Phật. Danh hiệu của các ngài là: Phổ Hiền Bồ Tát, Phổ Đức Tốii Thắng Đẳng Quang Chiếu Bồ Tát, Phổ Quang Sư Tử Tràng Bồ Tát, Phổ Bảo Diệm Diệu Quang Bồ Tát, Phổ Âm Công Đức Hải Tràng Bồ Tát, Phổ Trí Quang Chiếu Như Lai Cảnh Bồ Tát. . .

Lại có thế giới vi trần số Chấp Kim Cang Thần: Diệu Sắc Na La Diên Thần, Nhựt Luân Tốc Tật Tràng Thần, Tu Di Hoa Quang Thần, Thanh Tịnh Vân Âm Thần, Chư Căn Mỹ Diệu Thần, Khả Ái Lạc Quang Minh Thần... Lại có thế giới vi trần số Thân Chúng Thần... Lại có thế giới vi trần số Túc Hành Thần... Lại có thế giới vi trần số Đạo Tràng Thần...

Lại có thế giới vi trần số Chủ Thành Thần... Lại có thế giới vi trần số Chủ Địa Thần... Lại có vô lượng chủ Sơn thần... Lại có bất tư nghì số Chủ Lâm Thần...

Lại có vô lượng Chủ Dục Thần...

Lại có vô lượng Chủ Giá Thần...

Lại có vô lượng Chủ Hà Thần...

Lại có vô lượng Chủ Hải Thần...

Lại có vô lượng Chủ Thủy Thần...

Lại có vô lượng Quảng Quả Thiên Vương...

LƯỢC GIẢNG:

Như thị (Tín thành tựu) Ngã văn (Ngài A Nan – Văn thành tựu), Nhứt thời (Thời thành tựu – vì mỗi nơi có khác, mê không phải nói rõ) Phật tại (Chủ thành tựu) tại Bồ đề tràng, Ma Kiệt Đề quốc (Xứ thành tựu) số chúng Đại Bồ Tát, và 40 chủng loại Hộ Pháp, Thần Vương (Chúng thành tựu).

*Pháp giới viên mãn là **Như**, duy chỉ có một không hai là **Thị**; Nhứt chơn pháp giới và Thập pháp giới đồng thời tồn tại, là **Như Thị**.*

Với sáu chứng tín này, đã xác quyết kinh này, pháp này do Đức Thế tôn chỉ dạy, làm cho người không còn lòng nghi ngờ, sanh tâm tin thọ, phát trí xuất thế, ngộ nhập tự tâm thanh tịnh, tự tánh sáng suốt. Cũng từ sáu món chứng tín, để xác chứng những lời Đức Phật thuyết giảng khi trụ thế là đúng, đồng thời phá tan nghi ngờ, để ngăn chặn hành động phóng túng có thể xảy ra. Do đó, Lục chủng chứng tín còn có tên là sáu món thành tựu: Tín, Văn, Thời, Chủ, Xứ, Chúng thành tựu.

*Lục chủng chứng tín, nói một cách khác: Ai nghe? Ai nói? Nói lúc nào? Nói tại đâu? Vì ai mà nói? Nói về vấn đề gì? (**Thập Viên Mãn: Xứ, Thời, Phật, Chúng, Phương, Giáo, Nghĩa, Lý, Lợi ích, và Phổ pháp Viên mãn**).*

Nếu chưa ngộ được thể tánh chân tâm, thì dù cho nói cách nào cũng sai cả. Chẳng khác nào như trong Nhiếp Đại

Thừa luận có cái dụ: Người mù sờ voi. Người sờ nhầm cái chân thì nói con voi như cột nhà, người sờ nhầm lỗ tai, thì nói voi như ki hốt rác, người sờ nhầm đuôi, thì nói voi như cây chổi quét nhà v.v... mặc dù sờ trúng, nhưng nói và nghĩ thế nào cũng sai cả. Phải thấy chơn tướng của con voi, thì nói mới không sai.

Sự nhận thức của sáu giác quan, luôn luôn thay đổi từng sát na, từng phút từng giờ, nhưng ngoài sự thay đổi luôn luôn ấy, con người còn có một cái. Cái đó là chơn tâm thường trú. Vậy chơn tâm thường trú có thể biểu hiện ở mọi người, khi trí tuệ con người có khả năng nhận thức được vọng tâm. Nhận được vọng tâm cũng nhận thức được cái gì là vô minh phiền não khách trần để rồi hóa giải chúng đến độ hoàn toàn sạch bóng, tức thành tựu Mười thứ công đức: Kiến văn, Phát tâm, Khởi hạnh, Nhiếp vị, Chứng ngộ, Diệt chướng, Luân chuyển, Tu tập, Tốc chứng, Xứng tánh.

*Sự tu hành thì ai tu nấy chứng, không ai tu thế cho ai được. Có giúp đỡ chẳng chỉ làm tăng thượng duyên, mà nhân duyên chính phải là tự lực của mình. Đó là sự thật hiển nhiên, người trí không ai có thể phủ nhận. Vì đó là chân lý. Chân lý đó, nói lên cái chân lý **Nhân quả** của thế gian và xuất thế gian. Nó bao trùm xuyên suốt hết nền giáo lý Phật.*

Mở đầu kinh Hoa Nghiêm và mở đầu cho Hội thứ nhất (Phật y chính pháp môn) là hình ảnh Phật ngồi dưới gốc Bồ Đề, nhập định thành chính giác. Chư Tổ đã dùng tên cây Bồ Đề để đặt cho hội này: Hội Bồ Đề đạo tràng. Kinh cũng đã dùng một đoạn văn dài để mô tả chi tiết cây Bồ Đề vĩ đại.

Cây càng lớn thì tàng càng to; tàng càng to thì càng có nhiều bóng mát để người ta ngồi nghỉ ở dưới. Tâm Bồ Đề càng lớn thì phải càng làm lợi ích kẻ khác. Không nên chỉ cầu giải thoát cho chính mình.

TÓM TẮT HOA NGHIÊM KINH VĂN



PHẨM 1 - THẾ CHỦ DIỆU NGHIÊM

Ở nước Ma Kiệt Đà, dưới gốc Bồ Đề Cao lớn lạ thường, đức Thích Tôn thành Vô thượng Chánh Giác, phóng quang minh khắp mười phương thế giới. Số vi trần đại Bồ Tát vân tập, cùng các chư Thiên Vương, chư Thần Vương cùng các chư Thần chủ.... Có đến 36 chủng loại đã rời tâm cấu nhiễm, phiền não, xô ngã tòa núi trọng chướng đến theo hầu quanh Phật.

Đại diện cho chư Thiên Vương là 12 bài kệ tán, cho chư Thần Vương là 8 bài kệ tán, 19 bài kệ tán của chư Thần Chủ cùng 3 bài kệ tán của 3 đại Bồ Tát là Phổ Hiền Bồ tát Ma ha tát, Tịnh Đức Diệu Quang Đại Bồ Tát và Hải Nguyệt Quang Đại Minh Đại Bồ Tát.

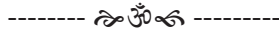
Tất cả các vị đã kể rõ kinh nghiệm trong quá trình tu hành không ngừng của họ. Đồng thời họ cũng tán thán công hạnh độ sanh tu Bồ Tát hạnh trong vô biên kiếp của Phật.

Sau những bài kệ tán thán, vi trần số đại Bồ Tát, chư Thiên, Long ấy đem những đám mây đẹp, như mây bửu hoa như ý, mây liên hoa diệu hương, mây bửu quang, mây quang minh như ý, ... rưới khắp tất cả chúng hội đạo tràng để cúng dường, đi nhiễu Phật vô lượng trăm nghìn vòng.

Lúc đó Hoa Tạng thế giới trang nghiêm do thần lực của Phật khắp nơi chấn động sáu cách, mười tám tướng sau mười bài kệ tán thán, công hạnh vô lượng vô biên của Phật

trong tu tập, độ sanh và viển hành hạnh Bồ Tát qua vô lượng vô biên kiếp.

PHẨM 2 - NHƯ LAI HIỆN TƯỢNG



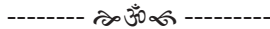
Chư Bồ Tát, chư Thiên, Long Bát bộ và tất cả chư thần đều vây quanh đức Phật dưới cội Bồ Đề. Trong lòng ai cũng có thắc mắc, xoay quanh 40 vấn đề căn bản liên quan đến sự tu chứng, về đức Phật và về đường tu Bồ Tát hạnh.

Biết được mối nghi của chư Bồ Tát, Phật mới phóng hào quang từ giữa hàm răng chiếu khắp mọi nơi để triệu tập những kẻ hữu duyên trong khắp vũ trụ. Đại chúng Bồ Tát thấy hào quang ấy đều trực tiếp cảm nhận cảnh giới thanh tịnh chưa từng có và phiền não vọng tưởng vắng bặt. Thanh tịnh từ hào quang bên ngoài Phật chiếu và hào quang thanh tịnh của chân tâm cùng phát ra hòa nhập làm một. Hào quang từ giữa hàm răng của Phật hàm nghĩa như giải đáp 40 mối nghi trong tâm chư Bồ Tát.

Sau khi đại cúng Bồ Tát ở mười phương đến cúng dường đức Phật, đức Thế Tôn muốn khiến tất cả chư Bồ Tát đặng sức thần thông vô biên cảnh giới của Như Lai, nên phóng quang minh nơi giữa chặng mày, gọi là Nhất Thiết Trí Quang Minh Phổ Chiếu khắp mười phương hiển hiện ra tất cả chư Phật chúng hội đạo tràng tất cả cõi nước và chúng sanh. Hào quang ấy là trí huệ của chân tâm, thấu rõ hết mọi sự, từ phàm phu đến thần thánh. Hào quang chiếu từ giữa chặng mày, nằm giữa hai mắt, tượng trưng cho giáo pháp

Phật là pháp trung đạo. Qua 11 bài kệ tán của các đại Bồ Tát ở mười phương thế giới tán thán hình ảnh vị Phật là Trí Huệ, là Quang Minh và là chân lý thường hằng bất biến – chớ Phật không phải là một nhân cách, đối tượng của sự sùng bái.

PHẨM 3 - PHỔ HIỀN TAM MUỘI



Công đức tu tập của Bồ Tát Phổ Hiền, nay đã thừa thần lực của Phật mà nhập tam muội tên là Nhứt Thiết Chư Phật Tỳ Lô Giá Na Như Lai Tạng Phật, vào khắp tánh bình đẳng của tất cả Phật, có thể ở nơi pháp giới thị hiện những ảnh tượng rộng lớn vô ngại đồng hư không, có thể bao nạp khắp mười phương pháp giới, trí quang minh của tam thế chư Phật.

Như trong thế giới này, Phổ Hiền Bồ Tát đã được thập phương chư Phật ban cho trí lực Nhất Thiết Trí, ban cho trí vào pháp giới vô biên vô lượng, ban cho trí thành tựu cảnh giới chư Phật, trí biết tất cả thế giới thành hoại, trí biết chúng sanh giới rộng lớn.

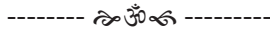
Lúc đó thập phương chư Phật đều đưa tay hữu xoa đánh của Phổ Hiền Bồ Tát. Tất cả Phổ Hiền Bồ tát trong tất cả thế giới vi trần cũng đều được xoa đánh như vậy.

Công hạnh tu trì của Phổ Hiền Bồ Tát đã được thập phương chư Phật chứng đắc, với sự xác lập kiên trì lòng tin chân lý, tu đức tin, tin vào chân lý thường hằng bất biến của pháp giới (chân tâm).

Thông qua hình ảnh Bồ Tát Phổ Hiền nhập tam muội, Phật chỉ cho ta thấy những cảnh giới vượt ra ngoài sự hiểu

biết và kinh nghiệm hạn hẹp của ta. Ta phải làm sao thoát ra ngoài bức tường vọng tưởng vây quanh, để có năng lực hiểu biết và xây dựng lòng tin kiên cố trên bước đường tu tập công hạnh Bồ Tát Phổ Hiền.

PHẨM 4 - THẾ GIỚI THÀNH TỰU



Một thế giới hình thành vận hành với biết bao cấu tạo để được gọi là thế giới thành tựu vào thời ấy. Thời đức Phật còn tu tập và thành vô thượng chánh giác, cách đây trên 2500 năm, rất hiếm các nhà khoa học, hay thiên văn học, vật lý học nào khám phá và phân tích được những nét cơ bản của nó. Thế nhưng, với trí tuệ bất tư nghi, đức Phật đã biết rất rõ tất cả thế giới thành hoại, duyên khởi, hình trạng, chỗ trụ nương cùng sự vận hành không ngừng của các tinh tú đủ hình dạng kích thước xung quanh để có được một thế giới hành tựu như trong phẩm 4.

PHẨM 5 - HOA TẠNG THẾ GIỚI



Ngoài Hoa Tạng thế giới, còn có vi trần số thế giới khác; ngay trong Hoa Tạng còn có Tu Di Sơn vi trần số phong luân nhiếp trì có biển Hương Thủy, có đại luân vi sơn, có đại địa bằng phẳng thanh tịnh.

Qua hai phẩm Thế Giới Thành Tựu và Hoa Tạng Thế Giới, đức Phật đã tả rõ một vũ trụ vĩ đại, trong đó có các thiên thể đủ hình dạng, kích thước, vận hành trong hư không... mà

mãi đến những thập niên gần đây, các nhà thiên văn học, khoa học thế giới mới nhìn thấy rõ các hành tinh khác trong vũ trụ, ngoài quả địa cầu này. Với cái nhìn Thiên Nhãn thông vào thời ấy, đức Phật đã thuyết cho chúng sanh biết rằng, đã có hằng hà sa số thế giới vây quanh. Trong khi đó, văn minh phương Tây thời ấy còn cho rằng trái đất hình vuông và là vũ trụ. Điều này chứng tỏ ngoài thế giới chúng ta đang sống, còn có mười phương thế giới khác đang hiện hữu quanh ta.

PHẨM 6 - TỶ LÔ GIÁ NA

----- ॐ -----

Tại khu rừng lớn tên Ma Ni Hoa Chi Luân trong thế giới Thắng Âm, có Đạo tràng Bửu Hoa Biến Chiếu, Đức Nhất Thiết Công Đức Sơn Tu Di Thắng Vân Phật thoát xuất hiện, đủ tướng báo tốt, vô biên diệu sắc thanh tịnh phóng quang minh phát khởi nhất thiết thiện căn Âm, chiếu khắp tất cả quốc độ ở mười phương.

Bấy giờ trong đại thành Diệu Quang Minh, thái tử Đại Oai Quang con vua Hỷ Kiến Thiện Huệ, nhờ sức tu hành từ nhiều đời trước khi được thấy Quang Minh của Phật, liền chứng được mười pháp môn, đồng đến đạo tràng đánh lễ đức Phật, nghe Phật thuyết kế kinh Phổ Tập Tam Thế chư Phật tự tại pháp liền chứng được pháp hải quang minh.

Đến thời đức Ba La Mật Thiện Nhãn Trang Nghiêm Vương Phật, thái tử Đại Oai Quang được trí thanh tịnh, được vào tất cả phương tiện thanh tịnh.

Quốc vương Hỷ Kiến Thiện Huệ băng hà, Đại Oai Quang Đồng tử lên ngôi Chuyển Luân Vương. Đức Phật thứ ba xuất

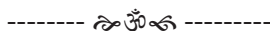
thế là Tối Thắng Công Đức Hải, Đại Oai Quang Vương, sau khi cúng dường và nghe kinh đã chứng được Đại Phước Đức Phổ Quang Minh. Sau khi Đại Oai Vương bằng hà được sanh trong thiên thành tịch tịnh Bửu cung trên núi Tu Di làm Đại thiên Vương hiệu là Ly Cấu Phước Đức Tràng.

Qua phẩm Tỳ Lô Giá Na, ta thấy tính chất bình đẳng của một vị Phật, lúc còn là phàm phu, phải trải qua bao kiếp nhân duyên tu hành hết sức bình dị trên con đường tu tập vô hạn của Bồ tát hạnh để đi đến quả vị Phật như ngày nay.

Sáu phẩm trên phát họa Tín Phần trên bước đường tu thoát khỏi hạn hẹp của trí thức mà phát khởi lòng tin, từng bước để thấy rõ sự tiến hóa của tâm thức. Ta phải thoát khỏi gông xiềng tù túng của nhận thức hạn hẹp, do tự mình thiết lập, nhìn thế giới như vi trần. Trong những thế giới nhỏ xíu ấy vẫn có đầy đủ mọi sinh hoạt sống động. Bụi trong vũ trụ thì vô biên, do đó thế giới trong hạt bụi ấy càng vô tận. Điều đó nói lên rằng, trong mỗi ý niệm, mỗi vọng tưởng đều chứa đựng trùng trùng những tập khí, thói quen tạo nghiệp, chúng tương sanh tương trợ bất tận.

Để thực hiện tiềm năng giác ngộ ấy điều đầu tiên ta phải thực hiện là tu đức tin, tin vào chân lý thường hằng bất biến của chân tâm. Điều này trùng hợp với Tín Phần đã nói ở trên.

PHẨM 7 - NHƯ LAI DANH HIỆU



Đức Thế Tôn nơi điện Phổ Quang minh, ngồi trên tòa Liên Hoa Tạng sư sử diệp ngộ viên mãn, đạt pháp vô tướng

thấy khắp tam thế biết rõ tâm niệm của chư Bồ tát câu hội từ mười phương khác đồng vân tập đến, muốn đức Thế Tôn khai thị những điều về Phật Trụ, Phật Pháp Tánh, Phật Thuyết Pháp ... nên đức Phật tùy theo từng loại vì họ hiện thân thông ở khắp mười phương.

Bấy giờ Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát thừa oai lực của Phật mà tuyên thuyết danh hiệu của đức Như Lai nơi thế giới ta bà này, thị hiện nhiều thân, nhiều hiệu, nhiều sắc tướng khiến chúng sanh đều thấy biết khác nhau, hoặc hiện Như Thích Nghĩa Thành, hoặc hiện Viên Mãn Nguyệt, hiện Sư Tử Hống, hoặc hiện Thích Ca Mâu Ni, hiện đệ nhất Tiên, hiện Tỳ Lô Giá Na.

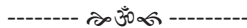
Mỗi danh hiệu đều có danh hiệu chuyên biệt, tùy theo mục đích giáo hóa và sắc tướng thị hiện ở từng nơi. Ở phương Đông của cõi ta bà, Như Lai hiệu là Bình Đẳng Thủ Thắng An Kỳ. Ở phương Nam hiệu là Bồ Tát, Cần Ý, Vô Thượng Tôn... Ở phương Tây hiệu là Ý Thành, Tri Đạo, An Trụ Bồ.

Đơn thuần, đức Phật không từ đâu đến và cũng không đi về đâu, nên gọi là Như Lai (Vô sở tùng lai diệt vô sở khứ cố danh Như Lai). Cũng có nghĩa đức Phật đến (Lai) từ sự thật (Như). Phật có nghĩa là từ chân lý mà đến, do Chân Như mà hiện thân, cho nên tôn xưng Phật là Như Lai.

Có nhiều ý nghĩa về Như Lai, nhưng đặc biệt trên hết chúng ta phải hiểu thật thấu đáo ý nghĩa thọ lượng của hiệu Như Lai, là nhận chân cho được con người thật của đức Phật. Phật kết tinh vô lượng phước đức và trí tuệ vô cùng. Đó chính là ý nghĩa báo thân Phật hằng hữu. Chính báo thân Phật hay phước đức trí tuệ của Phật, hãy duy trì tất cả mọi

sinh hoạt của Phật pháp. Không có đức Phật hằng hữu thì chắc chắn thọ mạng Phật pháp không còn. Đó đích thị là ý nghĩa chân thật của hiệu Như Lai.

PHẨM 8 - TỨ THÁNH ĐẾ



Chư Như Lai bậc Ứng cúng, Chánh Đẳng Giác được mệnh danh là bậc Đại Y Vương đã thành tựu bốn đức, chữa lành những căn bệnh hiểm nghèo của chúng sanh. Bốn đức ấy là gì? Là Như Lai biết như thật đây là khổ thánh đế, biết như thật đây là khổ tập Thánh đế, đã biết như thật đây là khổ diệt Thánh đế, biết như thật đây là khổ diệt đạo tích Thánh đế.

Đối với chúng sanh trong cõi ta bà này, bài pháp thoại lần đầu tiên chuyển vận bánh xe pháp nói về bốn sự thật vi diệu, gọi là Tứ Diệu Đế gồm:

KHỔ ĐẾ: Sự thật cuộc đời có mặt của những nỗi khổ, niềm đau như sanh là khổ, già bệnh chết là khổ, sống chung với người mình không ưa thích là khổ, xa lìa những người thân yêu là khổ, mong muốn mà không được là khổ. Tóm lại, chấp thân ngũ uẩn là khổ.

TẬP ĐẾ: Những nỗi khổ niềm đau đó đều có nguyên do của nó, không phải tự nhiên sanh hay do ai trừng phạt. Đó chính là ái dục, ái dục là nguyên nhân đưa đến sự tái sanh.

DIỆT ĐẾ: Sự vắng mặt của khổ đau, tức niềm an vui hạnh phúc, Niết Bàn. Đó là xa lánh trọn vẹn và tận diệt

chính cái tâm ái dục. Đó là sự rời bỏ, sự từ khước, sự thoát ly và sự tách rời ra khỏi tâm ái dục.

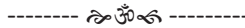
ĐẠO ĐẾ: Phương pháp để đạt được hạnh phúc, tức Bát Chánh Đạo. Giáo lý Tứ diệu đế là giáo lý căn bản nền tảng của sự tu tập đưa đến quả vị giác ngộ giải thoát. Giáo lý này được đức Phật thuyết giảng trong suốt 49 năm như là một kim chỉ nam cho sự tu tập và hành trì và là giáo lý thiết yếu nhất, đến mức như không còn gì để tìm hiểu ngoài khổ và con đường diệt khổ.

Một lần nọ tại Ma Kiệt Đà, đức Phật đã cầm một nắm lá trên tay và hỏi chư vị tỳ kheo: “Này chư vị, lá trong tay Như Lai nhiều hay lá trong rừng nhiều?” Các Tỳ kheo trả lời: Bạch đức Thế Tôn lá trong rừng nhiều. Quả thật vậy, sự hiểu biết của Như Lai thì nhiều như lá trong rừng, nhưng những gì Như Lai chỉ dạy giống như nắm lá trong tay. Vì sao vậy? Vì sự hiểu biết kia không dẫn đến đời sống đạo hạnh, khước từ, chấm dứt đau khổ, thanh tịnh giác ngộ hay dẫn đến Niết Bàn. Vì vậy Như Lai chỉ dạy, đây là khổ đế, đây là Tập đế, đây là Diệt Đế, đây là Đạo đế. Vì sao Như Lai chỉ dạy các chân lý này? Vì điều này dẫn đến đời sống đạo hạnh, khước từ chấm dứt đau khổ, thanh tịnh giác ngộ hay Niết Bàn.

Giáo lý Tứ Diệu Đế là một công trình thực tập. Khi chúng ta nói đây là khổ, chúng ta không nhằm đưa ra một lời tuyên bố suông, với tất cả mọi lý lẽ và dẫn chứng để chứng minh cho sự thật đó. Đây là khổ, đó là một công án, một đề mục để quán chiếu để nhận diện. Khi chúng ta nhận diện và quán chiếu về cái khổ, chúng ta hiểu được bản chất của nó, thấy được nguyên nhân phát sinh ra cái khổ. Đức Phật nói: Cái gì

đã xảy ra cho ta nếu ta quán chiếu sâu sắc vào tự thân nó, là ta đã bắt đầu đi trên đường giải thoát. Câu nói này có nghĩa là khi ta nhận diện được cái khổ, liễu tri được cái khổ, thì ta sẽ thấy được khổ tập, tức là con đường đưa tới an lạc đã bắt đầu. Bởi vì bốn sự thật tương tức với nhau. Diệt đế và Đạo đế đã nằm sẵn trong sự quán chiếu về Khổ đế và Tập đế.

PHẨM 9 - QUANG MINH GIÁC



Nội chứng của đức Phật thì không một ngôn ngữ nào diễn tả đúng thực chất được. Nó thuộc lãnh vực tuyệt đối, không thể dùng ngôn từ để thể nhập vào.

Ở phẩm đầu Phật phóng hào quang từ giữa hàm răng 40 cái để ngầm ám chỉ rằng Ngài sẽ trả lời 40 câu hỏi mà đại chúng thắc mắc. Chúng hội đã thấy hào quang và tề tự, nhưng Phật vẫn không khai khẩu thuyết giảng. Điều đó có nghĩa: Pháp, Chân lý không phải do bàn tán thuyết giảng.

Tiếp theo, Phật phóng hào quang giữa chặng mày, tên Nhất Thiết Bồ Tát Trí Quang Minh Phổ Chiếu Thập Phương Tạng. Trong hào quang mọi cảnh tượng đều hiện ra rõ ràng, ai cũng nhận thấy, hào quang ấy là trí tuệ. Thông qua hào quang trí tuệ này, đức Phổ Hiền Bồ tát đã thay Phật nói về Y báo và Chánh Báo của Phật, diễn đạt cảnh giới Phật tạo Tín phần.

Lần này đức Phật từ dưới lòng hai bàn chân, phóng ra trăm ức tia sáng chiếu khắp đại thiên thế giới vô lượng vô biên đạo hào quang chiếu khắp các cõi tam thiên đại thiên thế giới trong cùng tận vũ trụ, cứ mỗi một cõi hào quang chiếu tới thì có một chúng hội đạo tràng của Phật và có vô số

Bồ Tát hiện ra tham dự. Đứng đầu mỗi chúng hội ấy là ngài Văn Thù, người thay Phật trong suốt pháp hội này dạy đại chúng về pháp môn tu hành: Pháp thập tín, pháp khởi phát tâm Bồ Đề, một mắt xích thiết yếu để thể nhập vào pháp giới hay chân lý tuyệt đối.

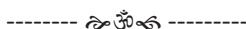
Do đó, phẩm Quang Minh Giác – hào quang để nhận biết phóng ra từ lòng bàn chân có nghĩa là: Muốn trụ vững để phát triển vương lên, con người phải có nền tảng căn bản là bệ đỡ, bệ phóng từ lòng hai bàn chân đầu tiên để đứng vững, rồi mới đi, tức thâm nhập phát khởi pháp tu căn bản của người tu trong pháp thập tín ở phần hội thứ hai này.

Trong mỗi cõi mà hào quang chiếu đến, thì có Bồ tát Văn Thù và chúng Bồ Tát hiện ra. Hình ảnh đức Văn Thù Sư Lợi bậc đại trí, tiêu biểu cho trí tuệ, cho sự sáng suốt, nhận biết để tạo nên niềm tin nơi tâm trí và gây tạo niềm tin nơi chúng hội Bồ Tát ở Đạo tràng trên bước đường tu tập nên gọi là Thập Tín – lòng tin hiện hữu song song với trí tuệ.

Nói một cách khác, theo kinh Hoa Nghiêm, bước đường tu hành của đại chúng, con đường phát triển trí huệ phải bắt đầu bằng lòng tin, không phải bằng sự thiên định.

Định và Huệ, chỉ và quán là hai mặt của cùng một vấn đề không thể tách rời. Nhưng đường tu không bắt đầu bằng thiên, mà bằng tín, do chánh tín mà khai phát định huệ.

PHẨM 10 - BỒ TÁT VĂN MINH



Trên bước đường tu tập sau khi phát lòng tin, người tu hành đã gặp bao điều thắc mắc về đường lành, nẻo dữ, về

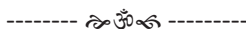
căn thân có đủ có thiếu; thọ mệnh đồng và khác; tướng vô thường; pháp vô ngã, các báo tùy nghiệp sanh có sai biệt...

Hình ảnh đức Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát vấn 9 vị Bồ Tát khác chứng minh cho sự vận dụng trí tuệ của đại chúng quán chiếu nội thân và ngoại cảnh, qua pháp Phật giảng bày theo trình tự căn cơ của từng chúng sanh. Từ Giác Thủ Bồ Tát giải thích pháp sai biệt, Tài Thủ Bồ Tát giải thích quán nội thân để thấy thân giả tạo, tướng vô thường, pháp vô ngã, Bửu Thủ Bồ Tát phân tích nghiệp sai biệt, Đức Thủ Bồ Tát vì sao chỗ giác ngộ của chư Phật chỉ là một Pháp duy nhất, sao lại bảo là vô lượng pháp, hiện vô lượng sĩ, hóa vô lượng chúng, diễn vô lượng âm, thị hiện vô lượng thân, biết vô lượng tâm, hiện vô lượng thần thông.

Đến Mục Thủ, Cầu Thủ, Pháp Thủ và Trí Thủ Bồ Tát giải thích sự sai biệt của thọ sanh, trì giới quả sai biệt, phạm giới quả sai biệt, cho đến quốc độ quả sai biệt, chúng sanh đều đã rõ. Từ lòng tin cho đến quán biết bước đường tu tập của mình rồi, chúng Bồ tát xin đức Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát dùng diệu biện tài diễn xướng nhưng gì là cảnh giới của Phật. Những gì hơn là sự tế độ, là sự nhập vào cảnh giới Phật? Những gì là trí, là Pháp, là ngôn thuyết của cảnh giới Phật?

Phẩm Bồ Tát vấn minh chứng cho trí tuệ của chư Bồ Tát trên bước đường đến cảnh giới Phật trong Thập tín.

PHẨM 11 - TỊNH HẠNH



Qua 141 câu Đương nguyện chúng sanh trong phẩm Tịnh Hạnh thứ 11, nói rõ người tu hành học Phật pháp từ khi

phát tâm Bồ Đề, bước vào cửa Phật, phải giữ gìn giới pháp thanh tịnh, nghiêm trì tịnh giới đầy đủ, phải có Tịnh Hạnh trên bước đường tiến tu để thành tựu thánh hạnh, mới thực hiện Phật pháp đại thừa và đầy đủ Bồ Tát hạnh.

Ngày trong 53 bài kệ chú Tỳ Ni, trích xuất từ 141 bài kệ của Phẩm Tịnh Hạnh, được chia thành 5 nhóm, để người học Phật thành tựu hạnh thanh tịnh.

- Nhóm 1, người tu phải tự hoàn thiện, trang nghiêm thân tâm Bồ Đề qua: Tảo giác, kích chung, vãn chung, trước y, chỉnh y, hạ đơn, hành bộ bất thương trùng và xuất đường.

- Nhóm 2, người tu phải xả ly tam độc phiền não từ: Đẳng xí, tẩy tịnh, khử uest, mộc dục, tẩy thủ, tẩy diện đến ẩm thủy.

- Nhóm 3, người tu phải thành hạnh Tăng đoàn pháp thân với: Ngũ điều y, Thất điều y, Đại y, man y, ngọa cụ, đấng đạo tràng, tán Phật, lễ Phật, phổ lễ chơn ngôn, cúng tịnh bình, dẫn tịnh bình, quán thủy chơn ngôn.

- Nhóm 4: Thiền duyệt pháp hỷ viên mãn, khi: Thụ thực, kiến không bát, kiến mãn bát, xuất sinh, cúng đại bành, tổng thực, xướng tăng bạt, chính thức thụ trai, tam đề ngũ quán, kiết trai, tẩy bát, triển bát, thụ thần, thủ dương chi, tước dương chi, sáu khẩu.

- Nhóm 5: Ứng thế viên dung vô ngại, với những kệ chú: Xuất trượng, phu đơn tọa thiền, thụ miên, thủ thủy, kiến đại hà, kiến kiêu đạo, dục Phật, tán Phật, nhiễu tháp, khán bệnh, thế phát, tẩy túc.

Mỗi bài kệ gồm: Hai câu đầu là rõ danh nghĩa, hai câu

dưới là trình bày do Nhân mà được quả. Từ chữ Án trở đi là lời thần chú bí mật, không thể giải thích rõ nghĩa được.

PHẨM 12 - HIỀN THỦ

----- ॐ -----

Sau khi nghe đức Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát nói hạnh thanh tịnh không trược loạn đại công đức của chư Phật đã tu, ngày Hiền Thủ cũng đã nói rõ công hạnh tu hành của chính bản thân mình, hay đưa ra con đường tu hành của đại chúng, đã đi từ bước phát khởi lòng tin Phật bất tư nghi rồi, bước kế tiếp, ta phải phát khởi tâm Bồ Đề, sanh tâm rộng lớn, thường nghe pháp không nhàm đủ, tin phụng thanh tịnh tăng, thời được tín tâm bất thối chuyển, tín lực không dao động, thành nhưn lực lớn, được chư Phật hộ niệm.

Giai đoạn này, ở hội thuyết pháp Thập Tín, tại điện Phổ Quang Minh, hội chủ là đức Văn Thù Bồ Tát, người tu phải xây dựng cho chính bản tâm mình mười bậc của Thập Tín.

Vọng tưởng diệt hết không còn, nhận rõ thường trụ chân tâm, phát lòng tin chắc chắn, tức là đã đạt được Tín tâm trụ.

Niệm trụ tâm: Chân tín tỏ rõ, hiện nghiệp không làm trở ngại được, có thể nhớ lại vô số kiếp trước.

Căn bản trí ngày càng phát huy, dùng trí tuệ xoay về chân lý: Tinh tiến tâm.

Tuệ tâm trụ: Chân lý hiện tiền, trí huệ sáng suốt.

Trí được lý thì trí càng sáng suốt, lý được trí thì lý càng tịch tịnh: Định tâm trụ.

Bất thối tâm: Dùng chân định tuệ đi sâu vào tự tính, không giải đãi, hay dừng nghỉ.

Tâm an nhiên, giao tiếp với khí phần thập phương Như Lai: Hộ Pháp Tâm.

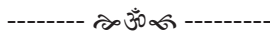
Lý trí dung hòa tịch chiếu không hai, xoay từ quang của Phật đem về tự tâm và dùng tự tâm hướng theo Phật mà an trụ: Hồi hướng tâm.

Tâm hướng Phật, trí tuệ của Phật càng soi sáng tự tâm: Giới tâm trụ.

Nguyện Tâm Trụ: An trụ nơi tâm vô vi, tùy nguyện đi khắp mười phương.

Đây hoàn toàn là một tâm thái siêu việt tâm trạng phiền não vô minh, tranh tham oán hận mà ta quen thuộc. Chỉ khi nào phát khởi tâm này thì ta mới thật gọi là chính tu. Tại hội thứ hai này, chư Tổ đặt tên của hội là Thập Tín.

PHẨM 13 - 14: THĂNG TU DI SƠN ĐẢNH & KỆ TÁN



Lúc bấy giờ thập phương thế giới trong mỗi Diêm Phù Đề đều thấy đức Phật chằng rời dưới cây Bồ Đề, mà đã thăng lên đỉnh núi Tu Di, hướng đến điện Diệu Thăng của Đế Thích. Hình ảnh một người đang đứng bằng hai bàn chân dưới chân núi Tu Di, chỉ trong phút chốc đã vọt thẳng đến đỉnh. Đây không thể đi bộ hay leo từ từ lên được. Trong kinh chư Bồ tát hình dung đó bằng một bước nhảy, một bước tiến vượt bậc trên bước đường tiến tu. Vì đối với người tu sự thay đổi và chuyển biến từ sử dụng vọng tâm sang sử dụng tâm Bồ

đề là một bước tiến quan trọng nhất. Đó là bước nhảy vọt từ thấp lên cao, từ chân núi vọt thẳng lên tới đỉnh. Phiền não và vọng tưởng bây giờ không còn cơ hội hoành hành nữa. Tâm thức của người tu bây giờ không còn vết tích vị kỷ của bản ngã, đó là tâm Bồ Đề, với các phương thức an trụ tâm Bồ đề qua hình ảnh của các vị Bồ tát đang vận tập tại đỉnh núi Tu Di, như Pháp Huệ đến Nhất Thiết Huệ Bồ Tát, đạt được Thắng Huệ với vô vàng Công Đức Huệ, mà phát triển Tinh Tấn Huệ, Thiện Huệ và Phổ Biến Trí Huệ, hành Chơn Thật Huệ rất ráo đến Vô Thượng Huệ và Định Tâm Kiên Cố Huệ trong vô số ức kiếp, nói không thể hết.

Hình ảnh từ nơi các ngón của hai chân, đức Thế Tôn phóng trăm ngàn ức quang minh màu đẹp chiếu khắp trong cung của Đế Thích ở mười phương thế giới. Chứng minh rằng đức Phật đã hiện thân vào tất cả các cung điện trên trời Đạo Lợi ở trong vũ trụ. Theo Vũ Trụ quan Phật giáo Ấn Độ thì vũ trụ có vô số hệ thống thế giới. Mỗi hệ thống này có một ngọn núi vĩ đại làm trung tâm gọi là núi Tu Di. Cõi trời Đạo Lợi thì tọa lạc trên chóp đỉnh của ngọn núi này.

Hệ thống thế giới này chính là tập hợp những chấp trước, vọng tưởng, thành kiến, phiền não, cảm xúc, tư tưởng, thói quen. Những thứ ấy vận hành trên những quỹ đạo nhất định của Lý nhân quả, núi Tu Di chẳng gì khác hơn là cái bản ngã, cái tôi.

Với ánh sáng của hào quang nơi các ngón chân Phật các vọng tưởng và phiền não vắng bật. Trung tâm của sự suy nghĩ, cái tôi bây giờ thay bằng chân lý. Đó là sự chuyển hóa bằng sự thâm định. Khác với hai bước trước, người tu khởi

lòng tin và phát Bồ Đề tâm, không cần phải định. Ở bước này, thiếu chánh định thì chẳng thể làm bước nhảy vô song ấy.

Mười bài kệ tán của mười chư Bồ Tát về Huệ đã nói lên hạnh tu hành và phát triển Pháp Huệ ấy của chư Phật trong mười phương để thấy rõ chân tâm và chân tánh với pháp Không của đức Như Lai, làm lợi ích cho chúng sanh qua diệu pháp này.

PHẨM 15 - THẬP TRỤ

----- ॐ -----

Pháp Huệ Bồ Tát được chư Phật ban cho trí vô ngại, vô trước, vô đoạn, vô si, vô dị, vô thất, trí vô lượng, vô thắng, vô giải đãi, ngài liền xuất định, giảng giải về mười bậc chỗ trụ của Bồ Tát mà tam thế chư Phật đã nói, sẽ nói và hiện đang nói. Thập trụ của chư Bồ Tát gồm mười bậc là:

Phát tâm trụ: Người ta phải phát tâm rộng lớn, tu hành viên mãn quả Phật.

Trị Địa Trụ: Dùng tâm làm chỗ nương đứng để trừ sạch những thói quen mê lầm, gọi là Trì địa trụ

Tu Hành Trụ: Tâm tính hiện tiền, đi khắp mười phương làm Phật sự.

Sanh quý trụ: Hạnh đồng như Phật, nhận khí phần của Phật, vào giống Như Lai.

Phương tiện cụ túc trụ: Đã vào đạo thai, nhờ Phật chăm sóc, phương tiện ngày càng đầy đủ.

Chính tâm trụ: Tâm tướng đồng như Phật, từ bi hóa độ chúng sinh.

Bất thối trụ: Thân tâm hợp thành, ngày càng tăng trưởng.

Đồng chân trụ: Một thời đầy đủ mười thân: Bồ Tát tâm, nguyện thân, hóa thân, lực thân, trang nghiêm thân, Uy thế thân, Ý sinh thân, Phúc thân, pháp thân và trí thân.

Pháp Vương tử trụ: Ra khỏi thánh thai, chính mình làm Phật tử, khéo biết chúng sanh thọ sanh, khéo biết phiền não hiện khởi, tập khí tương tục, khéo biết vô lượng pháp, các oai nghi thế giới sai biệt....

Bồ Tát quán đảnh trụ: Bi trí đầy đủ, có thể được Phật ủy thác làm các Phật sự. Nghĩa là kệ thứ mười của Thập trụ cho thấy vị Bồ Tát này thành tựu mười thứ trí. Tam thế trí, Phật pháp trí, pháp giới vô ngại trí, sung mãn nhất thiết thế giới trí, phổ chiếu nhất thiết trí, trụ trì nhất thiết thế giới trí, tri nhất thiết chúng sanh tri, tri nhất thiết pháp trí và tri vô biên chư Phật trí.

Khi Phật ngự trên chóp đỉnh Tu Di, phóng quang và thuyết pháp Thập trụ, thì pháp Thập trụ là pháp ngự trị được bản ngã, giải trừ được chấp trước vào tự ngã nhỏ bé. Lúc ấy ngọn núi Tu Di chính là ngọn núi chân lý, soi rọi mọi nơi đều được sáng khắp.

PHẨM 16 - PHẠM HẠNH

----- ༄ ཨ ༄ -----

Để đạt được pháp Thập Trụ, người tu phải luôn quán sát thân tâm lúc tu phạm hạnh, nên dùng mười pháp làm cảnh sở duyên để tác ý quán sát đó là:

+ Thân là lộn đục là hôi thối, là bất tịnh, là đáng nhàm, là tạp nhiễm, là tử thi, là nhóm trùng.

+ Thân nghiệp là hành trụ tọa ngọa, cúi ngước, co duỗi...

+ Ngữ ngôn là âm thanh, gió thổi, là môi, lưỡi, cuống họng, hà hổ nạp, ngăn buông, là cao thấp, trong đục.

+ Ngữ nghiệp là nói lược, nói rộng, lời khen, lời chê, là lời an lập, lời tùy tục.

+ Ý là giác, là quán, là phân biệt, ức niệm, tư duy, là ảo thuật, ngủ mơ.

+ Ý nghiệp là tư tưởng lạnh nóng, đói khát, khổ vui, lo mừng.

+ Nếu là Phật là phạm hạnh, thời sắc, thọ, tưởng, hành, thức là Phật. Tướng hảo hay thần thông là Phật. Nghiệp hạnh hay quả báo là Phật.

+ Pháp là phạm hạnh, thời tịch diệt hay niết bàn là Phật. Bất sanh hay bất khởi là pháp.

+ Tăng là phạm hạnh, thời Dự lưu hướng hay Dự lưu quả là tăng, Nhất lai hướng hay Nhất lai quả là Tăng.

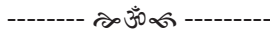
+ Giới là phạm hạnh, thời đàn tràng hay thanh tịnh là giới, oai nghi hay tam Yết ma là giới. Hòa thượng hay A Xà Lê là giới.

Phải quán sát và tu tập mười pháp này, chính là mười trí lực của Như Lai. Trong mười trí lực có vô lượng nghĩa. Sau khi nghe phải khởi tâm đại từ bi, quán sát chúng sanh không bỏ lia, tư duy các pháp không thôi dứt, thực hành nghiệp vô thượng không cầu quả báo, rõ biết cảnh giới như ảo mộng,

bóng vang, biến hóa.

Người tu tương ứng với quán hạnh như vậy, ở trong các pháp chẳng sanh hai kiến giải, tất cả Phật pháp mau được hiện tiền. Biết tất cả Pháp tức là tâm tự tánh, thành tựu huệ thân giác ngộ.

PHẨM 17 - SƠ PHÁT TÂM CÔNG ĐỨC



Pháp Huệ Bồ Tát đã thuyết giảng công đức vô lượng thậm thâm của Bồ Tát sơ phát Bồ Đề tâm, không gì so sánh nổi. Bồ Tát phát tâm này rồi, có thể biết tất cả quá khứ chư Phật lúc mới thành chánh giác đến lúc nhập niết bàn, có thể tin bao nhiêu thiện căn, biết bao nhiêu trí tuệ của tất cả chư Phật.

Tam thế chư Phật có bao nhiêu công đức, Bồ Tát này có thể tin, thọ, biết, tu chứng được, có thể trọn nên và cùng chư Phật bình đẳng một tánh. Do phát tâm nên thường được tất cả tam thế chư Phật ức niệm, ban diệu pháp, thành tựu lực vô úy của tất cả tam thế chư Phật. Thập phương thế giới chư Như Lai đều đồng tán thán sơ phát tâm. Tâm này vô lượng đức trang nghiêm, hơn hết trong công đức, đạt được Như Lai vô ngại trí, thành tựu thế gian, dứt hẳn các nghiệp lực. Khai thị Diệu cảnh giới, trừ hết các chướng ngại, thành tựu cõi thanh tịnh, xuất sanh trí Như Lai.

Nhìn chung trên bước đường tu hạnh, người tu (Bồ tát) sơ phát Bồ Đề tâm, thành tựu vô lượng công đức, đủ trang nghiêm lớn lên Phật thừa vào chính vị Bồ Tát, lìa những pháp thế gian, được pháp xuất thế của Phật, được tam thế chư

Phật nhiếp thọ, quyết định đến chỗ vô lượng Bồ Đề rất ráo.

Nghĩa là công đức an trụ nơi tâm Bồ Đề rất thậm thâm vi diệu, khẳng định một bước tiến vô song của người tu hành trên bước đường phát triển tâm Bồ Đề.

PHẨM 18 - MINH PHÁP

----- 卍 卍 卍 -----

Đã phát tâm vô thượng Bồ Đề, tu tập công đức Phật, phải xa lìa si tối, tinh tấn, gìn giữ theo mười pháp: giữ gìn cấm giới; xa lìa ngu si, tâm Bồ Đề thanh tịnh, lòng ngay thẳng, xa điều dua phỉnh; siêng tu căn lành không thối chuyển, luôn khéo tư duy tâm, không gần gũi phạm phu tại gia hay xuất gia, tu nghiệp lành chẳng mang quả báo thế gian; lìa hẳn nhị thừa và thực hành Bồ Tát hạnh; tu tập điều lành, không dứt tuyệt và luôn khéo quán sát sức tương tục của thân tâm mình.

Người tu khởi chánh niệm, sanh thẳng nguyện tu hành, tâm không y tựa tất cả pháp, tu tập pháp thậm thâm, tâm quảng đại, thực hành thanh tịnh xả hết của cải, trì giới thanh tịnh không hủy phạm, nhu hòa nhẫn nhục không cùng tận, siêng tu các hạnh không thối chuyển, lực tâm không mê loạn, phân biệt rõ biết vô lượng pháp, tu tất cả hạnh mà không sợ trước, tâm bất động dường như núi Tu Di, rộng độ chúng sanh, rõ biết tất cả chúng sanh cùng chư Phật đồng một thể tánh.

Người tu trụ trong minh pháp, siêng năng tu tập, dùng ánh sáng trí tuệ dứt trừ si tối, dùng sức từ bi dẹp phục quân ma, dùng trí huệ lớn và sức phước đức chế ngự các ngoại đạo, dùng kim cương định dứt trừ tâm như phiền não, dùng

sức tinh tấn hợp các căn lành, dùng sức thiện căn tịnh Phật độ xa lìa các ác đạo và các nạn, dùng sức vô trước mà thanh tịnh cảnh giới của trí, dùng sức trí huệ phương tiện mà xuất sanh Bồ Tát địa, Ba la mật, Tam muội, lục thông, tam minh, tứ vô úy đều khiến thanh tịnh.

Từ phẩm 13: Thăng Tu Di đảnh đến phẩm 18. Minh Pháp đã dứt hội thuyết pháp thứ ba. Hội này giảng và pháp Thập Trụ trên cung trời Đao Lợi, do hội chủ là Bồ Tát Pháp Huệ thuyết giảng. Trong hội này, chư Phật, Bồ Tát dạy ta làm sao để an trụ tâm Bồ Đề, làm sao để khiến tâm này được kiên cố. Tâm thức của người tu bây giờ hoàn toàn là tâm Bồ Đề. Phiền não và vọng tưởng bây giờ đã bị diệt. Sự thay đổi và chuyển biến từ sử dụng vọng tâm sang sử dụng tâm Bồ đề là một bước tiến nhảy vọt, quan trọng nhất. Trung tâm của sự suy nghĩ, là cái tôi – bây giờ thay bằng chân lý – chân tâm Bồ Đề.

PHẨM 19 & 20: THĂNG DẠ MA CUNG VÀ KỆ TÁN

----- ॐ -----

Do nhờ thần lực của đức Phật, khắp thập phương thế giới đều thấy đức Thế Tôn không rời cõi Bồ Đề và đảnh núi Tu Di mà hướng đến điện Bửu Trang Nghiêm nơi Dạ Ma Thiên cung.

Dạ Ma cung, là cung trời hoàn toàn lơ lửng giữa không trung, chẳng dựa vào đâu cả. Phật ngự trên cung Dạ Ma, với vô số Bồ Tát vây nhiễu. Lúc đó, đức Thế Tôn từ trên hai bàn chân, phóng ra trăm ngàn ức quang minh chiếu khắp thập phương thế giới.

Hình ảnh này biểu thị cho ý nghĩa trên bước đường tu tập, phải có lòng tin, phát Bồ Đề tâm, ngự trị được bản ngã, dùng thiền định an trụ nơi chân tâm, mà đứng vững trên đôi lòng bàn chân, phù hợp với hình ảnh Phật phóng quang minh từ lòng bàn chân và các ngón chân. Bây giờ hào quang của Phật xuất phát từ lưng bàn chân, mắt cá và bắp chân – những bộ phận này gắn liền và bên trên bàn chân. Có nghĩa là người ta phải dựa vào sự tu trì và phát triển hạnh Thập tín và Thập trụ để tiến triển trên bước đường tiến tu của mình, với hình ảnh mười vị Bồ Tát qua mười bài tán thán hình ảnh và công đức của đức Thế Tôn là: Công Đức Lâm Bồ Tát, Huệ Lâm Bồ Tát, Thắng Lâm Bồ Tát, Vô Úy Lâm Bồ Tát, Tàm Quý Lâm Bồ Tát, Tinh Tấn Lâm Bồ Tát, Lực Lâm Bồ Tát, Hạnh Lâm Bồ Tát, Giác Lâm Bồ Tát và Trí Lâm Bồ Tát.

Đồng thời một cung trời hoàn toàn lơ lững giữa không trung biểu thị cho sự tự thân vận động của người tu, sau khi an trụ nơi chân tâm phải biết vận dụng những điều mà tâm thức giác ngộ ấy thích nghi với thực cảnh hiện tại, không phải chỉ biết ngồi thiền, im lặng mà thành Phật.

PHẨM 21 - THẬP HẠNH



Công Đức Lâm Bồ Tát xuất định thuyết giảng về Thập hạnh ở Dạ Ma Cung.

1. Hoan hỷ hạnh: Bỏ được ý riêng theo căng cơ dục vọng của thập phương chúng sanh mà hóa độ, với lòng bình đẳng không hối tiếc, chẳng trông quả báo, chẳng cầu tiếng tăm, chẳng tham lợi tức, chỉ vì cứu hộ tất cả chúng sanh.

2. Nhiều ích hạnh: Khéo biết làm lợi ích cho tất cả chúng sanh, hộ trì tịnh giới, không nhiễm trước sắc, thanh, hương, vị xúc; dùng trí huệ giảng thuyết cho chúng sanh khiến họ trừ điên đảo, dứt phân biệt, bỏ chấp trước.

3. Vô vi nghịch hạnh: (hay còn gọi là vô sân hận hạnh) Tự giác và giác tha, tùy cơ tùy thời mà hóa độ, không trái với căn cơ chúng sanh, với pháp giới tu nhân, khiêm hạ cung kính, chẳng tự hại, chẳng hại người, cũng chẳng tham cầu danh tiếng lợi lộc, khiến chúng sanh lìa sự ác, dứt phiền não, luôn nhẫn nhục nhu hòa.

4. Vô khuất nhiều hạnh: Người tu đạt đến hạnh này là tu hạnh tinh tấn, đạt vô tận hạnh, sẽ tùy thuận các loài mà tùy thân hóa độ. Ba đời đều bình đẳng, mười phương được thông suốt, làm cho chúng sanh được rất ráo, nhẫn đến được vô sự niết bàn.

5. Ly si loạn hạnh: Thành tựu chánh niệm, tâm không tán loạn kiên cố bất động thanh tịnh, nhận thực tướng của các pháp, khéo hiểu tất cả ngôn ngữ thế gian, nên tùy theo căn cơ dạy bảo tất cả các pháp môn, không sai lầm, làm cho chúng sanh an trụ trong niệm thanh tịnh vô thượng.

6. Thiện hiện hạnh: Lúc hiện thân hoá độ, không thể không sai khác, hiện ra sai khác, mà mỗi mỗi sai khác hiện ra, đều là những sai khác của tinh thể không thể sai khác. Đây là phương tiện thiện xảo thị hiện sanh tướng của Bồ Tát Thiện Hiện hạnh thứ sáu.

7. Vô trước hạnh: Dụng tâm vô trước, ở trong mỗi niệm sẽ nhập vô số thế giới, nghiêm tịnh với các thế giới tâm không

chấp trước - Vi trần và sát độ dung hợp, thập phương thể giới hiện trong một vi trần cũng không nhỏ bớt, vi trần cũng không lớn thêm. Vi trần và thể giới không ngăn ngại nhau.

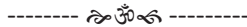
8. Nan Đắc Hạnh: Tất cả các pháp đồng một pháp giới tính, rõ biết tất cả pháp, phá giới vô vị, thâm nhập chúng sanh giới như pháp giới, không nhiễm thủ, chẳng chuyển bất thối. Bình thường nhật dụng đều là cảnh giới bất tư nghi. Tất cả đều là đệ nhất ba la mật. Nên hạnh thứ tám còn gọi là Tôn trọng hạnh.

9. Thiệt pháp hạnh: Thành tựu mười thứ thân, làm ao pháp thanh lương, nhiếp trì chánh pháp, chẳng dứt Phật chủng, biến ra thân kim sắc mà làm Phật sự. Tuỳ theo căn tánh và sở thích của chúng sanh, dùng lưỡi rộng dài hiện vô lượng tiếng thuyết pháp, làm cho chúng sanh đều hoan hỷ.

10. Chân thật hạnh: Tất cả các hạnh không rời thực tướng, không có sanh diệt, không có ngăn trở, đều là tự tính thanh tịnh tâm. Hạnh này thể hiện lời chắc thật đệ nhất, có thể làm đúng như lời, có thể nói đúng như làm, trí huệ giải thoát, rõ biết cảnh giới thế gian, tuyệt dứt vòng sanh tử vào biển lớn trí tuệ, vì tất cả chúng sanh mà hộ trì chánh pháp. Giáo pháp thập hạnh dạy chúng ta cách sử dụng nó, làm sao trong mỗi hạnh tu, có thể phát huy năng lực bất khả tư nghi của chân lý tuyệt đối, hay sức mạnh của chân lý.

Thập Hạnh là công hạnh dựa vào sự tu trì và phát triển hạnh Thập tín và Thập trụ. Nghĩa là phải có lòng tin, phát Bồ Đề tâm, ngự trị được bản ngã, dùng thiền định an trụ nơi chân tâm, thì công hạnh khởi ra mới là hạnh chân lý.

PHẨM 22 - VÔ TẬN TẠNG



Sau khi thực hành những hạnh nguyện phát triển tâm Bồ Đề, người tu sẽ thành tựu mười tạng.

- Tín tạng: Tin và nghe bất khả tư nghì tất cả pháp là không, là vô tướng vô nguyện, vô tác, vô phân biệt, vô sở y, vô thượng, vô sanh, là bất khả lượng, tức là đã nhập trí huệ của chư Phật bất cận bất viễn, vô tri vô xả.

- Giới tạng: Thành tựu giới khắp lợi ích, giới chẳng thọ, chẳng trụ, không hối hận, không trái cãi, chẳng tổn não, không tạp uế, không tham cầu, không lỗi lầm, không huỷ phạm.

- Tám tạng: Ghi nhớ các điều ác đã làm trong quá khứ mà sanh lòng tự hổ.

- Quý tạng: Biết tự thẹn với những phiền não tội ác, chẳng kính trọng nhau, nhẫn đến oán thù nhau.

- Văn tạng: Biết rõ thập nhị nhân duyên, pháp thế gian, (sắc, thọ, tưởng, thành, thức), pháp xuất thế (giới, định, huệ, giải thoát, giải thoát tri kiến) pháp hữu vi (dục giới, sắc giới, vô sắc giới, chúng sinh giới), pháp vô vi (hư không, niết bàn, trạch diệt, phi trạch diệt), pháp hữu ký, pháp vô ký

- Thí tạng: Thực hành mười điều bố thí: phân giảm thí, kiệt tận thí, nội thí, ngoại thí, nội ngoại thí, nhất thiết thí, quá khứ thí, vị lai thí, hiện tại thí, cứu cánh thí.

- Huệ tạng: Được vô tận trí huệ - Vì tạng huệ vô tận có mười thứ bất khả cận, nên gọi là vô tận; vì đa văn thiện xảo bất khả tận, vì thân cận thiện tri thức bất khả tận, vì thiện

phân biệt cú nghĩa bất khả tận, vì nhập thân pháp giới bất khả tận, vì dùng trí nhất thiết vị trang nghiêm bất khả tận, vì hợp tất cả phước đức tâm không mỗi một bất khả tận, vì nhập tất cả môn đà la ri bất khả tận, vì hay phân biệt âm thanh ngữ ngôn đả chúng sanh bất khả tận, vì hay dứt nghi lầm của chúng sanh bất khả tận, vì tất cả chúng sanh mà hiện Phật thân lực để giáo hoá điều phục khiến họ tu tập không dứt.

- Niệm tạng: Là bỏ sự si lầm, được niệm lực đầy đủ: Tịch tịnh niệm - thanh tịnh niệm – bất trước niệm – minh triệt niệm - ly trần niệm- ly chủng chủng trần niệm - ly cấu niệm - quang diệu niệm - khả ái nhạo niệm - vô chứng ngại niệm.

- Trì tạng: Thọ trì, văn cú, nghĩa lý khế kinh của chư Phật nói không quên sót. Trì tạng vô biên, khó đầy, khó được thân cận, không gì chế phục được, vô lượng vô tận, đủ oai đức lớn, là cảnh giới Phật, chỉ có Phật rõ.

- Biện tạng: Có trí lực rất sâu, biết rõ thiết tướng rộng vì chúng sanh diễn thuyết các pháp chẳng trái với kinh điển của chư Phật lúc thuyết pháp, tiếng vi diệu vang khắp thế giới muôn phương, tùy căn tánh điều làm cho đầy đủ, lòng hoan hỷ, dứt trừ phiền não, khéo vào tất cả âm thanh, ngữ ngôn, văn tự biện tài, khiến chúng sanh chẳng dứt Phật chủng tâm thanh tịnh được tương tục cũng dung pháp quang minh mà thuyết pháp không cùng tận, chẳng mỗi một.

Mười pháp vô tận này có thể khiến chữ thực hành của tất cả thế gian trọn được rất ráo tạng lớn vô tận.

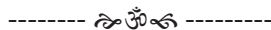
Hội thứ tư, từ phẩm 19, Thăng Dạ Ma Thiên đến phẩm

22: Thập vô tận tạng, hội thuyết về thập hạnh, do hội chủ là Bồ Tát Công Đức Lâm giảng trên cung trời Dạ Ma, khẳng định trên bước đường tu tập, tu không phải chỉ ngồi thiền, im lặng mà thành Phật. Tu là phải phát triển tâm Bồ Đề, là đòi hỏi người tu phải sống trong cảnh giới chúng sanh, giác ngộ với chúng sanh, tâm thức mà giác ngộ thì phải có năng lực làm người khác giác ngộ theo.

Bởi vậy sau khi đã khai phát Bồ Đề tâm, người tu phải hiện thực nó trong mọi hoàn cảnh, chia sẻ nó với mọi chúng sinh, vận dụng nó trong mọi nhân duyên, phát triển nó trong mọi điều kiện.

Nói cách khác, lúc này tâm Bồ Đề hoàn toàn tự tại vận hành, tâm lượng của người tu đã rộng lớn, đầy đại từ đại bi, sâu dày đạo đức, thề nguyện lớn lao, đủ năng lực để vận độ chúng sanh từ bờ mê đến bờ giác. Trong khi ở những giai đoạn trước tâm tùy cảnh tu, ở giai đoạn này, tâm có thể chuyển cảnh, tạo cảnh, biến cảnh một cách không vô ngại. Tuy làm mọi công hạnh, nhưng hành giả không chấp trước vào đâu cả, đúng nơi thuyết giảng, cung trời Dạ Ma, lơ lửng giữa không trung, chẳng dựa vào đâu cả.

PHẨM 23 + 24: THẮNG ĐÂU SUẤT THIÊN CUNG VÀ ĐÂU SUẤT KỆ TÁN



Đức Phật lại dùng thần lực chẳng rời các chỗ: cây Bồ Đề, đảnh Tu Di Sơn, Dạ Ma Thiên cung, mà qua đến Đâu Suất Đà Thiên, nơi điện Diệu Bửu Trang Nghiêm, do Đâu Suất Thiên Thiên Vương quản lý.

Đâu Suất Thiên Vương vọng thấy Đức Phật đến liền dọn trà Ma Ni Tạng Sư Tử tại giữa điện. Tòa Sư Tử này do các thứ hoa báu thơm đẹp, những đồ trang nghiêm tuôn ánh sáng như mây. Từ trong lâu đài chói sáng kết thành bảo tràng, vô biên Bồ Tát và đạo tràng hội chúng đều hợp nơi đó. Ma Ni bửu châu bất tư nghì âm kết lại thành lưới. Tòa Sư Tử cao rộng tốt đẹp: đài bằng châu ma ni, lưới bằng hoa sen, vòng quanh bằng bảo châu vi diệu thanh tịnh, hoa đẹp nhiều màu kết thành chuỗi, cung điện, lâu đài, cửa nẻo, thềm bậc, tất cả hoàn toàn trang nghiêm.

- Thiên vương và chư thiên dùng tâm thanh tịnh rưới vô số mây màu hoa màu hương, màu tràng hoa, bửu cái, thiêng, mây diệu bửu để cúng dường Phật họ cùng chúng hội đồng phụng thỉnh Đức Như Lai ngự trên bửu tòa, điện Bửu Trang Nghiêm tự nhiên trang nghiêm vượt hẳn trên sự trang nghiêm của chư thiên.

- Lúc Đức Phật ngồi kiết già trên tòa sư tử Ma Ni Bửu Trang Nghiêm, từ hai gối phóng trăm ngàn ức na do tha quang minh, chiếu khắp tất cả thế giới tận pháp giới, hư không giới.

Đầu gối là chỗ tiếp giáp, là cầu nối giữa bắp đùi ở trên và cẳng chân ở dưới. Điều này nói lên Đức Phật muốn đưa ra một giáo pháp tiếp nối khiến Bồ Đề tâm từ chỗ hữu hạn phát triển đến chỗ vô hạn.

- Khi hào quang phóng ra, có muôn vàn màu sắc, muôn vàn cảnh giới hiện ra trong đó, biểu thị cho việc trên bước đường tu tập, người ta phải phát nguyện thể hiện lòng đại bi thâm nhập vào thế giới chúng sinh. Đại bi càng vĩ đại vô

biên thì đại trí mới càng vô hạn thâm sâu. Muốn phát triển lòng đại bi thì phải phát nguyện cứu độ chúng sanh. Do đó muôn vàn màu sắc của hào quang là ám chỉ cho muôn vàn đại nguyện người tu phải phát.

- Nhờ có đầu gối nên chân mới bước đi uyển chuyển, dễ dàng và thân thể được cân bằng. Giáo pháp hồi hướng được thuyết giảng tại hội xứ Đâu Xuất Thiên Cung do đức Kim Cang Tràng Bồ Tát làm hội chủ. Giáo pháp hồi hướng (hồi nghĩa là quay về, hướng nghĩa là hướng tới) là giáo pháp khiến việc tu trí tuệ và từ bi được cân bằng, trung đạo và dễ dàng đạt tới viên mãn. Đặc tính trung đạo của pháp này, cũng như đầu gối làm chân có thể co duỗi, uyển chuyển không cứng nhắc, khiến cho hành giả tu hành không hẹp hòi, cực đoan, chấp chặt vào một pháp tu, một thành kiến.

Đức Phật đang ngự trị trên cung trời Đâu Suất, một tầng trời thanh tịnh, còn gọi là Tri Túc Thiên. Ở đây, ai cũng biết đủ, ham tu, trọng pháp, không đắm đuối trong cái vui thù thắng của cõi trời. Nơi đây, trong nội viện của cung trời, đức Di Lặc đang ngự, thuyết pháp, đợi chờ nhân duyên để giáng sinh cõi trần. Bởi thế phóng quang ở cung Đâu Suất là nói tới pháp trọng về nhập thế, độ sinh hơn là pháp xuất ly tự giải thoát.

PHẨM 25 - THẬP HỒI HƯỚNG



Kim Cang Tràng Bồ Tát thuyết giảng về Thập Hồi hướng gồm 10 bậc.

- Cứu hộ nhất thiết chúng sinh, ly chúng sinh tướng

hồi hương: Trí huệ mở mang, thần thông đầy đủ, Phât sự đã thành, tự tánh tinh tuý thuần chơn, xa lìa các lỗi lầm, ngay khi hoá độ chúng sinh mà diệt tướng năng độ, sở độ, xoay tâm vô vi hướng về tự tính niết bàn.

- Bất hoại hồi hương: Diệt hoại tất cả cái gì có thể diệt hoại, viễn ly tất cả các sự xa rời, tức xa lìa chúng sinh tướng, tướng xa lìa cũng phải lìa. Vậy tướng hoại là sở không, lìa cái lìa thì năng không. Năng sở đều không, bản giác bất hoại.

- Đẳng nhất thiết Phât hồi hương: Bản giác trạm nhiên, tính bản giác yên lặng, tâm giác tịch nhiên bình đẳng Phât giác.

- Chí nhất thiết xứ hồi hương: Tính chân phát ra sáng suốt, tinh túy sáng tỏ, tâm địa đồng như Phât địa.

- Vô tận công đức tạng hồi hương: Thế giới và Như Lai xen lộn lẫn nhau, được chẳng ngăn ngại, thành tựu các thứ vô tận.

- Tuỳ thuận bình đẳng thiện cắng hồi hương: Lý trí viên dung, đồng như Phât địa, mỗi mỗi sanh ra cái nhân trong sạch. Nương nhân ấy phát huy những nhân hạnh thanh tịnh, hồi hương đạo niết bàn.

- Tuỳ thuận đẳng quán nhưt thiết chúng sanh hồi hương: Chân thiện cắng đã thành, thuận theo bản lai tự tánh, thì mười phương chúng sanh đều là bản tánh của ta, thành tựu tánh tròn đầy, chẳng bỏ chúng sanh.

- Chân như tướng hồi hương: Tức nơi tất cả pháp, ly nhất thiết tướng, cho đến rốt ráo cả **Tức** và **Ly**, cả hai đều chẳng dính mắc.

- Vô phược giải thoát hồi hướng: Không tức, không ly, thể tính như chân, cùng khắp mười phương, tự tại độ sinh, không gì ngăn ngại.

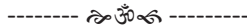
- Pháp giới vô lượng hồi hướng: Tính đức cụ túc viên mãn thành tựu, số lượng của pháp giới không thể tính đếm, hay nghĩ bàn. Cho nên, đạt đến pháp giới vô lượng hồi hướng thì con số nghĩ bàn tính đếm không còn.

Giáo pháp Thập hồi hướng dạy người tu an trụ nơi chân tâm, thực hành mọi công hạnh, làm sao cho công hạnh ấy phát triển đến chỗ vô hạn lượng, hướng về chúng sinh và chân Như. Bởi vì tất cả những thứ tinh thần, công đức là thứ có giới hạn mà khiến nó nhập vào pháp giới, Chân Như là thứ tuyệt đối về tinh thần, và công đức mới tiêu dung, trở thành tuyệt đối được. Nếu dồn công đức về chúng sinh thì công đức ấy mới trở thành vô lượng vô biên vô hạn, vì chúng sinh thì nhiều vô số, vô biên, vô hạn lượng.

Pháp hội thứ năm là giai đoạn tột đỉnh của bước phát triển tâm Bồ Đề. Nếu chúng ta nhìn lại từ đầu thì thấy rõ rằng người tu phải rũ bỏ phiền não vọng tưởng, cố chấp, thành kiến (hội một), để tiến đến phát khởi tâm Bồ Đề thanh tịnh, (hội hai), sau đó dùng chánh định dứt vọng tâm, an trụ Bồ Đề tâm (hội ba), kế đó toi luyện, phát huy và chia sẻ Bồ Đề tâm với chúng sinh trong vạn cảnh sai thù (hội bốn). Tới đây người tu phải phát triển trọn vẹn Bồ Đề tâm cho tới mức vô lượng vô biên. Từ bi hỷ xả phải quảng đại vô cùng, tâm không có một chướng ngại, một biên giới nào nữa thì mới thành. Tất cả những sự tiến triển đều thực hiện trong vòng chánh định, không phải là sự miệt mài cho bén nhọn vọng

tướng của hàng ngoại đạo trong vô tướng thiên, không vô biên xứ thiên... Lúc bấy giờ công đức và trí huệ của người tu thành tựu đến chỗ không thể nghĩ bàn.

PHẨM 26 - THẬP ĐỊA



Lúc ngự trên cung trời Tha Hóa Tự Tại, Phật phóng một đạo hào quang thanh tịnh từ giữa chặng mày tên Bồ Tát lực biện minh. Khi hào quang phóng ra có vô số ánh sáng vô minh khác đồng thời tỏa chiếu rọi khắp mọi cõi nước trong mười phương. Những luồng ánh sáng thần diệu ấy làm ngưng hẳn mọi đau khổ trong ba ác đạo, hiển hiện tất cả chúng hội của Như Lai, tất cả thân Phật trong mọi nơi và thuyết giảng tất cả chân lý. Sau khi chiếu xong hào quang kết tụ trong hư không, tạo thành những lớp mây đan kết trùng điệp như mạng lưới giăng phủ cả bầu trời. Hình dạng của những mạng lưới này giống như một cái đài, cao, rộng lớn, sâu thẳm.

Tại hội xứ Tha Hóa thiên cung này, hội chủ là ngài Kim Cang Tạng Bồ Tát, hội thuyết giảng pháp Thập địa gồm:

- Hoan hỷ địa: Chỗ giác ngộ đã cùng tột cảnh giới chư Phật diệt trừ được phân biệt ngã chấp và phân biệt pháp chấp, khéo được thông đạt nơi Đại Bồ Đề, bắt đầu được pháp lạc.

- Ly cấu địa: Tất cả những tính sai khác đều vào một tính đồng và tánh đồng cũng diệt.

- Phát quang địa: Thanh tịnh cùng tột, sáng suốt sinh ra.

- Diệm tuệ địa: Trí tuệ sáng suốt tột bậc, giác ngộ được

viên mãn.

- Nan thắng địa: Tất cả cái đồng, cái khác không thể đếm được.

- Hiện tiền địa: Bản tính thanh tịnh vô vi, chân như tỏ lộ.

- Viễn hành địa: Tất cả đều là chân Như, cùng tốt bờ bến chân Như.

- Bất động địa: Một tâm chân Như, thường trụ không thay đổi.

- Thiện tuệ địa: Phát ra cái dụng chân Như, hiện ra vô số thân hoá độ chúng sinh, đầy đủ bốn trí vô ngại (Pháp vô ngại, Từ vô ngại, Nghĩa vô ngại và Nhạo thuyết vô ngại).

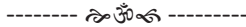
- Pháp vân địa: Tu tập hoàn thành, công đức đầy đủ, (Bồ tát) từ bi trí tuệ viên mãn, đủ sức che chở chúng sinh khắp biển Niết Bàn.

Bước tới giai đoạn này là đoạn đường vĩ đại của người tu: Sự lớn mạnh vô hạn vô biên của Bồ Đề tâm thể nhập với chân tâm và pháp giới tánh. Đây chính là giai đoạn bản ngã, cái tôi đã chết hẳn.

Đây cũng là giai đoạn chân tâm tuyệt đối tánh khai triển trên sự vô biên vô lượng của Bồ Đề tâm (tức đại bi, đại nguyện, đại trí). Đến bước này chân tâm mới hoàn hiển lộ và tự tại vận hành. Khi đó, mọi công hạnh đều trở dậy từ chân tâm. Mọi chấp trước vào cảnh giới đều giải trừ. Đây là giai đoạn bất khả tư nghì nhất trên đường tu. Chính trong kinh Hoa Nghiêm lấy giai đoạn này làm cơ bản cho sự tu hành tiến lên thành Phật. Thiếu giai đoạn này thì không sao thành

Phật đượ. Hội thập địa, nghĩa là hội nền tảng, như mặt đất làm nền cho vạn sự sống vậy.

PHẨM 27 - THẬP ĐỊNH



Tại điện Phổ Quang Minh, Phổ Hiền Bồ Tát thừa vâng lệnh của Đức Phật, thuyết giảng về Bồ Tát Thập định – pháp giới đi vào thể tánh của sự vật, tạo thành thể giới an lành của Chư Phật đó là

- Phổ Quang Trí Định: Bồ Tát có được 10 pháp môn vô tận, pháp 10 môn vô biên tâm, nhập 10 môn tam muội sai biệt trí, đạt trí thiện xảo ,nhập định và xuất định không bị làm loạn, quán tất cả pháp nhất tướng vô tướng, cũng chẳng hư loại tự tánh các pháp. Trụ luôn nơi tánh chơn như chẳng hề bỏ rời.

- Trí thiện xảo diệu quang định: Huyền trí giải thoát, trụ nơi huyền tế, nhập ở huyền số thế gian, tư duy các pháp thấy điều như huyền, cúng tận nơi huyền trí, rõ biết tam thế cùng huyền không khác, thông đạt quyết định, tâm không ngăn mé

- Thứ đệ vãng hành Chư Phật quốc độ: Nơi thứ đệ thập phương thế giới nhập thần thông tam muội, thấy rõ ngàn ấy vô số thế giới cũng vậy, với các pháp chẳng quên chẳng mất, đến nơi rất ráo.

- Thanh tịnh thâm tâm hành: Thấy vô lượng Phật hơn số vi trần trong vô số thế giới nhập vào đại bi của Chư Phật, được sức vô ngại bình đẳng của Chư Phật. Trọn chẳng phân

biệt tướng xuất thế cùng nhập Niết Bàn của Như Lai Chư Phật có tướng hay không tướng đều là tâm tướng phân biệt.

- Trí quá khứ trang nghiêm tạng: Được vô biên thứ đệ trí, do thọ mười thứ pháp quán đánh: Biện thuyết chẳng trái nghĩa, thuyết pháp vô tận, huấn từ không lỗi, nhạo thuyết dứt, tâm không khủng bố, lời quyết thành thật, chúng sanh ý tựa, cứu thoát ba cõi, thiện căn tối thắng và điều ngự diệu pháp.

- Trí Quang Minh Tạng Định: Biết vị lai chư Phật trong tất cả kiếp tất cả thế giới, nên nhập mười thứ trì môn, khiến chúng sanh được mười thứ bất không: Kiến bất không – Văn bất không – Đồng trụ bất không – Phát khởi bất không – Hạnh bất không – Thân cận bất không – Nguyện bất không – Thiện xảo pháp bất không – Mưa pháp vũ bất không – Xuất hiện bất không.

- Liễu tri nhứt thiết thế giới Phật: Thấy thứ đệ chư Phật trong thập phương thế giới xuất thế, cũng thấy các loại trang nghiêm của Chư Phật thần thông biến hóa. Thấy Phật có vô lượng ánh sáng màu sắc, hình tướng đều viên mãn thành tựu bình đẳng thanh tịnh, mỗi mỗi hiện tiền chúng biết phân minh.

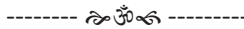
- Liễu tri chúng sinh sai biệt thân: Bồ Tát nơi tam muội này, nội thân nhập ngoại thân khởi, ngoại thân nhập nội thân khởi, đồng thân nhập dị thân khởi, dị thân nhập đồng thân khởi, tự thân nhập định, tha thân khởi, tha thân nhập định, tự thân khởi, đồng cảnh nhập định, dị cảnh khởi; Dị cảnh nhập định, đồng cảnh khởi, một thân định, nhiều thân khởi, nhiều thân nhập định, một thân khởi.

- Pháp giới tự tại định: Tự nhãn xứ nhãn đến tự ý xứ

nhập tam muội, nếu gọi là pháp giới tự tại, khéo phân biệt nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý, sanh khởi Đà la ni pháp quang minh, thành tựu hạnh thanh tịnh, chứng được thiện căn, viên mãn thần thông, nhập tam muội, đắc thần lực, trưởng dưỡng công lực, viên mãn thân tâm, thị hiện thần biến, đầy đủ ức Bồ Tát vô ngại.

- Phá vô ngại luân định: Trụ nơi Phật độ, bày biến hóa vô ngại quảng đại. Chuyển pháp luân vô ngại thanh tịnh được Bồ Tát vô ngại vào khắp Phật lực. Trụ khắp Phật trí. Làm chỗ làm của Phật, tịnh chỗ tịnh của Phật. Hiện Phật thần thông, làm cho Phật hoan hỷ. Thực hành hạnh Như Lai. Thường được gần gũi vô lượng Phật, làm những Phật sự nổi thạnh dòng Phật.

PHẨM 28 - THẬP THÔNG



Từ Thập định bước qua Thập thông, Bồ Tát lý giải tất cả vấn đề dễ dàng, vì đã trải qua sinh tử nhiều đời, Bồ Tát Phổ Hiền dạy ý này là thấy đúng sự thật của tam thế gian. Sự vật thế nào thấy như vậy, gọi là Thập Như Thị (Kinh Pháp Hoa). Nhìn mọi diễn biến của cuộc đời tất yếu phải như vậy, không thắc mắc buồn phiền, sự vật không thể chi phối Bồ Tát. Bồ Tát vượt qua mọi chướng duyên, biết rõ tất cả nghĩ gì, theo đó đáp ứng, độ thoát chúng sanh. Nếu không thông thì vào đời, đụng vào đâu là mắc kẹt đó. Làm sao không thông cho được, vì Bồ Tát đã thành tựu thập thông:

- Thiện tri tha tâm trí thần thông.
- Vô ngại thiện nhãn trí thần thông.

- Túc trụ trí thần thông.
- Trí thần thông
- Trí thần thông thiên nhĩ thanh tịnh vô ngại.
- Vô thể tánh, vô tác thần thông.
- Trí thần thông khéo phân biệt ngôn âm.
- Trí thần thông xuất sanh vô số sắc thân.
- Nhứt thiết pháp trí thần thông.
- Nhứt thiết pháp diệt tận tam muội trí thần thông.

Bồ Tát nhập minh khác với nhị thừa nhập ám, tái sanh bị ngũ ấm ngăn che, Bồ Tát thông nhập vào đời, không bị ngũ ấm ngăn che, không bị thân ngũ ấm hành hạ, lý giải được mọi việc, không bị bất cứ thứ gì ràng buộc, gây khó khăn cho việc hành đạo.

PHẨM 29 - THẬP NHÃN

----- 卍 卍 卍 -----

Hàng Bồ Tát có 10 thứ nhãn: Âm thanh nhãn, Thuận nhãn, Vô sanh pháp nhãn, Như ảnh nhãn, Như hóa nhãn, Như không nhãn...

Thập nhãn ở đây không phải là nhãn nhĩ của phàm phu, cũng không phải nhãn của hàng nhị thừa. Nhãn của phàm phu là cần rằng chịu đựng đau khổ để đạt được việc khác cao hơn hàng nhị thừa đạt nhãn lực thoát ly sanh thân, trụ ngoài sự nhận thức riêng biệt, ai làm gì mặc họ, thậm chí bị họ giết chết cũng không hay. Nhãn của phàm phu dễ biết và nhãn của nhị thừa cũng bình thường, vì người gây sự

nhưng ta không quan tâm cũng không khó.

Tiến lên pháp nhẫn của Bồ Tát thuần thực, người gây khó khăn là thẳng nhân để Bồ Tát độ họ, không phải Bồ Tát không để tâm, nhưng để tâm kỹ hơn, xem ai gây khó và tùy theo hoàn cảnh để giải quyết tốt đẹp. Có người chống đối, Bồ Tát vui, vì có cơ hội để thể nghiệm pháp .

Bồ Tát nhẫn được vì biết rõ mọi việc, hoàn toàn thanh thản. Người đời thấy Bồ Tát chịu đựng, bị đổ lên những việc xấu ác; nhưng Bồ Tát thấy đó là huy hoàng, vì trên bước đường tu, không khó thì không khôn và cũng không được ai thương. Nhẫn lực của Đức Phật thể nghiệm để chứng minh tinh thần của Kinh Hoa Nghiêm mà ngài đã tuyên thuyết, đó là nhẫn mà không nhẫn, vì thực sự mang đến cơ hội tốt cho Bồ Tát hành đạo, dẫn đến thành tựu công đức.

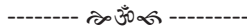
PHẨM 30 - A TĂNG KỲ

----- ॐ -----

Phẩm 30 nói về nghĩa số lượng của Phật đã nói từ A Tăng Kỳ nhẫn đến Bất Khả Thuyết - Bất Khả Thuyết, nghĩa là rất, rất nhiều. Vô lượng vô biên, vô đẳng bất khả số, bất khả xưng, bất khả tư, bất khả lượng, bất khả thuyết, đến bất khả thuyết; bất khả thuyết. Đơn giản nhất là cứ mười vạn (100.000) làm một Lạc xoa – 100 Lạc xoa làm một Câu chi. Câu chi lần câu chi làm một Câu chi làm một A gia đa. A gia đa lần A gia đa làm một Na do tha. Cứ tuần tự như vậy đến Tăng Bà la -> Căn yết la -> A già la -> Tối thắng -> Ma bà la -> Đa bà la -> Giới phần -> Phổ na... bất khả thuyết; bất khả thuyết chuyển. Trong đó, mỗi mỗi danh hiệu, có Như Lai,

hiện những sắc tướng bất khả thuyết, bất khả ngôn thuyết lỗ chân lông, đều phóng quang minh bất khả thuyết. và trong mỗi quang minh đều hiện liên hoa bất khả thuyết.

PHẨM 31 - THỌ LƯỢNG



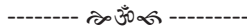
Nói về Thọ lượng vô lượng vô biên, vô đẳng của Chư Phật ở thập phương thế giới. Ở thế giới ta bà cõi của Phật Thích Ca đây một kiếp thì bằng một ngày một đêm của thế giới Cực Lạc, cõi của Phật A Di Đà. Một kiếp ở Cực Lạc thế giới là một ngày một đêm nơi thế giới Ca Sa Tràng, cõi của Kim Cang Kiến Phật.... cứ thế tuần tự như vậy, nhẩm đến quá trăm vạn a tăng kỳ thế giới, một kiếp ở thế giới tốt sao là một ngày một đêm nơi Thắng Liên Hoa thế giới, cõi của Hiền Thắng Phật. Phổ Hiền Bồ Tát và chư Đại Bồ Tát đồng hạnh đồng đầy trong thế giới Thắng Liên Hoa này.

Pháp thân chơn thường, hay Thọ Lượng của Chư Phật là chỗ mà tất cả chúng sanh khó hiểu khó vào. Như trong Diệu Pháp Hoa Kinh đã dạy: Nói về Thọ Lượng của chư Phật trong mười phương, mặc dù Đức Thích Ca, đã diệu dụng ngôn từ, vô biên vô số phương tiện, thí dụ trải bày, vậy mà trước khi tuyên nói về Như Lai Thọ Lượng, đức Như Lai ba phen đảnh ninh dặn bảo đại chúng nên gắng tin lời nói chắc thật của Như Lai, rồi lại chờ chúng hội ba phen cần cầu thưa thỉnh, lòng khát ngưỡng đã thiết tha, đức Như Lai mới nói. Vì nếu trong lòng chưa quyết chắc lời Phật thời tình thức phân biệt dễ sanh, mà tình thức phân biệt là bức trường thành ngăn cách pháp thân, là con đường đi ngược hướng

của thật tướng và cũng vì Pháp thân của Như Lai thường trú, hiện diệt độ mà không thật diệt độ khó hiểu khó vào, nên tiếp đó đức Như Lai nói dụ thầy thuốc, vì chữa bệnh cho các con mà phương tiện nói chết, kỳ thật thời vẫn còn.

Ngộ được Pháp thân chân thường này thời mới là chân ngộ, chân ngộ mà thực hành pháp tu là chân tu, chân ngộ chân tu là chân nhân, dùng chân nhân mới kết thành chân quả được.

PHẨM 32 - BỒ TÁT TRỤ XỨ



Phẩm này nói về thập phương thế giới, mỗi thế giới đều có chư Phật hiện hữu. Như phương Đông có xứ Tiên Nhon Sơn, có Kim Cang Thắng Bồ Tát cùng 300 vị Bồ Tát quyển thuộc diễn thuyết pháp. Phương Nam có Xứ Thắng Phong Sơn, có Pháp Huệ Bồ Tát cùng 500 Bồ Tát quyển thuộc diễn thuyết pháp. Phương Tây có xứ Kim Cang Diệm Sơn, có Tinh Tấn Vô Úy Hành Bồ Tát cùng 300 vị Bồ Tát quyển thuộc, diễn thuyết pháp.... Nhìn chung, mỗi xứ, mỗi nước đều có Bồ Tát trụ xứ để diễn thuyết pháp, để thực hành giáo pháp về Hạnh Bồ Tát vào thực tế của cuộc sống, ở bất kỳ đâu, vào bất cứ thời gian nào, cho dù trải qua A tăng kỳ kiếp nào! Trên bước đường hành đạo tu tập, Bồ Tát đi vào pháp giới cứu độ chúng sanh, trong Kinh Hoa Nghiêm gọi là Thập Pháp giới.

Hình ảnh Bồ Tát thị hiện, trụ xứ, đi vào pháp giới giúp cuộc sống thực tại thay đổi tốt đẹp, nghiệp trần lao của chúng sinh tiêu dần, từng bước được an vui giải thoát.

PHẨM 33 - PHẬT BẤT TƯ NGHÌ PHÁP



Pháp nghĩa là lý tất nhiên, lẽ đương nhiên. Nội dung kinh là những lý lẽ không sao phủ định được, mà ta gọi là chân lý, tức là pháp. Pháp là chân lý tuyệt đối vô hình vô tướng, thường trụ bất biến, bất sinh bất diệt. Nó là bản thể của mọi sự. Tuy ta không thể thấy nó, nhưng thiếu nó không được, cũng như mọi thiên thể thì dựa vào hư không, thiếu hư không thì thiên thể không thể tồn tại. Nhưng hư không chẳng dựa vào đâu. Cũng vậy, chân lý tuyệt đối thì độc lập chẳng dựa vào đâu. Do đó, từ pháp này thì đồng nghĩa với từ Phật tánh, chân như, thể tánh, chân tâm, chân không.

Phật có bất tư nghì pháp khắp cùng vô lượng vô biên pháp giới: Phổ nhập pháp, pháp quảng đại khó tin thọ, pháp trí hải vô tận, pháp tối thắng, pháp tự tại, thực hành pháp tự tại, pháp quyết định, tốc tạt... Nhìn chung Phật có vô lượng bất tư nghì pháp viên mãn, quán sát tất cả chúng sanh, với đầy đủ thiện căn lợi tha, đều phục chúng sanh không có thôi dứt.

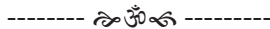
Mỗi mỗi niệm xuất sanh trí. Ở trong một niệm khắp tất cả chỗ khiến các chúng sanh đều thông đạt tất cả Phật pháp, vô lượng giải thoát rất ráo đến nơi bỉ ngạn vô thượng.

Đối với chúng sanh – những phàm phu tuy còn mê muội, nhưng ai nấy đều có cùng một thể tánh như nhau, cùng một Phật tánh bất sinh bất diệt, vô hình vô tướng. Nhưng vì u mê, không sao thấy được Phật tánh. Bây giờ nếu chịu khó ngồi thiền, dụng công tu hành thì từ từ tâm trí khai mở, sẽ

biết được Phật tánh. Cũng vậy, càng tiến tu bao nhiêu vọng tưởng chấp trước điên đảo càng rơi rụng bấy nhiêu. Lúc ấy người tu càng lúc, càng phát triển một năng lực đặc biệt, không thuộc trong phạm vi của tai, mắt, mũi, lưỡi, thân, ý để tri nhận sự hiện hữu của Phật tánh. Năng lực ấy là trí tuệ thông qua sự thăng nhập chân lý của pháp.

Chữ Pháp nhấn mạnh khía cạnh bất biến của Phật tánh. Chữ giới nhấn mạnh khía cạnh vô ngại biến hóa của Phật tánh. Pháp chỉ vào tính chất, còn giới chỉ vào tác dụng. Chữ Pháp nói về chân lý tuyệt đối, còn chữ giới nói về cảnh giới của sự vận hành trí tuệ, để ngộ nhập vào chân lý ấy. Thay cho chữ Pháp là chữ lý, thế cho chữ giới là chữ sự.

PHẨM 34 - THẬP THÂN TƯỚNG HẢI



Đức Phật có 32 tướng tốt (đại nhưn tướng), là: 1/. Quang chiếu nhất thiết phương. 2/. Phật nhãn quang minh vân. 3/. Sung mãn pháp giới vân. 4/. Thị hiện phổ chiếu vân. 5/. Phóng bửu quang minh vân. 6/. Thị hiện Như Lai khắp pháp giới đại tự tại vân. 7/. Như Lai phổ đặng vân. 8/. Phổ chiếu chư Phật quảng đại vân. 9/. Viên mãn quang minh vân. 10/. Chiếu khắp tất cả Bồ Tát hạnh tạng quang minh vân. 11/. Phổ quang chiếu diệu vân. 12/. Chánh giác vân. 13/. Quang minh chiếu diệu vân. 14/. Trang nghiêm phổ chiếu vân. 15/. Hiện Phật tam muội hải hạnh vân. 16/. Biến hóa hải phổ chiếu vân. 17/. Nhất thiết Như Lai giải thoát vân. 18/. Tự tại phương tiện phổ chiếu vân. 19/. Giác Phật chủng tánh vân. 20/. Hiện tất cả tướng Như Lai tự tại vân. 21/. Biến

chiếu nhứt thiết pháp giới vân. 22/. Tỳ Lô Giá Na Như Lai tướng vân. 23/. Phổ chiếu nhứt thiết Phật quang minh vân. 24/. Phổ hiện nhứt thiết trng nghiêm vân. 25/. Xuất tất cả pháp giới âm thanh vân. 26/. Phổ chiếu chư Phật biến hóa luân vân. 27/. Quang chiếu Phật hải vân. 28/. Bửu đặng vân. 29/. Pháp giới vô sai biệt vân. 30/. An trụ tất cả thể giới hải phổ chiếu vân. 31/. Nhứt thiết bửu thanh tịnh quang diệu vân. 32/. Chiếu khắp pháp giới trang nghiêm vân.

Ngoài ra, từ giữa chặng này của Phật cho đến các đây ngón tay của Phật còn có 65 tướng tốt nữa. Tổng cộng đức Phật có, 97 tướng tốt. Mỗi tướng tốt đều có công năng riêng. Ví dụ giữa chặng này của đức Phật có đại nhưn tướng tên là biến pháp giới quang minh âm, mắt có tự tại phổ kiến vân, mũi có nhứt thiết thần thông trí huệ vân, lưỡi có Thị Hiện Âm Thanh Ảnh Tượng Vân.v.v... Mỗi mỗi thân phần của Như Lai dùng những tướng vi diệu quý báu đẹp đẽ trang nghiêm.

PHẨM 35 - TÙY HẢO QUANG MINH

----- ॐ -----

Phẩm này nói về công đức thụ hưởng của chúng Bồ Tát khi tiếp nhận ánh quang minh của Phật. Khi hào quang phóng ra, có vô số ánh quang minh khác đồng thời chiếu tỏa, rọi khắp mọi cõi nước trong mười phương. Những luồng ánh sang thần diệu ấy làm ngừng hẳn mọi đau khổ trong ba ác đạo, hiển nhiên tất cả chúng hội của như lai, tất cả thân Phật trong mọi nơi và thuyết giảng tất cả chân lý. Sau khi chiếu xong, hào quang kết trụ trong hư không, tạo thành những lớp mây đen kết trùng điệp như mạng lưới giăng phủ cả bầu

trời trời. Hình dạng của những mạng lưới này giống như một cái đài cao, rộng lớn, sâu thẳm.

Cụ thể, Đại Bồ Tát an trụ nơi ngôi thanh tịnh kim võng chuyển luân vương phóng ma ni kết thanh tịnh quang minh. Nếu có chúng sinh nào gặp được quang minh này đều được bậc Bồ Tát đệ thập địa thành tựu vô lượng trí huệ quang minh, được mười thứ thanh tịnh nhãn, nhãn đến mười thứ thanh tịnh ý, đầy đủ vô lượng thậm thâm tam muội, thành tựu nhục nhãn thanh tịnh. Tất cả Phật độ quảng đại như vậy có bao nhiêu vi trần, nhục nhãn thanh tịnh nghiệp báo của Bồ Tát, trong một niệm đều có thể thấy rõ. Cũng thấy trăm ức Phật sát, rộng lớn vi trần số Phật. Như gương pha lê trong sạch sáng suốt chiếu mười phương Phật sát vi trần số thế giới.

PHẨM 36 - PHỔ HIỀN HẠNH

----- 卍 〰 卐 -----

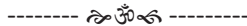
Hạnh Phổ Hiền phải trải qua mười pháp tu: Tâm chẳng xa bỏ chúng sinh; với Chư Bồ Tát xem như Phật; có lòng tin nếu nơi Bồ Tát hạnh; chẳng bỏ tâm bình đẳng hư không pháp giới Bồ Tát; quán sát Bồ Đề nhập Như Lai lực, riêng tu vô ngại biện tài; giáo hóa chúng sanh không nhàm mỏi, và trụ nơi tất cả thế giới không tâm nhiễm trước.

Thời có thể đầy đủ mười thứ thanh tịnh, đạt mười thứ trí quảng đại, được mười thứ phổ nhập, an trụ mười tâm thắng diệu, thành tựu được mười thứ Phật pháp thiện xảo trí: Liễu đạt và xúc sanh Phật pháp thậm thâm quảng đại; thiện xảo tuyên thuyết các thứ Phật pháp; chứng thật Phật pháp bình đẳng; minh liễu Phật pháp sai biệt; ngộ giải Phật pháp vô

sai biệt; thâm nhập trang nghiêm Phật pháp; thiện xảo một phương tiện vào Phật pháp, và thiện xảo vô lượng phương tiện vào Phật pháp; biết vô biên Phật pháp vô sai biệt; dùng từ tâm từ lực không thoái chuyển nơi tất cả Phật pháp.

Đại Bồ Tát nghe pháp này đều phải phát tâm cung kính thọ trì. Vì đại Bồ Tát thọ trì pháp này ít tốn công lực mà mau được vô thượng chánh đẳng chánh giác, đều được đầy đủ tất cả Phật pháp đều bằng với tam thế Phật pháp.

PHẨM 37 - NHƯ LAI XUẤT HIỆN



Bấy giờ đức Phật từ trong tướng bạch hào giữa chặng này, phóng đại quang minh tên là Như Lai xuất hiện. Độ phóng quang giữa chặng này lần này, ngài hiển lộ chân nghĩa của cảnh giới tất cả Chư Phật đều chứng, nằm trong một phẩm kinh vô cùng đặc biệt: Phẩm Như Lai Xuất Hiện.

Khác với các phẩm hội trước chỉ phóng quang một lần, trong phẩm này Phật phóng quang liên tiếp hai lần. Hào quang sau khi phóng ra, nó phát khởi ra vô lượng ánh quang minh khác đồng thời chiếu rọi khắp mười phương. Sau đó những ánh hào quang ấy xoay quanh khắp pháp giới mười vòng, hiển hiện ra những tính chất tự tại của một vị Phật, giác ngộ chư Bồ Tát, chấn động các cõi nước, độ vô biên chúng sinh, che khuất tất cả cung điện của ma vương, xong rồi những hào quang ấy quay lại nhiều quanh bên phải chúng hội Bồ Tát rồi nhập vào đỉnh đầu của Bồ Tát là Như Lai tánh khởi diệu đức, tuyên bày giáo pháp Đẳng giác và Diệu giác.

Lần phóng hào quang vừa rồi hoàn toàn hiển lộ chân

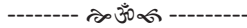
nghĩa của một vị Phật. Tới đây ta có thể kết luận rằng sự trình bày giáo pháp của Phật như thế là đã đầy đủ. Bước này là hệ quả của bước trước. Tâm chân như bây giờ vận hành tự tại và vô ngại nhất. Tất cả những chướng ngại cực kỳ vi tế nhỏ nhặt làm cản trở sự vận hành của tâm diệt đối trong cảnh tương đối bây giờ hoàn toàn được tận trừ. Như Lai ngược dòng vào bể sanh tử mà hóa độ, từ quả vị trở lại nhân địa, cứu độ cứu chúng sanh. Bồ Tát thuận hành từ chúng sanh tu đến quả Phật, thuận ngược đều giao tiếp nơi Bốn giác gọi là Đẳng giác.

Đến Đẳng giác, giác ngộ sinh tướng vô minh thì chứng được Nhân Địa Như Lai (tức là Diệu giác), chuyển Dị Thực Thức thành Bạch Tịnh Thức, nhập một với pháp giới tính là then chốt của nhân quả, vào kim cương đạo và được bậc Càn Tuệ Địa trong Kim Cang Tâm. Tất cả những nhân duyên những nhân duyên độ sinh đều hoàn thành viên mãn. Tất cả những hạnh nguyện pháp môn đều đạt đến chỗ vô biên. Lòng đại từ, đại bi, đại hỷ, đại xả đã được vận dụng tới mức thuần thực. Không có một nhân địa tu hành nào không thành thực viên mãn.

Nhìn lại từ lúc đầu, từ khi Phật phóng hào quang nơi răng, nơi lòng bàn chân, đầu ngón chân, bắp chân, đầu gối, giữa chân mày, thì tất cả những hào quang tụy quả thất hợp thành một giáo pháp hoàn chỉnh, chỉ ra một con đường tu rất có hệ thống, để đạt đến độ Như Lai xuất hiện.

Phẩm này kết thúc hội thứ bảy, hội thuyết Đẳng Giác và Diệu Giác, được hội chủ là Đức Phật thuyết giảng ở điện Phổ Quang Minh.

PHẨM 38 - LY THẾ GIAN



Mỗi hạt bụi trong kinh Hoa Nghiêm đều chứa đựng rất nhiều thế giới. Trong những thế giới nhỏ xíu ấy vẫn có đầy đủ mọi sự sinh hoạt sống động. Bụi trong vũ trụ thì vô biên, do đó thế giới trong hạt bụi ấy càng vô tận điều đó biểu thị rằng, trong mỗi ý niệm, mỗi vọng tưởng tượng trưng bằng thế giới thì chứa đựng trùng trùng vô tận những tập khí, thói quen tạo nghiệp tượng trưng bằng hạt bụi, chúng tương sinh tương trợ bất tận. Nhưng đồng thời tiềm năng giác ngộ tượng trưng cho sự xuất hiện của pháp hội Hoa Nghiêm trong mỗi hạt bụi cũng bất tận.

Phẩm 38, Ly Thế Gian, tại hội thuyết về hai ngàn pháp Viên Dung, do hội chủ là Đức Phổ Hiền, giảng ở điện Phổ Quang Minh, dạy người tu xử dụng đặc tính của pháp giới trong việc tu hành, khiến trong bước một bao hàm tất cả bước hai, ba, bốn... Một bước gói trọn mọi bước. Tu một bước là tu mọi bước. Tiến tới một bước là tiến tới trong mọi bước.

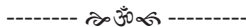
Rằng người tiến tu phải vận dụng chân tâm ngay trong khi mình còn đang chìm ngập trong biển phiền não vọng tưởng, bởi vì chân tâm thì vốn luôn tự do tự tại, nào bị bạn chế bởi phiền não đâu? Đến đây, từ bước hay giai đoạn không còn thích hợp để diễn tả đường tu nữa. Đây là công hạnh bất khả tư nghì vậy. Hội thuyết này là hội Viên Dung Hạnh, hay hội hai ngàn hạnh môn, vì nó đề cập đến hai ngàn pháp môn để tả viên dung vạn hạnh.

Điều mà ai cũng biết: Vật chất biểu hiện vô vàn hình thái hiện tượng khác nhau, nhưng không có cái thứ vật chất

nào làm cho con người nên tội. Cũng như thế, trần là hiện tượng thu gọn, tổng kết vật chất qua sáu dụng: Sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp trong từ Lục trần. Thì đã có thứ nào làm nên tội lỗi cho ai? Cho nên ta kết luận rõ ràng rằng (căn) cũng như (trần) đều không phải là nguyên nhân gây nên tội lỗi. Chẳng những thế mà còn ngược lại: Căn trần đều là những dữ kiện để đạt đạo thành tựu viên thông. Thế nhập sâu sắc tự đáy nguồn chân lý đó. Do con người nhận thức sai lầm vạn hữu, đánh giá thấp hoặc quá cao. Sự sai lầm đó, phủ lên hiện tượng vạn hữu lớp sương mù (biến kế chấp) làm cho con người không nhận được thực chất y tha duyên của hiện tượng vạn hữu. Do đó càng không thể biết được nguồn gốc thanh tịnh bản nhiên của viên thành thật trong bản thể Như Lai Tàng. Do đó vọng chấp sanh ra những quan niệm: Sanh, diệt, hữu, vô, đoạn, thường, lai, khứ... loạn khởi.

Điểm khó khăn là nếu mình không tìm được phương pháp thích hợp với căn tánh thì khó trừ được vọng tưởng tập khí. Có thầy tốt, có bạn lành, có pháp thích hợp, có phương tiện thiện xảo, có hoàn cảnh thuận tu, đó đều là những duyên thù thắng, để người tu đạt đến viên dung vạn hạnh.

PHẨM 39 - NHẬP PHÁP GIỚI



Đức Phật đang nhập định tên là Sư Tử Tàn Thân Tam Muội. Từ nơi tướng bạch hào giữa chạng này ngài phóng hào quang tên là Phổ Chiếu Tam Thế Pháp Giới Môn. Hào quang chiếu khắp mọi cõi nước Phật, mọi thế giới hải, khiến đại chúng đều thấy tất cả những cõi trong khắp vũ trụ, ngay

cả những cõi trong mỗi hạt bụi nhỏ bé vô cùng nơi những chỗ ấy tất cả những quang cảnh về sự tu hành của chư Bồ Tát, của chư Phật, tất cả những chuyện xảy ra trong thế gian, đều được hiển hiện cho đại chúng cùng thấy. Khi thấy những cảnh giới như vậy. Đại chúng ai cũng hoạch đắc tam muội, tùy nhân duyên bất đồng mà mỗi vị đắc tam muội bất đồng. Những môn tam muội ấy thì vô số. Ngay sau khi đắc tam muội như vậy. Các ngài lập tức khởi lên tác dụng tự tại, biến hóa độ sinh, tiếp tu hạnh Bồ Tát.

Phẩm 39 Nhập Pháp Giới được thuyết tại hội thứ chín, hội thuyết pháp giới viên mãn quả vị, hội chủ là đức Phật và các thiện trí thức, được giảng ở rừng Thệ Đa, chú trọng thể nghiệm pháp tu đã học để ấn chứng cho sự giác ngộ, trong khi tám hội trước chỉ chú trọng vào dạy pháp tu.

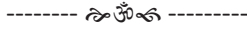
Thay vì nói từng pháp riêng biệt, hội nói sự phát triển liên tục của nội tâm từ khi mới tu tới khi thành đạo, qua hình ảnh một người cầu đạo, mang tên là Đồng tử Thiện Tài. Thay vì triển khai quá trình tu hành theo kiểu hành bố, dài đằng đẵng (phải trái qua) vô biên kiếp số như trong các hội trước, hội này khai mở khả năng tu hành thành tựu trong sát na, siêu việt thời không của phương pháp viên dung. Thay vì cường điệu công hạnh, hàng phục phiền não vọng tưởng, hội trình bày công năng vô song của Bồ Đề tâm, có thể xuyên thủng màn lưới vô minh. Chỉ cần tu theo hội này. Là có thể viên dung tất cả các hội khác.

Theo hội này, điểm đặc thù nhất của đường tu, không phải là chứng một cảnh giới (và do đó kẹt vào sở chứng), mà là khả năng để chân lý và công hạnh vận hành bất tận, nếu

chúng sinh: Nghiệp lực, vọng tưởng và phiền não vẫn là thực tại cho những kẻ chưa ngộ, thì chân lý và hạnh nguyện sẽ vẫn phải được tiếp tục vận hành vô tận. Do vậy, chúng ngộ không phải là cảnh giới Niết Bàn, mà là sự vận hành vô tận của Bồ Tát đạo. Điều này được minh chứng rõ ràng trong phẩm Thế Chủ Diệu Nghiêm, 36 chủng loại từ chư thần, đến thiên, long, cho tới Bồ Tát, mỗi vị ai ai cũng thuật lại kinh nghiệm về sự tu hành không ngừng của họ. Chẳng ai nhấn mạnh rằng họ tu để thành Phật. Họ cường điệu công hạnh độ sinh, thực hiện tu Bồ Tát hạnh trong vô biên kiếp.

Trên bước đường tu, sau khi đã đạt viên dung vạn hạnh, người tu đã minh chứng rằng chân tâm thường hằng bất biến, sau thời gian tu luyện, tâm Bồ Đề trường dưỡng đã thuần thực, một Thiện Tài tu tạo phước đức, trí tuệ, đã có các món thánh tài, trí huệ siêu việt, thể hiện Bồ Tát hạnh, nhập pháp giới chắc chắn dễ dàng tiêu biểu cho Phật cụ túc tất cả những gì thánh thiện nhất, phước báu nhất, đức hạnh nhất, và sáng suốt nhất.

YẾU CHỈ KINH HOA NGHIÊM



Sau khi trình tự nhân duyên thuyết kinh, cũng gọi là xuất xứ của kinh Hoa Nghiêm, kể đến Thích nghĩa danh đề, được gọi là Giải thích tên kinh, các nhà chú sớ hoằng truyền, đến phần nội dung chánh kinh. Nội dung tám mươi một quyển kinh Hoa Nghiêm chia làm bốn phần, gọi là **Tín, Giải, Hành, Chứng**. Mười một quyển đầu tiên là vì chúng sanh khai phát cửa **Tín**. Bốn mươi một quyển kế là vì chúng sanh khai phát cửa **Giải**. Bảy quyển kế tiếp là vì chúng sanh khai phát cửa **Hành**. Hai mươi một quyển sau là vì chúng sanh khai thị chỉ bày quả pháp cửa **Chứng**. **Sau cùng là Kết khuyến lưu thông và Công đức phổ hoá.**

Sau đây là bản phối hợp bốn phần, chín hội và 39 phẩm trong kinh Hoa Nghiêm:

Tín phần: gồm có 1 hội, 6 phẩm.

Hội thứ nhất:

Phẩm 1: Thế Chủ Diệu Nghiêm

Phẩm 2: Như Lai Hiện Tướng

Phẩm 3: Phổ Hiền Tam Muội

Phẩm 4: Thế Giới Thành Tựu

Phẩm 5: Hoa Tạng Thế Giới

Phẩm 6: Tỳ Lô Giá Na

- Hội thuyết về Y báo, Chánh báo của Phật

- Hội này được giảng tại Bồ Đề tràng

- Hội chủ là đức Phổ Hiền Bồ Tát

Giải phần: gồm có 6 hội, 31 phẩm.

Hội thứ hai:

Phẩm 7: Như Lai Danh Hiệu

Phẩm 8: Tứ Thánh Đế

Phẩm 9: Quang Minh Giác

Phẩm 10: Bồ Tát Văn Minh

Phẩm 11: Tịnh Hạnh

Phẩm 12: Hiền Thủ

- Hội thuyết pháp Thập Tín
- Hội này tại điện Phổ Quang Minh
- Hội chủ là đức Văn Thù Bồ Tát

Hội thứ ba:

Phẩm 13: Thăng Tu Di Đỉnh

Phẩm 14: Tu Di Kệ Tán

Phẩm 15: Thập Trụ

Phẩm 16: Phạm Hạnh

Phẩm 17: Sơ Phát Tâm Công Đức

Phẩm 18: Minh Pháp

- Hội thuyết pháp Thập Trụ
- Hội này giảng trên cung trời Đao Lợi
- Hội chủ là Bồ tát Pháp Huệ

Hội thứ tư:

Phẩm 19: Thăng Dạ Ma Thiên

Phẩm 20: Dạ Ma Kệ Tán

Phẩm 21: Thập Hạnh

Phẩm 22: Thập Vô Tận Tạng

- Hội thuyết pháp Thập Hạnh
- Hội này giảng trên cung trời Dạ Ma
- Hội chủ là Bồ tát Công Đức Lâm

Hội thứ năm:

Phẩm 23: Thăng Đâu Suất Thiên

Phẩm 24: Đâu Suất Kệ Tán

Phẩm 25: Thập Hồi Hướng

- Hội thuyết Thập Hồi Hướng
- Hội xứ Đâu Suất Thiên cung
- Hội chủ là đức Kim Cang Tràng

Hội thứ sáu:

Phẩm 26: Thập Địa

- Hội thuyết pháp Thập Địa
- Hội xứ Tha Hóa Thiên cung
- Hội chủ là Ngài Kim Cang Tạng

Hội thứ bảy:

Phẩm 27: Thập Định

Phẩm 28: Thập Thông

Phẩm 29: Thập Nhẫn

Phẩm 30: A Tăng Kỳ

Phẩm 31: Thọ Lượng

Phẩm 32: Bồ Tát Trụ Xứ

Phẩm 33: Phật Bất Tư Nghì Pháp

Phẩm 34: Thập Thân Tướng Hải

Phẩm 35: Tùy Hảo Quang Minh

Phẩm 36: Phổ Hiền Hạnh

Phẩm 37: Như Lai Xuất Hiện

- Hội thuyết Đẳng Giác và Diệu Giác
- Hội này giảng ở điện Phổ Quang Minh
- Hội chủ là đức Phật

Hạnh phần: gồm có một hội, một phẩm.

Hội thứ tám:

Phẩm 38: Ly Thế Gian

- Hội thuyết về hai ngàn Pháp viên dung
- Hội này giảng ở điện Phổ Quang Minh
- Hội chủ là đức Phổ Hiền

Chứng phần: gồm một hội, một phẩm.

Hội thứ chín:

Phẩm 39: Nhập Pháp Giới

- Hội thuyết pháp giới Viên Mãn quả vị
- Giảng ở rừng Thệ Đa
- Hội chủ là đức Phật và các Thiện tri thức

Giải thích nội dung ý nghĩa kinh Hoa Nghiêm chẳng ra ngoài **Ngũ châu, Lục tướng, Tứ pháp giới, Thập huyền môn.**

Ngũ châu gồm năm thứ nhân quả viên tròn chu đáo là nghĩa lý tổng quát của kinh hoa nghiêm.

1. Nhân quả sở tìn.
2. Nhân quả sai biệt.
3. Nhân quả bình đẳng.
4. Nhân quả thành hạnh.
5. Nhân quả chứng nhập.

Ngũ Châu Nhân Quả 五周因果 :

Sở tìn nhân quả - Giáo khởi khai ngộ nhân duyên phần.

Sai biệt nhân quả - Cử quả khuyến lạc sanh tìn phần.

Bình đẳng nhân quả - Tu nhân kế quả sanh giải phần.

Thành hạnh nhân quả - Thác pháp tiến tu thành hành.

Chứng nhập nhân quả - Y nhân chứng nhập thành đức.

所信因果 - 教起開悟因緣分
 差別因果 - 舉果勸樂生信分
 平等因果 - 修因契果生解分
 成行因果 - 托法進修成行分
 證入因果 - 依因證入成德分

Lục tướng là tổng, biệt, đồng, dị, thành, hoại. Theo sự thấy của phàm phu, trên “sự tướng” mà nói, sự và tướng mỗi mỗi cách biệt chẳng đủ lục tướng. Nếu theo sự thấy của bậc thánh mà nói, thể tánh các pháp, mỗi một sự, một tướng đều đủ lục tướng viên dung. Vì lục tướng viên dung nên các pháp tức là nhất chân pháp giới vô tận duyên khởi, cũng gọi là nhất chân pháp giới vô tận của Pháp giới. Lý viên dung này của vạn pháp do lục tướng mà được chứng tỏ. Lý này căn cứ theo lời văn nguyện thứ tư trong sơ địa thập đại nguyện của bốn kinh, và là một đại pháp môn của tông hoa nghiêm do Chí Tướng đại sư kiến lập (*nhị tổ tông Hoa nghiêm*).

1. Tổng tướng là nhất hàm đa đức như thân người có nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý, do các căn mà thành một thể.

2. Biệt tướng là nhiều đức dụng mỗi mỗi khác biệt chẳng phải một, như thân thể tuy là một mà nhãn, nhĩ v.v... các căn mỗi mỗi chẳng đồng.

Hai tướng tổng, biệt này là một thân với các căn tương đối của hai nghĩa bình đẳng và sai biệt (*nhân quả ngũ chu*).

3. Đồng tướng là nhiều đức dụng chẳng trái nhau, mỗi

mỗi sai biệt đều thành một nghĩa của tổng tướng, cũng như nhãn, nhĩ v.v... các căn mỗi mỗi đều thành nghĩa thân thể mà chẳng phải vật khác.

4. Dị tướng là nhiều nghĩa tương đối, mỗi loại khác nhau, cũng như tướng mạo của nhãn, nhĩ v.v... các căn đều khác nhau.

Hai tướng đồng dị này là các căn tương đối lẫn nhau mà sáng tỏ được hai nghĩa bình đẳng và sai biệt.

5. Thành tướng là nhiều nghĩa đang duyên khởi mà thành một thể, cũng như các căn duyên khởi mà thành một thân.

6. Hoại tướng là nhiều nghĩa, mỗi mỗi trụ nơi tự tướng mà chẳng thay đổi, cũng như các căn trụ nơi tự tướng mà mỗi mỗi đều hiện ra sự dụng riêng biệt của mình.

Hai tướng thành hoại này y theo hai tướng đồng dị mà sáng tỏ cái quả của hai tướng tổng biệt và hai nghĩa bình đẳng, sai biệt.

Lục tướng này y theo thể, tướng, dụng, phân làm hai nghĩa bình đẳng và sai biệt. biểu đồ như sau:

TỨ PHÁP GIỚI

1. Sự pháp giới: Các pháp sắc và tâm của chúng sinh mỗi mỗi sai biệt, có giới hạn phân cách, nên gọi là Sự pháp giới.

2. Lý pháp giới: Các pháp sắc và tâm của chúng sinh dù có sai biệt, mà đồng một thể tánh, nên gọi là Lý pháp giới.

3. Lý sự vô ngại pháp giới: Lý do sự mà hiển bày, sự do lý mà thành tựu, lý sự dung hợp lẫn nhau nên gọi là Lý sự vô ngại pháp giới.

4. Sự sự vô ngại pháp giới: Tất cả giới hạn, phân cách của sự vật xứng với tánh dung thông, một tức nhiều, nhiều tức một, lớn vào nhỏ, nhỏ vào lớn, trùng trùng vô tận, gọi là Sự sự vô ngại pháp giới.

Thập Huyền Môn cũng gọi là Thập huyền duyên khởi, do Hoa Nghiêm Tông kiến lập, để hiển bày Sự sự vô ngại pháp giới, trong Tứ pháp giới. Nếu thông suốt nghĩa này thì có thể nhập vào huyền hải của kinh Hoa Nghiêm, nên gọi là Huyền môn. Mười môn này làm duyên với nhau mà sanh khởi cái khác, nên gọi là Duyên khởi.

THẬP HUYỀN MÔN

1. Đồng thời cụ túc tương ứng môn:

同時具足相應門

Tất cả các pháp đồng thời đầy đủ trong một pháp, mỗi pháp đều có sự tương trợ lẫn nhau.

2. Quảng hiệp tự tại vô ngại môn:

廣合自在無礙門

Từ một tâm sanh ra vô lượng pháp là quảng, từ vô lượng pháp trở về một tâm là hiệp. Muốn quảng, muốn hiệp đều tự tại vô ngại.

3. Nhất đa tương dung bất đồng môn:

一多相庸不同門

Một pháp dung nạp nhiều pháp, nhiều pháp ở trong một pháp, mỗi pháp chẳng đồng mà đồng, đồng mà chẳng đồng.

4. Chư Pháp tương tức tự tại môn:

諸法相卽自在門

Tất cả pháp đều do tâm tạo, vốn chẳng có khác, nên pháp kia tức pháp này, pháp này tức pháp kia, tương tức với nhau.

5. Ẩn mật hiển liễu câu thành môn:

隱密顯了俱成門

Ngôn giáo của chư Phật hoặc ẩn hoặc hiển đều vì thành tựu cho chúng sanh.

6. Vi tế tương dung an lập môn:

微細相庸安立門

Tất cả pháp dù vi tế đến chỗ vô hình vô tướng cũng dung nạp lẫn nhau và cũng kiến lập lẫn nhau.

7. Nhân Đà La Võng pháp giới môn:

因陀羅罔法界門

Nhân Đà La Võng là lưới báu của Đế Thích, mỗi mắt lưới đều dùng châu ngọc kết nhau để dụ cho vạn pháp giao kết lẫn nhau, trùng trùng vô tận.

8. Thác sự hiển pháp sanh giải môn:

托事顯法生解門

Mượn sự vật giả thiết thí dụ để hiển bày chánh pháp cho chúng sanh được dễ sanh khởi tín giải.

9. Thập thế cách pháp dị thành môn:

十世格法異成門

Cổ kim xa cách nhiều kiếp, dù mỗi pháp khác biệt mà nhân quả tương trợ với nhau nên vạn pháp mỗi mỗi đều được thành tựu.

10. Năng sở viên minh cụ đức môn:

能所圓明具德門

Dù lập năng sở mà viên tròn sáng tỏ, siêu việt năng sở, tất cả công đức vốn tự đầy đủ.

Thập Huyền Môn duyên khởi với nhau để diễn tả pháp giới sự sự vô ngại. Tại sao các pháp sự sự vô ngại?

1. Vì duy tâm sở hiện, nên các pháp vốn chẳng có khác, chỉ do tâm Như Lai Tạng duyên khởi mà thành pháp sai biệt, nên phải có lý dung thông.

2. Vì pháp tánh vô định nên các pháp là pháp duyên khởi của tâm Như Lai Tạng, vốn chẳng có tự tánh nhất định, nên phải có lý dung thông.

3. Vì duyên khởi lẫn nhau, pháp duyên khởi không được tự thể độc lập, phải do pháp khác làm duyên mà thành, nên phải có lý dung thông.

4. Vì pháp tánh dung thông nên sự vật dung thông tự đúng như pháp tánh, nên phải có lý dung thông.

5. Vì pháp như mộng huyễn, các pháp chẳng thật, nên phải có lý dung thông.

6. Vì pháp như bóng hình, nên các pháp duyên khởi từ một tâm giới mà chẳng tồn tại, như bóng hình trong gương, nên phải có lý dung thông.

Sáu thứ nhân kể trên đều sẵn có lý dung thông, là y theo đức tướng của các pháp như như mà nói.

Bốn thứ nhân kể sau này là theo nghiệp dụng vô ngại mà nói.

7. Vì nhân vô hạn, nên hàng Bồ Tát tu nhân vô hạn, thì phải được quả nghiệp dụng vô ngại.

8. Vì Phật chứng chân tánh cùng tột, nên nghiệp dụng đúng như tánh cũng vô ngại.

9. Vì sức thiền định thâm sâu huyền diệu, nên được nghiệp dụng vô ngại.

10. Vì sức dụng thần thông giải thoát của tự tánh bất khả tư nghì, lia sự ràng buộc của vạn pháp mà được tự tại, nên nghiệp dụng vô ngại.

Như thế gọi là Sự sự vô ngại pháp giới. Nếu chứng được sự sự vô ngại pháp giới thì tất cả đều là việc tự kỷ, cũng gọi là Nhất chân pháp giới. Nhưng hiện nay người khắp thế gian đều chẳng biết có việc tự kỷ, vì họ chẳng biết nên chẳng chịu tin. Vì chẳng tin nên chẳng thể hành, chỉ ở trong giàu sang, phú quý, tửu sắc, tài lợi mà trôi qua một đời, chẳng được thành tựu gì cả, dù biết ngày chết sắp đến, cũng còn không chịu quay đầu lại. Thật đáng thương xót!

Nhất chân pháp giới, bao gồm vô biên thế giới, Mười thứ huyền môn, tổng nhiếp vô lượng pháp môn, tức sự tức lý, tức tánh tức tướng, tức tục tức chân, tức nhân tức quả, tức năng tức sở, tức Thánh tức phàm, tức đa tức nhất, tức chánh báo tức y báo, như lưới báu của Trời Đế Thích, trùng trùng hiển hiện, chẳng phải thần thông làm thành, vốn là pháp tánh như thế, kẻ mê gặp đâu đều chướng ngại, người giác ngộ ngay đó toàn hiển bày. Ấy là lời văn viên đốn, xứng với tự tánh của Kinh Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm, cũng là kinh của Thế Tôn giảng nơi thất xứ cửu hội vậy.

THẤT XỨ CỬU HỘI

1. Bồ Đề đạo tràng
3. Đạo Lợi thiên cung
4. Dạ Ma thiên
5. Đâu Suất thiên
6. Tha Hóa thiên
- 2, 7 và 8. Chung nơi Phổ Quang Minh điện
9. Thệ Đa lâm

- Đệ nhất hội thuyết Như Lai Y - Chánh
- Đệ nhị hội thuyết Thập Tín
- Đệ tam hội thuyết Thập Trụ
- Đệ tứ hội thuyết Thập Hạnh
- Đệ ngũ hội thuyết Thập Hồi Hương
- Đệ lục hội thuyết Thập Địa
- Đệ thất hội thuyết Đẳng Giác và Diệu Giác
- Đệ bát hội thuyết Pháp Viên Dung
- Đệ cửu hội thuyết Pháp Viên Mãn Quả Vị

Ngài Phổ Huệ Bồ Tát nêu ra hai trăm nghi vấn, Ngài Phổ Hiền Bồ Tát đã trả lời hai ngàn giải đáp, phàm nói một pháp thì tất cả pháp đều bao gồm trong đó, gọi là Pháp môn viên dung. Hành Bồ như hoa đào hoa lý thì hoa trước quả sau; Viên Dung dụ như hoa sen thì hoa quả đồng thời. Viên Dung có hai nghĩa:

1. Nhân gồm quả hải.
2. Quả thấu nguồn nhân.

a. Nhân gồm biến quả là khi nói về nhân hành quả vị Thập tín, thì các hạnh vị Thập trụ, Thập hạnh, Thập hồi hướng, Thập địa, Đẳng giác, Diệu giác đều bao gồm trong đó.

b. Quả thấu nguồn nhân là khi thuyết minh hạnh vị Đẳng giác, Diệu giác thì Thập địa, Thập hồi hướng, Thập hạnh, Thập trụ, Thập tín cũng đều bao gồm trong đó. Cho nên nói Hành Bồ, thì giáo tướng sai biệt; nói Viên Dung thì tánh tướng vô ngại. Tướng là tướng của tánh, nên Hành Bồ chẳng ngại Viên Dung; tánh là tánh của tướng, nên Viên Dung chẳng ngại Hành Bồ; vì Viên Dung chẳng ngại Hành Bồ, nên một tức là vô lượng. Hành Bồ chẳng ngại Viên Dung nên vô lượng tức là một. Vô lượng tức là một thì ẩn ẩn dung thông, một tức là vô lượng thì trùng trùng thấu nhập. Như thế cứu hội cộng thành tám mươi một quyển Kinh Hoa Nghiêm.

THẬP TRỤ - THIỆN TRI THỨC

- 1). Đức Vân Tỳ Kheo
- 2). Hải Vân Tỳ Kheo
- 3). Thiện Trụ Tỳ Kheo
- 4). Di Già Trưởng Giả
- 5). Giải Thoát Trưởng Giả
- 6). Hải Tràng Tỳ Kheo
- 7). Hưu Xá Ưu Bà Di
- 8). Tỳ Mục Cù Sa Tiên Nhân
- 9). Thắng Nhiệt Bà La Môn
- 10). Từ Hạnh Đồng Nữ

THẬP HẠNH – THIỆN TRI THỨC

- 1). Thiện Kiến Tỳ Kheo
- 2). Đồng Tử Tự Tại Chủ
- 3). Cự Túc Ưu Bà Di
- 4). Minh Trí Trưởng Giả
- 5). Pháp Bảo Trưởng Giả
- 6). Phổ Nhãn Trưởng Giả
- 7). Vô Yếm Túc Vương
- 8). Đại Quang Vương
- 9). Bất Động Ưu Bà Di
- 10). Biến Hành Ngoại Đạo

THẬP HỒI HƯƠNG – THIỆN TRI THỨC

- 1). Chúc Hương Trưởng Giả
- 2). Bà Thi La Thuyền Trưởng
- 3). Vô Thượng Thắng Trưởng Giả
- 4). Sư Tử Tần Thân Tỳ Kheo Ni
- 5). Nữ Nơn Bà Tu Mật
- 6). Cư Sĩ Tỳ Sắc Chi La

- 7). Quan Thế Âm Bồ Tát
- 8). Chánh Thủ Bồ Tát
- 9). Đại Thiên Thần
- 10). An Trụ Địa Thần

THẬP ĐỊA – THIỆN TRI THỨC

- 1). Chủ Đương Xuân Sanh (Dạ thần)
- 2). Phổ Đức Tịnh Quang Thần
- 3). Hỷ Mục Quán Sát Thần
- 4). Phổ Cứu Diệu Đức Thần
- 5). Tịch Tịnh Âm Hải Thần
- 6). Thủ Hộ Tăng Trưởng Thần
- 7). Khai Phu Thọ Hoa Thần
- 8). Đại Nguyện Tinh Tấn Thần
- 9). Diệu Đức Viên Mãn Thần
- 10). Thích Nữ Cù Ba

ĐẰNG GIÁC – THIỆN TRI THỨC

- 1). Ma Da Phật Mẫu
- 2). Thiên Chủ Quang
- 3). Biến Hữu Đồng Tử
- 4). Chúng Nghệ Đồng Tử
- 5). Hiền Thắng Ưu Bà Di
- 6). Kiên Cố Giải Thoát
- 7). Diệu Nguyệt Trưởng Giả
- 8). Vô Thắng Quân Trưởng Giả
- 9). Tối Tịch Tịnh Bà La Môn
- 10). Đức Sanh Đồng Tử

DIỆU GIÁC – THIỆN TRI THỨC

- 1). Văn Thù Bồ Tát (Trí Thể phổ quang)
- 2). Di Lặc Bồ Tát (Trí Quả căn bản)
- 3). Phổ Hiền Bồ Tát (Trí Dụng sai biệt)

Trong kinh nói:

**Hoa Tạng thế giới sở hữu trần,
Nhất nhất trần trung kiến pháp giới.**

Dịch nghĩa:

*Bụi trần đầy thế giới Hoa tạng,
Trong mỗi hạt bụi hiện Pháp giới.*

Nếu mà thấy được thì liền thấy thân Như Lai Tạng vô tận quang minh công đức, cùng hư không, khắp pháp giới, hiện ở nơi đây; vì trần số cõi Phật Bồ Tát hải hội, cũng tại nơi đây; vì trần số cõi Phật chư thiện tri thức, thiên long bát bộ, cũng tại nơi đây; vì trần số cõi Phật, bảo tòa, bảo sàng, bảo liên hoa, bảo anh lạc, bảo võng, bảo thụ cũng tại nơi đây; lời vấn lời đáp; viên dung hành bố cũng tại nơi đây; tín giải hành chứng cũng tại nơi đây; Ngài Di Lặc búng tay mở cửa lâu các cũng tại nơi đây; Ngài Văn Thù đưa tay xoa đầu Thiện Tài cũng tại nơi đây. Cho đến ngũ chu, lục tướng, tứ pháp giới, thập huyền môn, cũng đều tại nơi đây; ấy chẳng phải ngay đó toàn hiển bày sao? Trong Kinh nói:

**Tỳ Lô Hoa Tạng Trang Nghiêm Hải,
Cùng khắp hư không nhất thiết xứ;
Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm kinh,
Tổng nhiếp nhất thiết Hoa Tạng giới.**

Nghĩa là: Biển trang nghiêm Liên Hoa Tạng của Phật Tỳ Lô, cùng khắp hư không tất cả nơi. Kinh Hoa Nghiêm Đại Phương Quảng Phật bao gồm tất cả các pháp giới.

Giáo chủ Tỳ Lô Giá Na Phật sở thuyết, Phổ Hiền Bồ Tát sở thuyết, Văn Thù Bồ Tát sở thuyết, thất xứ cửu hội chư Bồ Tát sở thuyết, bốn mươi một vị pháp thân đại sĩ, tất cả phát đại tâm Bồ đề, Thiên Long Bát Bộ chúng hội sở thuyết, địa thần thuyết, thủy thần thuyết, hỏa thần thuyết, phong thần thuyết, sơn lâm thần, đạo tràng thần sở thuyết, cho đến vân đài thuyết, bảo võng thuyết, trần thuyết, sát thuyết, đủ thứ thuyết, hôm nay đều nhờ cây gậy này hiển dương rồi.

Vậy, cây gậy và cây phất trần tại sao quái lạ như thế? Nếu biết được chỗ quái lạ thì biết được chỗ dung thông biến hiện; nếu biết được chỗ dung thông biến hiện, thì biết được cùng khắp nhất thiết xứ, bao gồm tất cả pháp vậy. Đã biết được như thế này, mới rõ tiếng thần kêu quỷ khóc, tiếng nước chảy, gió thổi, chó sủa, gà gáy v.v... không có pháp nào chẳng phải Kinh Hoa Nghiêm; chuông trâu, chuông ngựa, quán rượu, nhà mái dâm, đao sơn kiếm thụ... Không nơi nào chẳng phải Hoa Tạng Hải vậy.

Tâm chưa liễu thì danh tướng muôn ngàn sai biệt, tâm đã liễu thì thể dụng chỉ là một thôi. Nên nói:

**Tam muội liễu tâm hay như thế
Người tâm chưa liễu chẳng thể tri.**

Có một quyển đại Kinh ở trong một hạt bụi, có người trí phá hạt bụi này, hiện ra quyển đại Kinh. Nếu thấy được quyển đại Kinh này thì tám mươi một quyển Kinh kia đều

thành giấy vụn.

Chân thiện tri thức chẳng lìa tự kỷ, cầu đạo nơi tự kỷ, chẳng tìm ở nơi khác. Nếu gặp được thiện tri thức này thì năm mươi ba vị thiện tri thức kia đều là người dưng.

Nếu chưa thể thừa nhận như thế, thì chẳng được bỏ qua tám mươi mốt quyển kinh, cần phải đọc kỹ từ đầu đến cuối; năm mươi ba vị thiện tri thức cũng nên từng vị mà tham học. Sở dĩ Kinh nói: Thiện tri thức là chỗ sinh trưởng nhiều thiện căn, thiện tri thức là chỗ sinh ra công đức, thiện tri thức là chẳng nhiễm thế pháp, thiện tri thức là chẳng thọ ác báo, thiện tri thức là chiếu sáng pháp giới, thiện tri thức là sinh trưởng thân Bồ Tát. Còn nói: Gặp thiện tri thức được tâm chẳng tán loạn, gặp thiện tri thức được phá núi chướng ngại, gặp thiện tri thức được vào biển đại bi cứu giúp chúng sinh, gặp thiện tri thức được ánh sáng trí huệ chiếu soi pháp giới. Còn nói:

Do thân cận thiện tri thức được dũng mãnh siêng năng tu đạo, do thân cận thiện tri thức được ở nơi một hạt bụi thuyết pháp mà âm thanh khắp pháp giới, do thân cận thiện tri thức được niệm niệm hành trì đúng hạnh Bồ Tát, cứu cánh an trụ nơi nhất thiết trí địa.

Kinh Hoa Nghiêm có hai bài kệ, có thể đại diện cho cả bộ Kinh này.

Bài kệ thứ nhất:

若人欲了知，三世一切佛
應觀法界性，一切唯心造

**Nhược nhân dục liễu tri, Tam thể nhất thiết Phật,
Ứng quán pháp giới tánh, Nhất thiết duy tâm tạo.**

Dịch nghĩa:

*Nếu người muốn biết rõ, Tất cả Phật tam thể,
Phải quán tánh pháp giới, Tất cả do tâm tạo.*

Tất cả cảnh giới Thánh, phàm, thế gian và xuất thế gian, chỉ một bài kệ này đã bao gồm chẳng thiếu sót. Hai chữ Pháp giới, gồm có tứ Thánh lục phàm, hợp thành mười pháp giới.

Mười pháp giới này vốn chẳng có tự thể, chẳng có tự tánh, chẳng có tự chủng, cũng chẳng có tự căn, đều do một tâm tạo ra.

Nói đến chữ Tâm cũng như hư không, vốn là thanh tịnh, vốn là thấu triệt, chẳng có hình dáng, chẳng có phương sở, bất diệt, bất sanh, bất động, bất biến. Vậy tại sao lại nói là duy tâm tạo? Nguyên cái tâm này dù nói bất biến mà cũng là tùy duyên, vì tùy duyên nên năng tạo; nói tùy duyên là vì một niệm thành linh sanh khởi, hoặc tiếp xúc với ngoại cảnh, trong và ngoài cảm ứng với nhau, gọi là nhân duyên, có nhân duyên mới thành pháp giới. Nay dùng thí dụ để tỏ rõ:

Tâm như nước, pháp giới như làn sóng. Bản thể của nước vốn yên tịnh, chẳng phương sở, chẳng lay động, khi gặp gió thổi thì muôn ngàn làn sóng tùy sự tiếp xúc mà nổi lên. Vậy thì nước có thể tạo ra làn sóng, làn sóng do nước mà có; cũng như Tâm có thể tạo ra pháp giới, pháp giới do tâm mà có vậy.

Do đó, nhất thừa linh động, vạn đức trang nghiêm là pháp giới của chư Phật; viên tu lục độ, tổng nhiếp vạn hạnh,

là pháp giới của Bồ Tát; chấp vào nhân duyên, chứng lý Thiên Không, là pháp giới của Duyên Giác; tứ đế công thành, chứng tiểu Niết Bàn, là pháp giới của Thanh Văn; ham tu giới thiện, làm nhân hữu lậu, là pháp giới của cõi Trời; ái nhiễm chẳng ngừng, cũng làm thiện duyên, là pháp giới của cõi Người; chấp tâm hiếu thắng, nổi sân đấu tranh, là pháp giới của Tu La; ái kiến làm gốc, bôn xén làm nghiệp, là pháp giới của Ngạ Quỷ; Tham dục chẳng ngừng, luôn luôn si tưởng là pháp giới của súc sinh; tạo mười ác nghiệp, lục căn thọ báo, là pháp giới của Địa Ngục. Nói tóm lại, vô biên thế giới y theo tâm này mà biến tạo, mặt trăng, mặt trời y theo tâm này mà vận hành, sự mê của tất cả chúng sanh là mê tâm này, sự ngộ của Thánh hiền tam thừa là ngộ tâm này, sự dẫn dắt của Đại Tạng giáo điển là dẫn dắt tâm này, sự khai thị của Lịch đại Tổ sư là khai thị tâm này; tam quán là quán tâm này; đôn truyền là truyền tâm này; nhiều kiếp tu tập là tu tâm này; chứng ngộ từng bậc là chứng tâm này. Do tâm này tùy duyên biến tạo, nên mới có mười pháp giới, nếu được nhất tâm chẳng sanh, liễu ngộ liễu chứng, thì mười pháp giới cũng theo sự liễu mà hết. Thế nên thập ác đã dứt, lục căn thọ báo chẳng sanh, thì tâm địa ngục được liễu; tham dục đã dứt, si tưởng chẳng sanh, thì tâm súc sinh được liễu; ái kiến đã dứt, bôn xén chẳng sanh, thì tâm Ngạ Quỷ được liễu; hiếu thắng đã dứt, sân đấu chẳng sanh, thì tâm Tu La được liễu; ái nhiễm đã dứt, chánh niệm hiện tiền, thì tâm cõi Người được liễu; bỏ nhân hữu lậu, tu nghiệp vô lậu thì tâm cõi Trời được liễu; chẳng chấp tứ đế, chẳng giữ chân không, thì tâm Thanh Văn được liễu; chẳng chấp nhân duyên, hồi tâm hướng đại

(thừa), thì tâm Duyên Giác được liễu; lục độ công thành, đốn siêu địa vị, thì tâm Bồ Tát được liễu; Bồ Đề viên mãn, quy vô sở đắc thì thành tựu tâm chư Phật.

Ngài Diệu Thọ nói:

詞散亂心至多心，詞多心修至少心
詞少心脩至一心，詞一心修至無心
詞無心修向了心，究竟得成無上道

**Từ tán tâm đến đa tâm,
Từ đa tâm đến thiếu tâm,
Từ thiếu tâm đến nhất tâm,
Từ nhất tâm đến vô tâm,
Từ vô tâm đến liễu tâm.**

Bài kệ thứ hai:

若人欲識佛境界，當淨其意如虛空
遠離妄想及諸取，令心所向皆無礙

**Nhược nhân dục thức Phật cảnh giới,
Đương tịnh kỳ ý như hư không,
Viễn ly vọng tưởng cập chư thủ,
Linh tâm sở hướng giai vô ngại.**

Dịch nghĩa:

*Nếu người muốn biết cảnh giới Phật,
Ý căn thanh tịnh như hư không,
Xa lìa vọng tưởng và chấp thủ,
Khiến tâm khắp nơi đều vô ngại.*

從是菩提樹，乃至跋提河。
於二其中間，未曾說一字。

Dòng đời vẫn trôi chảy êm đềm miên viễn, khi con người nhìn thẳng được vào đời sống thực tế hiện hữu thấu triệt được: ***Tâm sinh sinh tử sinh, tâm diệt sinh tử diệt***. Sinh tử không có thực thể cố định, chỉ là sự hợp tan của nhân duyên, do một niệm khởi vô minh vọng chấp các pháp đối đãi, mà không hiểu các pháp đối đãi đó chỉ là giả lập hư dối, là một hiện thực khách quan, luôn luôn biến đổi theo những quy luật vốn có của bản thân nó. Từng mùa xuân hạ thu đông, lễ độ dất nhau qua dòng tạo vật. Cúc vàng chỉ nở vào tiết trùng dương, cũng như chim oanh chỉ hót líu lo khi mùa xuân đến, những trật tự của vạn vật đối với thời gian trôi chảy bốn mùa, luôn chuyển hóa theo nhân duyên sanh hóa của định luật tuần hoàn. Sự vật thay đổi qua bốn mùa chỉ là việc tạm thời, hiện tượng này không khác hiện tượng “Nước tuôn ra biển rồi mưa về nguồn”.

Trong cái sanh diệt biến đổi của sự vật, có cái chân thể miên viễn. Đức Phật dạy: Tất cả không có Niết bàn, Không có Niết bàn của Phật, không có Phật nhập Niết bàn. Xa lìa năng giác và sở giác, hoặc có hay không, cả hai đều phải xa lìa. Thấy biết Như thị: Minh - Vật - Thế giới cùng một bản thể, một tánh nhất như, nếu không muốn nói là “Pháp nhĩ như thị” là duyên khởi, là vô trụ, nói lên thực tướng các pháp; thực tánh ấy là Duyên sinh tánh, là Vô trụ tánh, là Vô ngã tính...

Giữa khi nhân loại chấp thủ ngã và ngã sở, bị chìm sâu vào dòng sanh tử khổ đau, thì tiếng nói duyên sinh vô ngã, phải là tiếng nói của giác ngộ giải thoát khổ đau. Bởi vì, duyên sinh pháp là các pháp được tác thành hữu vi, biến hoại, tan rã, đoạn diệt, vô thường... Chúng ta phải tinh tấn tu tập hình thành được sự tỉnh giác ngay trong đương niệm, tức là Vô phân biệt trí, nhận ra bản thể của sự vật, mà không bị dấy động trên tướng sai biệt của nó, vạn pháp bình đẳng ở thể tánh.

Những chặng đường đã qua trong cuộc đời ta, đã bao lần nhìn những buổi sớm tinh mơ có sương mai giăng mờ đỉnh núi, những buổi chiều tà lan tỏa khói lam, từng cánh cò chờ nắng nhạt sang sông và bao lần rồi chúng ta đã lắng nghe tiếng sáo ru hồn đất nước; nhưng ta đã có lần nào sống với khung cảnh êm đềm đó đâu, bởi tâm trạng ta luôn khởi niệm niệm sanh diệt lo toan, hơn thua, danh lợi trên cuộc hành trình đi vào phiền não tử sinh, xuôi dòng đời để cây bản ngã lên cao, nhánh tham dục vươn dài trong bóng đêm vô minh lạnh lẽo, thất thế lang thang trên đường trần đầy chông gai bụi bặm.

Chúng ta phải lướt qua vô hạn tầng mây, cố gắng vượt qua những dòng rung động, cảm thọ nối tiếp nhau tuôn trào bất tận, bão táp cuồng phong của vọng tình duyên khởi, đẩy tâm hồn ta xa bờ, để mãi sống trên ngọn thủy triều nhấp nhô vờn lượn. Đặt gánh nặng chất chứa những phân biệt ngã nhơn, thánh phàm, mê ngộ... xuống để thành thơi, uống dòng nước ngọt ngào của đạo; có như vậy thì trong cảnh “Lô sơn yên tỏa Chiết giang triều” mới nhận được thật tướng

của các pháp, không còn làm chấp, như Hiên Quan thiền sư đã dạy:

*Người tu cũng là huyễn,
Pháp tu cũng là huyễn,
Biết cả hai đều huyễn,
Mới thật là lia huyễn.*

Cuộc đời thăng trầm trôi nổi đã cho ta cặp kính quá nhiều màu, cho nên cuộc hành trình trở về nguồn chơn, đối với ta trở thành diêu viễn. Phật tánh không ngoài chúng sanh mà có Tâm – Phật – Chúng sanh, tam vô sai biệt. Đức Phật có trí huệ như thật, chư Tổ đạt nhất niệm hiện tiền, nên các Ngài luôn an lạc trong đương niệm; còn chúng ta thì vô lượng phiền não trần lao, mà mãi luống chịu khổ đau “Cùng trong một tiếng tơ đồng” nghĩa là cùng một bản thể chân tâm thường hằng thanh tịnh, thì khác nhau chẳng chỉ ở chỗ mê ngộ không đồng. Cùng là thân, mà thân Phật gọi là pháp thân thanh tịnh Chánh biến tri giác. Bởi vì Như Lai làm chủ bản thân, làm chủ vạn pháp, làm chủ tâm tính mình. Như Lai nhìn hiện tượng vạn pháp với cái **Tri kiến Vô kiến**. Vì vậy, Như Lai là bậc Pháp Vương. Chúng ta và tất cả chúng sinh nhận thức hiện tượng vạn pháp theo **Tri Kiến Lập Tri** cho nên Phật gọi là những người làm việc trái ngược bỏ mất chân tánh. Cho nên, mới có cảnh “Người ngoài cười nụ, người trong khóc thầm”. Các pháp sinh diệt, cái này có cái kia có, cái này sanh cái kia sanh, cái này diệt cái kia diệt... Thế nên, kinh Kim Cang đức Phật dạy: “Phàm sở hữu tướng giai thị hư vọng”. Tất cả các pháp hữu vi, đều do duyên sinh, sự có mặt của một pháp, thật ra chỉ là sự có mặt của nhân duyên

sinh ra nó; sự hoại diệt của một pháp cũng chỉ là sự hoại diệt nhân duyên sanh ra nó, các pháp sinh không thật sinh; diệt không thật diệt.

Đạo Phật là một đạo, cứu thế vô danh, hành thiện vô văn, lợi sinh vô tướng. Thế nên, sau bốn mươi chín năm hoằng hóa độ sanh, đức Phật e hàng hậu học làm nơi văn tự mà vọng chấp điên đảo, nên trước khi vào Niết bàn. Ngài đã tuyên bố:

***Tùng thị Bồ Đề thọ,
Nãi chí Bạt Đề hà,
Ư nhị kỳ trung gian,
Vị tăng thuyết nhất tự.***

Từ Bồ đề đạo tràng, cho đến thành Thi Na, khoảng giữa hai nơi ấy, chưa từng nói một lời. Ngài tạm mượn phương tiện để đưa chúng sanh trở về chơn như thật tánh, thấu rõ chân như thật tướng, nên lập hóa thành mà diễn đạt “Thị pháp trụ pháp dị, thế gian tướng thường trụ” (Kinh Pháp Hoa). Hay: “Chư pháp tùng bổn lai, Thường tự tịch diệt tướng, Xuân đào bách hoa khai, Hoàng Oanh đề liễu thượng” (Mãn Giác thiền sư). Tinh thần Vô ngã qua giáo lý Duyên sinh và phong thái vô trụ, vô chấp của các bậc Tổ sư, Cao đức chứng ngộ, dù có hòa nhập dòng đời, vẫn luôn giữ được tính cách xuất thế của mình, không bị trôi buộc trong vòng danh lợi, linh động nơi cuộc sống để hóa độ mọi người, xem sinh tử như trò đùa, có không như đám mây trôi trên bầu trời tự tánh, như: ***Phong lai sơ trúc, Phong khứ nhị trúc bất lưu thanh. Nhạn độ hàn đàm, Nhạn quá nhi đàm vô lưu ảnh.***

Nhạn qua đầm lạnh không lưu dấu, gió lùa khóm trúc chẳng lưu âm. Vạn pháp vẫn xoay theo lẽ vô thường sanh diệt, con người trưởng thành trong phong sương tuế nguyệt. Chính ngôn ngữ, quan niệm, hoàn cảnh và hành động của con người luôn phân biệt, ngã hơn làm cho con người càng xa bản tâm thanh tịnh. Trăng sao chỉ hiện rõ trên mặt nước hồ thu tĩnh lặng, hoa giác ngộ chỉ nở nơi con người khi lòng an định, không còn khởi vọng tâm phân biệt Thánh phàm; bụi hồng không còn chen lối trên vạn nẻo đường và mây mù sẽ không còn che vầng trăng tươi đẹp, mặt trời tỉnh giác được thắp sáng từ nội tâm thanh tịnh, chiếu tỏa khắp muôn loài, xóa sạch những bóng đêm vô minh u ám và chúng ta sẽ tự tại từng tâm, bấy giờ:

***Tùy thuận thế duyên vô quái ngại
Niết Bàn sanh tử đẳng không hoa.***

Không và hữu thay phiên hiển bày, lý sự vô ngại, một tức nhiều, nhiều tức một, lớn vào nhỏ, nhỏ vào lớn là cảnh giới Phật vậy. Do đó được biết, một hạt bụi, một giọt nước cho đến vi trần số cõi Phật Hoa Tạng Hải đều là cảnh giới Phật cả. Nhưng các người tay chỉ mắt nhìn, trên là trời, dưới là đất, vạn hành là nhứt nguyệt. Tịnh mà trụ gọi là núi, động mà chảy gọi là sông, hữu tình là người, vô tình là vật. Cảnh giới Phật ngay trước mắt mà lại chẳng thấy, thực là thật đáng thương xót!

Chỉ vì nơi ý căn chưa từng thanh tịnh, nên có đủ thứ vọng tưởng, đã có vọng tưởng là có phân biệt, đã có phân biệt thì kẹt vào danh tướng, đã kẹt vào danh tướng nên thấy trời chỉ là trời, thấy đất chỉ là đất, thấy núi sông chỉ là núi

sông, thấy người vật chỉ là người vật; lại ở nơi danh tướng vọng sanh đủ thứ chấp trước, như chấp núi sông người vật, lại còn ở nơi chấp trước sanh ra đủ thứ chướng ngại, cũng như bị sắc, thính, hương, vị chướng ngại, bị núi, sông, người, vật, vạn tượng sum la chướng ngại, vì ở khắp nơi đều bị chướng ngại, nên muốn thấy cảnh giới Phật lại càng khó hơn. Pháp Giới có bốn loại:

1. Sự pháp giới
2. Lý pháp giới
3. Lý sự vô ngại pháp giới
4. Sự sự vô ngại pháp giới

Cho nên Đức Phật dạy: *Nếu ai muốn biết rõ, Ba đời tất cả Phật, Phải quán Pháp Giới tánh, Hết thủy do tâm tạo.*

Pháp Giới lại còn có mười loại, trong mười Pháp Giới này lại chia làm hai, Pháp Giới của Tứ Thánh và Pháp Giới của Lục Phàm. Pháp Giới của Tứ Thánh và Pháp Giới của Lục Phàm gộp lại không ra ngoài một niệm hiện tiền trong tâm, một niệm này tròn đủ mười Pháp Giới, mười Pháp Giới không lìa một niệm trong tâm.

Mười Pháp Giới chính là Pháp Giới Phật, Bồ Tát, Duyên Giác, Thanh Văn, đây là Pháp Giới của Tứ Thánh. Còn có Pháp Giới của hàng Lục Phàm, đó là Pháp Giới chư thiên, loài người, A Tu La, đây gọi là ba đường thiện, còn Pháp Giới của súc sanh, ngạ quỷ và địa ngục là ba đường ác.

Thế nên, đến đây chúng ta nhận thấy hành giả Hoa Nghiêm chính là những vị phát đại Bồ Đề tâm thành tựu, thực hành hạnh Bồ Tát, tu sáu pháp Ba La Mật. Sáu phương

pháp đến bờ kia, các Ngài hoàn tất việc lợi mình rồi còn đem làm lợi ích cho người. Đây gọi là tự lợi lợi tha, tự độ độ tha. Nhưng trước tiên phải độ mình nên nói:

Tự tánh chúng sinh thế nguyện độ
Tự tánh phiền não thế nguyện đoạn
Tự tánh Pháp môn thế nguyện học
Tự tánh Phật đạo thế nguyện thành.

Hàng Bồ Tát luôn phát bốn thế nguyện rộng lớn này, nguyện độ tự tánh của mình, mà độ tự tánh của mình thì tùy theo đó cũng chính là độ người. Vì tự và tha luôn có một mối quan hệ hỗ tương, bất khả phân ly.

Bồ Tát thuộc thập địa sử dụng Bát Nhã để chiếu phá Pháp Ngã đều Không, cũng để khai hiển xuất thế gian huệ, nên gọi là Bát Nhã trí. Lấy đó làm phương tiện, Bồ Tát hóa tất cả các pháp để đi dần đến Nhất thiết trí, cũng có nghĩa là nhiếp hữu tình quy về thiện căn xuất thế, nên gọi là phương tiện trí.

Việc tịnh tu, giáo dục, đào luyện nhân cách con người cũng tương tự việc đào luyện nhân cách giải thoát, nhưng chỉ giới hạn ở cấp độ thế và xuất thế. Hành giả cần nhận thức rõ tâm lý của mỗi người luôn có mặt hai khuynh hướng đối lập: Dục và ly dục, vị kỷ và vị tha, thiện và ác, đố kỵ và tùy hỷ, tình thương và hận thù. Để phát triển khuynh hướng vị tha, tình người, thân thiện kết thành Bồ Đề quyến thuộc, con người cần được sống trong môi trường Giới, Định, Tuệ. Xây dựng môi trường sống đó đòi hỏi thời gian và nhiều công phu.

Nếu sống là phấn đấu, kế thừa, chọn lọc, phát huy và

sáng tạo thì giáo dục mới cần giới thiệu với đời phần đầu và chọn lựa nền văn hóa nhân bản và Vô ngã. Con người hay thế giới, qua nhiều biến động rồi cũng quay về môi trường sống ổn định nhất cho hướng phát triển được mở ra từ một trí tuệ toàn giác (Đức Phật).

Phật là bậc Viên mãn giác ngộ, làm lợi ích cho mình, cho người và cho khắp tất cả chúng sinh, chỉ vì để trị tâm bệnh cho chúng sinh, như Tựa Trường Hàng Luật đã nói:

Phật thuyết nhất thiết pháp

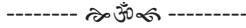
Duy trị nhất thiết tâm

Nhược vô nhất thiết tâm

Hà dụng nhất thiết pháp.

Phật dạy mỗi một pháp, cốt để trị một bệnh cho chúng sinh, nếu không có tất cả những tâm bệnh của chúng sinh, thì làm gì có tất cả pháp, hay: Phật pháp tại thế gian, bất ly thế gian giác. Phật pháp tại thế gian không lìa thế gian mà có. Nên nói, Phật giáo lấy con người làm trọng tâm giáo hóa, hay Phục vụ chúng sinh tức cúng dường chư Phật. Vì thế, người học Phật phải quán triệt, Tất cả pháp môn tu tập là phương tiện, là hóa thành huyễn ảo, là ngón tay chỉ mặt trăng... để không còn khổ đau, phiền não, buộc ràng, chấp trước dẫn đến thành tựu tự tại an lạc, giải thoát ngoài vòng đối đãi sanh tử buộc ràng.

THƯ MỤC THAM KHẢO



Bản Việt Ngữ:

- Hòa Thượng Thích Thiện Hoa, *Phật Học Phổ Thông*. NXB. Tôn Giáo, Hà Nội 2009.

- Hòa Thượng Thích Trí Tịnh, *Kinh Diệu Pháp Liên Hoa*. Nhà In Sen Vàng xuất bản, năm 1965.

- Hòa Thượng Thích Trí Tịnh, *Kinh Diệu Pháp Liên Hoa, Âm - Nghĩa*. Nhà In Sen Vàng, năm 1964.

- Hòa Thượng Thích Trí Nghiêm, *Kinh Diệu Pháp Liên Hoa Giảng Diễn Lục* – dịch. Xuất bản năm 1970.

- HT. Thích Trí Quảng, *Lược giải Kinh Pháp Hoa*. Thành Hội Phật Giáo TP. Hồ Chí Minh, ấn hành 1997.

- HT. Thích Thanh Kiểm, *Lược Sử Phật Giáo Ấn Độ*. NXB. Tôn Giáo, Hà Nội 2006.

- HT. Thích Từ Thông, *Pháp Hoa Kinh Thâm Nghĩa Đề Cương*. NXB. Tôn Giáo, Hà Nội 2010.

- HT. Thích Chơn Hy, *Thiền Lâm Nghi Thức, tập 1 – tập 4*. NXB. Văn Hóa - Văn Nghệ, Tp. HCM 2013.

- Thượng Tọa Thích Trí Hải, *Giáo Trình Kinh Viên Giác*. NXB. Tôn Giáo, Hà Nội 2016.

- TT. Thích Trí Hải, *Giáo Trình Kinh Hoa Nghiêm*. NXB. Tôn Giáo, Hà Nội 2016.

- TT. Thích Trí Hải, *Giáo Trình Kinh Đại Bát Niết Bàn*. NXB. Tôn Giáo, Hà Nội 2017.

Bản Hán Ngữ:

01). 大正藏第 26 冊 No. 1519 妙法蓮華經憂波提 CBETA 電子佛典 2014.04, 依大正藏所編輯

02). 大正藏第 09 冊 No. 0264 添品妙法蓮華經 CBETA 電子佛典 2014.04, 依大正藏所編輯

03). 大正藏第 09 冊 No. 0262 妙法蓮華經 CBETA 電子佛典 2014.04, 依大正藏所編輯

04). 大正藏第 09 冊 No. 0263 正法華經 CBETA 電子佛典 2014.04, 依大正藏所編輯

05). 御製大乘妙法蓮華經序 No. 262 [Nos. 263, 264]

06). 大正藏第 09 冊 No. 0269 佛說法華三昧經 CBETA 電子佛典 2014.04, 依大正藏所編輯

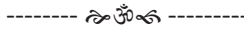
07). 大智度論 *Taishō Vol. 25, No. 1509*

08). 大方廣佛華嚴經疏 *Taishō Vol. 35, No. 1735*

09). 佛說救拔焰口餓鬼陀羅尼經 CBETA 電子版, 大正新脩大正藏經 *Vol. 21, No. 1313*

10). 敕修百丈叢林清規 *Taishō Vol. 48, No. 2025*

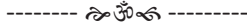
MỤC LỤC



Thay Lời Tựa.....	trang 07
Lời Nói Đầu	09
Chương 1 - Khái Quát Bản Kinh	11
Chương 2 - Thích Nghĩa Đề Kinh	31
Chương 3 - Tông Thú Hoa Nghiêm	43
Tam Thân Phật Thuyết	75
Phật Phóng Quang Minh	80
Pháp Giới Hoa Nghiêm	90
Chương 4 - Bố Cục Của Kinh	95
Tứ Phần – Ngũ Chu	96
Thất Xứ - Cửu Hội	102
Chương 5 – Tín Giải Hoa Nghiêm	111
Tứ Phần – Cửu Hội qua 39 phẩm	119
Thập Pháp Giới	123
Chương 6 – Hành Chứng Hoa Nghiêm	145
Thập Xứ Phật Thuyết.....	170
Thập Độ Hoa Nghiêm	187
Tu Duy Thức Quán.....	188
Chương 7 - Công Đức Kết Khuyến.....	197
Thập Viên Mãn Kinh Hoa Nghiêm	215
Tóm Lược Hoa Nghiêm Kinh Văn	223
Yếu Chỉ Kinh Hoa Nghiêm	275
Thư Mục Tham Khảo	305

GIÁO TRÌNH KINH HOA NGHIÊM

Biên dịch: TT. THÍCH TRÍ HẢI



NHÀ XUẤT BẢN TÔN GIÁO

53 Tràng Thi – Q. Hoàn Kiếm - Hà Nội

ĐT: (024) 37822845 – Fax: (024).37822841

Email: nhaxuatbantongiao@gmail.com

Chịu trách nhiệm xuất bản:

Giám đốc – Tổng Biên tập

TS. BÙI THANH HÀ

Biên tập : Lê Hồng Sơn

Sửa bản in : Hạnh Tâm

Trình bày : Trần Huy Hòa

Bìa : Diệp Nguyễn

Liên kết xuất bản:

TT. THÍCH TRÍ HẢI

Chùa Thiên Lâm, Tân Nhuận Đông, Châu Thành, Đồng Tháp.

In 1.000 cuốn, khổ 14,5 x 20,5 cm

Tại **CÔNG TY CỔ PHẦN IN KHUYẾN HỌC PHÍA NAM**

Trụ sở: 128/7/7 Trần Quốc Thảo, P.7, Q.3, Tp. HCM

Nhà Máy In: Lô B5-8, đường D4, KCN Tân Phú Trung, Củ Chi, Tp. HCM

Số ĐKXB: 3777 - 2018/CXBIPH/04 - 171/TG

Quyết định XB số: 421/QĐ - NXBTG, ngày 09/ 11/ 2018

Số ISBN: 978-604-61-5857-8

In xong và nộp lưu chiểu Quý IV năm 2018